Giải Nghĩa Kinh Thánh
 **Sách I Cô-rinh-tô**

Giáo Sư Mực Sư Trần Đào
Vietnamese Baptist Theological School

**Giới Thiệu**

Thư Cô-rinh-tô thứ nhất là một trong những thư quan trọng Phao-lô gởi cho hội thánh Cô-rinh-tô với tư  cách là một Sứ Đồ của Chúa Cứu Thế và là người thành lập hội thánh này.

Vì là một bức thư có tính cách cá nhân nên người ta có thể tìm thấy tâm tình và đức tính cá nhân của Phao-lô được bày tỏ trong thư. Ngoài ra để sửa sai và điều chỉnh một số quan niệm, thái độ, nếp sống đạo đức và áp dụng sai lầm Phao-lô cũng giải thích rõ bản chất của hội thánh Chúa, cách thờ phượng phải lẽ, các sử dụng các ân tứ và tín lý về sự phục sinh của Chúa Giê-su và của tín hữu.

Một số những vấn đề Phao-lô giải quyết trong thư Cô-rinh-tô cũng là những vấn đề chúng ta phải đối diện trong hội thánh lẫn ngoài xã hội hiện nay. Vấn đề chia rẽ, phân chia giai cấp, vai trò của phụ nữ trong hội thánh, vấn đề tình dục, vấn đề hôn nhân, gia đình, vấn đề ăn đồ cúng thần tượng, vai trò, mục đích và cách sử dụng các ân tứ , vấn đề phục sinh của tín hữu và Chúa tái lâm…

Nghiên cứu thư Cô-rinh-tô chúng ta cũng có những nền tảng tín lý vững chắc trên phương diện biện giáo trước những thế giới quan thế tục, vô thần, tự nhiên (chống lại niềm tin siêu nhiên) và của một vài tôn giáo Á Châu.

**Tác giả**
Trong phần đầu của thơ, Phao-lô nhận chính ông đích thân viết thơ cho hội thánh Cô-rinh-tô vì thế từ trước đến nay rất ít học giả nghi ngờ về tác giả thơ Cô-rinh-tô.

**Niên Đại**
Ngoài những dữ kiện của cuộc hành trình truyền giáo của Phao-lô trong sách Công Vụ người ta tìm thấy một di tích khảo cổ ghi lại chức vụ của Ga-li-ô làm thống đốc (proconsul) Achaiavào năm thứ hai mươi sáu dưới triều hoàng đế Claudius-Thời gian này được biết từ một tài liệu cổ khác là khoảng thời gian bảy tháng đầu của năm 52 SCN (Sau Công Nguyên). Phao-lô hoạt động tại Cô-rinth một thời gian rồi đi qua Sy-ria (Công Vụ 18). Phao-lô ở tại Ê-phê-sô khoảng hai năm rưỡi và viết thơ cho hội thánh Cô-rinth vào khoảng cuối thời gian ở Ê-phê-sô, tức khoảng năm 55 SCN.

**Thành phố và dân cư Cô-rinh-tô**
Thành Cô-rinh-tô nằm ở eo biển nối liền hải đảo lớn Achaia của Hy Lạp ở phía bắc và hải cảng Cô-rinh-tô cũng là hải cảng chính trên đưởng thông thương Đông (Tiểu Á) Tây. Nhờ thế thành Cô-rinh-tô nổi tiếng là một thành phồn thịnh, giàu sang và xa xí.

Thành Cô-rinh-tô có hội thể thao Isthmian chỉ kém hội thế vận Olympics trong thời cổ. Nhờ thương mại phồn thịnh, thành Cô-rinh-tô cũng là thành thu hút đông đảo dân chúng từ các nơi đổ về sinh sống.

Trên một đồi cao của thành có đền nữ thần Aphrodite, nữ thần tình yêu với hàng ngàn nữ tư tế và cũng là những cô điếm hành nghề mãi dâm vào ban đêm. Tên Cô-rinh-tô trong thời cổ cũng đồng nghĩa với thành phố trụy lạc hay người trụy lạc.

Thành phố Cô-rinh-tô phát triển và phồn thịnh vào thời hoàng kim của thành A-then (Thế kỷ thứ 5 TCN). Nhưng vào khoảng giữa thế kỷ thứ 2 TCN, thành Cô-rinh-tô lãnh đạo Achaean League chống lại La Mã và bị La Mã hủy diệt năm 146 TCN. Thành bị bỏ hoang cho đến năm 44 TCN mới được xây dựng lại như là một thuộc địa của La Mã. Thành phố được tái lập vì địa thế thuận tiện cho việc thương mãi lẫn quân sự.

Dân cư thành Cô-rinh đa số là những người tự do từ La Mã di cư đến đây lập nghiệp nên họ cũng đem luật lệ , văn hóa và tôn giáo La Mã đến thành phố này. La Tinh là ngôn ngữ chính của Cô-rinh, nhưng xã hội La Mã đã bị Hy Lạp hóa rất nhiều và thành Cô-rinh vốn là thành phố Hy Lạp từ xưa vì thế họ vẫn giữ nhiều truyền thống, tôn giáo, triết lý, nghệ thuật Hy Lạp. Ngoài ra những người từ Á Châu và Ai-cập cũng đến làm ăn, buôn bán và đem theo tôn giáo, văn hóa của họ. Dân cư Cô-rinh cũng bao gồm một số đông thợ thuyền và nô lệ.

Cũng như hầu hết những trung tâm đô hội phồn thịnh thời ấy, thành Cô-rinh nổi tiếng về những hoạt động ăn chơi, giải trí. Các đền đài với những cô tư tế điếm đi đôi với bệnh tật về tình dục  lan tràn.

Về tôn giáo, vì dân cư thuộc nhiều sắc dân nên cũng có nhiều đền đài thờ tự các thần khác nhau. Đền thờ nữ thần Aphrodite, thần tình yêu và thẩm mỹ trên đỉnh núi Acrocorinth với nhiều nữ tư tế làm thành Cô-rinh nổi tiếng về đời sống sa đọa thời cổ.

**Đền thờ thần Asclepius, thần chữa bệnh, nằm về phía bắc của thành**.
Hội thánh Cô-rinh-tô có lẽ cũng phản ánh dân số Cô-rinh, nghĩa là bao gồm cả những người La Mã, Hy Lạp, Do Thái, tự do và nô lệ.  Các tên của những người được nhắc đến trong thư tín này gồm có tên Do Thái, La Tinh (La Mã) và Hy Lạp. Những hoạt động tôn gíao phản ảnh ngoại giáo như lễ hội tại các đền miễu, không phải Do Thái giáo; vì thế có thể nói chung đa số tín hữu tại hội thánh Cô-rinh-tô không phải là người Do Thái hay gốc Do Thái.

Về phương diện kinh tế đa số tín hữu thuộc về giai cấp thấp trong xã hội; chỉ có một vài gia đình thuộc giai cấp giàu có, thượng lưu.
Thư Cô-rinh-tô cho thấy tiến trình học hỏi và biến đổi từ thế giới quan Hy Lạp thành thế giới quan cũng như hành vi Cơ Đốc.

**Cấu Trúc của thư Cô-rinh-tô Thứ Nhất**
Thư Cô-rinh-tô có cấu trúc tương tự như những lá thư của một người vào thời cổ đi xa gởi cho người thân của mình ở nhà.

1. Lời chào
2. Lời cầu nguyện
3. Lời cảm ơn
4. Nội dung lá thư
5. Lời chào kết thúc và thăm.

Nội dung thư Cô-rinh-tô 1  có thể chia như sau:

1:1-9                Lời chào và cảm tạ
1:10-4:21         Sự chia rẽ nội bộ và ý niệm sai lầm về bản chất của người lãnh đạo hội thánh.
Ch. 5 và 6        Nếp sống đạo đức của tín hữu.
Ch. 7                Vấn đề gia đình và hôn nhân.
Vấn đề ăn đồ cúng các thần tượng.
11:2-34            Những vấn đề trong sự thờ phượng.
Ch. 12,14         Ân tứ Thánh Linh
Ch. 13              Cách sống tốt đẹp nhất của tín hữu
Ch. 15              Sự sống lại của tín hữu
16:13-18          Lời khuyên và chào.

**Thần Học**
Thư Cô-rinh-tô chủ yếu là những lời giải đáp và biện giải cho những nan đề hay những vấn nạn tín hữu Cô-rinh-tô nêu lên hay hỏi Phao-lô. Lời giải đáp và biện giải của Phao-lô đều dựa trên nền tảng Phúc Âm và tín lý căn bản mà ông đã nhận được do mạc khải hay do truyền thống của hội thánh truyền lại. Trong thời điểm này (khoảng giữa thế kỷ thứ nhất) truyền thống của hội thánh chỉ về những hành động và lời dạy dỗ của chính Chúa Giê-su.

Trong khi trả lời hay biện giải những vấn đề của hội thánh Cô-rinh-tô Phao-lô đã tóm lược nội dung Phúc Âm và ông xác nhận rằng người nào chấp nhận Phúc Âm đó sẽ được cứu rỗi. Phúc Âm mà Phao-lô truyền bá được tín hữu Cô-rinh-tô chấp nhận như là đồng một Phúc Âm của các Sứ Đồ khác và có đầy đủ thẩm quyền của Đức Chúa Trời.

Những điều Phao-lô dạy dỗ mang đầy đủ thẩm quyền của Đức Chúa Trời vì:

1. “Những điều tôi viết cho anh chị em là mạng lệnh của Chúa”. (1Cor14:37)
2. Phao-lô dạy và truyền những điều “tôi nhận từ nơi Chúa”
3. Và từ truyền thống của các hội thánh đầu tiên (1Cor 11:16).
4. Ngoài ra Phao-lô là một Sứ Đồ do chính Chúa Giê-su hiện ra và kêu gọi ông để truyền bá Phúc Âm cho người ngoại quốc vì thế những điều ông truyền bá và dạy dỗ cũng có thẩm quyền như các Sứ Đồ khác.

Thư Cô-rinh-tô thứ nhất đề cập đến những chủ đề thần học sau:

**Các Thánh Đồ của Chúa Cứu Thế**
Theo bối cảnh của thành Cô-rinh-tô và những tên Phao-lô nói đến cho thấy tín hữu Cô-rinh-tô gồm có nhiều thành phần mà phần lớn là những người thuộc thành phần thấp kém và nghèo trong xã hội thời bấy giờ. Về chủng tộc, đa số tín hữu của hội thánh này có lẽ là người La Mã và  các chủng tộc quanh vùng Trung Đông và Âu Châu dưới sự kiểm soát của Đế Quốc La Mã. Thư Cô-rinh-tô không bàn nhiều về những vấn đề liên quan đến Do Thái giáo vì thế có lẽ số tín hữu gốc Do Thái không phải là đa số tại đây. Dù là người thuộc chủng tộc nào đi nữa; dù là trong qúa khứ họ đã thờ bất cứ thần nào khác; dù trong qúa khứ họ có một đơì sống đạo đức trụy lạc, sa đọa như đa số những người dân Cô-rinh-tô nhưng khi những người này “cầu khẩn danh Chúa Cứu Thế Giê-su”, nghĩa là tin nhận Đức Giê-su làm Đấng Cứu Thế và Chúa Tể của họ, những người này được thánh hóa trong Chúa Cứu Thế Giê-su và được gọi là “các thánh.”

Theo Sứ Đồ Phao-lô, ai là người được gọi là “thánh”? Những người được Phao-lô gọi là “các thánh” là những người đã được “thánh hóa trong Chúa Cứu Thế Giê-su.” Đây là những người “ở khắp mọi nơi cầu khẩn danh Chúa Cứu Thế Giê-su, Chúa của họ và của chúng ta.”

Từ “thánh hóa” có ý nghĩa chính là biệt riêng ra để thánh hiến cho việc phụng vụ Đức Chúa Trời . Như vậy về phương diện của Đức Chúa Trời, các thánh là những người được Chúa chọn đặc biệt để thi hành các dịch vụ cho Ngài. Những người này được Chúa chọn riêng ra, tách biệt ra khỏi những người phàm tục và những công việc phàm tục. Đây là một đặc ân cao quí và vinh hạnh cho một người. Sứ Đồ Phê-rơ đã xác định địa vị cao quí đó và gọi những người được Chúa chọn là “Nhưng anh chị em là dân tộc được lựa chọn, vị tế lễ của hoàng gia.” (1Phê-rơ 2:9)
Trên phương diện đạo đức, “Thánh hóa là một tiến trình hoạt động của Đức Chúa Trời và con người, nhờ đó con người được giải thoát tự do hơn đối với quyền năng của tội lỗi và ngày càng trở nên giống Chúa Cứu Thế hơn trong đời sống hàng ngày.”  Như thế thánh cũng có nghĩa là “tinh khiết, trong sạch, thánh khiết” về phương diện đạo đức. Nhưng một điều khác biệt lớn lao giữa “các thánh” trong Chúa Cứu Thế và những thánh của thế gian và của các tôn giáo khác ở điểm:

-Tín hữu của Chúa Giê-su được “thánh hóa” và gọi là “thánh” vì đức tin của họ trong Chúa Cứu Thế Giê-su, không phải vì công đức tu hành của riêng họ.

Nói như thế không có nghĩa là con người hoàn toàn thụ động, không cần làm gì cả. Thật ra “tin cậy” là một hành động bao gồm cả lý trí, ý chí và tình cảm. Một người được thánh hóa và được gọi là thánh vì người đó đã tin cậy Chúa Cứu Thế và được Chúa Cứu Thế giải thoát tự do khỏi mọi tội lỗi cũng như quyền năng của tội lỗi; rồi từ biến cố khởi điểm của sự thánh hóa do quyền năng của Đức Chúa Trời đó; tiến trình thánh hóa tuần tự tiến triển nhờ học Lời Chúa, cầu nguyện, thờ phượng, tương giao với cộng đồng dân Chúa, phục vụ Chúa và tha nhân. Tiến trình thánh hóa xảy ra nhanh hay chậm, nhiều hay ít tùy mức độ tận hiến, vâng phục của con người khi  hợp tác với Đức Chúa Trời.

Một điểm khác chúng ta cũng cần chú ý, sự thánh hóa và tiến trình thánh hóa không thể xảy ra ngoài Chúa Cứu Thế, vì thế Phao-lô xác định với những tín hữu Cô-rinh-tô : “tức là những người đã được thánh hóa trong Chúa Cứu Thế Giê-su.” (c.2)   Loài người tội lỗi tự mình không thể thánh hóa chính mình; loài người cũng không thể nhờ ai hay một đấng nào khác thánh hóa cho mình; chỉ có Chúa Cứu Thế, Con Một Đức Chúa Trời là Đấng có đủ năng lực và đã tình nguyện hy sinh chết thế cho nhân loại mới có quyền tha thứ tội lỗi và có quyền thay đổi bản chất tội lỗi của con người. Loài người không thể tự mình thánh hóa mình nhưng có thể đáp ứng lời kêu gọi của Chúa bằng đức tin, hợp tác với Chúa trong tiến trình thánh hóa.

Ngoài ra “các thánh” là những người đã tin cậy và nhận Đấng Cứu Thế làm Chủ Tể đời sống mình. Phao-lô đã nhắc đến điều này đến hai lần trong một câu (c.2). Từ CHÚA là một danh hiệu hoàng đế La Mã dùng để chỉ quyền chủ tể và thần tính của mình. Những người dân trong đế quốc La Mã phải tuân phục vua của họ như là vị chúa tể, đấng sở hữu mọi thần dân trong đế quốc và có quyền sinh sát trên họ. Khi một người vào thời đó tin cậy và tuyên xưng Đức Giê-su làm CHÚA hay chủ tể của mình, người này đương nhiên công nhận rằng Chúa Giê-su là CHÚA của họ thay cho hoàng đế La Mã. Trong thời bấy giờ nhiều tín hữu đã phải trả gía bằng sinh mạng của họ vì họ không chịu từ khước hay phủ nhận Đức Giê-su là CHÚA của mình.

**Nạn Chia Rẽ Trong Hội Thánh**.

**Tình trạng chia rẽ trong hội thánh Cô-rinh-tô.**
Phao-lô được biết rằng các tín hữu Cô-rinh-tô đã chia thành nhiều nhóm khác nhau; nhóm theo ông, nhóm khác theo A-bô-lô, theo Phê-rơ và một số người muốn mình thiêng liêng hơn cả nên cho rằng mình theo Chúa Cứu Thế. Chúng ta không biết rõ nội dung những vấn đề đưa đến tình trạng chia rẽ giữa tín hữu Cô-rinh-tô, có lẽ là những vấn đề họ đã nêu lên hoặc đã hỏi và tranh luận với Phao-lô. Người ta chỉ biết những nhân vật mà các nhóm người này thừa nhận là thủ lãnh của họ.

A-bô-lô là một người Do Thái từ A-lec-xăng-ria, Ai-cập đến Ê-phê-sô. A-bô-lô là người thông thạo kinh Cựu Ước, học thức, khôn ngoan và có tài hùng biện. A-bô-lô không phải là một sứ đồ và là người được Bê-rít-sin và A-qui-la “giải thích Đạo Chúa cho ông cách chính xác hơn nữa.” (Công Vụ 18:26).

Phê-rơ là Sứ Đồ của Chúa Giê-su. Bằng chứng về việc Phê-rơ đến và phục vụ Chúa tại Cô-rinh-tô thật ra rất  mơ hồ. Tuy nhiên những người Cô-rinh-tô có thể chỉ theo sự dạy dỗ của Phê-rơ và không nhất thiết  chính Phê-rơ phải có mặt ở Cô-rinh-tô.

Phao-lô là người sáng lập hội thánh Cô-rinh-tô. Ông không phải là mười hai Sứ Đồ nguyên thủy do Chúa Giê-su chọn khi Ngài còn tại thế, nhưng ông được Chúa Giê-su phục sinh hiện ra và gặp ông cũng như chọn ông làm Sứ Đồ cho người ngoại quốc.

Phao-lô cũng là người thông thạo kinh Cựu Ước và trí thức nhưng có lẽ không có tài hùng biện và khôn ngoan theo thế tục (2 Cor 10:10).

**Nguyên nhân của sự chia rẽ**
Một trong những vấn đề Phao-lô nêu lên để biện giải  cho sự hiệp nhất trong Chúa Cứu Thế là phép Báp-tem. Tất cả tín hữu đều nhận lễ Báp-tem nhân danh Chúa Giê-su; không phải nhân danh người thi hành lễ Báp-tem. Có lẽ một số người tại Cô-rinh-tô trung thành với người đã đem mình về với Chúa và làm lễ Báp-tem cho mình. Nhưng Phao-lô cho thấy chính bản thân  ông đã không làm phép Báp-tem cho nhiều người và tất cả những người truyền giảng Phúc Âm và làm phép Báp-tem cho tín hữu đều là tôi tớ của Chúa; mỗi người được kêu gọi để làm một công tác đặc biệt cho Chúa và không ai quan trọng hay cao cả hơn ai.

Như thế vấn đề theo một người này để chống lại người kia trong hội thánh Chúa là sai lầm vì đây chỉ là những hình thức tự cao tinh tế để nâng mình lên cao hơn, giỏi hơn hay tốt hơn những người khác nhờ uy tín, tài năng hay danh tiếng của người lãnh đạo mà mình theo.

Tín hữu của Chúa tại Cô-rinh-tô đã chú trọng đến người lãnh đạo qúa đáng. Tất cả những người giữ vai trò lãnh đạo, dạy dỗ trong hội thánh đều là những tôi tớ của Đức Chúa Trời. Tín hữu nên kính trọng, vâng lời Chúa và vui mừng hợp tác với tôi tớ Chúa xây dựng hội thánh; không nên tôn sùng cá nhân. Thật ra cả Phao-lô lẫn A-bô-lô đều không chú ý và không hề có ý kéo bè đảng trong hội thánh. Có lẽ đó là lý do A-bô-lô không muốn trở lại thăm hội thánh Cô-rinh-tô dù chính Phao-lô yêu cầu. Tôn sùng cá nhân con người là bẫy sập, là nguyên nhân sâu xa gây nên chia rẽ, bè đảng trong hội thánh. Tín hữu nên thờ phượng và tôn vinh Chúa trên hết, kính trọng và hợp tác với tôi tớ Chúa.

Vào thời đó kiến thức về các nền triết lý đương thời (sự khôn ngoan) và tài hùng biện là những huy chương vinh dự trong xã hội. Phao-lô dường như không có những khả năng và kiến thức này bằng A-bô-lô vì thế có nhiều người đặt nghi vấn về thẩm quyền và ngay cả địa vị Sứ Đồ của ông.

Điều lầm lẫn của một số tín hữu Cô-rinh-tô là họ đã dựa vào tài hùng biện và sự khôn ngoan hay triết lý thế tục để thẩm định tôi tớ và công việc của Đức Chúa Trời. Phao-lô khẳng định rằng ông truyền giảng Phúc Âm về sự chết và sự sống lại của Chúa Cứu Thế và ông dựa vào quyền năng của Đức Thánh Linh chứ không phải tài hùng biện và sự khôn ngoan thế tục. Tín hữu và hội thánh Cô-rinh-tô là kết qủa do quyền năng Phúc Âm và qua mục vụ của Phao-lô đem lại. Đây là bằng chứng về quyền năng của Đức Thánh Linh và thẩm quyền của  Đức Chúa Trời được ủy nhiệm cho Phao-lô.

Điều lầm lẫn kế tiếp là người Cô-rinh-tô đã chuộng và ngưỡng mộ những ân tứ Thánh Linh có tính cách phô trương nhiều  nhất vì thế tạo ra sự ganh tị, tranh đua, ghen ghét và chia rẽ. Phúc Âm về sự chết và sự phục sinh của Chúa Giê-su không còn là trọng tâm của Đạo Chúa mà là sự phô trương của những người có nhiều ân tứ nổi nhất. Người ta tìm kiếm những ân tứ nhiều quyền năng và phô trương để khoe khoang và tự hào rằng mình đã đạt đến trình độ thuộc linh cao. Nhưng phía sau những ân tứ nổi là sự kiêu ngạo và tệ hại hơn nữa là lòng kiêu ngạo trở thành một điều tự nhiên và bình thường. Những địa vị lãnh đạo và cao trong hội thánh thuộc về những người có những ân tứ nổi bật dù chính những thái độ và hành vi trên chứng tỏ rằng họ lầm lẫn, chưa trưởng thành thuộc linh và kiêu ngạo.

Phao-lô nói thẳng với người Cô-rinh-tô rằng họ vẫn còn ấu trĩ, trẻ sơ sinh, những người còn phải uống sữa thuộc linh, chưa ăn đồ ăn của người lớn được. Trước gỉa thư  Hê-bơ-rơ giải thích thêm về tình trạng ấu trĩ : “Ai phải bú sữa thì vẫn còn thơ ấu, chưa biết Đạo công chính. Nhưng thức ăn đặc dành cho người trưởng thành là người nhờ thực hành mà luyện tập được khả năng phân biệt thiện ác.” (Hêb 5:13-14) Tín hữu Cô-rinh-tô chưa phân biệt được đâu là khôn ngoan thuộc linh, tức là Phúc Âm, sự khôn ngoan thật của Đức Chúa Trời và sự khôn ngoan thế tục. Họ chưa thấy được sự vinh dự của địa vị làm con dân và tôi tớ Đức Chúa Trời nên tìm kiếm những vinh dự của đời.

**Hậu qủa của nạn chia rẽ**.
Hậu qủa hiển nhiên nhất là hội thánh thiếu sự hoà thuận, hợp nhất cần thiết để tăng trưởng và phát triển. Tín hữu trong các nhóm thường cãi nhau, phê bình, chỉ trích để chứng tỏ mình là đúng, mình là giỏi hơn người khác. Họ đã trở nên kiêu ngạo, lên mình cãi nhau cả với sứ đồ Phao-lô.

Yêu chuộng tri thức và khôn ngoan thế tục gây chia rẽ trong hội thánh và như thế phá hoại hội thánh (đền thờ) Chúa. Vì chia rẽ, không phục nhau nên khi có sự xích mích, các tín hữu đã đem nhau ra tòa án của người ngoại đạo để phân xử.

**Giải pháp Phao-lô đưa ra để giải quyết nạn chia rẽ**.
Ngay trong lời chào đầu thư Phao-lô đã xác nhận rõ rằng hội thánh Cô-rinh-tô là hội thánh của Đức Chúa Trời, không phải hội thánh của một người nào. Tín hữu là những người tin cậy Chúa Cứu Thế và nhân danh Chúa nhận thánh lễ Báp-tem; như thế mọi tín hữu nên hiệp nhất trong Chúa Cứu Thế, không nên tôn sùng một cá nhân nào vì tất cả những người lãnh đạo hội thánh cũng chỉ là những người tôi tớ của Đức Chúa Trời. Các tôi tớ của Chúa đều ngang nhau, mỗi người được kêu gọi vào một công việc khác nhau nhưng cùng chung một mục đích và mỗi người đều sẽ được Chúa thưởng tùy theo công lao của họ. “Người trồng, kẻ tưới đều như nhau, mỗi người sẽ nhận phần thưởng tùy theo công lao của mình.”

Tín hữu Cô-rinh-tô ưa chuộng và tìm kiếm sự khôn ngoan và vinh dự thế tục vì họ “chưa biết Đạo”, chưa thấy được sự khôn ngoan siêu việt của Đức Chúa Trời trong cái chết nhục nhả, khổ hình của Con Ngài, Chúa Cứu Thế để đền tội cho họ và nhân loại. Những tín hữu Cô-rinh-tô chưa trưởng thành đủ để can đảm sống khiêm nhu như Chúa Cứu Thế; họ chưa có đủ đức tin và can đảm để chuộng lối sống đẹp lòng Chúa thay vì chạy theo vinh dự và kiêu hảnh của đời.

Tín hữu Cô-rinh-tô hiểu lầm mục đích của các ân tứ Thánh Linh. Phao-lô nhắc nhở họ rằng các ân tứ được Chúa ban cho mỗi người là vì “lợi ích chung”, không phải vì  lợi ích cá nhân và nhất là lại càng không phải cho sự vinh hiển cá nhân. Vì tìm kiếm những ân tứ quyền năng và những người có các ân tứ đó trở nên kiêu ngạo nên hậu qủa là ghen ghét, ganh tị,  cãi vả và chia rẽ. Mỗi tín hữu đều được Đức Thánh Linh ban cho các ân tứ khác nhau để thi hành những mục vụ khác nhau nhưng tất cả đều như nhau và cho cùng một mục đích. Vì thế tín hữu cần hiệp nhất và hợp tác thay vì chia rẽ.

Nói chung tín hữu Cô-rinh-tô cần trưởng thành về tâm trí, tức là có “tâm trí của Chúa Cứu Thế” để hiểu rõ và phân biệt đâu là khôn ngoan thuộc linh và đâu là khôn ngoan thế tục.

Ngoài ra Phao-lô cũng giới thiệu tín hữu Cô-rinh-tô một con đuờng tốt đẹp hơn, một lối sống tuyệt hảo, lối sống trong tình yêu thương.

**Phản ứng của tín hữu Cô-rinh-tô**.
Qua thư Cô-rinh-tô thứ hai chúng ta biết được một vài phản ứng của tín hữu Cô-rinh-tô về những vấn đề họ đã hỏi hay tranh luận với Phao-lô.
Chúng ta không biết rõ tín hữu Cô-rinh-tô đã hoàn toàn chấp nhận những điều Phao-lô dạy dỗ hay không nhưng ít ra thì họ đã:
Mong Phao-lô trở lại thăm họ, tức là họ đã giải hòa với Phao-lô. Tín hhữu Cô-rinh-tô cũng đã ăn năn khóc lóc và sốt sắng đối với Phao-lô. Như thế họ đã nhận lỗi và ăn năn, hối cãi về những điều sai lầm của họ.

Qua lịch sử giáo hội chúng ta biết chắc chắn rằng tín hữu Cô-rinh-tô không những đã sống vững vàng, phát triển và hoàn thành sứ mệnh cao cả mà Chúa đã giao phó cho hội thánh. Chỉ trong một thời gian ngắn hội thánh Cô-rinh-tô cùng với các hội thánh khác trong vùng đã đem Phúc Âm đến cho toàn thể đất nước và dân tộc Hy Lạp.

Cho đến ngày nay, sau gần hai ngàn năm, đại đa số người Hy Lạp đã theo Đạo Chúa (Chính Thống giáo).

**Bài học áp dụng cho hội thánh Chúa ngày nay**.

Những nguyên nhân thông thường gây nạn chia rẽ trong hội thánh Chúa ngày nay:

1. Thiếu hiểu biết về bản chất và mục đích của hội thánh.
2. Độc tài, kiêu ngạo, ích kỷ cá nhân.
3. Tôn sùng cá nhân lãnh đạo.
4. Thiếu hiểu biết và cách sử dụng các ân tứ Thánh Linh.
5. Tà giáo
6. Ưa chuộng sự khôn ngoan và vinh dự thế tục.
7. Thiếu một khải tượng và mục đích chung.
8. Không có tinh thần hợp tác, đồng đội giữa mục sư và ban chấp sự (hành).

**Những giải pháp để giải quyết.**

1. Tổ chức để ban chấp hành và những người lãnh đạo của hội thánh học, hiểu rõ bản chất và mục đích của hội thánh.
Hội thánh là thân thể của Chúa Cứu Thế vì thế cần sự hiệp nhất và phối hợp trong tình yêu thương.
2. Hội thánh là đền thờ của Đức Chúa Trời và Đức Thánh Linh ngự trị trong đó vì thế tín hữu của hội thánh phải có đơì sống thánh khiết, xứng đáng chỗ ngự của Đấng thánh.
3. Học Kinh Thánh về quyền chủ tể của Chúa trên hội thánh. Tất cả những người phục vụ Chúa đều là tôi tớ của Chúa. Con dân Chúa nên chú trọng, tôn vinh Chúa thay vì cá nhân hay lãnh đạo phàm nhân.
4. Tổ chức khóa huấn luyện, học về các ân tứ Thánh Linh. Mục đích của ân tứ là vì lợi ích chung, không phải vinh dự cá nhân.
5. Nghiên cứu , học về tà giáo và Kinh Thánh giải đáp.
6. Tổ chức những buổi học Kinh Thánh hay giảng dạy về sự khôn ngoan thuộc linh. Vinh dự của con dân Chúa và hy vọng tưởng thưởng trong Nước Chúa.
7. Học Kinh Thánh và cầu nguyện xin khải tượng chung cho hội thánh. Hoàn thành đại Mạng Lệnh của Chúa Giê-su.

**Sự Khôn Ngoan**
1Cor 1:30  Chúa Cứu Thế là sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời.

Phao-lô đặc biệt nhấn mạnh “Chúa Cứu Thế Giê-su là Đấng đã bị đóng đinh trên thập tự gía.”
Sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời là sự khôn ngoan huyền bí và do Đức Thánh Linh dạy dỗ. Sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời là sự khôn ngoan thuộc linh. Sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời là khôn ngoan thật.

**Sự khôn ngoan thế tục**.
Người Hy Lạp tìm kiếm sự khôn ngoan. Ban đầu sự khôn ngoan có nghĩa tốt đẹp nhưng dần dần từ “khôn ngoan” chỉ về tâm trí xảo quyệt, lời nói hoa mỹ, hùng biện nhưng điêu ngoa, đổi trắng ra đen. Mổ xẻ mọi vấn đề như chẻ sợi tóc nhưng không đi đến giải quyết. Một số người phê bình văn hóa Hy Lạp cho rằng những người “Hy Lạp khôn ngoan” thời đó giống như những con công xoè cánh khoe khoang tiếng tăm và số môn đệ của họ.

Tài hùng biện cũng là một ngành được ngưỡng mộ vào thời đó. Người ta huấn luyện giọng nói thanh tao như âm nhạc. Họ không chú ý đến nội dung nhưng đến cách nói sao cho hay ho. Tư tưởng của họ có thể là thuốc độc miễn là họ gói gém chúng trong những lời vàng ngọc. Nói chung người ta chuộng sáo ngữ, êm tai hơn là chân lý.

Một trong những triết thuyết phổ thông trong thế kỷ đầu Công Nguyên là Tri Thức Luận (Gnosticism). “Đây là một phong trào tôn giáo và triết học chủ trương nhị nguyên trong những thế kỷ đầu của hội thánh Chúa, đặc biệt quan trọng là vào đầu thế kỷ thứ hai dưới sự lãnh đạo của Valentinus và Basilides. Những người này dạy rằng vật chất là ác, là hậu qủa của sự xáo trộn vũ trụ, trong đó một ác thần (archon) nổi loạn chống lại toàn thể thế giới thiêng liêng. Trong tiến trình đó những tia sáng thiêng liêng được thế giới thiêng liêng phóng ra và nhập vào những thân thể vật chất của con người. Đức Giê-su là một thần linh cao cấp (Logos) được sai đến để phục hồi những linh hồn có tia sáng thiêng liêng về với thế giới thiêng liêng bằng cách đem lại cho họ tri thức bí truyền.

Tri thức luận ảnh hưởng và đe dọa hội thánh chính thống từ bên trong lẫn bên ngoài. Những người theo tri thức luận cạnh tranh với Cơ Đốc giáo và những tín hữu theo tri thức luận đe dọa đến giáo lý chính thống vì nhấn mạnh đến sự cứu rỗi bởi tri thức thay vì bởi đức tin. Những nhà thần học như Clement of Alexandria và môn đệ của ông là Origen chủ trương có hai con đường đưa đến cứu rỗi, con đường đức tin dành cho quảng đại quần chúng và con đường tri thức bí truyền dành cho các triết gia.”

**Kết qủa và hậu qủa của khôn ngoan thế tục.**
Bằng chứng của thành công đối với những người khôn ngoan và hùng biện thời đó là có nhiều môn đệ và được xã hội kính trọng và ngưỡng mộ. Vì quá chú trọng đến những hình thức văn hoa, sáo ngữ và tài hùng biện thuyết phục người nghe; người ta đã bỏ qua chân lý và ham chuộng những thuyết huyền hoặc, trống rỗng. Hậu qủa hiển nhiên nhất là cho đến bấy giờ người ta vẫn còn mù loà, không thể  tìm thấy Đức Chúa Trời và vẫn còn ở dưới sự đoán phạt của Chúa.

**Sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời**.
Chúa Cứu Thế Giê-su là sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời. Sự khổ hình và chết của Chúa Giê-su có vẻ là một điều sỉ nhục, ngu dại trước mắt thế gian, nhưng thật ra thập tự gía của Chúa Cứu Thế là sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời.

Đối với thế gian, thập tự gía là một điều yếu đuối, không khôn ngoan và không vinh dự. Con ngườicần mắt thuộc linh để thấy sức mạnh của tình yêu và hy sinh nơi thập tự gía. Chỉ có người thuộc linh mới có thể thấy sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời khi Ngài dùng thập tự gía để cứu rỗi nhân loại. Người thuộc linh không cần tìm kiếm vinh dự thế tục vì họ đã nhận được vinh dự từ Đức Chúa Trời.

**Kết qủa và hậu qủa của khôn ngoan thuộc linh.**
Người có sự khôn ngoan thuộc linh, tức là người chấp nhận thập tự gía của Chúa Cứu Thế nên sẽ được cứu rỗi. Người khôn ngoan thuộc linh sẽ hiệp nhất trong Chúa, không chia rẽ. Người khôn ngoan thuộc linh cũng là người trưởng thành, không phải là trẻ sơ sinh. Ngưòi khôn ngan thuộc linh sẽ không kiêu ngạo, ganh tị, ghen ghét. Người khôn ngoan thuộc linh sẽ không tìm kiếm vinh dự thế tục. Người khôn ngoan thuộc linh sẵn sàng nhường nhịn anh chị em mình, không cần đem ra toà án thế gian để kiện tụng.

**So sánh hai sự khôn ngoan.**
Chúa Cứu Thế là sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời. Thập tự gía là sự khôn ngoan của Đức chúa Trời để cứu rỗi nhân loại.
Sự khôn ngoan thế tục đến từ người phàm, thiếu quyền năng thiêng liêng và không thể biết Đức Chúa Trời. Chúa Cứu Thế đến từ Đức Chúa Trời; Ngài có đủ quyền năng thiêng liêng để cứu rỗi loài người và có thể đem người đến với Đức Chúa Trời.

Sự khôn ngoan thế tục được thế gian trọng vọng; sinh ra kiêu ngạo, chia rẽ, giai cấp. Sự khôn ngoan thuộc linh bị thế gian khinh khi; sống khiêm nhường, giúp conngười muốn làm đẹp lòng Đức Chúa Trời.

**Sự khôn ngoan thế tục trong xãhội hiện đại**.
Một số những thế giới quan đã trở nên rất phổ thông trong xã hội hiện đại; con người sẽ bị coi là lạc hậu, chậm tiến hay thủ cựu nếu không chấp nhận những quan niệm này.

Thuyết nhân bản: “Một loạt những định kiến định cho con người một vị trí đặc biệt trong phạm trù sự vật…một mặt quan niệm nhân bản đối kháng với chủ trương nhấn mạnh đến vấn đề siêu nhiên, siêu việt, coi con người tùy thuộc rất nhiều vào trât tự thiêng liêng; một mặt khác quan niệm nhân bản  chống lại chủ trương coi con người như là một phần trong thế giới tự nhiên, ngang hàng với các sinh vật sống khác. ” Từ thế kỷ thứ mười tám đến nay, những triết gia nhân bản “tin vào sự toàn hảo của bản chất con người, ý thức đạo đức, ý thức trách nhiệm và sự khả dĩ có thể tiến bộ…họ tin rằng con người có thể sống tự tin mà không cần sự chắc chắn của siêu hình và tôn giáo và rằng mọi quan điểm đều có thể xét lại và sửa chữa.”   Ngoài ra người ta cũng thấy có nhiều người theo thuyết nhân bản vô thần; họ hoàn toàn bài bác sự hiện hữu và quyền năng của một Đức Chúa Trời.

Một số người khác chủ trương nhân bản phi Thiên Chúa; những người này chủ trương nhân bản, chấp nhận phạm trù thiêng liêng nhưng không chấp nhận sự hiện hữu của một Thượng Đế toàn năng (Những người Phật giáo Tiểu Thừa). Một số lớn những người theo nhân bản cũng có thái độ “bất tri luận”; người ta không thể biết rằng có Đức Chúa Trời hay không, nên không nghĩ đến, không bàn đến.
Quan niệm thế tục: “Cách sống và tư duy mà không cần dựa vào Thượng Đế hay tôn giáo…Nói chung quan niện thế tục bao gồm việc xác nhận thế giới hiện tại đang hiện hữu và từ khước thế giới siêu việt hay thế giới khác.”

**Lợi ích cũng như nguy hại trong việc sử dụng sự khôn ngoan thế tục trong hội thánh Chúa hiện đại**.
Kinh Thánh cho thấy rõ địa vị cao quí của con người trong vũ trụ vì thế tín hữu là những người chủ trương nhân bản. Tuy nhiên chúng ta tin rằng con người không phải tự nhiên mà có nhưng do Đức Chúa Trời toàn năng sáng tạo nên. Tín hữu của Chúa là những người nhân bản hữu Thần. Những định luật khoa học đều là những chân lý trong lãnh vực thiên nhiên. Nhiều nhà khoa học vĩ đại của nhân loại cũng là những tín hữu nhiệt thành của Chúa Cứu Thế như  Sir Isaac Newton, Pascal v.v. Chúng ta tin rằng thế giới bao gồm cả phạm trù thiên nhiên lẫn siêu nhiên.

Đời sống sẽ quân bình, tốt đẹp hơn khi một người không có thái độ cực đoan giới hạn đời sống trong quan niệm khoa học thực nghiệm, chống siêu nhiên hay vô thần, hoặc thiên về thủ cựu, bài bác những thành tựu chính đáng của khoa học.

**Đời Sống Đạo Đức.**
Quan niệm và tình trạng đạo đức của xã hội Cô-rinh-tô thời Phao-lô thành lập hội thánh tại đây.

Cô-rinh-tô nổi tiếng về đời sống giàu sang, xa xỉ vì thế tìm kiếm giàu sang thịnh vượng là một điều bình thường. Một trong những mục đích của hàng ngàn di dân từ khắp các nơi đổ về đây là để làm giàu. Giàu sang, xa xỉ là một cách để biểu lộ thành công và để được vinh dự cho nên ai cũng muốn phô trương, chứng tỏ mình giàu có, sang trọng.

Cô-rinh-tô đã trở thành một từ ngữ chỉ về những người say sưa, trụy lạc. Ngay trên một đồi cao trong thành phố là đền thờ nữ thần Aphrodite, nữ thần tình yêu. Tại đền thờ có hàng ngàn nữ tư tế, cũng là những cô điếm hành nghề ban đêm tại các ngã đường trong thành phố Cô-rinh-tô.
Quan niệm đạo đức của Đức Chúa Trời và Chúa Cứu Thế do Phao-lô và các Sứ Đồ dạy dỗ.

Phao-lô gọi những người tín hữu ở Cô-rinh-tô là những người đã và đang được thánh hóa. Người tín hữu của Chúa phải có một đời sống thánh khiết theo tiêu chuẩn đạo đức của Chúa, đẹp lòng Chúa. Như thế người tín hữu phải tránh vấn đề tà dâm, nghĩa là có mối liên hệ tình dục không chính đáng. Nói một cách thực tế hơn, tín hữu Cô-rinh-tô không được ăn ngủ vơí những cô điếm tại đó. Tà dâm cũng bao gồm vấn đề ăn ngủ với nhau trước hôn nhân và ngoài hôn nhân. Những hành vi Phao-lô lên án gồm có: gian dâm, thờ thần tượng, ngoại tình, đồng tính luyến ái, trộm cắp, tham lam, say sưa, kẻ hay chửi rủa, lường gạt…(1Cor 6:9-10) Phao-lô cũng lên án nặng nề một người phạm tội loạn luân trong hội thánh.
Những khó khăn của tín hữu và cộng đồng dân Chúa thời ấy gặp phải khi sống theo tiêu chuẩn đạo đức của Chúa.

Vấn đề liên hệ cá nhân: Bị xa cách; có thể bị tránh xa hay từ bỏ vì không ăn chơi; không dự các buổi cúng tế, hội hè; không ăn đồ cúng…
Vấn đề làm ăn: Khó khăn hơn vì không tham gia những buổi lễ hội thờ cúng các thần. Không quen thân với những người làm ăn lớn, các phường nghề..các quan chức.

**Hiện trạng đạo đức trong hội thánh Chúa ngày nay.**
Tín hữu ở những nơi đa số theo đạo Chúa tương đối dễ dàng hơn về việc thờ cúng.
Tín hữu ở những nước tự do tiên tiến bị nhiều cám dỗ về tình dục và giàu có.
Đề nghị giải pháp ứng dụng.
-Nhấn mạnh đến giá trị của đời sống tâm linh.
-Đặt ưu tiên cho đời sống tâm linh, vui mừng và bình an nội tâm hơn là đời sống vật chất.
-Khuyến khích và khen ngơị đời sống phục vụ hơn là hưỡng thụ.
-Chú trọng đến đời sống có mục đích thiêng liêng, có kết qủa đạo đức và thuộc linh.

**Hôn Nhân**.
Quan niệm về hôn nhân của Phao-lô.

Hôn nhân giữa nam nữ là một điều bình thường cho đại đa số con người. Tình dục trong hôn nhân là một điều tự nhiên và hợp lý, không có gì tội lỗi hay xấu xa.

Điều này trái với quan niệm ngoại đạo thời ấy, tức là vấn đề ăn ngủ với gái điếm là một vấn đề bình thường.
Phao-lô cũng chống lại các quan niệm cho rằng sống độc thân là thánh khiết hơn hôn nhân. Theo Phao-lô chỉ có một số ít người có ân tứ sống độc thân như ông. Nguyên tắc Phao-lô giảng dạy là mỗi người nên sống theo ân tứ Chúa ban cho. Về vấn đề tình dục, Phao-lô khuyên nếu một người không có ân tứ sống độc thân thì nên lập gia đình, vì hôn nhân sẽ giúp tránh được cám dỗ vì tình dục.

Theo sự dạy dỗ của Chúa Giê-su, Phao-lô cũng chủ trương không ly dị; nhưng những người góa có quyền tục huyền. Những người có gia đình và người phối ngẫu không tin Chúa khi mình tin Chúa không được bỏ người phối ngẫu vì họ không tin Chúa.

Hiện trạng về hôn nhân trong hội thánh Chúa ngày nay.
Hội thánh có nên chấp nhận những người ly dị?
Hôn nhân của những người đã ly dị.
Hôn nhân của những người đồng tính luyến ái.

**Giải pháp giải quyết**.
Chúa Giê-su và Kinh Thánh Tân Cựu Ước đều dạy con dân Chúa không nên ly dị. Khi một người ly dị, người đó đã phạm tội. Vậy hội thánh nên giải quyết vấn đề ly dị như đã giải quyết những tội khác mà con người đã phạm. Tức là mục sư hay những người lãnh đạo, trưởng thành trong Chúa nên tư vấn người ly dị; cho thấy đây là một tội và cần ăn năn. Tìm đủ cách giải hòa với người phối ngẫu nếu được. Nếu một người ly dị đã ăn năn, xưng tội với Chúa và giải hòa hội thánh nên chấp nhận họ.

Hội thánh nên xét rõ trường hợp nạn nhân ly dị, những người này bị ly dị, bị bỏ, như thế lỗi không phải do họ; cho nên chúng ta không thể trừng phạt họ mà phải an uỉ, nâng đỡ họ. Trong trường hợp họ không thể trở lại với người phối ngẫu vì người kia đã lập gia đình với người khác, hội thánh phải cho họ lập gia đình trở lại.

Kinh Thánh không chấp nhận hôn nhân của những người đồng tính phái. Tuy nhiên hội thánh nên đối xử với họ bằng tình yêu thương thay vì lên án, nhục mạ hay khinh bỉ họ.

**Ăn Đồ Cúng Thần Tượng**.

**Bối cảnh văn hóa và tôn giáo của thành Cô-rinh-tô.**
Dân chúng tại Cô-rinh-tô là dân tứ xứ vì thế họ cũng đem tôn giáo của mình đến đây. Khảo cổ cho thấy trong thành Cô-rinh-tô có đền thờ thần y tế Asclepius, thần Athena, đền thờ hoàng đế La Mã, thần Demeter, thần Persephone. Đền thờ nữ thần Aphrodite. Các lễ hội và việc dâng các lễ vật cúng tế các thần tại các đền miếu trên là những việc bình thường tại đây.

**Bản chất của việc thờ cúng thần tượng.**
Những người tin ‘Vạn Vật Hữu Linh’(Animism) tin rằng các thần tượng là thật và linh thiêng nên họ mới dâng lễ vật cúng tế các thần tượng.
Kinh Thánh Cựu Ước cũng như Phao-lô dạy rằng thần tượng chỉ là hư không, chỉ là những vật do tay người làm ra, không phải là thần và rằng chỉ có một Chân Thần, tức là Đức Chúa Trời; và chỉ có một vị Chủ Tể hay Chúa Tể là Chúa Giê-su. Tuy nhiên Kinh Thánh cũng xác nhận sự hiện hữu của Quỉ Vương Sa-tan, ma quỉ hay các tà linh, ác thần.

Ê-phê-sô 6:10-19  cho thấy:

* Sa-tan là quỉ vương đứng đầu thế giới tà linh.
* Những quỉ lãnh đạo (Đa-ni-ên 10:13  Hoàng Tử bảo vệ Ba-tư ). Quỉ tể trị một quốc gia hay một vùng.
* Giới thẩm quyền: Tà thần (Thần thành hoàng ?)
* Bậc quyền thế: Quỉ dữ
* Tà linh (ma)

**Quan niệm của Phao-lô cũng như Kinh Thánh về vấn đề thờ cúng thần tượng**.
Một trong Mười Điều Răn của Chúa cấm việc thờ cúng thần tượng. Kinh Thánh Cựu Ước cũng đã nhắc lại nhiều lần về việc này và ghi lại những hậu qủa thảm hại do việc thờ cúng thần tượng đem lại cho dân Chúa.

**Nan đề ăn đồ cúng thần tượng tại Cô-rinh-tô**.
Nan đề của tín hữu Cô-rinh-tô thời ấy là họ có nên ăn thịt đã dâng cúng cho thần thánh tại các đền và được đem ra chợ bày bán, hay không?
Một số tín hữu Cô-rinh-tô cho rằng ăn uống các đồ cúng tế trong đền thờ các thần cũng không sao vì tất cả chỉ là hư không. Vì một số người cho rằng thần tượng là hư không, nên việc cúng tế các thần tượng cũng chỉ là những hành động hư không; nó không ảnh hưởng gì đến thịt hay đồ ăn đã dâng cúng tế.

Phao-lô công nhận rằng thần tượng là hư không và thịt đã dâng cúng cho thần tượng cũng không bị ảnh hưởng gì. Nhưng Phao-lô nhắc nhở tín hhữu Cô-rinh-tô đến những nguyên tắc thuộc linh khác không kém quan trọng.

Giải pháp Phao-lô dạy hội thánh Cô-rinh-tô đối với vấn đề ăn đồ cúng thần tượng.

1. Thần tượng và đồ cúng thần tượng là hư không nhưng Sa-tan và ma quỉ nhận chúng làm công cụ của chúng và hành động qua chúng. Các đền miếu là những nơi ma quỉ chiếm ngự.
2. Vì ma quỉ nhận các thần tượng làm công cụ của chúng nên những lễ vật cúng tế cho thần tượng là cúng tế cho ma quỉ và thuộc về chúng.
3. Tham gia các nghi lễ thờ lạy thần tượng là tham gia vào sự tương thông với ma quỉ vì thế tín hữu của Chúa đã tham dự lễ thờ phượng và tiệc thánh, tức là tương thông vơí Chúa nên không thể tương thông với ma quỉ để bị ô uế, vì Chúa của chúng ta là Đức Chúa Trời thánh và kỵ tà. (Xuất 20:5; 1Phê-rơ 1:16)
4. Tín hữu của Chúa là người được tự do và có thể không bị hại gì khi ăn đồ cúng thần tượng cũng như  dự những lễ hội trong các đền miếu, nhưng những hành vi này có thể gây vấp phạm cho một số tín hữu mới, chưa hiểu rõ về thần tượng. Ngoài ra vì đức tin mới mẽ, chưa vững và trưởng thành nên nhiều tín hữu mới  vẫn còn tin các thần tượng là thật. Những người này nếu bắt chước các tín hữu mạnh ăn uống đồ cúng trong đền thờ thần tượng, họ sẽ bị mặc cảm tội lỗi vì đã làm điều trái với lương tâm đã được đổi mới và chấp nhận điều răn thứ nhất (cấm thờ thần tượng). Cố ý hay bất cẩn gây vấp phạm cho những anh chị em khác trong Chúa là một  tội. (Rôm 14:19-21)
Nguyên tắc làm gương và không gây vấp phạm cho người khác là những nguyên tắc quan trọng trong nếp sống tín hữu.

**Thờ cúng ông bà, tổ tiên và giỗ, Tết của người Việt Nam**.
Tác gỉa Toan Ánh viết: “Dân tộc Việt Nam rất trọng lễ, và trọng lễ thì ân nghĩa giữ phần quan trọng…Người con hiếu thảo biết ơn nghĩa sinh thành của cha mẹ, và đã hiếu với cha mẹ phải hiếu với ông bà tổ tiên tức là nguồn gốc của mình…con cháu phải thờ cúng các người, cũng như thờ cúng tổ tiên về trước.”

Thờ cúng ông bà, tổ tiên cũng xuất phát từ niềm tin rằng chết không phải là hết nhưng vong linh người chết sẽ về ở âm giới. Vào những dịp giỗ, Tết hay dịp vui lớn trong gia đình như cưới, gã, thi đỗ, thăng quan v.v. Gia đình thường mời vong linh người qúa cố về chung vui, tham dự và phù hộ con cháu.

Như thế thờ cúng ông bà tổ tiên là một cách biểu lộ lòng hiếu kính đối với ông bà tổ tiên. Ngoài ra chúng ta cũng thấy người Việt Nam muốn giữ tình cảm gia đình, gia tộc bền vững dù những người thân đã ở một thế giới khác. Người Việt nam tin rằng người qúa cố có nhiều quyền năng và có thể phù hộ, ban ơn chúc phúc cho con cháu.

**Đề nghị giải pháp thực tiễn hợp với Kinh Thánh**.
Thờ cúng ông bà tổ tiên là một phong tục, một nghi lễ bày tỏ lòng hiếu kính đối với ông bà tổ tiên. Về nghi lễ cúng giỗ đa số người Việt chúng ta học theo cách của Khổng giáo hay Đạo giáo của người Trung Hoa. Tấm lòng hiếu kính, biết ơn ông bà, tổ tiên và ghi nhớ nguồn gốc của mình đều là những mỹ đức cao quí đáng gìn giữ, duy trì. Nhưng nhất thiết chúng ta có cần phải theo các nghi thức của người Trung Hoa theo Khổng giáo, Đạo giáo hay Phật giáo thì mới bày tỏ được lòng hiếu kính, ân nghĩa của mình với ông bà, tổ tiên chăng?

Đặc biệt đối với tín hữu Tin Lành, chúng ta tin rằng chúng ta là những người tin và thờ Trời, vị Chân Thần duy nhất trong vũ trụ. Chúng ta cũng có Kinh Thánh là Chân Lý của Đức Chúa Trời, là lời giáo huấn chân thật, tốt đẹp và cao quí nhất cho loài người làm theo. Chúa Cứu Thế của chúng ta là Đấng cứu rỗi và là tấm gương toàn hảo cho mọi người noi theo.

Một trong Mười Điều Răn trọng đại trong Kinh Thánh dạy rõ: “Phải hiếu kính cha mẹ, để các ngươi có thể sống lâu trên đất mà CHÚA, Đức Chúa Trời các ngươi ban cho.” Xuất 20:12 Như thế hiếu kính cha mẹ, ông bà, tổ tiên là điều đương nhiên tốt đẹp, cao quí chúng ta phải làm. Nhưng người tín hữu của Chúa cũng làm theo những nghi lễ hợp với niềm tin và sự dạy dỗ của Chúa và Kinh Thánh.

Kinh Thánh dạy rõ: “Như đã được ấn định, loài người phải chết một lần, sau đó phải chịu xét đoán.” Hêb 9:27
Tất cả mọi người khi qua đời đều sẽ phải ở một chỗ để chờ ngày phán xét cuối cùng. Những người tín hữu đã được tha tội, được sự sống vĩnh phúc thì được Chúa đem về cùng Ngài :

“Vì nếu chúng ta tin rằng Đức Giê-su đã đã chết và đã sống lại, thì cũng vậy, Đức Chúa Trời sẽ đem những người đã ngủ trong Đức Giê-su về cùng Ngài.” 1 Tê-sa 4:14

Như thế vong linh người qúa cố không thể trở về với gia đình, con cháu trên trần gian. Chúa Giê-su trong câu chuyện “Người giàu và La-xa-rơ” (Lu-ca 16:19-31) cũng cho biết người chết không thể trở về trần thế.

Ngoài ra Kinh Thánh Cựu Ước dạy rõ con dân Chúa không được cúng lễ vật cho người chết:
“Tôi không ăn phần thánh lúc có tang chế, cũng không đụng đến đang khi bị ô uế, và cũng không cúng phần ấy cho người chết. Tôi đã vâng Lời Chúa, Đức Chúa Trời của tôi và thi hành mọi điều Ngài truyền dạy” (Phục 26:13-14).

Kinh Thánh dạy rõ con dân Chúa chỉ thờ lạy một mình Đức Chúa Trời duy nhất (Xuất 20: 1-3 Điều Răn Thứ Nhất); chúng ta sẽ không thờ lạy các thần khác, thiên sứ hay loài người, dù là những vĩ nhân. Kinh Thánh phân biệt rõ tôn kính và thờ lạy. Chúng ta được khuyến khích hãy tôn trọng, hiếu kính cha mẹ, ông bà và tổ tiên  nhưng chỉ thờ phượng Trời, là Đấng Tạo Hóa và nguồn gốc tối hậu của nhân loại. Kinh Thánh không cấm những nghi lễ tưởng niệm. Một điều chúng ta nên lưu ý rằng chính Chúa Giê-su đã thiết lập lễ Tiệc Thánh nhắc lại sự chết của Ngài để con dân Chúa “Hãy làm điều này để kỷ niệm Ta.” (1Côr 11:24)

Như thế tín hữu của Chúa có thể tổ chức các nghi lễ hay bữa tiệc để tưởng niệm hay ghi ơn cha mẹ, ông bà, tổ tiên của mình.

**Mục đích và cách sử dụng các ân tứ Thánh Linh**

**Mục đích của các ân tứ Thánh Linh**.
Tiên tri Giô-ên (Giô-ên 2:28-29) nói đến thời kỳ Đức Chúa Trời đổ Đức Thánh Linh xuống con dân Chúa.
Giăng Báp-tít tiên tri về Chúa Cứu Thế sẽ đến làm ứng nghiệm lời tiên tri Giô-ên. Mat 3:11
Chúa Giê-su trở về Ga-li-lê trong quyền năng của Chúa Thánh Linh (Lu-ca 4:14).
Chúa Giê-su ban quyền năng cho các Sứ Đồ và 72 môn đồ (Lu-ca 10:1-12).
Chúa Thánh Linh giáng xuống vào ngày lễ Ngũ Tuần là sự ứng nghiệm của lời tiên tri Giô-ên (Công Vụ 2:16).
Chúa Giê-su hứa ban Đức Thánh Linh cho môn đệ Ngài (Công Vụ 1:4-8).
Phê-rơ công nhận biến cố Đức Thánh Linh được ban cho dân Chúa (Công Vụ 2:32-33).
Các đặc tính của hội thánh đầu tiên bắt đầu từ ngày lễ Ngũ Tuần: Truyền giáo, đuổi quỉ, chữa bệnh, tiên tri, thấy mộng, khải tượng.
Tiên tri Giô-ên cho thấy, “tất cả con dân Chúa” sẽ được nhận lãnh Đức Thánh Linh và các ân tứ Thánh Linh.
Phao-lô cho thấy: “đến nỗi anh chị em không thiếu một ân tứ nào trong khi trông đợi Chúa Cứu Thế Giê-su chúng ta hiện ra.” 1Côr-inh-tô 1:7 Như thế các ân tứ Đức Thánh Linh được ban cho tín hữu để xây dựng hội thánh hay thân thể Chúa Cứu Thế (Ê-phê-sô 4:12), xây dựng tín hhữu (1 Côr 14:26) ,tức là vì “mục đích chung” (1 Côr 12:7).

**Đấng ban cho các ân tứ Thánh Linh**.
Tất cả các ân tứ khác nhau đều do một Đức Thánh Linh ban cho
(1Côr 12:11) tùy theo ý Ngài (1Côr 12:11).

**Những ân tứ Thánh Linh trong Kinh Thánh.**

Các đoạn Kinh Thánh liệt kê các ân tứ Thánh Linh:
Rô-ma 12:6-8; 1Côr 7:7; 12:8-10, 28; Ê-phê-sô 4:11; 1Phê-rơ 4:11 Một điều rõ ràng rằng Phao-lô không có ý liệt kê tất cả các ân tứ Thánh Linh nhưng chỉ nói đến các ân tứ liên hệ đến tín hữu Cô-rinh-tô.

Kinh Thánh Cựu Ước cũng nói đến một số trường hợp Chúa ban cho con dân Ngài thần của Chúa với các khả năng đặc biệt để làm một số việc. (Xuất 31:1-11).

Các ân tứ có thể có mức độ khác nhau tùy theo đức tin (Rôm 12:6). Như thế ân tứ có thể được phát triển nhiều hay ít theo sự tập luyện, sử dụng và theo thời gian. Một người có thể có ân tứ nhưng xao lãng nên không phát triển, vì thế Phao-lô khuyên mục sư trẻ Ti-mô-thê “Đừng quên, cũng đừng coi thường ân tứ con đang có.” (1Tim 4:14) và Phao-lô cũng khuyên Ti-mô-thê “khơi dậy” ân tứ ông đã nhận (2Tim 1:6). Nói chung một ân tứ có thể rất mạnh mẽ, hữu dụng nhờ ân huệ của Chúa và cũng nhờ đức tin, sự tập luyện, sử dụng của người tín hữu.

Phao-lô đã hỏi người Cô-rinh-tô (1Côr 12:29-30) cho thấy không ai có tất cả các ân tứ nhưng người được ân tứ này, người khác được ân tứ khác. Chúng ta có thể nói rằng mộ tín hữu có Đức Thánh Linh trong lòng phải có ân tứ Đức Thánh Linh.

Ân tứ Đức Thánh Linh là ân tứ vĩnh viễn trong đời sống tín hữu. Tuy nhiên có một số ân tứ chỉ thực hiện do ý chỉ của Chúa như ân tứ tiên tri, chữa bệnh v.v. thì mới được.

Ngoài ra trong trường hợp xao lãng, phạm tội, ân tứ có thể mai một. (như Sam-sôn trong C.UU và cảnh cáo về xao lãng, Ti-mô-thê).

Cách sử dụng các ân tứ Thánh Linh trong hội thánh, trong buổi thờ phượng Chúa công cộng.
Nan đề sử dụng các ân tứ Thánh Linh trong hội thánh Cô-rinh-tô.

**Giải pháp giải quyết Phao-lô đưa ra**.
Hiện trạng về ân tứ Thánh Linh trong hội thánh hiện đại.
Những ưu, khuyết điểm.
Giải pháp tốt đẹp và hữu hiệu cho hội thánh và Vương Quốc Đức Chúa Trời.

**Sự Phục Sinh của Tín Hữu**
Sự phục sinh của tín hữu nói chung đượïc căn cứ trên sự phục sinh của Chúa Giê-su. Phao-lô qủa quyết, “Nếu Chúa Cứu Thế đã không sống lại, thì sứ điệp Phúc Âm mà chúng tôi truyền giảng thành vô  ích và đức tin anh chị em cũng vô ích.” (15:14)

**Sự phục sinh của Chúa Giê-su**.
Để chứng minh về sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-su, Phao-lô đã trưng dẫn ba nguồn bằng chứng:

1. Phao-lô đã nhận truyền thuyết về sự chết và sống lại của Chúa Giê-su. Vào thời này, truyền thuyết trên là sứ điệp Phúc Âm và lời chứng của các Sứ Đồ. Nhhư thế chúng ta có thể duyệt qua những bằng chứng về sự chết và phục sinh của Chúa Giê-su.
Các bằng chứng về sự phục sinh của Chúa Giê-su:

Kinh Koran của người Hồi giáo vào thế kỷ thứ bảy Sau Công Nguyên cho rằng Chúa Giê-su đã không chết thật. Nhiều người vào thế kỷ thứ hai mươi cũng nêu lên thuyết bất tỉnh để giải thích rằng Chúa Giê-su chỉ bất tỉnh khi bị đóng đinh trên cây thập tự và sau đó nhờ không khí lạnh của hầm mộ nên tỉnh dậy và đi ra. Tuy nhiên bác sĩ và tiến sĩ khoa học Alexander Metherell M.D., Ph.D. đã xét tất cảnhững sự kiện lịch sử, y khoa, khảo cổ và luật lệ La Mã liên quan đến vấn đề tra tấn, hành hình bằng cách đóng đinh trên cây thập tự và nhát giáo đâm nơi hông Chúa Giê-su để chứng minh rằng: “Chúa Giê-su không thể nào xuống khỏi cây thập tự mà vẫn còn sống.”

Sự kiện về ngôi mộ trống. Một số người hoài nghi và học giả tự do cấp tiến cho rằng xác Đức Giê-su có thể bị thú vật ăn mất chứ không phải vì Ngài sống lại và ra khỏi hầm mộ. Nhưng điều này khó giải thích cho sự kiện tất cả các sứ đồ đều làm chứng rằng Chúa Giê-su đã sống lại và sẵn sàng chịu bắt bớ, hành hạ và ngay cả chết vì sự kiện này. Một số khác cho rằng các sự kiện trong bốn sách Phúc Âm không thống nhất nên khó có thể tin cậy. Tuy nhiên xét về biến cố chính bốn sách Phúc Âm đều nói đến một sự kiện, ngôi mộ trống, chỉ khác biệt về một số chi tiết thứ yếu. Thật ra điều này chứng tỏ rằng bốn sách Phúc Âm dựa theo bốn nhân chứng độc lập và vì thế đáng tin cậy.

Tiến sĩ William L. Craig nêu lên năm lý do xác nhận ngôi mộ trống là một sự kiện lịch sử:
	1. Ngôi mộ trống được nhắc đến trong thư Cô-rinh-tô (ch.15), một nguồn văn liệu lịch sử rất gần với cuộc đơì Chúa Giê-su và đáng tin cậy.
	2. Chỗ ngôi mộ trống là một địa điểm quen thuộc đối với tín hữu lẫn người Do Thái thời đó. Người ta có thể kiểm chứng dễ dàng ngôi mộ trống.
	3. Ngôn ngữ của Phúc Âm Mác rất đơn sơ và rõ ràng. Đây không thể là một huyền thoại được thêu dệt thêm về sau này và phải mất một thời gian lâu dài để xây dựng.
	4. Những câu chuyện huyền thoại về sau về Chúa Giê-su cho thấy nhiều chi tiết hào nhoáng. Câu chuyện của Mác rất đơn sơ, mộc mạc chứng tỏ nhân chứng chỉ ghi lại sự kiện thật.
	5. Sự kiện các phụ nữ là những nhân chứng đầu tiên chứng tỏ đây là chuyện thật; người kể hay ghi chép lại Phúc Âm không để ý và không sợ bị chê rằng họ dùng nhân chứng không đáng tin cậy vì trong xã hội thời đó đàùn bà bị coi là nhân chứng không đáng tin cậy.
	6. Giới chức Do Thái cho rằng ngôi mộ trống là điều đương nhiên; họ chỉ hỏi, điều gì đã xảy ra cho thân xác Chúa Giê-su.
2. Các nhân chứng.
Phao-lô trong thư Cô-rinh-tô ghi rằng Chúa Giê-su đã sống lại và hiện ra cho Phê-rơ và 12 Sứ Đồ; sau đó Ngài hiện ra cùng một lúc cho hơn 500 người mà phần lớn vẫn còn sống cho đến lúc đó. Ngài cũng hiện ra cho Gia-cơ và sau cùng Ngài hiện ra cho Phao-lô. Điều đáng nói nhất là Phao-lô cho rằng người ta có thể kiểm chứng những việc này với nhiều người còn sống.
Phê-rơ đã công khai tuyên bố rằng ông là nhân chứng đã gặp, ăn uống và học với Chúa Giê-su phục sinh (Công Vụ 10:41). Phao-lô cũng xác nhận rằng nhiều người đã chứng kiến Chúa Giê-su phục sinh và là nhân chứng trước dân chúng. (Công 13:31). Tiến sĩ Gary Habermas cho thấy những bằng chứng trong bốn sách Phúc Âm và Công Vụ rất nhiều và phối trí với nhau. Ông cho rằng không có bộ lịch sử cổ đại nào trên thế giới có nhiều bằng chứng cụ thể và xác đáng như thế. “Mặc dù tôi đã cố gắng, tôi không thể nghĩ ra một sách lịch sử cổ nào mà có nhiều biến cố đuợc xác nhận thông suốt như thế.”
3. Kinh Thánh.
Phao-lô xác nhận rằng Chúa Giê-su đã chịu chết theo lời Kinh Thánh; Ngài được chôn và sống lại cũng theo lời Kinh Thánh. Phao-lô nói đến lời tiên tri trong Kinh Thánh Cựu Ước về Chúa Cứu Thế hay Đấng Mê-si-a đã được ứng nghiệm trên Chúa Giê-su. Điều này bất cứ người Do Thái nào cũng có thể kiểm chứng bằng cách đọc Kinh Thánh Cựu Ước. Ngày nay chúng ta cũng có thể đọc Kinh Thánh Cựu Ước và so với cuộc đơì của Chúa Giê-su trong Tân Ước. Trong lịch sử Do Thái không có ai mà cuộc đời đã được ứng nghiệm từng chi tiết nhỏ như Chúa Giê-su.

**Sự phục sinh của Chúa Giê-su là mô hình, là trái đầu mùa của sự phục sinh cho tất cả tín hữu.**
Phao-lô dùng sự phục sinh của Chúa Giê-su để chứng minh rằng con dân của Chúa cũng sẽ được sống lại vào ngày cuối cùng như Chúa Giê-su đã sống lại. Chúa Giê-su đã sống lại là một mô hình hay là trái đầu mùa của con dân Chúa trong sự sống lại vào ngày cuối cùng. Vì thế hy vọng của tín hữu của Chúa không phải chỉ có đời sống hiện tại mà cả sự phục sinh và sự sống đời đời với Chúa.

Sự phục sinh của tín hữu vào ngày cuối cùng là một động lực lớn để giúp tín hữu sống không phải cho đời sống vật chất hiện tại mà thôi, nhưng cũng sống cho đời sống vĩnh cửu nữa. Đây là lý do giúp nhiều tín hữu hăng hái, nhiệt thành phục vụ Chúa.

**Chúa Giê-su Tái Lâm**
Khi nói về sự sống lại của tín hữu vào ngày cuối cùng Phao-lô cũng đề cập đến sự tái lâm của Chúa Giê-su. (1Cor 15:23) Phao-lô cũng cho tín hữu Cô-rinh-tô biết một huyền nhiệm, đó là: “Không phải tất cả chúng ta đều sẽ ngủ, nhưng tất cả đều được biến hóa. Trong tích tắc, trong nháy mắt, khi tiếng kèn chót thổi. Vì kèn sẽ thổi lên, những người chết sẽ sống lại không hư nát và chúng ta sẽ được biến hóa. Vì sự hư nát này phải mặc lấy sự không hư nát và sự hay chết sẽ mặc lấy sự bất tử.” (1Cor 15:51-53).

Tất cả tín hữu Phúc Âm Thuần Túy (Evangelical Christians) đều tin rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại (tái lâm) thế gian này bằng thân thể phục sinh của Ngài. Những người theo thần học tự do cấp tiến không tin rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại bằng thân thể phục sinh (vì họ không tin sự phục sinh của Chúa Giê-su) nhưng chỉ có thần linh của Ngài hiện diện.

Tuy nhiên giữa vòng những người tin vào sự tái lâm của Chúa Giê-su có ba trường phái khác nhau:

1. Phi Thiên Hy Niên.(Không có một ngàn năm bình an)
Một số người cho rằng thế giới này sẽ đến tận cùng và Chúa Giê-su sẽ trở lại thế gian này vào ngày tận thế. Sau đó là nước đơì đời. Những từ ngữ “một ngàn năm” trong Khải Huyền 20 là từ ngữ biểu tượng, chỉ về một thời gian dài, không phải nghĩa đen. Những điều xảy ra trong Khải Huyền 20 là những điều đang ứng nghiệm với hội thánh hiện nay.
Những người theo quan niệm Phi Thiên Hy Niên cho rằng những điều Phao-lô nói đến trong 1 Côr 15 là những biến cố trong ngày tận thế.
2. Hậu Thiên Hy Niên. (Sau một ngàn năm bình an)
Những người chủ trương Hậu Thiên Hy Niên cho rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại thế gian sau một ngàn năm bình an. Người ta cho rằng Phúc Âm của Chúa sẽ biến đổi thế gian và xã hội sẽ ngày càng tiến bộ, tốt đẹp hơn; nhiều người sẽ tin theo Chúa và xã hội sẽ sống dưới ảnh hưởng của Đạo Chúa. Nhờ thế nhân loại sẽ sống trong hoà bình và công chính trong một thời gian dài (một ngàn năm) cho đến khi Chúa Giê-su trở lại.

Thư Cô-rinh-tô nhất chương 15 nói về những biến cố vào ngày tận thế.
3. Tiền Thiên Hy Niên. (Trước một ngàn năm bình an).
Đa số tín hữu Phúc Âm Thuần Túy tại Bắc Mỹ tin theo quan niệm này. Nói chung thuyết này cho rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại thế gian để lập nước một ngàn năm. Sau một ngàn năm bình an dưới sự cai trị của Chúa Cứu Thế, Sa-tan được thả ra và động viên thế giới vô tín  chống lại Chúa Cứu Thế nhưng chúng sẽ bị đánh bại và tận thế. Quan niệm Tiền Thiên Hy Niên cũng lại có hai thuyết:
	1. Tiền Thiên Hy Niên truyền thống hay lịch sử.
	Thuyết này cho rằng Chúa Cứu Thế trở lại thế gian chỉ
	một lần và thành lập nước một ngàn năm bình an. Ngoài ra đa số người theo thuyết này cũng tin rằng Chúa Giê-su trở lại thế gian sau cơn đại nạn. (Mat 24:21, 29-30)
	2. Tiền Thiên Hy Niên “Thời Đại Trị”(Dispensational ).
	Theo thuyết này Chúa Giê-su trở lại không những trước một ngàn năm bình an mà trước cả cơn đại nạn trước đó nữa. Ngoài ra những người theo thần học “Thời Đại Trị” giải nghĩa rằng Chúa Giê-su chỉ trở lại trên không để cất hội thánh lên trời (rapture) trong bảy năm, rồi sau đó mới cùng thánh đồ trở lại qủa đất, thành lập và trị vì trên khắp thế giới một ngàn năm.

Một đặc điểm nữa của quan niệm Thời Đại Trị là Chúa Giê-su có thể trở lại bất cứ lúc nào và sẽ bất ngờ, không ai biết trước được và cũng không có dấu hiệu gì.

Một trong những đặc điểm của thần học “Thời Đại Trị” là sự phân biệt giữa hội thánh và dân Do Thái vẫn duy trì cho đến tận thế. Trong khi đó những người theo Phi Thiên Hy Niên chủ trương rằng hội thánh là dân Do Thái thuộc linh và thay thế vai trò “Dân Chúa” của người Do Thái trong thời Tân Ước.

Những người theo Tiền Thiên Hy Niên Thời Đại Trị cho rằng 1Côr 15 và 1Tê-sa 4:16-17 nói đến biến cố Chúa Giê-su đến trên không trung để cất hội thánh (tín hữu thật) lên trời thoát khỏi cơn đại nạn trong bảy năm do kẻ Chống Chúa (Antichrist) cai trị. Tuy nhiên những người theo Tiền Thiên Hy Niên truyền thống cho rằng từ các thế kỷ đầu tiên tín hữu trong các hội thánh đã tin rằng những biến cố ở đây (1Cor 15 và 1Tê-sa 4) chỉ về một biến cố chung: Chúa Giê-su tái lâm. Và Kinh Thánh không có chỗ nào nói “hội thánh sẽ được cất đi trước cơn đại nạn.”.

Ngoài ra khi một người không phân biệt hội thánh thời nay với dân Chúa (Một khẩu hiệu thông dụng nói lên sự hiệp nhất của dân Chúa: Người ta đuợc cứu rỗi để trở nên “dân Chúa” là nhờ ân sủng “grace” chứ không phải chủng tộc “race”, thì lý luận hội thánh Chúa được cất đi không còn vững.

Nhìn chung tôi thấy quan niệm Tiền Thiên Hy Niên Lịch Sử, tức là thuyết cho rằng Chúa Cứu Thế trở lại thế gian chỉ một lần và sau cơn đại nạn là vững chắc nhất.

Tuy nhiên như đa số tín hữu tin Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời chúng ta tin rằng Chúa Giê-su chắc chắn sẽ trở lại thế gian. Đây là giáo lý lớn, căn bản chúng ta có thể đồng ý với nhau. Còn  đối với những vấn đề tiên tri và và tín lý về thời đại cuối cùng thứ yếu khác, chúng ta nên nghiên cứu và giữ cho mình điều gì mình tin và đồng thời cũng yêu thương và cởi mở đủ để chấp nhận những quan niệm khác biệt của nhiều anh chị em tín hữu Phúc Âm Thuần Túy khác.

**Bố Cục**

1. Giới Thiệu (1:1-9)
	1. Tín hữu-Sứ Đồ-Hội Thánh  (1:1-3)
	2. Các Ân Phúc của Tín Hữu (1:4-9)
2. Giải Quyết Các Vấn Đề Trong Hội Thánh (1:10-6:20)
	1. Chia rẽ (1:10-17)
	2. Phúc Âm: Sự ngu dại đối với loài người (1:18-25)
	3. Hãy Tự Hào trong Chúa (1:26-31)
	4. Sự khôn ngoan củaChúa (2:1-16)
	5. Hội thánh và mục vụ (3:1-23)
	6. Hội Thánh Cô-rinh-tô và Sứ Đồ (4:1-21)
	7. Đạo đức và pháp lý trong hội thánh (5:1-6:20)
3. Giải Đáp Các Vấn Đề Trong Hội Thánh (7:1-16:12)
	1. Hôn nhân và gia đình (7:1-40)
	2. Đồ cúng thần tượng (8:1-10:33)
	3. Chức Sứ Đồ và Tài trợ (9:1-27)
	4. Vấn đề thờ phượng (11:2-16)
	5. Vấn đề tiệc thánh (11:17-34)
	6. Ân tứ Thánh Linh (12:1-14:40)
	7. Sự sống lại của tín hữu (15:1-58)
	8. Vấn đề từ thiện (16:1-12)
4. Lời Khuyên Kết Thúc (16: 13-24)

**Bài 1

Tín Hữu, Những Người Được Đức Chúa Trời Kêu Gọi
1Côr 1:1-3**

**I.Bối Cảnh và Lược Giải.**
Mở đầu thư Phao-lô nói rõ ngay rằng ông là Phao-lô. Vậy Phao-lô là ai và ông có liên hệ gì với hội thánh Cô-rinh-tô?
Phao-lô trước khi gặp Chúa Giê-su và tin Chúa, là một người Do Thái tên Sau-lơ, sinh trưởng tại Tạc-sơ, thủ phủ của tỉnh Cilicia thuộc vùng Thổ Nhỉ Kỳ ngày nay. Dù sinh trưởng và sống như những người Do Thái tha hương ở ngoại quốc, gia đình Sau-lơ thuộc những người Do Thái truyền thống, vẫn giữ ngôn ngữ, văn hóa và tôn giáo Do Thái (Phil 3:5). Tuy ở trong một gia đình truyền thống Do Thái, Phao-lô sinh ra và mang quốc tịch La Mã (Công 22:28).

Phao-lô đã sử dụng quyền công dân La Mã của ông nhiều lần để tránh tù tội, tra tấn (Công 16:27; 22:25; 25:11).
Phao-lô sinh ra ở một trung tâm văn hóa Hy lạp (Tạc-sơ chỉ kém A-then và A-lex-xăn-đơ-ria), nhưng ông đã được gởi về Giê-ru-sa-lem để thọ giáo với giáo sư Ga-ma-li-ên, lãnh đạo một trường phái Do Thái giáo do ra-bai  Hillel sáng lập trước đó một thế hệ. Phao-lô tuyên bố rằng ông đã tiến bộ vượt  bực trong cương vị của một người Pha-ri-si (Gal 1:14) tuân giữ Kinh Luật (được phân chia thành 613 nguyên tắc) cũng như những truyền thống truyền khẩu của Do Thái giáo.

Rất có thể Phao-lô đã có mặt tại Giê-ru-sa-lem trong giai đoạn cuối chức vụ của Chúa Giê-su. Tuy nhiên Phao-lô có bao giờ tiếp xúc hay nghe Chúa Giê-su giảng dạy không thì không thể biết được. Điều rõ ràng là Phao-lô chống đối mạnh mẽ phong trào những người cho rằng Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a của người Do Thái. Phao-lô là người giữ áo của tín hữu Sê-tiên khi ông này bị ném đá xử tử vì theo Chúa Cứu Thế.(Công 7:58;8:1)

Phao-lô không những bách hại tín hữu của Chúa Giê-su ở Giê-ru-sa-lem và vùng Palestine  nhưng ông cũng truy lùng họ ở những nước láng giềng và cùng ở dưới quyền đô hộ của La Mã. Trên đường đi Đa-mách, thủ phủ của Sy-ri, Phao-lô gặp Chúa Giê-su phục sinh và được kêu gọi để trở thành môn đệ của Ngài. (Công 9:1-19) Phao-lô đã tin Chúa Giê-su trong một trường hợp đặc biệt. Kinh Thánh đã ghi lại nhiều trường hợp tin Chúa bình thường, nghĩa là một người nghe giảng hay làm chứng về Phúc Âm của Chúa Giê-su và tin nhận Ngài làm Chúa Cứu Thế của đời mình “Mỗi ngày Chúa tăng thêm số người được cứu”. (Công 2:47)

Sau khi tin Chúa, Phao-lô đi A-ra-bia và để nhiều thì giờ suy tư về Chúa Giê-su và Đạo Ngài. Sau đó ba năm Phao-lô lên Giê-ru-sa-lem và gặp Sứ Đồ Phê-rơ và Gia-cơ, em Chúa Giê-su.  Phao-lô cho biết ông được Chúa Giê-su phục sinh kêu gọi trực tiếp không những để cứu rỗi nhưng cũng kêu gọi ông làm Sứ Đồ. (1Côr 1:1)

Từ  “apostolos” có nghĩa là “người được sai đi với một sứ mệnh”. Theo tiếng Hy Lạp ngoài xã hội ngoại đạo từ này cũng thường có nghĩa là “đoàn thuyền”.
Trong Kinh Thánh Tân Ước từ Sứ Đồ thường để chỉ mười hai người do chính Chúa Giê-su chọn để ở bên cạnh Ngài, giảng dạy, chữa bệnh, đuổi quỉ (Mác 3:14..). Một trong những điều kiện để được gọi là Sứ Đồ của Chúa Giê-su là nhân chứng về sự chết và sự sống lại của Ngài. Trong ý nghĩa này Phao-lô thấy Chúa Giê-su phục sinh và được gọi là Sứ Đồ của Chúa Cứu Thế  Giê-su. Con số 12 là con số biểu tượng; ngoài ra nhiều người khác cũng được gọi là Sứ Đồ như Phao-lô, Gia-cơ em của Chúa (Gal:19); Ba-na-ba (Công 14:4, 14); Si-la (1Têsa 2:6).

Sốt-then là người đồng công với Phao-lô và đang hiện diện với ông mà tín hữu Cô-rinh-tô cũng biết nên Phao-lô nhắc đến. Sốt-then có thể là người quản lý hội đường tại Cô-rinh-tô trước đây (Công 18:17). Phao-lô gọi Sốt-then là “anh em chúng ta”. Trong hội thánh của Chúa tất cả tín hữu đều là anh chị em với nhau trong Chúa Cứu Thế và Đức Chúa Trời là Cha thiêng liêng. (2Côr 6:18)
Phao-lô cũng là người đã đến giảng đạo và thành lập hội thánh Cô-rinh-tô (Công 18).  Nhưng Phao-lô gọi hội thánh Cô-rinh-tô là “Hội thánh của Đức Chúa Trời”. Đây là một ý niệm hết sức quan trọng; trên phương diện lịch sử và tổ chức, hội thánh Cô-rinh-tô là hội thánh do Phao-lô lập và xây dựng từ đầu. Nhưng những người tin Chúa Giê-su liên kết với nhau, tụ họp lại để thờ phượng và phục vụ Chúa, tạo nên  hội thánh Chúa tại thành Cô-rinh-tô. Phao-lô ý thức rõ ông được Chúa sử dụng để đem người ta đến với Chúa và lập hội thánh Ngài; không phải hội thánh của Phao-lô hay của một cá nhân hay tập thể nào cả mà là của Đức Chúa Trời. Phao-lô là Sứ Đồ của Chúa Cứu Thế và tín hữu là con dân của Chúa. Như thế người lập hội thánh cũng như con dân Chúa trong hội thánh đều có trách nhiệm trước mặt Chúa. Khi một người ý thức rõ hội thánh là hội thánh của Chúa thì người đó sẽ cố gắng sống đúng theo Lời Chúa và nổ lực xây dựng hội thánh Chúa chứ không làm điều gì gây tiếng tăm xấu cho hội thánh Chúa hay làm nguy hại cho hội thánh Chúa.

Theo thư Cô-rinh-tô hội thánh của Đức Chúa Trời được Phao-lô mô tả như là cộng đồng của những người được thánh hóa trong Chúa Cứu Thế tại thành Cô-rinh-tô cũng như tất cả mọi người cầu khẩn danh Chúa Giê-su Ky-tôn ở khắp nơi. Ngày nay người ta hay lầm lẫn hội thánh của Chúa với một tổ chức hay là với một ngôi nhà thờ. Hội thánh của Chúa chủ yếu là những con người đã được Chúa kêu gọi ra khỏi thế giới tối tăm, gian ác này và chuyển đưa vào Vương Quốc Đức Chúa Trời tại thế gian (Cô-lô-se 1:13). Nếu ý thức như thế chúng ta nên chú trọng vào những điều cứu vớt, xây dựng, giúp ích tín hữu hay con người nói chung hơn là quá chú trọng đến những nguyên tắc hành chánh, những luật lệ nặng nề, rắc rối; những cách làm việc khác nhau  và vô tình làm thương tổn anh chị em chúng ta hay gây ra tình trạng chia rẽ, chống đối lẫn nhau.

Nhiều người khi xây dựng được một ngôi nhà thờ khang trang, đẹp đẽ và những cơ sở của hội thánh đã chú trọng quá nhiều đến tài sản, coi trọng cơ sở vật chất hơn là những con người, dù là những người ngoại đạo sử dụng cơ sở đó.

Thế nào là một người được thánh hóa? Thánh hóa là hoạt động của Đức Chúa Trời và con người  trong tiến trình biến đổi con người ngày càng được tự do thoát khỏi quyền lực của tội lỗi và ngày càng được giống Chúa Giê-su  hơn trong đời sống.

Thánh cũng có nghĩa là được biệt riêng ra cho Chúa, thuộc về Chúa. Tất cả những người tin Chúa Giê-su  đều được Phao-lô gọi là các ‘thánh’ (Êph 1:1; Phil 1:1; Côl 1:2)  vì họ thuộc về Chúa và được Chúa thánh hóa bởi đức tin trong Chúa Giê-su Ky-tôn chứ không phải vì công đức riêng hay phép lạ họ làm theo như qui định hay tiêu chuẩn của một giáo hội Cơ Đốc giáo sau này lập ra và phong cho.

“Những người cầu khẩn danh Đức Giê-su Ky-tôn, Chúa chúng ta”.
Đây là một thành ngữ để chỉ những người tin cậy Chúa Giê-su làm Chúa Cứu Thế và Chủ Tể đời sống mình. Vào thời đó hoàng đế La Mã được xưng là Chúa và được tôn thờ trong đền thờ; vì thế người nào tuyên xưng một ai khác là Chúa bị kể như phạm thượng và phản lại đế quốc La Mã mà hậu quả có thể bị kết tội tử hình. Cho nên một người cầu khẩn danh Chúa Giê-su Ky-tôn là người hoàn toàn tin cậy Chúa, tuyên xưng Chúa Giê-su và tận hiến sống cho Chúa; không phải một người chỉ kêu tên Chúa ngoài môi miệng.

Hội thánh của Đức Chúa Trời là cộng đồng những người tín hữu của Chúa Giê-su ở tại thành phố Cô-rinh-tô, Hy Lạp, tức là ở tại một địa phương, nhưng đồng thời cũng là cộng đồng của “tất cả những người ở khắp mọi nơi cầu khẩn danh Chúa Giê-su Ky-tôn.”  Ở đây Phao-lô không những nói đến hội thánh địa phương (Cô-rinh-tô) nhưng ông cũng nói đến hội thánh phổ quát, toàn cầu. Một điểm khác chúng ta cũng cần chú ý về hội thánh của Đức Chúa Trời; cộng đồng các tín hữu tại Cô-rinh-tô là hội thánh của Đức Chúa Trời và tất cả những người kêu cầu danh Chúa Giê-su Ky-tôn ở khắp mọi nơi cũng là hội thánh của Đức Chúa Trời. Như thế hội thánh phổ quát của Đức Chúa Trời đồng thời bao gồm tất cả tín hữu trên thế giới nhưng không nhất thiết là sự kết hợp hành chánh và tổ chức của tất cả các hội thánh địa phương trên thế giới.

Một người tin Chúa Giê-su làm Chúa Cứu Thế và Chủ Tể đời sống mình, người đó sẽ được tái sinh làm con cái Đức Chúa Trời (Giăng 1:12), vì thế Phao-lô xưng Đức Chúa Trời là Cha chúng ta. Trước khi tin Chúa Giê-su, chúng ta đều là tử tội trước mặt Đức Chúa Trời, vị thẩm phán tối cao; sau khi tin Chúa chúng ta trở thành con cái Đức Chúa Trời. Như vậy chúng ta nên đến gần với Cha chúng ta và xây dựng mối liên hệ cha con thân thiết. Những cách để xây dựng mối tương giao gần gủi, thân thiết với Cha chúng ta là để thì giờ đọc Lời dạy dỗ của Cha (học Kinh Thánh), trò chuyện với Cha (cầu nguyện), thờ phượng Cha và phục vụ Cha chúng ta.

Ân sủng là từ Phao-lô thường dùng để chào và chúc lành cho tín hữu. Ân sủng là đặc ân và sự nhân từ, phúc lành Chúa ban cho một người mà không phải vì người đó công đức hay xứng đáng để nhận lãnh. Ân sủng là một trong nhiều mỹ đức của Đức Chúa Trời như lòng thương xót, nhân từ, chậm giận, đầy tình yêu thương và thành tín.( Xuất 34:6-7) Ân sủng lớn lao nhất của Đức Chúa Trời là Con Ngài, Chúa Giê-su Ky-tôn mà Ngài đã sai xuống trần để cứu rỗi nhân loại.

Bình an trong Cựu Ước bao gồm ý niệm an khang thịnh vượng, trọn vẹn; trong Tân Ước từ này mang thêm ý nghĩa sự bình an nội tâm của tín hữu của Chúa Giê-su nhờ tin cậy Đức Chúa Trời.

II. Câu Hỏi Thảo Luận.

1. Hãy nêu lên một điểm đặc biệt về Phao-lô?
2. Tại sao Phao-lô xưng mình là một Sứ Đồ?
3. Phao-lô có liên hệ gì đến hội thánh Cô-rinh-tô?
4. Theo Phao-lô và theo thư  Cô-rinh-tô, hội thánh là gì?
Hãy nêu lên một vài đặc tính của hội thánh làm nó khác hơn là một hội đoàn hay công ty thương mại hay kỹ nghệ trong xã hội.
5. Mối liên hệ căn bản của tất cả tín hữu trong một hội thánh là gì?
6. Phao-lô xem hội thánh Cô-rinh-tô là hội thánh của ai?
7. Chúng ta nên có thái độ nào và làm gì cho hội thánh của Đức Chúa Trời?
8. Thế nào là thánh hóa?
Thánh hóa khác với “tu hành” ở điểm nào?
9. Tại sao Phao-lô gọi những tín hữu tại hội thánh Cô-rinh-tô là “các thánh”.
Nếu chúng ta được Kinh Thánh gọi là “thánh”, chúng ta nên sống như thế nào?
10. Hãy so sánh hội thánh địa phương và hội thánh phổ quát?

Chúng ta có cần hợp nhất về phương diện hành chánh, tổ chức để tạo nên một hội thánh phổ quát không? Tại sao?

**Bài 2

Các Ân Phúc của Tín Hữu
1 Cô-rinh-tô 1:4-9**

I.Bối Cảnh và Lược Giải.
Dù tín hữu tại hội thánh Cô-rinh-tô vẫn còn nhiều nan đề trong đời sống tâm linh nhưng so với người Cô-rinh-tô chưa được cứu rỗi, những tín hữu Cô-rinh-tô vẫn có đủ mọi ân phúc của Chúa ban cho. Hãy tập đếm vô số ân phúc của Chúa ban cho chúng ta, những con dân Ngài; chúng ta sẽ không hết lời  cảm tạ ơn Chúa như Phao-lô đã thấy và cảm tạ Chúa cho tín hữu Cô-rinh-tô.

Nan đề của những tín hữu Cô-rinh-tô không phải vì họ thiếu ân sủng hay ân tứ mà là thái độ của họ về các ân tứ đó. Ân sủng và ân tứ đều là quà tặng của Đức Chúa Trời cho những người đã bước vào trong sự tương giao với chúa Cứu Thế bởi đức tin. Những người Cô-rinh-tô quên rằng ân sủng cứu rỗi lẫn các ân tứ đều là quà tặng nhưng không của Đức Chúa Trời, không phải công đức hay tài năng riêng của con người nên họ không nên có thái độ kiêu ngạo thuộc linh.

Theo Phao-lô ân sủng là hành động yêu thương của Đức Chúa Trời qua Chúa Cứu Thế Giê-su để cứu rỗi loài người tội lỗi mà tự họ không thể nào có đủ công đức để được cứu. Ân sủng bao gồm nhiều ý niệm như tình yêu thương, sự tha thứ, ăn năn, sự tái sinh, sự cứu rỗi, các ân tứ thuộc linh… Phao-lô cảm tạ Chúa cho người Cô-rinh-tô là một cách để nhắc nhở những tín hữu này nhớ rằng tất cả những ân phúc cứu rỗi lẫn những ân tứ thuộc linh họ có đều đến từ Đức Chúa Trời và nhờ họ ở trong Chúa Cứu Thế Giê-su. Chúng ta có biết rằng tất cả những ân phúc cứu rỗi, vật chất , tâm linh đều là món quà ân sủng của Đức Chúa Trời ban cho chúng ta vì chúng ta ở trong Chúa Cứu Thế Giê-su không? Nếu ý thức được điều này chúng ta sẽ không ngớt cảm tạ Chúa như Phao-lô đã làm.

Vì nhờ ở trong Chúa Giê-su những ân tứ về ngôn ngữ như nói tiên tri, nói tiếng lạ, lời nói khôn ngoan, lời nói tri thức…(Chương 12) và sự hiểu biết ở đây nói về những ân tứ để hiểu biết mạc khải huyền nhiệm của Chúa, để hiểu biết và phân biệt các thần v.v.
Nói chung nhờ đức tin trong Chúa Cứu Thế tín hữu Cô-rinh-tô nhận được rất nhiều ân phúc và ân tứ thuộc linh của Chúa. Phao-lô cho rằng tín hữu Cô-rinh-tô nhận được đầy đủ tất cả những ân tứ hiện có trong hội thánh trong khi chờ đợi Chúa Cứu Thế tái lâm.

Hai điểm chúng ta cần chú ý ở đây, Phao-lô muốn nhấn mạnh rằng tất cả ân sủng và ân tứ đều là tặng phẩm của Đức Chúa Trời cho tín hữu Cô-rinh-tô nhờ họ ở trong Chúa Cứu Thế; không phải nhờ khả năng hay công đức riêng của họ, vì thế không nên lên mình kiêu ngạo. Điểm thứ hai là họ đã nhận đầy đủ tất cả ân tứ của Chúa để phục vụ Chúa, để xây dựng thân thể tức là hội thánh của Chúa (14:1-6) cho đến khi Chúa đến. Chúa Giê-su chưa trở lại; điều này cũng hàm ý rằng tín hữu Cô-rinh-tô cũng như tất cả tín hữu của Chúa trên thế gian này chưa hoàn tất sứ mệnh cao cả mà Ngài đã truyền cho chúng ta; như thế con dân Chúa nên sử dụng các ân tứ để phục vụ Chúa, xây dựng hội thánh Ngài, để hoàn tất sứ mệnh mà Ngài đã giao cho chúng ta; chúng ta chưa thể hài lòng, tự mãn chỉ vì  mình có các ân tứ.

“Lời chứng về Chúa Cứu Thế” là Phúc Âm cứu rỗi trong Chúa Giê-su mà Phao-lô đã giảng cho người Cô-rinh-tô. Những người Cô-rinh-tô đã tin Phúc Âm của Chúa nên được vào trong mối tương giao với Chúa Giê-su và nhận được tất cả những ân sủng và ân tứ thuộc linh. Các ân phúc và ân tứ mà người ta thấy nơi tín hữu Cô-rinh-tô là bằng chứng cho thấy Phúc Âm của Chúa đã được lập nền vững chắc giữa người Cô-rinh-tô. Phao-lô vui mừng và tỏ lời khen ngợi tín hữu Cô-rinh-tô về điều này; họ đã được trồng và gây dựng một cách vững chắc trong Phúc Âm của Chúa Cứu Thế.
Phao-lô chỉ đến Cô-rinh-tô khoảng ba năm đến năm năm trước đó nhưng giờ đây Lời Chúa đã đâm rễ, xây nền vững chắc giữa các tín hữu tại Cô-rinh-tô. Đây là điều khiến ông vui mừng và khen ngợi họ. Quí vị đã tin Chúa bao lâu rồi? Hội thánh Chúa tại địa phương của quí vị đã được lập bao lâu rồi? Đời sống của quí vị có được đâm rễ, xây nền vững chắc trong Chúa Cứu Thế Giê-su chưa? Hội thánh Chúa nơi quí vị sinh hoạt có nền móng vững chắc và phát triển mạnh mẽ như Chúa mong muốn không?

Phao-lô nhắc nhở tín hữu Cô-rinh-tô rằng khi nào Chúa Giê-su chưa tái lâm thì cuộc hành trình của con dân Chúa và sứ mệnh của hội thánh Chúa vẫn còn tiếp tục. Tín hữu Cô-rinh-tô đã nhận được “không thiếu một ân tứ nào” để hoàn thành sứ mệnh cho đến khi Chúa đến. Đức Chúa Trời sẵn sàng ban cho tín hữu trong hội thánh Ngài đầy đủ, “không thiếu một ân tứ nào” để xây dựng và phục vụ Ngài. Chúng ta có nhận thấy vô số ân sủng Chúa ban cho chúng ta và sử dụng những ân sủng cũng như ân tứ Chúa ban cho để xây dựng hội thánh Chúa và đem vinh quang về cho Chúa không? Phao-lô khen ngợi hội thánh Cô-rinh-tô là điều đúng và rất xứng đáng, vì dù cũng như mọi hội thánh khác, hội thánh Cô-rinh-tô có nhiều nan đề nhưng họ đã tận dụng ân sủng và ân tứ Chúa ban để truyền bá Phúc Âm giữa vòng một dân ngoại giáo bại hoại và thờ nhiều thần tượng. Hội thánh Cô-rinh-tô cùng với những hội thánh khác trong vùng đã đem Phúc Âm của Chúa Cứu Thế đến cho toàn thể dân tộc của họ; và chỉ trong một thời gian ngắn về sau cả nước Hy Lạp đã trở về với Đạo Chúa cho đến ngày nay. (Ngày nay hơn 90% dân số Hy Lạp theo Cơ Đốc giáo, nhánh Chính Thống Hy Lạp).

Phao-lô tin tưởng rằng Đức Chúa Trời sẽ gìn giữ tín hữu hội thánh Cô-rinh-tô cho đến cuối cùng, tức là cho đến ngày phán xét cuối cùng. Từ ngữ ‘gìn giữ’ trong các tài liệu pháp lý cổ thường có nghĩa là ‘bảo đảm’. Con dân thật của Chúa sẽ được Chúa gìn giữ, bảo đảm cho đến cuối cùng. Đây là một niềm an ủi lớn cho con dân thật, tín hữu thật của Chúa; chúng ta sẽ không lo sợ mất đức tin, mất sự cứu rỗi nếu chúng ta thật sự tin cậy Chúa và được tái sinh (Giăng 1:12-13) làm con dân thật của Chúa. Chúa Giê-su cũng hứa rằng (Giăng 6:39) “..tất cả những người Cha đã cho ta, ta sẽ không để cho hư mất,” và “Ta ban cho chiên ta sự sống vĩnh phúc, chúng chẳng hư mất bao giờ, và không ai cướp đoạt chúng khỏi tay ta.” (Giăng 10:28) Nhìn theo một phương diện ngược lại, những người trung tín với Chúa cho đến cuối cùng chính là bằng chứng xác nhận rằng họ là những tín hữu thật của Chúa.

Ngày của Chúa Cứu Thế cũng là ngày cuối cùng, ngày phán xét. Chúa Cứu Thế Giê-su sẽ là Đấng phán xét (2Côr 5:10; 2Giăng 2:28) .
Tín hữu của Chúa Giê-su sẽ không bị xét xử chung với thế gian vô tín. Nhân loại vô tín, không tin cậy Đức Chúa Trời và Chúa Cứu Thế sẽ bị phán xét và ném vào hỏa ngục đời đời vào ngày phán xét (Khải 20: 11-15).
Vào ngày của Chúa, tín hữu cũng sẽ được xét nhưng để thưởng (Khải 22:12); một số tín hữu sẽ bị khiển trách; họ vẫn được cứu “nhưng dường như qua lửa vậy” (1Côr 3:15).
Giăng cũng khuyên con dân Chúa hãy tiếp tục trung tín ở trong Chúa, sống đẹp lòng Ngài  và phục vụ Ngài : “Hãy ở trong Ngài, để chúng ta có lòng tin quyết khi Ngài hiện đến, chứ không hổ thẹn trốn tránh Ngài khi Ngài quang lâm.” 1Giăng 2:28

Phao-lô cho biết tín hữu thật của Chúa sẽ không bị phán xét vì họ đã được Chúa Giê-su chết thay cho và được tuyên xưng công chính (Rô 8:30). Ngoài ra Đức Chúa Trời là Đấng thành tín; Ngài đã hứa thì Ngài sẽ không bao giờ thất hứa nhưng giữ lời hứa của Ngài cho đến cuối cùng. Nói theo từ ngữ Cựu Ước, Đức Chúa Trời là Đấng thành tín, giữ giao ước cứu rỗi với con dân Ngài đến đời đời.
Sự cứu rỗi là sự kêu gọi của Đức Chúa Trời. Ngài kêu gọi chúng ta ra khỏi thế gian tội lỗi và đen tối để đem vào Nước Đức Chúa Trời sáng láng (Cô-lô-se 1:13-14). Một người tin Chúa Cứu Thế để được cứu rỗi là người đáp lại lời kêu gọi của Chúabằng đức tin nơi Chúa Giê-su và được chuyển đưa vào Nước Đức Chúa Trời ngay tại thế.

Phao-lô cũng bày tỏ một khía cạnh khác của sự cứu rỗi trong Chúa Cứu Thế. Người được cứu rỗi cũng là người được thông công với Chúa Giê-su. Thông công hay tương thông với Chúa Giê-su nghĩa là có mối liên hệ trực tiếp và cá nhân với Chúa Giê-su. Mối liên hệ này chỉ có được khi một người ý thức và công khai tin nhận Chúa Giê-su làm Chúa Cứu Thế và Chủ Tể đời sống mình bằng cách cầu nguyện tiếp nhận Chúa Giê-su vào lòng. Bằng chứng của mối liên hệ này là tấm lòng muốn thờ phượng Chúa, muốn học Lời Ngài để biết rõ về Chúa, biết rõ ý Chúa, cầu nguyện cùng Ngài và được Ngài đáp lời, hướng dẫn trong cuộc sống; muốn sống đẹp lòng Chúa.

Sự thông công trong Chúa Giê-su có thể mang ba ý nghĩa: (Công Vụ 2:42-47)
1/ Những người chia xẻ, nhận chung một sự sống và sự cứu rỗi cùng với tất cả những ân phúc của Chúa Cứu Thế.
2/ Những người cùng tham gia, chia sẻ, đóng góp, xây dựng một cộng đồng con dân (hội thánh ) Chúa Cứu Thế.
3/ Những người có chung một lý tưởng, theo đuổi một mục đích chung của Chúa Cứu Thế.

II. Câu Hỏi Thảo Luận.

1. Hãy kể ra một vài ân phúc Chúa đã ban cho bạn khi bạn trở thành con cái Ngài.
2. Ngoài ân sủng cứu rỗi, bạn có biết mình có ân tứ thuộc linh và tài năng nào không ?
3. Bạn đã sử dụng ân tứ và tài năng của mình cho Chúa chưa? Tại sao ?
4. Bằng chứng gì cho thấy Phúc Âm đã được thiết lập vững giữa vòng người Cô-rinh-tô,
tức là người Hy Lạp ?
5. Bạn đã tin Chúa bao lâu rồi? Hội thánh bạn sinh hoạt đã được lập bao lâu rồi? Phúc Âm đã được thiết lập vững vàng nơi bạn và hội thánh bạn không?
Những bằng chứng hay dấu hiệu nào chứng tỏ Phúc Âm đã được thiết lập vững vàng nơi một tín hữu hay nơi một hội thánh?
6. Bạn có tin rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại thế gian để đoán xét nhân loại không?
( Công Vụ 1 :11) Nếu tin, chúng ta nên sống như thế nào cho đến khi Chúa đến?
7. Tại sao một người tin Chúa thật sự sẽ không bao giờ mất sự cứu rỗi?
8. Tín hữu của Chúa Giê-su sẽ không mất sự cứu rỗi trong ngày Phán Xét nhưng có thể bị gì?
9. Nếu một người sinh ra trong gia đình có đạo, ở trong nhà thờ lâu đời, nhưng không có mối tương giao trực tiếp và cá nhân với Chúa Cứu Thế thì có được cứu rỗi không? Tại sao?
10. Mối tương giao thân thiết với Chúa Giê-su thường được thể hiện trong những hành động nào?

Bạn quyết định sẽ làm gì để gia tăng mối liên hệ, tương thông với Chúa Giê-su?

**Bài 3

Nan Đề Chia Rẽ Trong Hội Thánh
1 Côr 1:10-17**

I.Bối Cảnh và Lược Giải
Sau khi chào hỏi và ca ngợi tín hữu tại hội thánh, Phao-lô bắt đầu nói đến nan đề trong hội thánh Cô-rinh-tô. Điều này cho chúng ta thấy một vài điều thực tế trong đời sống: Mỗi hội thánh của Chúa trên thế gian đều có những ưu và khuyết điểm. Cũng như Phao-lô đã làm, hãy khen ngợi và xây dựng những ưu điểm; đối diện, thảo luận với tâm trí cởi mở và khiêm nhường để giải quyết, sửa chữa các nan đề, lầm lỗi.

Phao-lô nhân danh Chúa Giê-su Ky-tôn để kêu gọi tín hữu Cô-rinh-tô hãy đoàn kết với nhau và chấm dứt nạn chia rẽ. Bởi vì hội thánh là hội thánh của chính Chúa Giê-su Ky-tôn, nghĩa là Chúa Giê-su không những chỉ là Đấng cứu rỗi hội thánh nhưng cũng là Đấng Chủ Tể, là đầu của hội thánh; Ngài có thẩm quyền tối cao trên hội thánh. Nếu mỗi tín hữu trong hội thánh đều công nhận, thuận phục thẩm quyền tối hậu của Chúa Giê-su và cố gắng làm theo Lời Ngài thì chúng ta sẽ tránh được rất nhiều nan đề, nhất là nan đề chia rẽ, bè phái như hội thánh Cô-rinh-tô đang kinh nghiệm.

Phao-lô kêu gọi hội thánh hãy:
Có cùng một tiếng nói.
Đừng chia rẽ (nguyên ngữ : xé rách).
Đồng một lòng, hợp một ý với nhau.

Phao-lô đã dùng từ ngữ để chỉ về sự ‘đan lại với nhau’, ‘ghép xương’ cho lành những phần xương trong thân thể bị gãy để nói lên sự hiệp nhất trong hội thánh.
Nan đề Phao-lô nghe từ người nhà Cơ-lô-ê, có lẽ một nữ thương gia hay đi lại buôn bán từ Ê-phê-sô qua Cô-rinh-tô. Chúng ta không biết rõ bà này có phải là tín hữu hay không; có thể những người nhà của bà này là tín hữu thờ phượng Chúa với hội thánh Cô-rinh-tô nên biết nhiều điều về hội thánh này.

Xét kỷ nan đề tại Cô-rinh-tô, người ta thấy chúng xuất phát từ các tín hữu tại đây chứ không nhất thiết xuất phát từ những người lãnh đạo như Phao-lô, Chúa Giê-su chẳng hạn. Trong những phần sau Phao-lô không bày tỏ điều gì bất đồng hay chia rẽ với A-bô-lô cả. Còn Sứ Đồ Phê-rơ có bao giờ đến Cô-rinh-tô không, thì không ai biết chắc. Như thế nan đề ở đây là thuần túy ý kiến hay quan điểm của những người trong hội thánh chứ không phải do những người lãnh đạo tham gia hay kéo bè, kéo đảng.

Thành Cô-rinh-tô là một nơi đô hội của dân từ nhiều nơi tụ họp lại. Dân chúng đa số chịu ảnh hưởng văn hóa Hy Lạp; vì thế tại đây không thiếu những giáo sư và triết gia theo và dạy những triết thuyết khác nhau. Những người này thường được gọi là những bậc ‘khôn ngoan”.  Một trong những động lực thúc đẩy và đưa đến sự chia rẽ hay bất đồng ý kiến giữa những tín hữu Cô-rinh-tô có thể là những tín hữu này muốn thấy những nhà lãnh đạo của mình giống như những bậc ‘khôn ngoan’ trong xã hội.

Xét trên phương diện thái độ, những tín hữu tại Cô-rinh-tô đã sai lầm vì theo ‘người’ thay vì theo Chúa Giê-su. Một số người theo Phao-lô có lẽ vì ông là người sáng lập hội thánh. Một số khác theo A-bô-lô có lẽ vì ông này là nhà hùng biện và tông thạo Kinh Luật Cựu Ước (Công Vụ 18:24). Một số theo Phê-rơ có thể vì ông là Sứ Đồ chính trước Phao-lô.

Một nan đề khác và cũng là một quan niệm sai lầm tại Cô-rinh-tô là một số tín hữu tại đây đã nâng con người, dù là người lãnh đạo trong hội thánh lên ngang hàng với Chúa Giê-su và coi Chúa Giê-su cũng như một trong những người lãnh đạo trong hội thánh. Đây cũng là nan đề đang xảy ra trong nhiều hội thánh và giáo phái Cơ Đốc nói chung. Người ta đã tôn sùng và tôn cao một vài cá nhân trong hội thánh hay giáo hội của mình quá đáng. Người ta cũng đã coi Chúa Giê-su, Đấng Chúa Tể trên hội thánh và vũ trụ ngang hàng như một vài người lãnh đạo tôn giáo.

Ngày nay trong một nhánh lớn của Cơ Đốc giáo, người ta đã tôn bà Ma-ri lên như là một vị ‘Đồng Cứu Rỗi’ (coredemptrix) hay ‘Đồng Trung Bảo’ (Mediatrix) trong khi Kinh Thánh dạy rõ, chỉ có một Đấng Cứu Rỗi là Chúa Giê-su (Công 4:12); Ngài là Đấng Trung Bảo duy nhất cho nhân loại, Chúa Giê-su Ky-tôn (1Tim 2:5).

Phao-lô đưa ra ba điều về Chúa Cứu Thế để tín hữu Cô-rinh-tô hiểu biết và sống hiệp nhất trong hội thánh.
1/ Phao-lô gọi tín hữu trong hội thánh Cô-rinh-tô  là ‘anh em’; điều này có nghĩa là họ là anh chị em trong một gia đình của Chúa.
2/ Chỉ có Chúa Giê-su là Đấng đã chịu chết trên cây thập tự để cứu rỗi chúng ta; không có ai trên thế giới này đã hy sinh tính mạng thay cho chúng ta  kể cả nữ đồng trinh Ma-ri.
3/ Tất cả con dân của Chúa Giê-su đều nhận lễ báp-tem nhân danh Chúa Giê-su, không phải nhân danh người truyền giảng Phúc Âm.

Thật ra Phao-lô không phải coi nhẹ lễ Báp-tem (xem Rô 6:1-14) nhưng ông muốn tín hữu từ bỏ thái độ liên kết, lập bè với người làm lễ Báp-tem cho mình (có thể là người đem mình về với Chúa Giê-su). Tất cả những người lãnh đạo trong hội thánh hay giáo hội chỉ là tôi tớ của Chúa Giê-su; tất cả tín hữu nên tôn thờ, tận hiến và sống theo Chúa Giê-su, Đấng đứng đầu, cai trị hội thánh.
Một tôi tớ thật của Chúa Cứu Thế là người giảng Phúc Âm đem người tội lỗi về cùng Chúa Giê-su và hội thánh của Ngài, không phải lập bè đảng hay ngay cả hội đoàn cho cá nhân mình.
Người Hy Lạp ưa chuộng triết học mà họ gọi là “tri thức khôn ngoan” và tài hùng biện. Người tín hữu Cô-rinh-tô rơi vào sự sai lầm vì coi giá trị của ‘triết học khôn ngoan’ và tài hùng biện  ngang hàng với Phúc Âm, tức là ngang hàng với sự hy sinh của Chúa Giê-su trên thập tự giá để cứu rỗi nhân loại.

Tình trạng này cũng đang xảy ra trên khắp thế giới, nhất là thế giới Tây Phương. Ngày nay người ta coi những kiến thức khoa học và triết học thế tục quan trọng hơn là Phúc Âm và Lời của Đức Chúa Trời (Kinh Thánh).
Hai hậu quả nghiêm trọng của quan niệm sai lầm này đã làm đa số hội thánh Tây Phương suy đồi và đang đi vào chỗ chết.

1/ Thiếu người dấng thân đi học Lời Chúa để truyền giảng Phúc Âm.
Tín hữu không để thì giờ để học hỏi Lời Chúa vì người ta đã đặt ưu tiên và hy sinh mọi sự để học hỏi những ngành khoa học thực nghiệm hay chuyên môn.
2/ Những người trí thức, địa vị trong xã hội khi tin Chúa sẽ đương nhiên là những người lãnh đạo trong hội thánh dù họ không có đức tin đúng đắn và mạnh, không sống, không thực hành đức tin và không có tri thức về Lời Chúa (chỉ có trí thức thế tục).

II. Câu Hỏi Thảo Luận.

1. Tại sao Phao-lô đã gọi tín hữu tại hội thánh Cô-rinh-tô là ‘anh em’?
2. Danh hiệu “CHÚA” của Đức Giê-su có nghĩa gì đối với bạn? Đối với hội thánh?
3. Tại sao người tín hữu tin và vâng phục Đấng Cứu Thế như là Chúa của mình, của hội thánh sẽ tránh được nhiều nan đề chia rẽ?
4. Phao-lô khuyên tín hữu  trong hội thánh nên làm gì hay có gì để đoàn kết ?
5. Những nan đề căn bản gây ra sự chia rẽ trong hội thánh Cô-rinh-tô là những nan đề nào ?
6. Ý nghĩa của lễ Báp-tem là gì? (Xem Rô 6:1-14)
7. Một trong những dấu hiệu của một tôi tớ thật của Chúa Giê-su là gì?
(Liên quan đến tín đồ và hội thánh)
8. Tại sao hội thánh thật của Chúa Giê-su sẽ bác bỏ mọi giáo lý nào nâng một con người lên hàng “Đồng Cứu Rỗi” hay “Đồng Trung Bảo” với Chúa Giê-su?
9. Tại sao những người lãnh đạo (Mục sư, ban chấp hành) đầy trí thức thế tục nhưng không có đức tin đúng đắn và mạnh, chưa trưởng thành thuộc linh và không có tri thức Lời Chúa sẽ làm cho hội thánh suy đồi, không phát triển và có thể đi đến chỗ đóng cửa?
10. Hãy nêu lên một vài đề nghị hành động thực tế để giúp hội thánh tránh nan đề bè phái, chia rẽ .

**Bài 4

Chúa Cứu Thế là Quyền Năng và Khôn Ngoan
1Côr 1:18-25**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Trong đoạn này Phao-lô đối chiếu quan niệm của Đức Chúa Trời về sự cứu rỗi và sự khôn ngoan của loài người về vấn đề cứu rỗi.
Nan đề của người Cô-rinh-tô là muốn làm cho sứ điệp cứu rỗi của thập tự giátrở nên sứ điệp khôn ngoan như những triết lý thời bấy giờ. Vấn đề điều chỉnh cách trình bày sứ điệp, tức là thay đổi hình thức trình bày sao cho thích hợp với văn hóa, thời đại là vấn đề cần thiết khi truyền giảng Phúc Âm và dạy Đạo Chúa(Xem Phao-lô giảng cho người A-then, Hy Lạp. Công 17:16-34) nhưng nội dung sứ điệp cứu rỗi thì không bao giờ có thể thay đổi.  Sứ điệp của thập tự giá là gì? Phao-lô nói: (c.23)
“chúng ta truyền giảng Phúc Âm về Chúa Cứu Thế bị đóng đinh trên thập tự giá.”

Đối với người hư mất, cả người Do Thái lẫn Hy Lạp, bị hành hình trên cây thập tự là một nhục hình, một hình phạt dành cho những người bị rủa sả, những người nô lệ tội lỗi. Ngay cả người công dân La Mã bị kết án tử hình cũng không bị hành hình bằng cách đóng đinh trên cây thập tự.

Theo quan điểm của loài người, một cái chết nhục nhả, kinh khủng và thê thảm như thế thì làm sao có thể cứu rỗi được ai. Nhưng những người hư mất cũng là những người đui mù tâm linh;  họ không thấy rằng đó chính là hình phạt đáng lý họ phải chịu vì tội lỗi của mình, nhưng Con Đức Chúa Trời, Chúa Cứu Thế, Đấng toàn hảo vô tội tình nguyện hy sinh chịu chết như thế là vì tội lỗi của họ và thay cho họ.

Phao-lô cho thấy tất cả những người mà thế giới cho là khôn ngoan thông thái như những nhà triết học Hy Lạp, những giáo sư Do Thái giáo, những triết gia hùng biện thời bấy giờ đều không nhận biết Đức Chúa Trời, Đấng khôn ngoan siêu việt, Đấng sáng tạo vũ trụ và không thể hiểu nổi chương trình cứu rỗi kỳ diệu của Ngài qua sự hy sinh chết thế cho nhân loại của Chúa Cứu Thế trên cây thập tự.
Người Do Thái đã vấp ngã, không nhận được ân huệ cứu rỗi của Đức Chúa Trời vì định kiến sai lầm của họ. Người Do Thái biết họ là một dân tộc bé nhỏ, đang bị đô hộ nhưng họ tin vào một Đức Chúa Trời duy nhất quyền năng và vinh quang.

Trong lịch sử của họ Chúa đã làm nhiều phép lạ(Các tai họa tại Ai-cập, vượt Biển Đỏ, phásập thành Giê-ri-cô, lập quốc tại Ca-na-an…các phép lạ tiên tri Ê-li, Ê-li-sê thực hiện)  vì thế họ cũng hy vọng rằng Đấng Cứu Tinh (Mê-si-a) của họ cũng sẽ là một Đấng đầy quyền năng và đem vinh quang về cho quê hương, dân tộc họ. Người Do Thái đã nhiều lần yêu cầu Chúa Giê-su làm dấu lạ trên trời để chứng minh rằng Ngài chính là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời nhưng Chúa Giê-su từ chối. Thay vào đó Chúa Giê-su đã chịu chết một cái chết nhục hình trên cây thập tự. Đối với người Do Thái người bị treo trên cây là một người bị rủa sả (Phục 21:23), không thể nào là Đấng Cứu Tinh của họ. Ngay khi Chúa Giê-su bị đóng đinh trên cây thập tự, nhiều người Do Thái vẫn còn thách thức Ngài hãy làm phép lạ thoát thân khỏi cây thập tự  để cho họ tin. Người Do Thái không thể hiểu nổi quyền năng của tình yêu thương và ân sủng của Đức Chúa Cha và của Con Ngài, Chúa Giê-su, Đấng Cứu Thế của họ và của cả nhân loại.

Người Hy Lạp nổi tiếng là người thích triết học với những tư tưởng cao siêu và tài hùng biện khôn ngoan. Đối với triết học Hy Lạp, thần linh là hữu thể tuyệt đối, thánh khiết, siêu việt, một vị thần linh sẽ không bao giờ hạ thấp mình xuống để làm người phàm thấp kém, hữu hạn. Vấn đề Ngôi Lời (Logos) trở thành người là một ý tưởng điên rồ, dại dột. Người Hy Lạp chuộng văn chương bóng bẩy, lời nói hoa mỹ; nhiều người đã nhận xét rằng người Hy Lạp vì quá chuộng tài ăn nói hay, hùng biện nên đã đi đến chỗ chuộng sáo văn, sáo ngữ và nói hay hơn là nội dung. Đối với họ sứ điệp cứu rỗi của thập tự giá là điều đơn sơ, xấu xa, khủng khiếp; không có gì cao siêu, tốt đẹp trong cái hình phạt kinh khủng kia. Cũng như người Do Thái, người Hy Lạp vốn đui mù tâm linh, không thể thấy cái đẹp tuyệt vời của tình yêu thương và ân sủng tha thứ của Đức Chúa Trời qua sự hy sinh chết thế nhân loại tội lỗi của Chúa Giê-su trên cây thập tự.

Ngày nay hầu hết các tôn gíao của loài người vẫn dạy con người có đủ năng lực để tu hành và trở nên toàn hảo hay tự giải thoát mình ra khỏi tội lỗi và sự chết mặc dù thực tế cho thấy chưa có một triết gia hay giáo chủ của một tôn giáo nào thành công.

Một nan đề khác cũng đang lan tràn trong thế giới chịu ảnh hưởng Cơ Đốc giáo. Người ta lầm lẫn cho rằng kiến thức về Chúa Giê-su, kiến thức về đạo Chúa hay kiến thức về Kinh Thánh sẽ cứu rỗi và làm cho một người trưởng thành. Thật ra đức tin nơi Chúa Giê-su là một mối quan hệ cá nhân và trực tiếp với Con Đức Chúa Trời chứ không phải một mớ kiến thức về Ngài. Mặt thứ hai của đức tin thật nơi Chúa Giê-su là sự vâng lời, chứ không phải biết nhiều về Kinh Thánh hay về đạo Chúa.

Đức Chúa Trời đã dùng quyền năng của tình yêu thương và sự khôn ngoan siêu việt của ân sủng tha thứ trong Chúa Giê-su để cứu rỗi cả người Do Thái lẫn người Hy Lạp, thật ra bất cứ người nào trong cả nhân loại có lòng tin.

Đức tin nơi sự chết cứu chuộc và sự sống lại của Chúa Giê-su là lòng tin cậy, trao phó cuộc đời của mình cho Chúa Cứu Thế để cứu rỗi và cai trị, hướng dẫn trên mọi phương diện của đời sống. Đức tin cứu rỗi không phải chỉ là sự đồng ý, chấp nhận suông một số giáo điều. Loại đức tin này sẽ không đem lại sự cứu rỗi.
(Xin xem Giăng 2:23-24 và Gia-cơ 2:14-17)

II. Câu Hỏi Thảo Luận

1. Hãy tóm lược Phúc Âm hay “Sứ điệp của thập tự giá” bằng lời riêng của bạn.
2. Tại sao người Do Thái không thể tin rằng Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế của họ?
3. Chúng ta sẽ giải thích như thế nào cho một người thách thức Chúa “Hãy chữa bệnh ung thư cho tôi, rồi tôi sẽ tin Chúa”.
4. Tại sao một người tin Chúa vì phép lạ có thể bỏ Chúa và không được cứu rỗi?
(Xem thêm Giăng 2:23-24)
5. Tại sao người Hy Lạp (hay những người chuộng triết học cao siêu) khó tin Chúa?
6. Tại sao một người có thể có kiến thức cao về Kinh Thánh và về Cơ Đốc giáo vẫn không được cứu rỗi?
7. Ngoài đức tin, người tín hữu cần những gì nữa để trưởng thành trong Chúa?

**Bài 5

Hãy Tự  Hào Trong Chúa
1 Côr 1:26-31**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Tín hữu Cô-rinh-tô có khuynh hướng khoe khoang về các ân tứ quyền năng và chuộng sự khôn ngoan trần tục nhưng Phao-lô nhắc nhở cho họ nhớ rằng họ tin Chúa Giê-su và được cứu rỗi là nhờ Đức Chúa Trời chọn và kêu gọi họ vì ân sủng của Chúa chứ không phải vì họ tài năng hay khôn ngoan, quyền thế hay quí phái trên đời.

Sự cứu rỗi nhìn trên phương diện của Đức Chúa Trời là sự kêu gọi, triệu tập một số người giữa vòng nhân loại tội lỗi, hư mất để làm thành một dân tộc riêng của Ngài. Từ thời Cựu Ước Đức Chúa Trời đã kêu gọi Áp-ra-ham ra khỏi những dân thờ tà thần để lập nên một gia đình rồi một dân tộc thờ phượng Ngài, vị Chân Thần duy nhất của vũ trụ. Sau đó Đức Chúa Trời cũng kêu gọi dân Ngài ra khỏi vòng nô lệ ở Ai-cập để vào một quê hương mà Ngài đã hứa cho họ. Đến thời Tân Ước, sự kêu gọi của Đức Chúa Trời qua Chúa Cứu Thế và qua những người nhân danh Chúa Cứu Thế để đem nhân loại trở về với ăn năn, đức tin, sự cứu rỗi và phục vụ.

Sự kêu gọi Phao-lô nói đến ở đây là sự cứu rỗi dành cho những người đáp ứng lại lời kêu gọi của Đức Chúa Trời qua việc truyền bá Phúc Âm. (1Côr:9; Gal:15; 2Tê 2:13) Như thế sự cứu rỗi là do Đức Chúa Trời khởi động; Ngài đến với loài người và tìm kiếm, kêu gọi loài người chứ không phải con người tìm kiếm Đức Chúa Trời.

Đối với những người đã làm con dân Chúa, Ngài cũng có thể kêu gọi một số người để thi hành một số công việc đặc biệt như tiên tri trong Cựu Ước, Sứ Đồ (Rô 1:1), giáo sĩ (Công Vụ 13:2) và nhiều công việc, chức vụ khác… trong chương trình và theo mục đích của Ngài trên thế giới.

Điều kế tiếp Phao-lô nhắc nhở tín hữu Cô-rinh-tô rằng đa số họ là những người thuộc thành phần thấp kém, nghèo nàn và ngay cả nô lệ nữa trong xã hội thời bấy giờ. Vào thời ấy nô lệ bị coi như đồ vật, sở hửu của chủ, không có quyền gì cả. Nhưng Đức Chúa Trời đã kêu gọi, chọn lựa và ban cho họ quyền công dân Nước Trời, địa vị làm con cái Đức Chúa Trời và sự sống vĩnh phúc.
Đức Chúa Trời đã dùng sứ điệp của thập tự giá, là điều thế gian cho là ngu dại, để cứu rỗi nhân loại tội lỗi vì tất cả các triết thuyết cao siêu, thông thái và tôn giáo của thế gian không thể cứu rỗi nhân loại tội lỗi.

Đức Chúa Trời đã dùng sự chết của Chúa Giê-su trên thập tự giá, là điều xem có vẻ yếu kém, thất bại trong thế gian,  để nói lên sức mạnh của tình yêu thương, của sự hy sinh và tha thứ.
Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài đến thế gian để làm một người bình thường; trong khi thế gian tìm kiếm người quí phái, thuộc giai cấp cao, giàu có hay quyền thế. Nhưng thế gian với tất cả quyền thế, giàu sang, quí phái đã không thể đem lại sự sống vĩnh phúc cho con người tội lỗi; chỉ có con người tầm thường nhưng toàn hảo, vô tội, đầy tình yêu thương là Chúa Giê-su mới có thể đem lại điều đó. Vì thế nhân loại không thể nhờ sự khôn ngoan, giàu có, quí phái hay quyền thế của thế gian  để khoe khoan trước mặt Chúa. Như thế tín hữu của Chúa Giê-su cũng không nên tìm kiếm những hào nhoáng của thế gian và lại càng không nên cố làm cho PhúcÂm, mang cho Phúc Âm của Chúa Giê-su một chiếc áo khôn ngoan, quyền quí của thế gian.

Khi chúng ta pha thêm những sự khôn ngoan của triết lý trần tục vào Phúc Âm thuần túy, chúng ta có thể truyền bá một phúc âm khác (tà giáo), là những triết thuyết vô năng lực, thiếu sự sống.(Ga-la-ti 1:6-9) Đây là trường hợp của những người Tin Lành tự do cấp tiến (Liberal); họ cố gắng làm cho Phúc Âm của Chúa Cứu Thế hợp với khoa học thực nghiệm, hợp với những triết thuyết hiện đại nhưng vô hình dung họ đã bóp méo chân lý Phúc Âm và biến nó thành một trong những triết lý hào nhoáng hiện đại nhưng vô ích và thiếu sự sống thiêng liêng để cứu rỗi nhân loại tội lỗi.

Muốn được cứu rỗi, loài người phải có mối liên hệ trực tiếp và cá nhân với Chúa Giê-su, tức là “ở trong Chúa Cứu Thế”(c. 30). Phao-lô giả định rằng những tín hữu Cô-rinh-tô đã ở trong Chúa Giê-su. Làm thế nào để một người có thể ở trong Chúa Cứu Thế? Một người có thể ở trong truyền thống của Chúa, ở trong một gia đình, chủng tộc mà đa số theo đạo Chúa và ngay cả ở trong một giáo hội mang Danh Chúa nhưng không ở trong Chúa Giê-su. Chỉ có những người tiếp nhận Lời Chúa hay Phúc Âm và tin cậy Chúa Giê-su làm Cứu Chúa của mình mới được ở trong Chúa Cứu Thế (Giăng 17:20-21), tức là được cứu rỗi và làm con dân Ngài (Giăng 1:12; 3:16). Chúa Giê-su cũng dạy rằng người ở trong Chúa, tức là người tin Chúa Giê-su cũng sẽ cố gắng làm theo Lời Chúa (“các lời của Ta vẫn ở trong các con” Giăng 15:7 ).

Chúa Giê-su là huyền nhiệm của Đức Chúa Trời, là “kho tàng của sự khôn ngoan và tri thức.” (Côl 2:3) Nhờ ở trong Chúa Cứu Thế, tín hữu có được bốn điều Phao-lô kể ra ỏ đây để nhắc nhở tín hữu Cô-rinh-tô: 1/sự khôn ngoan . 2/ công chính. 3/ thánh khiết và 4/ cứu chuộc.

1/ Sự khôn ngoan. Chúa Giê-su chính là sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời (Côl 2:3) để cứu rỗi nhân loại. Như thế tin Chúa Giê-su là tiếp nhận và chọn lựa sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời. Sống và hành xử mọi sự theo sự dạy dỗ và gương mẫu của Chúa Giê-su là sống và hành xử khôn ngoan trước mắt Đức Chúa Trời. Sống theo sự khôn ngoan của Chúa Giê-su có thể bị coi là dại dột trong thế gian.

2/ Sự công chính. Sự công chính là địa vị đúng và mối liên hệ đúng đối với Đức Chúa Trời. Tín hữu được tuyên xưng công chính vì đức tin nơi Chúa Cứu Thế và ở trong Chúa Cứu Thế, Đấng công chính. Nếu không nhờ Chúa Giê-su, chúng ta chỉ là những tội nhân, không thể nào đứng trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

3/ Sự thánh khiết. Tín hữu của Chúa Giê-su là những người đã được chọn lựa, để riêng ra, đặc biệt thuộc về Đức Chúa Trời. Ngoài ra tín hữu cũng được Đức Thánh Linh và Lời Chúa thánh hóa con người cũ mỗi ngày để ngày càng trở nên thánh khiết, tốt đẹp, giống Chúa Giê-su hơn cho đến khi chúng ta gặp Chúa.

4/ Sự cứu chuộc. Tín hữu là người đã được Chúa Giê-su trả tiền bằng sự hy sinh mạng sống, chết thay cho chúng ta để chuộc chúng ta ra khỏi nô lệ cho tội lỗi và khỏi bị án phạt đời đời nơi hỏa ngục.
Như thế tất cả những điều tín hữu có vì đức tin trong Chúa Cứu Thế đều là những điều tốt đẹp, huyền diệu. Phao-lô khuyên tín hữu Cô-rinh-tô, và tất cả chúng ta, không cần tìm kiếm sự khôn ngoan trần tục cũng như không cần tô điểm thêm cho Phúc Âm để có vẻ khôn ngoan và được thế gian công nhận là khôn ngoan.

Tín hữu nên tự hào trong Chúa; nghĩa là hân hoan và mạnh dạn công nhận rằng tất cả những gì chúng ta có được là nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời và do Chúa Cứu Thế.

II. Câu Hỏi Thảo Luận.

1. Bạn được cứu rỗi là nhờ mình khôn ngoan, có tài, nhiều khả năng  phải không?
Theo bạn, tại sao bạn được cứu rỗi?
2. Tại sao Đức Chúa Trời kêu gọi và chọn lựa bạn để nhận sự cứu rỗi của Ngài?
3. Bạn đã bao giờ bị những người ngoại đạo chê là dại dột không? Tại sao?
4. Hãy nêu lên một vài điều lợi ích và ân phúc Chúa ban cho bạn khi bạn tin nhận Chúa Giê-su làm Cứu Chúa của mình.?
5. Theo bạn nhận xét Chúa đã kêu gọi bạn để phục vụ Chúa, phục vụ hội thánh và tha nhân trên phương diện nào?
6. Tại sao những người khôn ngoan, những người giàu sang, quyền thế hay những người thuộc dòng dõi danh gia, hoàng tộc của thế giới này cũng không thể khoe khoan trước mặt Đức Chúa Trời?
7. Hãy nêu lên những lý do tại sao Phao-lô cho rằng “Chúa Giê-su chính là sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời” ?
8. Bạn có phải là một người công chính trước mặt Chúa không? Tại sao?
9. Từ ngày tin Chúa đến nay, những thói hư, tật xấu, thái độ sai lầm, tội lỗi nào của bạn đã được thay đổi, thánh thiện hơn trước ? Tại sao? Nhờ điều gì?
10. Xét lại đời sống của mình, bạn đã được giải thoát khỏi bản chất (khuynh hướng chế ngự) của con người cũ chư a? (Gian dâm, ô uế, phóng đảng, thờ thần tượng, phù thủy, thù hận, tranh chấp, ganh ghét, giận dữ, tham vọng ích kỷ, chia rẽ, bè phái, ghen tị, say sưa, chè chén và những điều khác tương tự …Ga-la-ti 5:19-21)  Hãy nêu lên lý do tại sao?

**Bài 6

Sự Khôn Ngoan Huyền Bí của Đức Chúa Trời
1Côr 2:1-16**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Người Cô-rinh-tô thích sự khôn ngoan và tài hùng biện của những triết gia và nhà hùng biện thời bấy giờ. Phao-lô nhắc nhở tín hữu Cô-rinh-tô sứ điệp hay nội dung của Phúc Âm của Chúa là một huyền nhiệm. Một số văn bản cổ ghi “Lời chứng” thay vì “huyền nhiệm” về sự hy sinh của Chúa Giê-su trên thập tự giá.

Nan đề của tín hữu Cô-rinh-tô là muốn pha trộn hay sửa đổi Phúc Âm của Chúa cho giống với những triết thuyết khôn ngoan thông thái thời bấy giờ.

Ngày nay nan đề này cũng đang xảy ra trong hội thánh khắp nơi, đặc biệt là tại Tây Phương. Những người Tin Lành tự do cấp tiến (Liberal) đã cố gắng biến đổi Phúc Âm và sư ïdạy dỗ của Kinh Thánh cho hợp với triết học, khoa học thực nghiệm và hợp với quan niệm chính trị và xã hội hiện đại. Hậu qủa là họ đã dạy một nhân vật Giê-su hoàn toàn khác với Chúa Giê-su, một thần nhân, Con Đức Chúa Trời, Chúa Cứu Thế của nhân loại mà các Sứ Đồ và Phao-lô truyền giảng. Hậu quả thứ hai cũng không kém nguy hại; những kiến thức của những người tự do cấp tiến dạy chỉ là tri thức chết, thiếu quyền năng của Đức Thánh Linh để cứu rỗi và biến đổi đời sống tội lỗi.

Người Cô-rinh-tô thích người truyền đạo Chúa cũng giống như những nhà hùng biện thời bấy giờ. Những người này đã lôi cuốn môn đệ và người ta theo họ bằng tài hùng biện, bằng những lời nói văn hoa, chãi chuốc và thuyết phục. Nhưng ngay cả một số những nhà phê bình Hy Lạp cổ cũng đã bài bác khuynh hướng quá thiên về hình thức, chuộng sáo văn, sáo ngữ nên đã dẫn đến tình trạng thích những điều hoang tưởng, huyền hoặc mà không học hỏi, chú trọng đến nội dung chân lý chính đáng.

Phao-lô nhắc nhở tín hữu Cô-rinh-tô rằng ông đã dạy và truyền giảng Phúc Âm không phải bằng tài hùng biện khôn khéo nhưng bằng “sự thể hiện và quyền năng của Đức Thánh Linh.” Từ “sự thể hiện” nói về sự trình bày bằng chứng trước tòa án; ở đây nói đến bằng chứng về sự chết và sống lại của Chúa Cứu Thế; quyền năng là năng lực cứu rỗi và biến đổi đời sống của những người tin Chúa.
Phao-lô không truyền giảng Phúc Âm để lôi cuốn người ta theo ông mà là đem người ta đến với Chúa Giê-su và ông không dùng tài hùng biện cũng như các nguyên tắc tâm lý khôn khéo của người phàm mà là trình bày bằng chứng chân thật về sự chết và sống lại của Chúa Cứu Thế và quyền năng đổi mới đời sống của Đức Thánh Linh trong đời sống tín hữu. Điều này không có nghĩa là Phao-lô không học hỏi và sử dụng các ân tứ giảng dạy và kỷ năng, phương pháp trình bày hợp lý và hữu hiệu; thật ra Phao-lô đã sử dụng nhiều lần trong các cuộc hành trình, truyền giảng của ông.

Phao-lô muốn người Cô-rinh-tô tin cậy Chúa Cứu Thế và Đức Chúa Trời thay vì tin cậy vào triết thuyết  khôn ngoan của loài người; ngay cả chỉ tin và ỷ lại vào ông, một người rao truyền Phúc Âm của Chúa. Một trong những dấu hiệu của một tôi tớ thật của Chúa là người này cố gắng đem người ta đến với Chúa, tin Chúa, thờ phượng và phục vụ Chúa, không phải chiêu dụ người ta đến và theo mình. Một trong những dấu hiệu khác nữa là tôi tớ thật của Chúa cố gắng tôn vinh Chúa, đem vinh hiển về cho Chúa; dạy người ta tôn vinh Chúa, không phải cố gắng làm cho người ta tôn vinh, ngưỡng mộ cá nhân mình.

Phúc Âm cứu rỗi là sự khôn ngoan huyền bí của Đức Chúa Trời cho những người trưởng thành thuộc linh, vì chỉ có những người có Đức Thánh Linh trong lòng soi sáng mới thấy và hiểu được sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời. Những người ngoại đạo, vô tín dù là người thông thái hay quyền thế trên đời này cũng không thể hiểu được vì họ không có Đức Thánh Linh và vì họ sẽ đi vào chỗ hư vong. Phúc Âm hay chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời qua Chúa Cứu Thế là một sự huyền bí được hoạch định từ vĩnh cửu và giấu kín trong các thời đại trước cho đến lúc bấy giờ (thời các Sứ Đồ và Phao-lô). Thật ra Phúc Âm cứu rỗi của Chúa Cứu Thế vẫn còn giấu kín đối với thế gian và những người khôn ngoan, những nhà lãnh đạo vô  tín  cho đến ngày nay.

Phúc Âm cứu rỗi là chương trình do Đức Chúa Trời hoạch định nên nó sẽ được hoàn thành đúng thời hạn; không có gì, không có ai kể cả những kẻ khôn ngoan hay lãnh đạo thế gian này có thể ngăn chận Phúc Âm cứu rỗi của Đức Chúa Trời.

Một phần của sự cứu rỗi là sự vinh quang mà con dân của Chúa Cứu Thế sẽ nhận được khi Ngài quang lâm. Đây là hy vọng chắc chắn của con dân Chúa đã được Đức Chúa Trời hoạch định và Ngài sẽ hoàn thành đúng thì.

Những tín hữu Cô-rinh-tô ưa chuộng sự khôn ngoan của thế gian nhưng Phao-lô chỉ cho họ thấy những người khôn ngoan, những nhà lãnh đạo của thế gian hoàn toàn không hiểu biết gì về sự khôn ngoan và vinh quang của Đức Chúa Trời. Bằng chứng là họ đã giết Chúa Cứu Thế vinh quang. Những nhà lãnh đạo ở đây nói về giới cầm quyền thời bấy giờ, nhưng cũng có thể nói đến ‘giới cầm quyền chốn không trung” (Êph 6:12) tức là Sa-tan và ma quỉ. Thực ra đối với những người trưởng thành và có mắt thuộc linh, những lực lượng tối tăm vô hình phía sau những con người và hành động dã man, đại ác là một thực tế ngày càng gia tăng rõ rệt khi ngày Chúa quang lâm càng gần.

Dù những người khôn ngoan thông thái và những nhà lãnh đạo của thế gian không thấy và không hiểu được Phúc Âm cứu rỗi trong Chúa Cứu Thế và sự vinh quang của Ngài, nhưng đối với những người tin cậy và yêu mến Chúa thì đây là chương trình đã được hoạch định từ vĩnh cửu và đang hoàn thành.

Những người tín hữu trưởng thành sẽ thấy, biết và tham gia vào chương trình cứu rỗi vinh quang để nhận được sự vinh quang của Chúa Cứu Thế khi Ngài quang lâm.
Sự cứu rỗi của Chúa là một huyền nhiệm do cả ba ngôi Đức Chúa Trời tham dự và thực hiện. Đức Chúa Cha hoạch định và chọn lựa tội nhân theo ân huệ của Ngài; Đức Chúa Con hy sinh chịu chết thay cho nhân loại và Chúa Thánh Linh khải thị, thuyết phục, đổi mới và soi sáng tín hữu.

Phao-lô trong khi giải thích công việc của Chúa Thánh Linh cũng xác định giáo lý Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Đức Thánh Linh biết tất cả mọi sự, vậy Ngài là Đấng toàn tri. Trong vũ trụ này chỉ có Đức Chúa Trời là Đấng toàn tri vậy Đức Thánh Linh cũng là Đức Chúa Trời. Đức Thánh Linh biết tư tưởng của Đức Chúa Trời, tức là biết mọi sự sâu nhiệm của Đức Chúa Trời (c. 10,11); như thế Ngài là Đức Chúa Trời vì chỉ có tâm linh của một người mới biết được tư tưởng của người đó.

Phao-lô giải thích tại sao tín hữu, những người trưởng thành thuộc linh, những người có Đức Thánh Linh trong lòng mới hiểu được Phúc Âm cứu rỗi hay sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời. Người tín hữu khác với người thế gian hay người thiên nhiên ở chỗ tín hữu có Chúa Thánh Linh trong lòng, còn người thế gian hay thiên nhiên không có. Đức Thánh Linh khải thị hay mở màn, mở mắt cho chúng ta thấy Phúc Âm cứu rỗi trong Chúa Cứu Thế chính là một ân phúc Đức Chúa Trời ban cho mình. Người thế gian, dù là người khôn ngoan của thế gian cũng không thể thấy được điều này vì họ không có Đức Thánh Linh mở mắt, soi dẫn; họ cho rằng sự chết của Chúa Giê-su là một điều dại dột. Phúc Âm cứu rỗi là một vấn đề tâm linh, thiêng liêng nên chỉ có những người có Đức Thánh Linh soi dẫn, dạy dỗ, giải thích mới có thể hiểu được.

Qua câu 14 Phao-lô cũng dạy một điều quan trọng khác liên quan đến vấn đề mạc khải phổ quát. Một số tôn giáo và triết gia trên thế giới và ngay cả Công giáo cho rằng con người thiên nhiên có thể biết Đức Chúa Trời qua mạc khải phổ quát, tức là qua thiên nhiên, trực giác, lý trí và lương tâm. (Một vài nhà thần học Tin Lành tự do cấp tiến và Công giáo cho rằng người ta có thể biết Đức Chúa Trời bằng cách thiền định!)  Nhưng ở đây Phao-lô xác định rõ người thiên nhiên “không thể nhận những ân phúc do Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời ban… họ cũng không thể hiểu nổi vì phải nhờ Đức Thánh Linh mà suy xét”. Từ “không thể” có nghĩa là “không có khả năng” để tiếp nhận hay để hiểu biết.

“Biết được tâm trí của Chúa” hay “có tâm trí của Chúa Cứu Thế” không có nghĩa là tín hữu sẽ trở nên “toàn tri” và “vô ngộ” nhưng Phao-lô muốn nói đến sự việc tín hữu sẽ có thể nhìn cuộc đời và thế giới theo thế giới quan của Chúa Giê-su; nhận diện sự vật theo hệ thống giá trị vào đạo đức của Chúa thay vì của thế gian. Có tâm trí của Chúa Cứu Thế là có sự hiểu biết về chương trình và mục đích của Chúa Cứu Thế cho cá nhân mình và cho thế giới.

II. Câu Hỏi Thảo Luận

1. Sự khôn ngoan huyền bí của Đức Chúa Trời là gì?
2. Tại sao chúng ta không thể thay đổi Phúc Âm cứu rỗi của Chúa Cứu Thế cho hợp với triết học và khoa học hiện đại?
3. Hậu quả của việc thay đổi nội dung Phúc Âm của Chúa Giê-su là gì?
4. Nhiều người dùng câu 2:2 để dạy rằng chúng ta không cần học những kiến thức gì khác  ngoại trừ Phúc Âm và Kinh Thánh? Đúng hay sai?Giải thích quan điểm của bạn?
5. “Sự thể hiện Đức Thánh Linh và quyền năng” nói đến những điều gì?
6. Một trong những bằng chứng cho thấy những người khôn ngoan, quyền thế của thế gian không thể hiểu Phúc Âm cứu rỗi của Chúa Cứu Thế là gì?
7. Tại sao tín hữu có thể thấy và hiểu được Phúc Âm cứu rỗi của Chúa?
8. Những điều nào trong đoạn này chứng tỏ rằng Đức Thánh Linh là Đức Chúa Trời?
9. Một người có thể biết Đức Chúa Trời nhờ trực giác hay thiền định không? Tại sao?
10. Thế nào là một tín hữu thuộc linh và trưởng thành?

**Bài 7

Tín Hữu Trưởng Thành và Ấu  Nhi
1Côr 3:1-4**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Trong đoạn trước Phao-lô giải thích sự khác nhau giữa người thiên nhiên (ngoại đạo) và người thuộc linh (tín hữu có Chúa Thánh Linh trong lòng); giờ đây ông cho thấy giữa vòng tín hữu cũng có hai ba loại tín hữu, tín hữu trưởng thành, tín hữu xác thịt và tín hữu ấu nhi.

Theo học giả Gordon D. Fee, Phao-lô đến thành phố Cô-rinh-tô vào khoảng năm
51-52 SCN và sau đó khoảng ba năm ( 55 SCN) ông viết thư cho hội thánh.

Phao-lô than rằng ông chưa thể nói với người tín hữu Cô-rinh-tô như nói với người thuộc linh nhưng nói với người “xác thịt”, như những trẻ sơ sinh  trong Chúa Cứu Thế.
Như thế Sứ Đồ Phao-lô cho rằng một người mới tin Chúa Giê-su làm Cứu Chúa của mình là một trẻ sơ sinh thuộc linh trong Chúa. Một khía cạnh khác Phao-lô cũng coi là một điều đương nhiên cần nhắc đến ở đây, một tín hữu mới cần thời gian để lớn lên về phương diện thuộc linh hay đức tin trong Chúa. Theo Phao-lô những tín hữu ở Cô-rinh-tô đã tin Chúa khoảng ba năm, nên ông cho rằng đáng lý họ phải trưởng thành rồi, nhưng họ chưa trưởng thành và ông gọi họ là những tín hữu “xác thịt”. Như thế Phao-lô  đã phân biệt tín hữu như sau:

1. Tín hữu sơ sinh hay ấu nhi là người mới tin Chúa trong vòng ba năm.
Người mơí tin Chúa cần thời gian để lớn lên, để tăng trưởng là một điều tự nhiên, nhưng nếu đã tin Chúa trong ba năm mà chưa trưởng thành trong
Chúa thì đó là một nan đề.

Phao-lô biết rằng đa số những tín hữu mới tại thành Cô-rinh-tô là những người xuất phát từ nền văn hoá Hy Lạp và từ các tôn giáo khác nhưng ông vẫn kỳ vọng rằng họ đã trưởng thành thuộc linh trong ba năm. Điều này cũng áp dụng cho người Việt Nam chúng ta ngày nay; chúng ta không thể lấy cớ rằng mình chưa biết gì về Chúa và đạo Chúa nên chúng ta, hay những người ngoại quốc từ các nền văn hoá khác, phải cần nhiều thời gian hơn để trưởng thành thuộc linh.

Thức ăn thuộc linh dành cho tín hữu ấu nhi là sữa, không phải đồ ăn cứng. Vậy sữa thuộc linh là gì? Tác giả thư Hê-bơ-rơ cho rằng “sữa” thuộc linh là “những điều sơ học về Lời Đức Chúa Trời” (Hêb 5:12) Điều sơ học chỉ về A,B,C… trong lời Chúa hay trong Đạo Chúa nói chung. Trong bối cảnh của hội thánh Cô-rinh-tô điều sơ học về Lời Đức Chúa Trời chỉ về điều sơ đẳng của Phúc Âm cứu rỗi trong Chúa Cứu Thế.

Tín hữu đều biết mình là người có tội; Chúa Giê-su đã hy sinh chịu chết cho chúng ta và đã sống lại. Ai tin cậy Chúa Giê-su sẽ được tha tội và được sự sống vĩnh phúc. Nhưng đây chỉ là điểm bắt đầu của đời sống mới trong Chúa Cứu Thế. Tín hữu của Chúa cần tiến bộ, lớn lên để biết rõ mục đích của đời sống mới, tương lai, trách nhiệm của tín hữu; con dân Chúa phải sống như thế nào, làm gì và hy vọng những gì.

Những dấu hiệu của trẻ em là không hiểu biết nhiều và không hành động thích hợp. Trẻ em hay bỏ đồ chơi vào miệng vì nó chưa biết phân biệt cái gì là thức ăn và cái gì là đồ chơi. Tín hữu ấu nhi vì mới trong đức tin nơi Chúa nên chưa biết phân biệt đâu là đạo Chúa đâu là tà giáo; chưa biết điều gì là đúng và hợp ý Chúa , điều gì là sai và trái ý Chúa và vì thế sẽ có nhiều hành động không hợp Lời Chúa. Nhưng những người đã tin Chúa vài ba năm thì không thể sống và hành động như thế.

2.  Tín hữu tin Chúa đã ba năm mà vẫn suy nghĩ, hành động và có tư cách như những ấu nhi thuộc linh là tín hữu xác thịt.
Tác giả thư Hê-bơ-rơ cho rằng những tín hữu xác thịt là tín hữu “chậm hiểu” những vấn đề thuộc linh, chưa nhận đươc những thức ăn cứng dành cho người trưởng thành. Từ “chậm hiểu” (Hêb 5:11) có nghĩa là lười biếng và không thích học hỏi những điều thuộc linh, những điều thuộc về Chúa và Vương Quốc của Chúa. Tình trạng ấu trĩ , xác thịt này sẽ đem đến hai tệ trạng:
1/ Tư cách đạo đức xấu xa, thấp kém, giống như thế gian.
2/ Không muốn tham gia, phục vụ mục đích lớn lao, cao cả của Chúa; không muốn chia xẻ, đóng góp xây dựng hội thánh Chúa hay Nước Đức Chúa Trời.

Đây chính là tình trạng của nhiều tín hữu dù đã tin Chúa nhiều năm nhưng không thích học Lời Chúa, không thích học trường Chúa Nhật, không thích thờ phượng Chúa. Hậu qủa là đời sống đạo đức của họ không có gì khác với thế gian đồi trụy. Những người tín hữu này hoàn toàn chú trọng đến cá nhân, gia đình mình mà thôi và không tham gia, đóng góp hay phục vụ Chúa.

Trẻ ấu nhi chưa biết Đạo công chính; chưa lớn lên nhờ thực hành, luyện tập để có khả năng phân biệt thiện, ác (Hêb 5:12-14). Một tín hữu phải học hỏi Lời Chúa, áp dụng trong đơì sống hàng ngày; kinh nghiệm được điều đúng, sai; những phúc lành và tai họa. Nhờ học hỏi, thực hành những nguyên tắc sống của Đạo Chúa, tâm linh người tín hữu mới tăng trưởng để hiểu, để thấy những chương trình, mục đích cao quí, tốt đẹp và sâu xa của Chúa. Nhờ đức tin tăng trưởng người tín hữu mới dám dấn thân, hăng hái tham gia, phục vụ để hoàn thành mục đích cao cả và lớn lao của Chúa.  Sự hiểu biết và trưởng thành trong Đạo Chúa sẽ đem đến hành động và tư cách thích hợp với ý Chúa và đẹp lòng Chúa. Tín hữu Cô-rinh-tô chưa hiểu biết  Đạo Chúa nên đã bày tỏ ít nhất là ba dấu hiệu của tín hữu xác thịt: Ganh tị, xung đột và chia rẽ (bè phái). Cả hai từ “ganh tị” và “xung đột” đều nói về sự chú trọng quá nhiều đến “cái tôi” nên chống đối lẫn nhau. Tín đồ xác thịt vẫn còn “cái tôi” cũ quá nhiều và thích làm theo ý mình, thoả mãn dục vọng ích kỷ của mình hơn là hoàn thành mục đích của Chúa. Tín đồ xác thịt cũng khó hoà đồng với  ý kiến của cộng đồng dân Chúa; chỉ làm theo ý của đa số cộng đồng dân Chúa khi ý kiến đó là ý kiến của mình.

Phao-lô cũng liệt kê một số những hành động theo xác thịt:
“Các hành động theo tính xác thịt thật rõ ràng, ấy là: Gian dâm, ô uế, phóng đảng, thờ thần tượng, phù thủy, thù hận, tranh chấp, ganh ghét, giận dữ, tham vọng ích kỷ, chia rẽ, bè phái, ghen tị, say sưa, chè chén, và những điều khác tương tự.” (Gal 5:19-21)

Tín hữu xác thịt thích làm theo thế gian, vì thế một số người theo Phao-lô vì Phao-lô là người sáng lập hội thánh. Trong xãhội thơì ấy, những nhà triết học và hùng biện thường chiêu mộ nhiều người theo mình. Vấn đề tranh dành môn đệ là điều thường tình. Một số người khác theo A-bô-lô vì ông này là một nhà hùng biện thông thạo Kinh Thánh (Công Vụ 18:24) như thế người lãnh đạo của họ cũng có tài hùng biện giống như những nhà lãnh đạo trong xã hội thời ấy và hội thánh sẽ được thế gian khen ngơị và chấp nhận. Vì mong muốn theo thế gian và được thế gian ngưỡng mộ,  tín hữu Cô-rinh-tô đã hiểu lầm, đã đi xa mục đích của Chúa và trở nên chia rẽ, bè phái. Thật ra trong suốt các thơ tín, Phao-lô và A-bô-lô đều một lòng phục vụ Chúa, không hề tranh cạnh với nhau hay có ý phân biệt, chia rẽ, tranh dành môn đệ trong hội thánh Chúa. Nan đề này xuất phát từ những tín hữu xác thịt, thế gian.

Cảm tạ ơn Chúa Phao-lô và A-bô-lô không ngã theo họ. Phao-lô đã phân tích, giải thích cho tín hữu Cô-rinh-tô thấy tình trạng sai lầm, yếu kém của họ.
Cảm tạ ơn Chúa hơn nữa, hội thánh Cô-rinh-tô đã lắng nghe Phao-lô; đã ý thức được tình trạng “xác thịt” và “thế gian” của mình, đã sữa đổi và tiến lên trên hành trình thuộc linh của mình. Kết quả hiển nhiên là hội thánh Cô-rinh-tô đã đứng vững và cùng hợp tác với những hội thánh khác trong vùng đem Phúc Âm của Chúa Cứu Thế đến cho toàn thể dân tộc của họ và đại đa số người Hy Lạp đã theo Đạo Chúa gần hai ngàn năm nay.

II. Câu Hỏi Thảo Luận.

1. Theo đoạn Kinh Thánh này (1Côr 3:1-4) Phao-lô đềcập đến những loại tín hữu nào?
2. Thế nào là tín hữu ấu nhi?
3. Phao-lô cho rằng một tín hữu sơ sinh (ấu nhi) cần bao nhiêu thời gian để trưởng thành ?
4. Thế nào là tín hữu xác thịt? Hãy nêu lên nguyên nhân chính làm cho một tín hữu trở nên tín hữu xác thịt.
5. Hội thánh của bạn đã có giải pháp nào để loại bỏ những trở ngại gây cho tín hữu trở nên xác thịt.
6. Hãy nêu lên và mô tả hai hậu quả tai hại nghiêm trọng của một tín hữu xác thịt?
7. Phao-lô nêu lên ba dấu hiệu “xác thịt” trong hội thánh Cô-rinh-tô, ba dấu hiệu đó là những điều gì ?
8. Tại sao Phao-lô trách tín hữu Cô-rinh-tô là “thế gian”? Thế nào là khuynh huớng “thế gian” ?
9. Chúng ta nên làm gì để tránh những khuynh hướng thế gian?
10. Phao-lô và A-bô-lô có bị ngã theo bè đảng trong hội thánh Cô-rinh-tô không? Điều gì đã giúp hai nhà lãnh đạo này tránh được tai hại đó?
11. Hãy nêu lên những nguyên nhân giúp hội thánh Cô-rinh-tô lắng nghe Phao-lô, sữa sai và đã tiến bộ, thành công rực rỡ đem vinh quang cho Chúa đến ngày nay?

**Bài 8

Sửa Chữa Quan Niệm Sai Lầm về Hội Thánhvà Mục Vụ
1Côr 3:5-23**

**I. Bối Cảnh và Lược Giải
Trong phần trước Phao-lô cho tín hữu Cô-rinh-tô thấy thế nào là sự khôn ngoan xác thịt hay thế tục và thập tự gía chính là sự khôn ngoan thiên thượng. Vì tín hữu Cô-rinh-tô hành xử theo sự khôn ngoan thế tục nên gây ra nạn chia rẽ, bè phái trong hội thánh Chúa. Trong phần này Phao-lô phân tích cho tín hữu Cô-rinh-tô thấy họ có quan niệm sai lầm về bản chất của hội thánh và về chức vụ, vai trò giới lãnh đạo của hội thánh, đặc biệt là những người dạy dỗ.

Phao-lô dùng hai hình ảnh để nói lên bản chất của hội thánh: Đồng ruộng và đền thờ Đức Chúa Trời.**

**Đồng ruộng của Đức Chúa Trời.
Tín hữu là đồng ruộng của Đức Chúa Trời. A-bô-lô và Phao-lô chỉ là những người tôi tớ, người làm công trong đồng ruộng của Chúa; hai người này không phải là người chủ đám ruộng; nghĩa là đám ruộng hay những tín hữu không thuộc về người đầy tớ để mà chạy theo họ.

Một trong những công tác một tôi tớ của Chúa làm là chứng nhân để đem người ta đến với Chúa bằng đức tin nơi Chúa Cứu Thế. Câu này cũng ám chỉ Phao-lô là người đem những người Cô-rinh-tô đến với Chúa Giê-su; hay ông là người lập hội thánh.

Phao-lô cũng cho thấy công tác đem người đến với đức tin và vào trong hội thánh do nhiều người khác nhau, làm những công tác (mục vụ) khác nhau tùy theo ân tứ khác nhau (chương 12) Chúa ban cho mỗi người.

Như thế tín hữu không nên quá chú trọng đến những tôi tớ và hùa theo những người tôi tớ để trở nên chia rẽ, bè phái. Tín hữu nên tập trung nổ lực và chú trọng vào mục đích của Chúa, Đấng làm chủ đám ruộng, chủ linh hồn họ và là Chủ của hội thánh.

“Tôi đã trồng” ám chỉ Phao-lô là người lập hôị thánh. “A-bô-lô đã tưới” ám chỉ A-bô-lô là người dạy dỗ, chăm sóc, xây dựng hội thánh. Đức Chúa Trời làm cho đời sống tín hữu và hội thánh lớn lên.
Hội thánh gồm có nhiều người khác nhau; có ân tứ khác nhau như chứng đạo, truyền giáo, dạy dỗ, làm việc từ thiện, hành chánh…tất cả đều thực hiện cùng một mục tiêu cho Chúa. Chúa là Đấng làm cho tín hữu và hội thánh lớn lên.

Tín hữu cần phải lớn lên về cả phẩm ( đức tin, đạo đức) lẫn số lượng người tin Chúa và gia nhập vào hội thánh. Những tín hữu Cô-rinh-tô vì hiểu sai bản chất của hội thánh và chức vụ của người lãnh đạo tôi tớ nên vẫn còn ấu trĩ , chưa trưởng thành và hậu quả là hội thánh bị chia rẽ, bè phái. Khi mọi tín hữu đều chú trọng vào Chúa, làm việc cho Chúa; người ta sẽ thấy sự khác biệt nơi các tôi tớ và sự khác biệt trong chức vụ, các ân tứ khác nhau là điều cần thiết cho sự tăng trưởng và kết quả tốt đẹp (mùa gặt lớn) của hội thánh.

Phao-lô cho thấy người lập hội thánh và người dạy dỗ hội thánh đều bằng nhau trước mặt Chúa và sẽ được tưởng thưởng tùy theo công lao của họ. Nói một cách rộng ra, người làm công việc chứng đạo, truyền giáo, xã hội để đem người về với Chúa và vào hội thánh cũng như người dạy dỗ tín hữu để họ lớn lên trong hội thánh đều quan trọng.

Hội thánh Chúa bao gồm nhiều người khác nhau, làm nhiều việc khác nhau với những ân tứ khác nhau để đạt được một mục đích chung. Vì thế tất cả những người lãnh đạo lẫn tín hữu đều phải hiểu rõ bản chất của hội thánh cũng như những chức vụ khác nhau và nên có tinh thần khiêm nhường để làm việc với nhau, đạt mục đích chung, tức là một mùa gặt lớn lao cho đồng ruộng của Chúa.**

**Nhà (đền thờ) của Đức Chúa Trời.
Phao-lô nhờ ân sủng của Chúa lập nền hội thánh. Ân sủng là ơn cứu rỗi tổng quát nhưng trong bối cảnh của thư Cô-rinh-tô, từ “ân sủng” ở đây cũng có thể chỉ về ân tứ “Sứ Đồ” của Phao-lô.
Nền của hội thánh không có gì khác hơn là Chúa Cứu Thế, Đấng chịu chết trên thập tự giá mà ông đã nói đến trước đây.

Phao-lô là một “chuyên gia xây cất giỏi” (nguyên văn: một kiến trúc sư khôn ngoan) so với những người dựa trên “khôn ngoan thế tục”. Phao-lô đã đặt nền móng và nhiều người khác xây dựng lên.
Cái nền của hội thánh là Chúa Giê-su, Đấng chịu chết trên thập tự giá, là Phúc Âm cứu rỗi của Chúa Cứu Thế; không có một nền móng nào khác dù là những triết thuyết được thế gian cho là khôn ngoan.

Nan đề lớn ngày nay là người ta muốn làm cho Phúc Âm cứu rỗi hợp với khoa học hiện đại, hợp với triết lý thông thái đương thời nên đưa đến tình trạng thỏa hiệp sứ điệp Phúc Âm và trong một số trường hợp đã biến Phúc Âm của Chúa Cứu Thế thành một mớ kiến thức hào nhoáng nhưng là kiến thức chết. (Như một số nhà thần học tự do cấp tiến đã tước bỏ thần tính của Chúa Cứu Thế; đã bài bác hay dùng những từ ngữ mơ hồ, na ná để tránh nói về sự sống lại của Chúa Giê-su; một số lớn những người này không tin rằng Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời.v.v.)
Phao-lô cũng nói đến những vật liệu xây trên nền móng hội thánh. Những vật liệu đó phải thích hợp với nền; nghĩa là thích hợp, trường cữu và không bị thiêu hủy.

Từ “mỗi người” có thể chỉ về cá nhân tín hữu. Mỗi tín hữu phải cẩn thận về những vật liệu (giáo lý, Lời Chúa) mình dùng để xây dựng đời sống đức tin và đạo đức.
Nhưng theo văn mạch, Phao-lô có lẽ muốn nhấn mạnh đến việc xây dựng hội thánh (cộng đồng dân Chúa).

Phao-lô liệt kê sáu loại vật liệu tiêu biểu thời đó để trang hoàng đền thờ như đền thờ Chúa ở Giê-ru-sa-lem hay đền thờ Apollo tại Cô-rinh-tô và xây nhà thông thường. Nhà thường dân thời đó có sườn bằng gỗ; cỏ khô hay rơm rạ trộn với đất bùn làm tường và mái lợp bằng cọng cỏ. Các vật liệu : vàng, bạc, đá quí, gỗ, cỏ khô hay rơm rạ không những chỉ theo thứ tự quí giá nhưng cũng theo thứ tự chịu đựng lửa và bị lửa thiêu hủy.

Cộng đồng tín hữu của Chúa hay hội thánh được xây dựng vững chắc và trường cửu nhờ Phúc Âm thuần túy và những giáo lý chân chính của Kinh Thánh thay vì dựa trên nền tảng của triết học thế gian (sự khôn ngoan thế tục) hay những nguyên tắc tâm lý, những tổ chức khéo léo, những nghệ thuật quảng cáo, những phương tiện giải trí, nghệ thuật hấp dẫn lôi cuốn người ta. Điều này không có nghĩa là những người lãnh đạo hội thánh không nên dùng những nguyên tắc truyền thông hữu hiệu, những phương pháp quản trị tốt, nhưng Phao-lô muốn cho chúng ta biết chỉ có nền tảng thật (Chúa Giê-su chịu chết trên thập tự giá và sống lại) và những giáo lý chân chính của Kinh Thánh mới có thể làm cho một tội nhân tái sinh, biến đổi và xây dựng nên những con dân thật có sự sống vĩnh cửu sung mãn trong Nước Đức Chúa Trời.

Phao-lô cảnh cáo tín hữu Cô-rinh-tô rằng vì muốn giống thế gian và được thế gian ngưỡng mộ, khen tặng, họ có thể thỏa hiệp với triết học khôn ngoan thế tục (Thay đổi Phúc Âm của Chúa Giê-su cho hợp với triết học thời đại hay thay thế Phúc Âm cứu rỗi bằng các triết thuyết khôn ngoan thế tục).

Nhiều hội thánh Tây phương ngày nay đang chết dần vì người ta đã thay thế Phúc Âm cứu rỗi bằng những kiến thức thế tục; thay thế những giáo lý chân chính của Kinh Thánh bằng những triết lý, phương pháp tổ chức, giáo dục, khoa học hiện đại. (kiến thức thế tục giúp tạo dựng một đời sống vật chất cao, thăng tiến nghề nghiệp nhưng không cứu rỗi tội nhân; Những phương pháp giáo dục, khoa học giúp tổ chức, phát triển một công ty, một hội đoàn thương mại, tài chính và chính trị nhưng không có quyền năng thay đổi đời sống đạo đức và xây dựng đời sống tâm linh của con người).
Ngày phán xét là một thực tại đối với tín hữu của Chúa vì thế giới này sẽ không tồn tại mãi. (2Tê-sa 2:2) Chúa sẽ phán xét nhân loại, kể cả tín hữu của Chúa Giê-su. Nhưng tín hữu của Chúa được xét để thưởng hay không được thưởng chứ không phải bị phán xét để hình phạt (Khải 20:11-15).

Đền thờ hay hội thánh Chúa là tất cả con dân trong cộng đồng dân Chúa tại địa phương (Cô-rinh-tô) và Đức Thánh Linh đang ngự giữa hội thánh hay giữa các con dân Chúa. Như thế Đức Thánh Linh đang ngự trong lòng mỗi cá nhân tín hữu (1 Côr 6:19) và cũng ngự giữa cộng đồng dân Chúa hay giữa hội thánh Chúa.

Phao-lô cho thấy quan niệm, kiến thức sai lầm về bản chất của Phúc Âm và hội thánh; hành động chia rẽ, bè phái và dạy dỗ sai lạc, tà thuyết sẽ phá hủy hội thánh. Nhưng ông cũng cảnh cáo tín hữu và lãnh đạo hội thánh Cô-rinh-tô rằng Chúa sẽ hủy hoại những kẻ đó.

Tín hữu Cô-rinh-tô tự hào rằng họ cũng khôn ngoan như thế giới thời bấy giờ nhưng Phao-lô cho thấy về phương diện tâm linh và theo quan điểm của Đức Chúa Trời, những điều mà thế gian cho là khôn ngoan chỉ là ngu dại và vô ích. Sự khôn ngoan của thế gian không đủ sức để cứu rỗi tội nhân và xây dựng đời sống tâm linh, đạo đức của tín hữu; không có quyền năng thiêng liêng để xây dựng hội thánh Chúa.

Tất cả những phúc lành của Chúa trên khắp vũ trụ đều thuộc về con dân của hội thánh của Chúa. Tất cả mọi sự trên thế gian là vì lợi ích cho con dân Chúa trong Nước Đức Chúa Trời. Con dân Chúa có tất cả mọi sự trong Chúa Cứu Thế nhưng chúng ta không thể sử dụng bừa bải các ân phúc đó vì chúng ta thuộc  về Chúa Cứu Thế. Như thế chúng ta cũng có trách nhiệm trước mặt Chúa Cứu Thế trong đời sống cá nhân lẫn công việc xây dựng hội thánh Chúa.

Chúng ta hãy mạnh dạn và tự hào như Phao-lô  để công bố rằng: “Thật vậy, tôi không hổ thẹn về Phúc Âm vì đây là quyền năng của Đức Chúa Trời  để cứu mọi người tin, trước là người Do Thái và sau là người Hy Lạp.” Rô 1:16**

**II.Câu Hỏi ThảoLuận.**

1. **Phao-lô dùng hai hình ảnh nào để nói lên bản chất của hội thánh Chúa?**
2. **Phao-lô va A-bô-lô có thể so sánh với hai vai trò nào trong hội thánh Chúa ngày nay?**
3. **Công tác đem người về với Chúa và xây dựng đời sống tín hữu lớn lên đòi hỏi bao nhiêu người trong hội thánh cùng làm việc?**
4. **Hãy nêu lên một vài lý do khiến cho tín hữu Cô-rinh-tô chia rẽ, bè phái?**
5. **Phao-lô và A-bô-lô có chạy theo  nhóm người ủng hộ mình không? Tại sao ?**
6. **Tín hữu Hội thánh Cô-rinh-tô đã lắng nghe lời quở trách và cảnh cáo của Phao-lô nên họ đã giải quyết được nạn chia rẽ và bè phái, nhờ thế họ vẫn tồn tại cho đến ngày nay. Theo bạn họ đã làm những gì để giữ hội thánh đoàn kết và trường tồn?**
7. **Nền tảng bất biến của hội thánh Chúa là gì?**
8. **Tại sao các triết học thế tục, khoa học thực nghiệm, tâm lý nhân bản không xây dựng được đời sống tâm linh và đạo đức tín hữu lẫn hội thánh Chúa (cộng đồng dân Chúa, thân thể Chúa) ?**
9. **Bạn có thấy sự liên quan giữa tình trạng suy đồi, đang đi vào chỗ chết của những giáo hội Âu Châu và Hoa Kỳ với việc các giáo hội này thay đổi Phúc Âm cứu rỗi của Chúa Giê-su (bác bỏ thần tính của Chúa Giê-su) và các giáo lý Kinh Thánh căn bản (Kinh Thánh không phải là Lời Đức Chúa Trời) không?**
10. **Những điều bạn đang sử dụng (thì giờ, tài năng, tiền bạc…) để xây dựng đời sống cá nhân và xây dựng hội thánh Chúa sẽ còn lại trong ngày phán xét không?**

**Cá nhân và hội thánh của bạn nên làm gì để những thành quả kia sẽ còn lại và được Chúa tưởng thưởng trong ngày Chúa trở lại?**

**Bài 9

Tín Hữu Trong Hội Thánh và Tôi Tớ của Chúa
1Côr 4:1-7**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Trong chương trước Phao-lô nói về bản chất của hội thánh và ông dùng ba hình ảnh khác nhau để minh họa hội thánh. Hội thánh là gia đình của Chúa, là đồng ruộng của Chúa và là nhà hay đền thờ của Chúa. Nếu tín hữu hiểu rõ bản chất của hội thánh và vai trò của mình trong hội thánh Chúa thì sẽ tránh được nhiều nan đề như chia rẽ, bè phái. Trong chương này Phao-lô nói đến tôi tớ của Chúa trong hội thánh. Mục đích của Phao-lô trong việc trình bày vai trò và trách nhiệm của tôi tớ Chúa để họ phục vụ Chúa một cách tốt đẹp hơn và tín hữu cũng hiểu biết rõ hơn vai trò và nhiệm vụ của những người lãnh đạo trong hội thánh để không xét đoán sai lầm nhưng hợp tác xây dựng nhà Chúa.

Tôi tớ và quản gia.
Sứ Đồ Phao-lô coi mình, Phê-rơ và A-bô-lô là những tôi tớ của Chúa Cứu Thế. Từ “tôi tớ” ở đây nguyên nghĩa là nô lệ chèo thuyền dưới hầm tàu. Thuyền lớn thời La Mã có nhiều nô lệ dưới hầm tàu chuyên chèo cho thuyền chạy. Như thế Sứ Đồ của Chúa Giê-su (hay mục sư, giáo sư A-bô-lô) là những nô lệ chèo thuyền theo lệnh của thuyền trưởng. Chúa Giê-su là thuyền trưởng của chiếc thuyền hay hội thánh. Tín hữu  và Sứ Đồ, giáo sư đều là tôi tớ phục vụ dưới quyền của Chúa và chịu trách nhiệm trước mặt Chúa. Những tôi tớ trong gia đình không có quyền đoán xét nhau; đó là quyền của Chúa, chủ gia đình.

Các Sứ Đồ cũng là những người quản trị huyền nhiệm của Đức Chúa Trời, tức là người quản trị chương trình cứu rỗi bởi Chúa Cứu Thế. Sự cứu rỗi nhân loại nhờ ân sủng, bởi đức tin nơi Chúa Cứu Thế Giê-su là một huyền nhiệm.

Người quản trị nguyên nghĩa là “người quản gia” coi sóc, quản trị mọi việc kể cả tài sản trong gia đình của chủ nhưng không phải là sở hữu chủ tài sản đó.
Trách nhiệm chủ yếu của người quản gia là trung tín với chủ. Chúa Giê-su đã kể ngụ ngôn ‘Mười Nén Bạc’ (Lu-ca 19:11-27) để nói lên ý nghĩa của sự “trung tín”. Người quản gia dùng tài sản của Chúa để đầu tư, làm lợi cho chủ và sẽ phải trình cho chủ kết quả việc làm của mình. Chủ là người sẽ phán xét người quản gia để thưởng hay phạt. Vậy người quản gia trung tín là người biết làm lợi cho chủ, làm hài lòng chủ chứ không phải làm hài lòng những tôi tớ khác trong gia đình. Đó là lý do Phao-lô không quan tâm đến sự đoán xét của tín hữu hội thánh Cô-rinh-tô và cả tòa án thế gian nữa đối với ông. Thật ra tín hữu Cô-rinh-tô không nên đoán xét Phao-lô vì họ cũng là những tôi tớ và không có quyền đó; chỉ có Chúa mới có quyền phán xét tôi tớ Ngài. Tuy nhiên không phải vì tín hữu không có quền đoán xét mà Phao-lô có thể hành động tất trách hay bất trung trong công việc Chúa; ông phải biết xét mình để khỏi bị Chúa đoán xét. Phao-lô đã xét mình và thấy rằng ông phục vụ Chúa đúng theo ý Chúa và đường lối Chúa, “không có gì trái”.

Ngoài ra cả tín hữu lẫn giới lãnh đạo hội thánh đều nên theo Lời Chúa để xét một người hay tư cách, mục vụ của người đó. Tín hữu Cô-rinh-tô đã sai lầm vì dựa vào sự khôn ngoan thế tục để xét tôi tớ Chúa. Điều sai lầm kế tiếp là họ đã tạo thêm những tiêu chuẩn vượt ra ngoài “lời đã chép” tức là Kinh Thánh. Họ đã thêm vào những tiêu chuẩn khôn ngoan thế tục. Nhiều giáo hội đã đặt thêm nhiều điều lệ, tiêu chuẩn thế tục thật cao  để thẩm định người phục vụ Chúa cũng như công việc Chúa.

Một vài người trong một giáo hội kia khoe rằng giáo hội của họ có nhiều mục sư có tiến sĩ hơn hết. Nhưng trong thực tế nhiều nhà thờ của họ phải đóng cửa và  giáo hội của họ không những không đem được người về cùng Chúa nhưng cũng là giáo hội bị mất tín hữu hội viên nhiều nhất. Một số người trong một giáo hội khác khoe rằng hàng giáo phẩm của họ đều phải tu học lâu năm, trình độ văn hóa rất cao và phải được huấn luyện khó khăn mới được thụ phong. Nhưng trong những năm gần đây người ta thấy hàng ngàn vụ sách nhiễu tình dục trẻ em bị phanh phui; hàng giáo phẩm và giáo hội bị kiện tụng khắp nơi.

Điểm kế tiếp Phao-lô muốn nhắc nhở tín hữu Cô-rinh-tô rằng họ đã đoán xét không đúng lúc. Vấn đề phán xét sẽ do Chúa thi hành vào ngày Chúa trở lại. Người phàm không thể nào đoán xét một cách công bình, chính đáng vì con người không thể biết hết tất cả những bí ẩn, mưu mô trong lòng người; chỉ có Chúa mới biết tất cả hoàn cảnh lẫn tấm lòng, động lực bên trong nên Ngài mới xét đoán phân minh và công bình.

Thái độ của tôi tớ và quản gia là gì? Khi hiểu rõ vai trò và địa vị của mình trong hội thánh và trước mặt Chúa, vị Chủ tối cao của mình, thái độ tự nhiên là khiêm nhường, trung tín và biết ơn thay vì kiêu ngạo, khoe khoang, đoán xét để rồi đưa đến tình trạng chia rẽ, bè phái trong hội thánh.

Phao-lô cũng nhắc nhở tín hữu Cô-rinh-tô rằng mỗi tín hữu đều sẽ được Chúa xét và tưởng thưởng xứng đáng tùy theo công việc của mình. Con dân của Chúa không phải làm việc để được cứu rỗi nhưng sẽ sống và phục vụ Chúa để được tưởng thưởng.

Muốn làm đẹp lòng chủ và được Chủ thưởng là một động lực thánh khiết và chính đáng. Đây cũng là một điều an ủi và khích lệ lớn lao cho con dân, tôi tớ Chúa trong suốt lịch sử hội thánh vì rất nhiều người phục vụ Chúa nhưng không được thế gian và ngay cả hội thánh ghi nhận hay khen thưởng, nhưng họ biết chắc và mong chờ sự tưởng thưởng của Vua của muôn vua, Chúa của muôn chúa trong ngày phán xét cuối cùng.

Trong khi dạy dỗ tín hữu Cô-rinh-tô về thái độ và cách hành xử đối với mục vụ và các tôi tớ Chúa (Phao-lô, Phê-rơ, A-bô-lô) trong hội thánh, Phao-lô cũng nói đến ngày Chúa tái lâm như là một động lực hướng dẫn con dân Chúa hành động và làm việc. Như thế sự tái lâm của Chúa Giê-su là một phần chắc chắn  và hết sức quan trọng  trong niềm tin của chúng ta.

Chính Chúa Giê-su hứa: “Vì thế các con phải sẵn sàng vì Con Người sẽ đến vào giờ các con không ngờ.” (Mat 24:44) và một chỗ khác: “nếu Ta đi và sửa soạn một chỗ cho các con , Ta cũng sẽ trở lại đón các con về với Ta, để Ta ở đâu các con cũng ở đó.” (Giăng 14:3) Lu-ca đã ghi lại lời hứa này khi Chúa Giê-su được cất lên trời sau khi sống lại: “Đức Giê-su này vừa được tiếp đón về trời khỏi các anh cũng sẽ trở lại như cách các anh thấy Ngài lên trời vậy.” (Công Vụ 1:11) Phao-lô ở đây và trong các thơ tín của ông thường nói đến sự tái lâm của Chúa: “Vì khi mệnh lệnh ban ra cùng với tiếng gọi của thiên sứ trưởng và tiếng kèn của Đức Chúa Trời vang lên thì chính Chúa sẽ từ trời giáng xuống.” (1Tê-sa 4:16) Tác giả thư Hê-bơ-rơ ghi: “Vậy Chúa Cứu Thế đã hy sinh một lần để xóa bỏ tội lỗi của nhiều người. Ngài sẽ xuất hiện lần thứ nhì, không phải để gánh tội lỗi nữa, nhưng đễ cứu rỗi những người trông đợi Ngài.” Hêb 9:28 Gia-cơ nói: “Anh chị em cũng hãy kiên nhẫn và vững lòng vì ngày Chúa quang lâm gần rồi.” (Gia-cơ 5:8) Phê-rơ cho biết: “ Nhưng Ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm.” (2Phê-rơ 3:10) và chính Chúa Giê-su vinh quang cũng hứa trong Khải Huyền:

“Này, Ta sắp đến, đem giài thưởng theo với Ta để báo trả cho mỗi người tùy theo công việc họ làm.” (Khải 22:12) Đây là hy vọng vinh quang của mỗi tín hữu thật và trưởng thành của Chúa trong mọi thời đại. Bạn và hội thánh bạn có hy vọng này không?

Qua những phần trước Phao-lô cho thấy tín hữu Cô-rinh-tô hiểu sai bản chất của hội thánh và mục vụ, vì thế đưa đến thái độ sai lầm về vai trò và trách nhiệm của tôi tớ Chúa. Đối với chính họ, họ cũng hiểu sai về thực trạng của mình trong hội thánh và trước mặt Chúa. Tín hữu Cô-rinh-tô tưởng rằng họ khôn ngoan như thế gian, nhưng thật ra chỉ là ngu dại trước mặt Chúa; họ tưởng rằng họ có quyền đoán xét người khác nhưng quên rằng họ cũng chỉ là tôi tớ và sẽ bị Chúa đoán xét; họ tưởng rằng họ có tất cả các ân tứ (1:7) nên trở thành kiêu ngạo, khoe khoang nhưng quên rằng tất cả ân tứ, tài năng, trí thức, địa vị họ có được là do Chúa ban cho. Thái độ đúng đắn của con dân trưởng thành và thuộc linh của Chúa phải là biết ơn, khiêm nhường và trung tín.

II.Câu Hỏi Thảo Luận.

1. Tại sao tín hữu trong hội thánh không nên đoán xét những người lãnh đạo (người sáng lập hay giáo sư dạy dỗ) trong hội thánh của mình?
2. Tín hữu cũng như chấp sự, mục sư, giáo sĩ sẽ phải chịu trách nhiệm trước mặt ai?
3. Hãy mô tả bản chất, vai trò và trách nhệm của một người “quản gia” của Chúa.
4. Phao-lô cho rằng “điều cần yếu” của một người quản gia là gì?
5. Hãy nêu lên những lý do con dân Chúa không nên đoán xét người khác?
6. Tiêu chuẩn để con dân Chúa xem xét một người, tư cách và công việc của người đó là gì? Tín hữu Cô-rinh-tô đã sai lầm ở những điểm nào?
7. Những điều gì đã giúp cho một tín hữu thật và trưởng thành trong Chúa trở nên khiêm nhường, biết ơn và trung tín?
8. Động lực nào đã thúc đẩy con dân Chúa phục vụ Chúa trong hội thánh dù có thể không được thế gian và ngay cả hội thánh ghi nhận, khen thưởng?
9. Theo bạn nghĩ, tất cả những tài năng, ân tứ, tiền bạc bạn đang có là do đâu? Như thế chúng ta phải có thái độ nào và nên làm gì cho Chúa ?
10. Bạn có tin rằng Chúa Giê-su sắp trở lại để đoán xét thế gian và tưởng thưởng con dân Ngài không? Tại sao? Hãy nêu lên một vài lý do bạn biết và thấy?

**Bài 10

Vua Chúa hay Cha Thuộc Linh
1Côr 4:8-21**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Phao-lô dùng ba hình ảnh để nói lên thái độ của tín hữu Cô-rinh-tô:
Họ no đủ rồi, họ giàu có và họ đang cai trị như vua chúa.
Người tín hữu Cô-rinh-tô cho rằng họ đã có đủ tất cả các ân tứ Thánh Linh (1:7) và nghĩ rằng thế là đủ rồi và trở nên kiên ngạo ngay cả với Sứ Đồ Phao-lô, người đem họ về với Chúa và sáng lập hội thánh Cô-rinh-tô. Có ân tứ, tài năng, tiền bạc, địa vị v.v. chưa phải là tất cả, nhưng Chúa ban cho những điều ấy là để sử dụng vào việc xây dựng hội thánh và Nước Đức Chúa Trời.
Tình trạng kinh tế của tín hữu Cô-rinh-tô có thể khá giả hơn khi họ mới tin Chúa (1:26) vì đa số trong họ trước đây có lẽ thuộc thành phần thấp kém trong xã hội thời bấy giờ. Phao-lô cũng có thể ám chỉ về thái độ cho rằng mình có nhiều  ân tứ thuộc linh như đã  được liệt kê ở chương 12.

Người tín hữu Cô-rinh-tô nghĩ rằng họ có khả năng, ân tứ; họ có tiền bạc giàu có và họ có sự khôn ngoan như thế gian; như thế họ cũng có quyền để cai trị hội thánh mà không cần Sứ Đồ Phao-lô và đường lối hay sự dạy dỗ của Chúa.

Ngày nay đại đa số hội thánh Âu Châu và một nữa số hội thánh có khuynh hướng thần học tự do cấp tiến (Liberal) thuộc đủ mọi giáo phái tại Hoa Kỳ cũng đang ở trong tình trạng này. Giới lãnh đạo và tín hữu của các hội thánh này cho rằng họ giàu có hơn, trí thức hơn, khôn ngoan hơn tổ tiên của họ vì thế họ không cần phải theo niềm tin Phúc Âm thuần túy và đường lối trong Chúa Cứu Thế của tổ tiên họ để cai trị hội thánh Chúa. Những người này khoe khoang về sự giàu có, tài năng, trí thức , những nguyên tắc quản trị khôn ngoan siêu đẳng; như thế họ đã có đủ mọi phương tiện và khả năng để xây dựng, phát triển hội thánh. Nhưng thực tế cho thấy những người này không đem được người về cùng Chúa, không xây dựng được  hội thánh, tức là xây dựng đời sống đức tin trưởng thành,  “thân thể” của Chúa, trái lại họ đang đưa hội thánh đến chỗ suy tàn, chết mất.

Phao-lô dùng hình ảnh tù binh, chiến lợi phẩm trong các cuộc diễn binh chiến thắng của các vua chúa, tướng lãnh La Mã để chỉ về các Sứ Đồ của Chúa Giê-su. Thường cuối các cuộc diễn binh thắng trận tại thủ đô cũng là những buổi lễ hội liên hoan trong các sân vận động lớn. Những tù binh sau khi bị kéo lê đi sau đoàn quân chiến thắng diễn hành để cho dân chúng xem, sẽ bị đẩy vào sân vận động để đấu với các dã thú cho đến chết như là những trò giải trí cho vua chúa, quan viên và quần chúng.

Phao-lô dùng cách đối tỉ và mĩa mai để nói lên tình trạng của tín hữu Cô-rinh-tô. Các Sứ Đồ như Phao-lô vì theo và phục vụ Chúa Cứu Thế nên bị thế gian cho là ngu dại. Họ làm như thế để tín hữu Cô-rinh-tô được trở nên khôn ngoan trong Chúa Cứu Thế; không phải khôn ngoan theo trần tục! Họ giảng đạo và xây dựng đời sống thuộc linh tín hữu để trở nên trưởng thành, mạnh mẽ trong Chúa và trong đức tin chứ không phải trở nên quyền thế. Họ truyền giảng Phúc Âm để đem người ta vào địa vị cao cả, làm con dân Đức Chúa Trời Chí Cao; bây giờ Sứ Đồ lại bị chính các tín hữu kia khinh bỉ!
Khi Phao-lô viết thư cho hội thánh Cô-rinh-tô, ông và các Sứ Đồ khác cũng đang giảng đạo và vẫn ở trong tình trạng nghèo nàn, lưu lạc và bị bức hại.

Khi truyền giáo tại Cô-rinh-tô Phao-lô đã tự làm việc bằng chân tay để sinh sống và khi hội thánh Cô-rinh-tô đã lớn mạnh và giàu có, Phao-lô vẫn làm việc lao lực để sinh sống vì “để khỏi làm gánh nặng cho một ai trong anh chị em. Không phải vì chúng tôi không có quyền hưởng cấp dưỡng, nhưng để làm gương cho anh chị em noi theo”.
2Tê-sa 3:8-9 Đáng lý hội thánh Cô-rinh-tô đã thấy và chu cấp đầy đủ cho Phao-lô để ông phục vụ họ và Chúa nhưng họ đã không làm điều đó dù họ đã “giàu có” rồi.
Về phương diện đạo đức Phao-lô và các Sứ Đồ đã theo gương của Chúa Giê-su để sống và hành xử. Triết lý sống của Phao-lô là triết lý “thập tự giá”; đạo đức của Phao-lô là đạo đức tình thương của Chúa Giê-su.

Phao-lô nhắc lại những điều này để tín hữu Cô-rinh-tô thấy rằng họ tự cho mình là khôn ngoan, đầy đủ, mạnh mẽ và kiêu ngạo về tình trạng của mình, nhưng thật ra họ đã có những thái độ và hành động trái ngược với khôn ngoan, trưởng thành,  mạnh mẽ và yêu thương trong Chúa.

Về phương diện thần học, vấn đề Nước Đức Chúa Trời và “thời đại cuối cùng”(Eschatology), quan điểm của Phao-lô là Nước Đức Chúa Trời “đã đến nhưng chưa hoàn tất” (already but not yet) trong khi thái độ của tín hữu Cô-rinh-tô lại có vẻ như họ đã đạt đến rồi. Chúa Giê-su đã mở cửa, khai trương Vương Quốc Đức Chúa Trời tại thế và Ngài truyền lệnh cho môn đệ Ngài tiếp tục sứ mạng cho đến khi Ngài trở lại. Phao-lô vẫn còn đang chiến đấu và chờ đợi ngày Chúa Cứu Thế Giê-su quang lâm; trong khi đó tín hữu Cô-rinh-tô coi mình như những vua chúa và quan viên, tướng lãnh La Mã đang ngồi trên ngai vui hưởng những thú vui chiến thắng.

Khiêm nhường, kiên trì và hy vọng là những dấu hiệu của một tín hữu và tôi tớ trung tín của Chúa Cứu Thế.
Trong mối quan hệ với tín hữu Cô-rinh-tô, Phao-lô đã đem Phúc Âm đến cho họ nên ông là cha thuộc linh của họ. Những người lãnh đạo hay giáo sư khác đang gây ảnh hưởng tại hội thánh Cô-rinh-tô chỉ là những người nô lệ kèm trẻ được cha mẹ của cậu bé giao cho việc dẫn đi học và về nhà cùng với việc coi chừng cậu trong thời gian đó.

Phao-lô mạnh mẽ khuyến khích tín hữu Cô-rinh-tô hãy theo gương ông như chính ông đã theo gương Chúa Giê-su (11:1). Đạo lý của Chúa không phải là vấn đề thuần túy trí thức dù tri thức Kinh Thánh hay khôn ngoan thế tục hoặc tài hùng biện (nói hay) như trường hợp các tín hữu Cô-rinh-tô đang kiêu hảnh và khoe khoang, nhưng Đạo lý của Chúa cần phải có hành động và gương mẫu kèm theo. Phao-lô và Ti-mô-thê đều có đủ cả hai phương diện đó và Phao-lô mong rằng hội thánh Cô-rinh-tô cũng sống và hành xử như vậy.   Phao-lô gởi Ti-mô-thê đến Cô-rinh-tô là vì Ti-mô-thê như là con yêu dấu của ông và là người trung tín trong các đường lối dạy dỗ lẫn đạo đức mà Phao-lô đã dạy trong khắp các hội thánh.

Kiêu ngạo là một tội nặng và nguy hại. Chúa đã phán: “Ta ghét kiêu ngạo, tự cao, đường lối ác và miệng gian tà.” (Châm Ngôn 8:13) Kiêu ngạo thuộc linh (vì khôn ngoan thế tục, giàu sang, có nhiều ân tứ thuộc linh) như tín hữu Cô-rinh-tô cũng không
kém nguy hại nên Phao-lô phải cảnh cáo họ.

Điều quan trọng đối với một tín hữu lẫn người lãnh đạo trong Nước Đức Chúa Trời (hay trong hội thánh Chúa) là quyền năng để cứu rỗi tội nhân và quyền năng để dạy dỗ, xây dựng những đời sống mới trong Chúa Cứu Thế thành thánh khiết, lớn mạnh, trưởng thành, sinh hoa kết quả nhiều cho Chúa chứ không phải nói hay, khoe nhiều.

Phao-lô cũng cảnh cáo hội thánh Cô-rinh-tô rằng ông sẽ dùng biện pháp kỷ luật nếu họ không thay đổi. Phao-lô muốn dùng tình yêu thương và tinh thần mềm dịu, nhưng nếu tín hữu Cô-rinh-tô không chịu thay đổi ông sẽ dùng kỷ luật. Một trong những quan niệm “yêu thương” sai lầm đang thịnh hành trong hội thánh và gia đình khắp nơi từ cuối thế kỷ thứ 20 này là vấn đề dung dưỡng tội lỗi và tránh dùng biện pháp kỷ luật.

Phao-lô cho thấy ông dùng biện pháp yêu thương trước nhưng không phải vì thế mà ông không dùng biện pháp kỷ luật trong gia đình và hội thánh nếu cần.
Hình ảnh của người cha thuộc linh là yêu thương, chăm sóc nhưng cũng sẵn sàng kỷ luật con của mình.

II. Câu Hỏi Thảo Luận

1. Ba hình ảnh của thái độ kiêu ngạo, khoe khoang của hội thánh Cô-rinh-tô là gì?
Tại sao thái độ này là sai lầm và nguy hại?
2. Trí thức (khôn ngoan thế tục), giàu có, quyền thế cai trị tự nó có gì sai lầm không?
Tại sao Phao-lô trách tín hữu Cô-rinh-tô khi họ khoe về những điều này?
3. Bạn có biết tại sao những giáo hội không còn tin Kinh Thánh là Lời vô ngộ của Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su chỉ là một người thường (không phải là Con Đức Chúa Trời), bị chết và không thực sự sống lại, không đem được người về với Chúa và đa số hội thánh của họ đang đi xuống, đóng cửa và suy đồi nhanh chóng không?
4. Hãy nêu lên một vài nguy cơ của một người tín hữu có nhiều tài năng, ân tứ nhưng không sử dụng đúng?
5. Tại sao Phao-lô chấp nhận bị coi như tù binh, nghèo nàn, ngu dại, yếu đưối (không có quyền thế) và khinh khi như rác rưởi trong thế gian?
6. Một trong những dấu hiệu ấu trỉ và phàm tục của hội thánh Cô-rinh-tô về vấn đề cấp dưỡng cho người phục vụ Chúa giữa họ là gì?
7. Hãy phân biệt sự khác nhau giữa người dạy đạo lý của Chúa và người dạy các kiến thức thế tục tại trường học?
8. Điểm sai lầm của tín hữu Cô-rinh-tô về Nước Đức Chúa Trời là gì? Thái độ nào là thái độ đúng về Nước Đức Chúa Trời ?
9. Tại sao Phao-lô mạnh dạn khuyên tín hữu Cô-rinh-tô hãy theo gương mình?
10. Trong cương vị của một người cha (lãnh đạo) thuộc linh của hội thánh, Phao-lô đã đối xử với hội thánh như thế nào?

**Bài 11

Đạo Đức Cơ Đốc
1Côr 5:1-5**

I.Bối Cảnh và Lược Giải.

Tội loạn luân
Trong đoạn này Phao-lô nói đến vấn đề đạo đức của tín hữu trong hội thánh Cô-rinh-tô. Để hiểu rõ hơn bối cảnh văn hóa lúc bấy giờ tại Cô-rinh-tô, chúng ta nên nhớ rằng đây là một vùng chịu ảnh hưởng Hy Lạp và đa thần. Những quan niệm về đạo đức của dân cư vùng này hoàn toàn phóng túng. Một văn nhân Hy Lạp đã tuyên bố : “Chúng ta giữ các cô gái cho lạc thú; các nàng hầu để lo chăm sóc thể xác, nhưng vợ để sinh con chính thức.”  Vấn đề ở đây là một người khi tin Chúa Giê-su làm Cứu Chúa của mình, người đó có cần phải thay đổi, sống theo quan niệm đạo đức Cơ Đốc như những công dân thánh và hội thánh của Chúa hay vẫn giữ những quan niệm đạo đức cũ, đặc biệt là khi các quan niệm đạo đức đó trái với quan niệm đạo đức Cơ Đốc.

Một tín hữu trong hội thánh đã phạm tội: “có người lấy vợ kế của cha mình”. Có thể đây là vợ bé hay nàng hầu của cha. Phao-lô cho rằng ngay cả người ngoại đạo thời ấy cũng không “loạn luân” như thế. Điều này có nghĩa là người ngoại đạo thời ấy và trong vùng đó cũng cho rằng đây là một điều tội lỗi, sai trái.

Khi nói như thế Phao-lô cũng hàm ý rằng quan niệm đạo đức của tín hữu của Chúa Giê-su phải tốt đẹp, cao quí hơn của người ngoại đạo.

Phao-lô trách hội thánh Cô-rinh-tô rằng “Đã thế anh chị em vẫn kiêu căng, thay vì than khóc..” Hội thánh chỉ nên áp dụng biện pháp kỷ luật khi người đó không ăn năn điều tội lỗi, sai trái của mình. Ở đây những tín hữu hội thánh Cô-rinh-tô không những dung dưỡng hành vi vô luân này nhưng còn có thái độ kiêu căng, hợm hỉnh về hành vi đó. Nếu những người lãnh đạo hội thánh dung dưỡng tức là họ công nhận hành vi loạn luân này là sai trái nhưng không đủ nghị lực để lên án và có biện pháp kỷ luật, loại bỏ người đó ra khỏi hội thánh để giữ cho cộng đồng dân Chúa thánh thiện (Lê-vi 18:6-8)
và không mang tiếng xấu.   Những người lãnh đạo và hội thánh Cô-rinh-tô có vẻ kiêu hảnh về lối sống phóng túng, tội lỗi của họ. Điều này có nghĩa là những người lãnh đạo và tín hữu hội thánh Cô-rinh-tô cho rằng đời sống tâm linh của họ đã đạt đến mức “khôn ngoan” và “thiêng liêng”, cao hơn là hành vi tội lỗi kia. Tội lỗi loạn luân không còn là nan đề đối với họ nữa. Đây cũng là tình trạng đang xảy ra tại một vài quốc gia và giáo hội Tin Lành Tây Phương về vấn đề  đồng tính luyến ái. Hòa Lan và Bỉ đã có luật cho phép những người đồng tính phái cưới nhau; Canada cũng sẽ có đạo luật như thế. Những người chủ trương hôn nhân cho những người đồng tính phái cho rằng họ là những người cỡi mở, phóng khoáng,  chấp nhận mọi người. Trong khi đó Kinh Thánh Cựu Ước lẫn Tân Ước đều cho rằng đây là một hành vi tội lỗi (Rô 1:26-32).

Hình phạt
Chúng ta được dạy không nên đoán xét một ai về động lực vì chúng ta không ai biết rõ tất cả nhưng khi một tội lỗi công khai trong hội thánh và ngay cả người ngoại cũng biết nữa thì hội thánh phải giải quyết trong tình yêu thương và với mục đích phục hồi chứ không phải hình phạt và hủy diệt. Chúa Giê-su đã đưa ra những nguyên tắc để giải quyết nan đề tội lỗi tỏ tường trong hội thánh và không chịu ăn năn (Mat 18:15-20).

Biện pháp hình phạt là một hành động tập thể (hội thánh hội họp lại), nhân danh Chúa Giê-su, tức là hành động theo sự dạy dỗ của Chúa Giê-su và trong thẩm quyền của Chúa. Phao-lô cho thấy tội nhân không phải bị xét xử và lên án vì ý kiến hay tình cảm của riêng Phao-lô; cũng không phải vì ý kiến hay tình cảm của hội thánh mà là theo nguyên lý và thẩm quyền của Chúa Giê-su, là Chúa của hội thánh.

Mục đích của hình phạt là để thanh tẩy và phục hồi cá nhân người có tội trở lại, ăn năn và trên phương diện tập thể hội thánh là để giữ gìn, tránh để tội lỗi lan tràn, ảnh hưởng cộng đồng dân Chúa; giữ tiếng tăm thánh thiện của hội thánh đối với thế gian.

Hình phạt hội thánh có thể làm là “loại bỏ người phạm tội ra khỏi cộng đồng dân Chúa hay hội thánh”. Không công nhận người đó là hội viên của hội thánh và cắt đứt mối quan hệ, không còn tiếp xúc với người đó nữa.

Phương diện thứ hai của hình phạt: “giao phó kẻ đó cho quỉ Sa-tan hủy hoại phần xác để phần hồn được cứu rỗi trong ngày của Chúa.”
“Giao phó cho quiû Sa-tan” nghĩa là bị cắt đứt, bị loại ra khỏi sự thông công của hội thánh và ra khỏi sự tương thông, bảo vệ của Đức Chúa Trời. Người bị loại ra khỏi cộng đồng dân Chúa sẽ phải sống dưới quyền tể trị của Sa-tan ngoài thế gian.

“Hủy hoại phần xác”: Thân thể tội nhân có thể bị Sa-tan, ma quỉ tấn công gây nên bệnh tật (như trường hợp Gióp) và ngay cả chết nữa như trường hợp của A-na-nia và Sa-phi-ra (Công Vụ 5:1-10). Nhưng sự loại bỏ ra khỏi hội thánh, giao phó cho quỉ Sa-tan và hủy diệt phần thể xác không có nghĩa là người đó sẽ mất sự cứu rỗi. Nhưng tất cả những sự hình phạt  trên là để người có tội đi đến chỗ ăn năn và được phục hồi vào trong hội thánh. (2Côr 2:5-8)

Hội thánh Cô-rinh-tô đã nghe lời Phao-lô thi hành biện pháp kỷ luật, giải quyết vấn đề tội lỗi công khai trong tình yêu thương, với mục đích phục hồi một anh em phạm tội nên hội thánh duy trì được sự thánh khiết, giữ được tiếng tốt cho cộng đồng dân Chúa nên hội thánh được phước nhiều.

Ngày nay đa số hội thánh vì muốn bày tỏ tình yêu thương,  bị áp lực được coi là thành công, đông đảo hội viên nên vấn đề kỷ luật  tương đối lỏng lẻo. Vấn đề đạo đức và thánh khiết của tín hữu và hội thánh đã bị thỏa hiệp nhiều. Một số hội thánh tại Tây Phương chủ trương thần học tự do cấp tiến nên vấn đề đạo đức như tự do luyến ái, đồng tính luyến ái hoàn toàn đồng hóa với thế tục.

II. Câu Hỏi Thảo Luận.

1. Một người đã tin Chúa Giê-su làm Chúa Cứu Thế nên sống theo giá trị đạo đức của thế gian hay của Chúa? Tại sao?
2. Thế nào là một hôn nhân theo Lời Chúa dạy?
3. Hãy nêu lên những lý do tại sao Phao-lô khuyên hội thánh phải trừng phạt người phạm tội loạn luân trong hội thánh Cô-rinh-tô?
4. Phao-lô đã khuyên hội thánh nên theo những nguyên tắc nào để thi hành hình phạt?
5. Hình phạt hội thánh thi hành đây là gì?
6. “Giao phó cho quỷ Sa-tan” nghĩa là gì?
7. “Hủy hoại phần xác” nói đến điều gì?
8. Người bị “giao phó cho quỷ Sa-tan” có mất sự cứu rỗi không? Tại sao?
9. Bạn nghĩ thế nào về một số hội thánh chủ trương làm lễ hôn phối cho những người đồng giới tính?
10. Tại sao những cá nhân và hội thánh thỏa hiệp về giá trị đạo đức với thế gian cũng như dung dưỡng tội lỗi trong hội thánh không được phước của Chúa?

**Bài 12

Thanh Tẩy Men Tội Lỗi
1Côr 5:6-13**

I.Bối Cảnh và Lược Giải.

Thanh tẩy men cũ.
Phao-lô nói thẳng ra rằng thái độ của giới lãnh đạo lẫn tín hữu hội thánh Cô-rinh-tô là điều xấu vì họ không những không cảm thấy hổ thẹn về tội loạn luân trong vòng mình nhưng họ còn khoe khoang về tinh thần “phóng khoáng” của họ.

Phao-lô nhắc nhở cho hội thánh biết tội lỗi cũng như men; chỉ một chút men có thể làm cả đống bột dậy lên. Tội lỗi công khai và được dung dưỡng trong hội thánh sẽ ảnh hưởng, sẽ lan tràn đến những người khác trong hội thánh. Tội lỗi cũng như ung thư, nếu tế bào ung thư không được giải phẩu, cắt đi, nó sẽ ăn lan ra những chỗ khác trong cơ thể (hội thánh).

Vào thời cổ người ta thường giữ lại một chút bột cũ đã lên men để làm men cho đống bột mới trong tương lai. Nhưng khi đi ra khỏi Ai-cập và trong tuần lễ Bánh Không Men, người Do Thái không được giữ men bằng miếng bột cũ; phải tẩy sạch men khỏi nhà bếp, bột làm bánh. Tiến trình lên men lâu ngày dễ sinh ra nhiểm trùng cho nên Chúa dạy người Do Thái phải tẩy sạch men khỏi nhà cửa mỗi năm một lần (Xuất 12:14-20). Phao-lô nhắc lại lịch sử dân Chúa khi ra khỏi cuộc sống nô lệ cũ ở Ai-câïp và lễ Bánh Không Men, lễ Vượt Qua khi con chiên (biểu tượng của Chúa Cứu Thế) bị giết đi để thay cho các con đầu lòng của dân Chúa. Tín hữu của Chúa Giê-su là một dân mới của Chúa thánh sạch; cộng đồng dân Chúa (hội thánh) cũng phải thánh khiết.

Tuy nhiên Phao-lô dùng hình ảnh chiên con lễ Vượt Qua để nói lên nguyên lý: dân Chúa được nên thánh là vì ân huệ, sự hy sinh của Chúa Giê-su chứ không phải vì làm công đức hay thi hành luật lệ. Tín hữu của Chúa cần phải thành thật với chính mình, thành thật với nhau trong hội thánh và dùng lẽ thật hay Lời Chúa (đạo đức Kinh Thánh) làm tiêu chuẩn thánh.

Thật là một điều đáng ngại khi đời sống đạo đức của tín hữu và hội thánh Chúa không có gì khác và tốt hơn đời sống của những người ngoạïi đạo và thế gian vô tín.

Có nếp sống đạo đức khác biệt nhưng không sống cách biệt ra khỏi thế gian.
Những tín hữu Cô-rinh-tô hiểu lầm Phao-lô; họ nghĩ rằng Phao-lô chủ trương tín hữu không được giao dịch, tiếp xúc với người ngoại đạo. Nếu thật như thế tức là tín hữu phải lìa khỏi thế giới hay ít ra cũng phải cách biệt, đi lên nuí hay vào sa mạc, sống tách rời khỏi thế gian. Nhưng Phao-lô giải thích rõ tín hữu có một tiêu chuẩn đạo đức khác biệt nhưng không sống biệt lập với loài người trong xã hội. Chúng ta vẫn ở trong thế gian như Chúa Giê-su đã cầu nguyện (Giăng 17:14-19) nhưng không thuộc về thế gian và không sống theo triết lý, đạo đức của thế gian. Phao-lô cũng cho thấy tình trạng đạo đức và tâm linh thông thường thời bấy giờ: Gian dâm, tham lam, lường gạt, vu cáo, thờ thần tượng, chửi rủa, say sưa.

Sau gần hai ngàn năm văn minh tiến bộ về khoa học, triết lý, giáo dục, tình trạng xã hội của đa số nhân loại không có Chúa ngày nay cũng không hơn gì xã hội Cô-rinh-tô vào thế kỷ thứ nhất sau Công Nguyên.

Phao-lô truyền cho tín hữu hội thánh không nên giao thiệp, tiếp xúc hay thông công với những người tự xưng là tín hữu của Chúa Giê-su nhưng có hành vi như người ngoại đạo. Phao-lô cho rằng một người tin Chúa Giê-su sẽ được đổi mới “ Vì vậy nếu ai ở trong Chúa Cứu Thế, người ấy là một sinh vật mới; những điều cũ đã qua đi, kìa mọi sự đều trở nên mới.” 2Côr 5:17 Ở đây chúng ta nên phân biệt rõ Phao-lô nói đến những người tự xưng là tín hữu nhưng có hành vi gian dâm, tham lam, lường gạt, thờ thần tượng, chửi rủa, say sưa và hảnh diện về những điều đó (câu 5:6) chứ không phải những người yếu đuối, bị cám dỗ, lỡ vấp phạm những điều đó.

Tín hữu của Chúa vẫn tiếp xúc, liên lạc và giao dịch với tất cả mọi người. Chính Chúa Giê-su khi còn tại thế cũng đã ăn uống với những người thu thuế và tội lỗi.

Một điểm khác chúng ta cũng cần chú ý, Phao-lô không hề chủ trương tín hữu của Chúa Giê-su là những người toàn hảo, vô tội. Nhưng rõ ràng tín hữu là con dân thánh của Chúa và hội thánh cũng là cộng đồng thánh của Đức Thánh Linh.

“Đừng ăn uống với người như thế” (câu 11) có thể hiểu rằng tín hữu không nên ăn uống, thông công với người đó. Điều này cũng có thể nói đến vấn đề chấm dứt giao thiệp, liên hệ với người đó và cấm người tín hữu phạm tội kia dự lễ Tiệc Thánh.

Hội thánh là một cộng đồng thánh nên phải giải quyết vấn đề tội lỗi trong hội thánh; phải thanh tẩy tội lỗi tỏ tường và công khai khỏi cộng đồng dân Chúa, tức là thanh trừng những người phạm tội công khai và không nhận tội hay ăn năn hối cãi nhưng cứ sống trong tội lỗi. Vì nếu không giải quyết, tội lỗi có thể lan tràn và cộng đồng dân Chúa cũng sẽ mất đi tiếng tốt và danh dự; danh Chúa sẽ bị mang tiếng xấu.

Tín hữu và hội thánh không cần xét xử người ngoại đạo và thế gian vì họ sẽ bị Đức Chúa Trời phán xét vào ngày tận thế (Khải 20:11-15).

II. Câu Hỏi Thảo Luận

1. Theo bạn tại sao những người tín hữu Cô-rinh-tô “kiêu căng” và “khoe khoang “ về hành vi tội lỗi của một người trong hội thánh?
2. Ngày nay một số mục sư và hội thánh Tin Lành tại Tây Phương cũng kiêu hảnh chấp nhận và cổ vũ hành vi đồng tính luyến ái. Sứ Đồ Phao-lô sẽ nói gì?
3. Tại sao Phao-lô khuyên chúng ta phải tẩy sạch  men tội lỗi khỏi cá nhân cũng như cộng đồng dân Chúa?
4. Hãy nêu lên một vài hậu quả nếu một cá nhân cũng như một hội thánh không thanh tẩy men tội lỗi ra khỏi giữa mình hay cộng đồng của mình?
5. Phao-lô có chủ trương tín hữu hay hội thánh Chúa phải ‘xuất thế” không? Tại sao?
6. Hội thánh bạn nên đối xử thế nào đối với một người tín hữu nhưng công khai sống với vợ bé?
7. Tại sao chúng ta phải sống và gìn giữ hội thánh Chúa thánh khiết?
8. Tại sao tín hữu chúng ta không cần phải xét đoán người ngoại đạo và thế gian?
9. Tại sao vấn đề kỷ luật và thánh khiết của hội thánh Chúa là quan trọng?

**Bài 13

Hành Vi Cao Quí của Tín Hữu
1 Cor 6:1-11**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Hãy sống xứng đáng với bản chất và địa vị cao quí của tín hữu của Chúa.
Phao-lô cho rằng tín hữu của Chúa Giê-su thì phải tốt đẹp hơn người ngoại đạo vì tín hữu của Chúa đã được tuyên xưng công chính, thánh hóa và đổi mới  (2 Côr 5:17). Đức tin trong đạo Chúa không phải là một vấn đề thuần lý trí và lý thuyết nhưng là một đời sống thực tế. Người tin Chúa Giê-su là người sẽ được đổi mới, thánh hóa và thêm sức để sống theo tiêu chuẩn đạo đức mới thánh thiện và tốt đẹp hơn tiêu chuẩn phàm tục.

Hội thánh là cộng đồng của những người đã được thánh hóa nên cũng phải tốt đẹp và cao quí hơn cộng đồng thế gian.
Phao-lô đồng thời cũng thừa nhận một thực tại hiển nhiên khác: tín hữu không phải là những người toàn hảo, chỉ đang ở trên tiến trình thánh hóa để đạt đến mục đích đó,  nên sẽ có những xích mích, bất đồng ý kiến, xung đột lẫn nhau trong hội thánh. Dù chưa toàn hảo nhưng tín hữu và cộng đồng dân Chúa vẫn có và sống theo một tiêu  chuẩn đạo đức thánh thiện, cao quí và tốt đẹp hơn thế tục nhiều. Vì thế khi có vấn đề tranh tụng lẫn nhau, tín hữu Cô-rinh-tô đem cho toà án  ngoại đạo xét xử là một hành vi thiếu khôn ngoan, làm hạ thấp thanh danh tín hữu của Chúa và cũng làm hại đến thanh danh hội thánh Chúa.

Phao-lô nhắc nhở chúng ta rằng, tín hữu của Chúa Giê-su là những người đã được cứu chuộc để khỏi phải bị định tội ( Rô-ma 8:1) và cũng được chọn để tham gia với  Chúa trong ngày phán xét thế gian khi Ngài trở lại (Khải 20:4-6). Nếu con dân của Chúa đã được Chúa chọn và cho là xứng đáng để cùng Chúa phán xét thế gian thì họ lại không đủ khôn ngoan, sáng suốt và yêu thương để giải quyết những vấn đề nhỏ nhặt, tầm thường và tạm bợ ở thế gian này sao?

Vấn đề tranh tụng lẫn nhau giữa hai tín hữu trong hội thánh cho thấy tín hữu Cô-rinh-tô đã qúa chú trọng vào giá trị vật chất hiện tại và thiếu cái nhìn cùng sự hiểu biết về những giá trị thiêng liêng, vĩnh cửu. Tín hữu của Chúa Giê-su cũng có đủ phẩm cách và được đặc ân cùng Chúa xét xử những thiên sứ ác sa ngã (2Phê-rơ 2:4; Giu-đe 6) vào ngày tận thế.

Người tín hữu Cô-rinh-tô tự hào rằng họ rất khôn ngoan thiêng liêng nhưng không tìm ra một ai khôn ngoan và cóthẩm quyền đủ để xét xử,  giải quyết những vấn đề nhỏ nhen, thấp kém và tạm bợ trên mà phải đem ra toà án người ngoại đạo giải quyết. Phao-lô vạch rõ cho tín hữu Cô-rinh -tô thấy họ vẫn còn trẻ con và phàm tục chứ chưa trưởng thành, khôn ngoan thiêng liêng như Chúa mong muốn.  Phao-lô cho rằng tín hữu Cô-rinh-tô cũng như tín hữu của Chúa trong mọi thời đại  có đủ phẩm cách lẫn khôn ngoan để giải quyết mọi nan đề trong cuộc sống và trong hội thánh Chúa.

Phẩm cách của một tín hữu đắc thắng.
Về phương diện cá nhân khi một tín hữu đưa một tín hữu anh em mình ra toà là một sự thất bại nặng nề. Câu 7 và 8 cho thấy dường như đây là một vấn đề buôn bán làm ăn giữa hai người. Hai tín hữu tại Cô-rinh-tô đã thất bại trên nhiều phương diện. Thứ nhất, tín hữu của Chúa không nên hại người hay lừa gạt người khác. Thứ hai, mối quan hệ đức tin và tương thông trong Chúa đáng lý phải thúc đẩy tín hữu giúp đỡ anh chị em mình trong Chúa thay vì hại họ để thủ lợi. Thứ ba là dù một người cảm thấy mình bị thiệt thòi nhưng nếu người kia là tín hữu của Chúa thì nên nhờ hội thánh giải quyết trong tình yêu thương, công bình. Dù cho hội thánh không giải quyết thỏa đáng như mình nghĩ thì cũng vì danh Chúa và vì danh dự của hội thánh nên nhịn hay chịu thiệt thòi để danh Chúa khỏi bị thế gian chê bai. Vì tín hữu của Chúa coi trọng những gía trị thiêng liêng, vĩnh cửu hơn là vật chất tạm bợ.
Nhưng ở đây tình trạng còn tệ hơn nữa vì chính người phạm tội đã đem anh chị em mình ra tòa án người ngoại.

Bản chất mới, địa vị mới đòi hỏi phẩm cách, hành vi mới.
Phao-lô nhắc nhở tín hữu Cô-rinh-tô rằng họ là những người đã được giải thoát khỏi đời sống cũ với những hành vi tội lỗi như :
-gian dâm: bao gồm việc ăn nằm với đĩ điếm, có quan hệ tình dục trước khi kết hôn;
thờ thần tượng, ngoại tình, đồng tính luyến ái, trộm cắp, tham lam, say sưa (nghiện rượu; ngày nay chúng ta có thể nói đến ‘nghiện ma túy’), chửi rủa, lường gạt…
Đây không phải là bản liệt kê tất cả những hành vi tội lỗi nhưng là những hành vi tiêu biểu thời bấy giờ. Một vài điểm chúng ta cần hiểu rõ:
1/ Phao-lô xác nhận rằng những người tín hữu Cô-rinh-tô là những người đã được xưng công chính và được thừa hưởng Nước Đức Chúa Trời (Thiên Đàng, câu 9, 11).
2/ Tín hữu vẫn có thể phạm những tội lỗi (bảng liệt kê c. 9-10) như người ngoại đạo.
Tuy nhiên tín hữu đã được tái sinh, đổi mới (2Côr 5:17) phạm tội vì bị yếu lòng, bị cám dỗ nên sa ngã, trở lui lại con đường tội lỗi cũ chứ không phải phạm tội như những người ngoại không công chính, làm theo bản chất tự nhiên.

Một số người dùng đoạn này để cho rằng tín hữu có thể mất sự cứu rỗi nếu họ phạm tội. Ở đây Phao-lô muốn nói rằng tín hữu là những người đã được cứu rỗi, được đổi mới, thanh tẩy, thánh hóa và tuyên xưng công chính; đừng phạm tội như những người chưa được cứu rỗi, chưa được vào Nước Đức Chúa Trời. Phao-lô cảnh cáo nghiêm khắc những tín hữu mà phạm những tội lỗi như những người ngoại đạo, vì dù họ đã được cứu rỗi và sẽ không mất sự cứu rỗi (xem thêm Giăng 6:38-40; Giăng 10:27-29) nhưng họ vẫn phải bị những hậu quả thể chất nguy hiểm và đau khổ như mọi người khác; ngoài ra Chúa cũng có thể trừng phạt họ như những đứa con hư dù Ngài không từ bỏ họ vào hoả ngục như người ngoại đạo vô tín vào ngày tận thế.

3/ Người tín hữu Cô-rinh-tô dù có thể phạm tội như người ngoại đạo nhưng nhờ tin cậy Chúa Giê-su làm Cứu Chúa của mình, họ là những người đã được:
a/  Rửa sạch. Tín hữu được huyết Chúa Cứu Thế thanh tẩy hết mọi tội lỗi (Khải Huyền 1:5). Từ rửasạch ở đây cũng có thể ám chỉ lễ báp-tem bằng nước nhân danh Chúa Cứu Thế; tuy nhiên theo văn mạch tại đây Phao-lô không nói về lễ Báp-tem và Phao-lô thường dùng  từ  nhận lễ báp-tem “vào trong” Chúa Cứu Thế.
Trên đường đời tín hữu có thể vấp ngã, phạm tội, nhưng một tín hữu sẽ được rửa sạch khi ăn năn và xưng nhận tội lỗi mình (1Giăng 1:9).

b/ Thánh hóa. Người tín hữu được Chúa biệt riêng ra thành người thuộc riêng về Chúa hay người ‘thánh’. (1Côr 1:2) Thánh hoá cũng là một tiến trình Đức Thánh Linh bắt đầu hành động đổi mới tín hữu để ngày càng giống Chúa Giê-su hơn và trở nên toàn hảo. (Rô-ma 15:16)

c/ Tuyên xưng công chính. Người tin nhận Chúa Giê-su làm Cứu Chúa của mình sẽ được ân xá và được tuyên xưng công chính trước mặt Đức Chúa Trời. Người được tuyên xưng công chính là một công dân đúng đắn và hợp pháp trong Vương Quốc Đức Chúa Trời, không còn là một tội nhân chờ ngày phán xét.

II. Câu Hỏi Thảo Luận:

1. Phao-lô tin rằng con dân Chúa có thể sống theo một tiêu chuẩn đạo đức tốt đẹp hơn tiêu chuẩn đạo đức thế gian; Tại sao?
2. Tín hữu của Chúa sẽ làm gì khi Chúa Giê-su trở lại để xét xử nhân loại vào ngày tận thế?
3. Bạn có biết  bạn được đặc ân gì đối với thiên sứ không?
4. Phao-lô cho rằng Hội Thánh Chúa ở Cô-rinh-tô phải toàn hảo, không có nan đề, xích mích gì cả phải không? Tại sao?
5. Tại sao tín hữu Cô-rinh-tô đem việc tranh tụng giữa các tín hữu với nhau ra toà án của người ngoại đạo là một điều xấu và đáng hổ thẹn?
6. Tín hữu của Chúa đáng lý phải có những khả năng và đức tính gì để giải quyết những xung đột, xích mích và  không phải đi đến chỗ tranh tụng nhau?
7. Người tin nhận Chúa Giê-su làm Cứu Chúa của mình được ba điều gì?
8. Tín hữu của Chúa Giê-su vẫn còn phạm tội không? Tại sao?
9. Hãy nêu lên những lý do tại sao một tín hữu thật của Chúa sẽ không mất sự cứu rỗi dù người đó có thể vấp ngã, phạm tội như những người ngoại đạo?

**Bài 14

Thân Thể Để Tôn Vinh Chúa
1Côr 6:12-20**

I. Bối Cảnh Và Lược Giải.

Tự do trong Chúa Cứu Thế.
Nhiều người Hy Lạp chủ trương khắc kỷ; họ cố kiểm soát, ép xác, đè nén thân thể và mọi dục vọng để đạt được tình trạng thánh khiết. Một số người khác lại chủ trương buông thả, tự do thỏa mãn mọi dục vọng của thân thể vì nó không có giá trị gì và sẽ bị hủy diệt; chỉ có tinh thần mới gía trị và trường cửu.

Một số tín hữu Cô-rinh-tô cho rằng họ đã được giải thoát khỏi tội lỗi và được tự do nên họ “được phép làm mọi sự”. Đây là một quan niệm cực đoan và sai lầm. Tín hữu của Chúa Giê-su được tự do trong Chúa Cứu Thế để làm điều thiện chứ không phải tự do để làm điều ác và không có ích lợi cho bản thân, ích lợi cho người khác và tôn vinh Chúa. Một số người cho rằng họ có tự do để làm thoả mãn điều gì họ thích. Nhưng thật ra đây chỉ là một lối ngụy biện và chính những người này tự dối mình vì thật ra họ bị những dục vọng như tình dục, rượu chè, ma túy, bài bạc.v.v. chế ngự. Phao-lô cho rằng tín hữu của Chúa không nên để bị nô lệ hay “nghiện” bất cứ một điều gì.

Thân thể và tình dục.
Người Cô-rinh-tô dùng bản chất và chức năng của bụng và đồ ăn  để áp dụng cho vấn đề thân thể và tự do tình dục. Họ lý luận rằng bụng hay thể xác cần đồ ăn để sống là một điều tự nhiên dù cả hai sẽ bị hủy diệt; thể xác con người có nhu cầu tình dục, như vậy họ có quyền tự do luyến ái (gian dâm). Tín hữu Cô-rinh-tô đã bị ảnh hưởng của triết học Hy Lạp và đi đến một quan niệm sai lầm.
Thế giới vật chất này là vật tạm bợ và sẽ bị hủy diệt “Bởi lời Ngài các tầng trời và quả đất hiện tại đã được để dành cho lửa, được giữ cho ngày đoán xét và hủy diệt những người vô đạo.” 2Phê-rơ 3:7
Kinh Thánh không quan niệm thể chất tự bản chất là xấu. Vì thế thân thể tự nó không có gì là xấu. Thân thể của một người bị hư hoại và sẽ bị chết là vì tội lỗi. Nhưng thân thể của tín hữu sẽ được phục sinh trong ngày phán xét và sống đời đời với Chúa. Sự cứu rỗi trong Chúa Cứu Thế là sự cứu rỗi toàn diện, cả thể xác lẫn linh hồn, chứ không phải chỉ có linh hồn được cứu rỗi mà thôi như nhiều người lầm tưởng. Nhiều người nghĩ rằng mình tin Chúa để cứu rỗi linh hồn, còn thể xác này sẽ chết và bị hủy diệt. Tất cả tín hữu của Chúa cũng sẽ già yếu và chết khi Chúa Giê-su chưa tái lâm; nhưng thân xác của tín hữu sẽ được sống lại, mặc lấy thân thể phục sinh vinh quang như thân thể phục sinh của Chúa Giê-su và sống đời đời với Ngài. Nếu Chúa Giê-su tái lâm khi tín hữu còn sống, thân thể của họ sẽ được biến hóa thành thân thể phục sinh và không nếm sự chết thể xác (1Côr 15:51-54).
Phao-lô đưa ra bốn lý do để con dân Chúa phải gìn giữ cẩn thận thân thể của mình:

1/ Thân thể của tín hữu là để phục vụ và tôn vinh Chúa.
Thân thể của người tín hữu đã được chuộc bởi huyết của Chúa Giê-su và thuộc về Đức Chúa Trời. Thân thể chúng ta cũng đang trên tiến trình thánh hóa để trở nên toàn hảo như Chúa Giê-su. Đức Chúa Trời không những đã sáng tạo con người nhưng Ngài cũng đã mua chuộc và phục hồi cho mục đích nguyên thủy khi Chúa tạo nên con người, tức là để phục vụ và tôn vinh Chúa.

2/ Thân thể của tín hữu sẽ được phục sinh trở nên thân thể vinh quang như thân thể phục sinh của Chúa Giê-su trong ngày cuối cùng (1Côr 15:51-58). Tín hữu sẽ không bị hủy diệt chung với thế giới vô tín trong ngày phán xét cuối cùng.

3/ Vì tín hữu là một phần trong thân thể (hội thánh) của Chúa Cứu Thế cho nên con dân Chúa không nên ăn ngủ với gái điếm mà kết hợp một phần thân thể của Chúa với gái điếm ô uế, phàm tục.
Từ “gian dâm” chỉ về tất cả những quan hệ tình dục giữa hai người nam và nữ chưa kết hôn. Kinh Thánh dạy rõ tình dục là một phần của con người khi Chúa sáng tạo; tình dục tự nó không có gì sai lầm; tình dục trong hôn nhân là một điều tự nhiên và là một món quà tốt đẹp của con người. Quan hệ tình dục trước hôn nhân hay ngoài hôn nhân là tà dâm hay gian dâm.

4/ Thân thể của tín hữu đã được thánh hóa và là đền thờ của Chúa Thánh Linh ngự bên trong.
Như thế tín hữu của Chúa phải gìn giữ cẩn thận thân thể của mình để có một thân thể khoẻ mạnh và thánh khiết.
Tín hữu nên dùng đơì sống trong đó có cả thân thể mình để phục vụ Chúa và tôn vinh Ngài.

II.Câu Hỏi Thảo Luận.

1. Con người có thể có tự do tuyệt đối không? Tại sao?
2. Tại sao một tín hữu của Chúa Cứu Thế không nên “nghiện” bất cứ một thứ nào (cà phê, thuốc lá, rượu, cờ bạc, ma túy,  games…)
3. Sự cứu rỗi trong Chúa Cứu Thế có bao gồm cả thể xác của bạn không? Giải thích.
4. Tại sao một tín hữu phạm tội gian dâm cũng vi phạm đến thân thể (hội thánh ) của ChúaCứu Thế?
5. Tại sao tín hữu không nên ăn uống quá độ đến độ mập phì? Hoặc ăn uống bừa bãi làm cho thân thể bịnh tật? Hoặc làm việc quá sức đến độ mang bệnh?
6. Tại sao tín hữu nên giữ thân thể mình thánh khiết cho Chúa Thánh Linh?
7. Ngày nay một số giáo hội Tin Lành tự do cấp tiến chủ trương “tự do lyến ái”.
Theo bạn tại sao quan niệm và nếp sống đạo đức này là sai lầm và tội lỗi?
8. Đức Chúa Trời muốn chúng ta sử dụng thân thể mình để làm gì?

Hãy nêu lên một ví dụ cụ thể trong nếp sống hiện tại.

**Bài 15

Những Vấn Đề Hôn Nhân
1Cô-rinh-tô 7:1-16**

I. Bối Cảnh và Lược Giải
Vào thời này khuynh hướng khắc kỷ, tức là tu thân theo cách ép xác, diệt dục hay ở độc thân tương đối phổ thông và được nhiều người ngưỡng mộ.
Trong khi đó xã hội Cô-rinh-tô và Hy Lạp nói chung thì lại rất phóng túng, đồi trụy về vấn đề tình dục. Phao-lô dạy tín hữu về vấn đề hôn nhân theo ý Chúa.

Vấn đề lập gia đình.
Phao-lô cho rằng ở độc thân là một điều tốt nhưng không phải cho tất cả mọi người, chỉ cho một số người được ơn đặc biệt mà thôi. Chúa Giê-su cho biết độc thân là một ân tứ đặc biệt cho một số ít người (Ma-thi-ơ 19:10-12).

Kinh Thánh cho thấy hôn nhân là điều bình thường: “CHÚA, Đức Chúa Trời lại nói, con người ở một mình không tốt”. (Sáng Thế 2:18) Độc thân không phải là cách sống tốt hơn, thánh khiết hơn hay thiêng liêng hơn người lập gia đình. Sống độc thân có những ưu cũng như khuyết điểm của nó.

Có thể người Cô-rinh-tô bị ảnh hưởng của thuyết khắc kỷ cho rằng tình dục là điều thấp kém, xấu xa nên chủ trương hạn chế tình dục nam nữ dù là trong hôn nhân. Đây không phải là quan điểm của Kinh Thánh. Tình dục là một phần của con người do Chúa sáng tạo, nên khi dùng theo đúng mục đích của nó, tức là trong hôn  nhân, tình dục là một điều tốt và tự nhiên, bình thường.
Ngoài ra trong hoàn cảnh dâm ô của xã hội lúc ấy, Phao-lô cho rằng lập gia đình là điều tốt hơn ở độc thân. Hôn nhân tốt đẹp và hạnh phúc là thành trì kiên cố bảo vệ một người khỏi bị cám dỗ và phạm tội tà dâm.

Hôn nhân hòa hợp.
Hôn nhân là một món quà quí giá Chúa ban cho hai vợ chồng  để sống hạnh phúc. Tuy nhiên hai vợ chồng phải biết sử dụng tình dục đúng và hòa hợp. Nguyên tắc Phao-lô nêu lên ở đây là hai vợ chồng nên sẵn sàng và mong muốn đáp ứng nhu cầu tình dục của nhau. Hai vợ chồng đều có quyền cũng như có bổn phận đáp ứng đầy đủ nhu cầu tình dục của nhau.  Lý do duy nhất để vợ chồng kiêng việc chăn gối là để tập trung tinh thần cầu nguyện cùng Chúa. Khi cầu nguyện xong thì trở lại bình thường.

Quan hệ tình dục nam nữ là một nhu cầu mạnh trong đời sống vì thế nếu không được đáp ứng thỏa đáng, Sa-tan sẽ lợi dụng để cám dỗ và đánh ngã con cái Chúa.
Trong hoàn cảnh lúc bấy giờ người được ân tứ sống độc thân như Phao-lô thì tốt hơn vì sẽ không bị cám dỗ; nhưng nếu không có ân tứ sống độc thân mà muốn sống độc thân thì sẽ gặp khó khăn vì nhu cầu tình dục thôi thúc. Trong thời đại này, sách báo, TV, internet khiêu dâm lang tràn, vấn đề cám dỗ tình dục là một vấn đề nghiêm trọng.

Vào cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21 này nhiều vụ sách nhiểu tình dục trẻ em đã bùng nổ và bị phát hiện  trong một giáo hội Cơ Đốc giáo lớn cho thấy hậu quả nguy hại của truyền thống và chủ trương sai lầm: bắt buộc ở độc thân để phục vụ Chúa.

Vấn đề ly dị giữa vòng tín hữu.
Ý chỉ và nguyên tắc chung cho tín hữu củaChúa là không nên ly dị. Chúa Giê-su đã dạy như thế và chỉ nêu lên một trường hợp người ta được phép ly dị: ngoại tình.
Ma-thi-ơ 19:1-12; Mác 10:1-12 Tuy nhiên  tội ngoại tình cũng như bao tội khác, người phạm tội luôn luôn còn cơ hội ăn năn, hối cãi. Người vô tội trong vấn đề này nên tỏ lòng yêu thương và rộng lòng tha thứ. Vì thế, nên tạo cơ hội cho người phạm tội ăn năn, phục hồi hôn nhân trước khi ly dị.

Vấn đề ly dị trong các hôn nhân mà một người phối ngẫu là ngoại đạo.
Dây là trường hợp hai vợ chồng lấy nhau trước khi một trong hai người tin Chúa. Phao-lô khuyến khích tín hữu không nên “mang ách chung với người không tin” (2Côr 6:14-18; 7:39) cho nên ông không khuyến khích kết hôn với người ngoại đạo. Nhưng trong trường hợp vợ hay chồng không tin Chúa nhưng vẫn muốn giữ hôn nhân thì người tín hữu cũng không nên ly dị vì lý do người phối ngẫu không tin Chúa.

Lý do tín hữu không nên chủ động trong việc ly dị người phối ngẫu không tin Chúa là vì chúng ta được kêu gọi để sống trong bình an (c.15). Tín hữu giữ hôn nhân để mong có dịp đem người phối ngẫu về với Chúa.

Một số người cho rằng  câu Kinh Thánh “Vì người chồng không tin Chúa, nhờ vợ được thánh hóa và vợ không tin Chúa, nhờ chồng được thánh hóa.” ám chỉ những người không tin Chúa nhưng có người phối ngẫu tin Chúa cũng sẽ được cứu. Phao-lô không bao giờ ám chỉ như vậy vì trong câu 16, ông hy vọng nhờ vẫn ở trong hôn nhân và nhờ cách ăn nết ở của tín hữu, họ có thể dẫn người phối ngẫu chưa tin Chúa về với Chúa. Nếu “được thánh hóa” nhờ đức tin của vợ hay chồng tin Chúa thì không cần hy vọng dẫn người đó về với Chúa nữa. Vì thế “được thánh hóa” ở đây nói về sự kiện được ở trong một hoàn cảnh đặc biệt, một dịp tiện thuận lợi cho việc tin Chúa của người phối ngẫu chưa tin kia. Con cái trong gia đình hổn hợp đức tin cũng như vậy; chúng có nhiều dịp tiện hơn và được ảnh hưởng tốt để biết và tin Chúa.

II.Câu Hỏi Thảo Luận

1. Theo tinh thần của Phao-lô, trong tình trạng xã hội, văn hóa hiện tại, ở độc thân hay lập gia đình là điều tốt hơn, tại sao?
2. Quan điểm của Kinh Thánh  về tình dục nam nữ là như thế nào?  Xấu, tốt, thánh khiết, ô uế ?
3. Theo quan điểm của Chúa (Sáng Thế 2:18;Math 19:1-12) và trong đoạn này:
a.   Sống độc thân là lối sống tự nhiên và thánh thiện hơn đời sống hôn nhân?
b.   Lập gia đình là cách sống tự nhiên và thánh khiết hơn độc thân?
4. Một trong những nguyên tắc để giữ hạnh phúc gia đình là gì?
5. Quan điểm của Kinh Thánh về quyền lợi và trách nhiệm của vợ chồng về vấn đề tình dục và thân thể có những đặc điểm gì so với quan điểm của Á Đông?
6. Một trong những lý do làm cho một người sa ngã, phạm tội về tình dục là gì?
7. Nguyên tắc tổng quát cho tín hữu về vấn đề ly dị là gì?
8. Tại sao tín hữu không nên ly dị người phối ngẫu dù người đó không tin Chúa?
9. Người ngoại đạo “được thánh hóa” nhờ người phối ngẫu tin Chúa nói về gì?

**Bài 16

Sống Như Chúa Kêu Gọi
1Côr 7:17-40**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.

Niềm Tin và Văn Hóa
Vào thời ấy (Thế kỷ thứ nhất ) tại Cô-rinh-tô có nhiều người Do Thái đến lập cư tại đây. Một trong những phong tục giao ước của người Do Thái là người nam sinh ra tám ngày sẽ chịu lễ cắt bì (Sáng Thế 17:9-14).

Nguyên tắc Phao-lô nói đến ở đây là người tin Chúa Giê-su không nhất thiết phải từ bỏ bản chất dân tộc, giai cấp và địa vị xã hội của mình. Trong trường hợp này, người Do Thái tin Chúa trong một môi trường hoàn toàn ngoại quốc; hội thánh Chúa tại Cô-rinh-tô đa số là người ngoại quốc, người Do Thái đó không cần phải từ bỏ bản chất và một số phong tục Do Thái. Chúng ta nên cẩn thận phân biệt những điều gì cần bỏ và điều gì không cần bỏ trong nền văn hóa của mình khi theo Chúa.

Trong Chúa Cứu Thế, tín hữu là một gia đình; không còn phân biệt người Do Thái hay Hy Lạp, người tự do hay nô lệ, nam hay nữ.
Trường hợp ở Cô-rinh-tô thì trái ngược với rường hợp ở Ga-la-ti. Người Do Thái tín hữu ở Ga-la-ti đòi hỏi những người ngoại quốc tin Chúa Giê-su phải trở thành người Do Thái trước, tức là phải tuân giữ tất cả những luật lệ, giao ước của người Do Thái trong Kinh Thánh Cựu Ước thì mới được cứu rỗi. Phao-lô cực lực phản đối điều này.

Ngày nay những người Cơ Đốc Phục Lâm (Seventh Day Adventist) cũng rơi vào trường hợp này.
Phúc Âm của Chúa Cứu Thế siêu việt trên tất cả mọi văn hóa, chủng tộc hay giai cấp xã hội.
Phao-lô cũng phân biệt rõ đức tin và truyền thống, nghi lễ tôn giáo. Đức tin và sống theo sự dạy dỗ của Chúa Giê-su là vâng phục ý chỉ, điều răn của Đức Chúa Trời.
Làm theo truyền thống, nghi lễ tôn giáo một cách máy móc, ở đây là truyền thống cắt bì, không nhất thiết là hành động vì đức tin.

Niềm Tin và Xã Hội
Nô lệ là vât sở hữu của chủ và phải làm tất cả những việc chân tay nhọc nhằn. Thời bấy giờ một người nô lệ có thể được mua chuộc và dâng cho một thần bằng cách dâng tiền cúng cho đền thờ của vị thần kia và người nô lệ được tự do. Trong nhiều trường hợp một người khác bỏ tiền ra mua nên nô lệ bị chuyển cho chủ mới. Những cuộc nổi dậy của nô lệ đòi tự do, bình đẳng đều bị chính quyền La Mã đàn áp và dẹp tan. Vì thế lời khuyên của Phao-lô ở đây rất thực tế.

Đối với Chúa và trên phương diện thuộc linh, người tín hữu, dù đang là nô lệ, đã được Chúa Giê-su mua chuộc nên họ được giải thoát khỏi vòng nô lệ đối với loài người và trở nên con cái của Chúa, thuộc về Ngài. Trong Chúa Cứu Thế, người tự do (về chính trị và xã hội chứ không phải tự do khỏi tội lỗi) sẽ trở nên nô lệ cho Chúa. Như thế mọi người trong Chúa đều bình đẳng và đều là nô lệ, tôi tớ của Chúa.

Phao-lô hiểu rõ tâm trạng của con người, ai cũng muốn được tự do nên khi có dịp tiện hãy nắm lấy; nhưng không phải cách thức đạt được tự do nào cũng tốt và ích lợi. Vì thế Phao-lô nhấn mạnh đến phương diện tự do tâm linh nơi tín hữu để cho họ thấy rằng một người có thể thực hành đức tin của mình trong bất cứ hoàn cảnh nào. Những tín hữu nô lệ không cần phải dùng những biện pháp bạo động hay bất hợp pháp để thoát ra khỏi giai cấp nô lệ và đạt được tình trạng tự do.

“Đừng trở nên nô lệ cho loài người.” là một nguyên tắc tổng quát cho mọi tín hữu. Chúng ta là con dân của Chúa, hãy sống theo những nguyên tắc yêu thương của Chúa:
Yêu kính Chúa
Yêu mến nhau (Tín hữu ) ( Giăng 15:12)
Yêu thương người khác như chính mình.( Mat 22:37-40)
Chúng ta không nên lệ thuộc vào bất cứ một truyền thống, nghi lễ hay luật lệ nào của loài người.

Vấn đề trinh nữ
Vào thơì đó (thế kỷ thứ nhất) theo phong tục tại vùng này người cha có quyền gã con gái hay giữ con gái đồng trinh trọn đơì.
Một số học giả cho rằng Phao-lô nói đến vấn đề của hai người đã hứa hôn vơí nhau và đang phân vân không biết có nên tiến tới hôn nhân hay ở độc thân vì bị áp lực của quan niệm khắc kỷ cho rằng ở độc thân là thánh thiện hơn lập gia đình.

Phao-lô cho thấy tín hữu của Chúa không theo quan niệm hay triết lý tu thân khắc kỷ, nhưng được tự do sống độc thân hay lập gia đình. Đời sống gia đình không phải là lối sống kém thánh thiện và kém thiêng liêng hơn đời sống độc thân. Quyết định ở độc thân hay lập gia đình tùy thuộc vào ân tứ riêng (ân tứ độc thân, Ma-thi-ơ 19: 11-12) của mỗi người, tùy thuộc vào tình trạng kinh tế, xã hội, chính trị lúc bấy giờ và tùy thuộc vào sự tận hiến phục vụ Chúa tốt đẹp và hữu hiệu.

Vào lúc này, tình hình tại Cô-rinh-tô rất khó khăn; chúng ta không biết rõ đây là sự chống đạo Chúa hay khủng hoảng kinh tế chính trị nói chung. Dù là khủng hoảng kinh tế, chính trị trong vùng thời ấy cũng sẽ gây khó khăn hơn cho người có gia đình, con cái phải lo chu cấp, bảo vệ; như thế người đó sẽ không còn thì giờ, năng lực để lo công việc Chúa. Đây là lý do Phao-lô đưa ra để khuyên tín hữu Cô-rinh-tô; nó có tính cách nhất thời, địa phương và đặc thù cho những tín hữu ở Cô-rinh-tô lúc ấy chứ không phải nguyên tắc chung cho mọi người.

Nếu một người không có ân tứ ở độc thân và có nhu cầu tình dục bình thường thì không nên để tình dục nung đốt, đưa đến tình trạng phạm tội nhưng hãy lập gia đình; điều này hoàn toàn bình thường, không có gì sai lầm, tội lỗi.

Trên phương diện thời đại và Vương Quốc Đức Chúa Trời, Phao-lô quan niệm rằng chúng ta đang ở trong thơì đại cuối cùng và thế gian này là tạm bợ, ngắn ngủi. Vì thế con dân Chúa nên cân nhắc mọi sự trên quan điểm này; chúng ta chú trọng vào những vấn đề thuộc linh và nên tập trung chú trọng đến những công việc của Chúa đem lại kết quả vĩnh cửu.

Vấn đề tái giá, tục huyền
Phao-lô nhắc lại nguyên tắc của Chúa: Hôn nhân trọn đời. Ly dị đối với Chúa là một trọng tội. Đức Chúa Trời tuyên bố rằng : “Ta ghét sự ly dị, và Ta cũng ghét kẻ mang lớp áo bạo hành như thế đối với vợ.” Ma-la-chi 2:16 Tuy nhiên khi một người phối ngẫu qua đời, người kia được tự do, có quyền tái giá nhưng Phao-lô cũng nhắc nhở họ nguyên tắc chung: Lấy người trong Chúa, tức là không nên lấy người ngoại đạo. Điều này cho thấy vấn đề lập gia đình với người trong Chúa rất là quan trọng. Vào thời nào cũng vậy, một cô gái trinh trắng trẻ trung bao giờ cũng dễ lập gia đình với người thích hợp hơn. Trong thời cổ người đàn bà góa rất khó tái gía. Dù ở trong tình trạng khó khăn, Phao-lô cũng không quên khuyên họ nên lấy người cùng đức tin trong Chúa.

Trong bối cảnh của đoạn Kinh Thánh này, Phao-lô đang nói đến vấn đề phục vụ Chúa tốt đẹp, thánh thiện và không phạm tội. Tín hữu lập gia đình với người ngoại đạo chắc chắn sẽ có trở ngại trong việc phục vụ Chúa vì người ngoại đạo không hề có ý định hay ước vọng phục vụ Chúa và không quan tâm đến vấn đề tâm linh.

II. Câu Hỏi Thảo Luận

1. Quan niệm của Phao-lô về vấn đề sống độc thân là gì?
2. Phao-lô đã đưa ra những lý do nào để khuyên tín hữu Cô-rinh-tô: “một người nên ở độc thân là hơn.”
3. Một số tôn giáo cho rằng sống độc thân là thánh thiện và thiêng liêng hơn . Theo Kinh Thánh lập gia đình có phải là một lối sống kém thánh thiện hơn sống độc thân không? Tại sao?
4. Bạn nghĩ thế nào và thảo luận về trường hợp tại Hoa Kỳ gần đây có khoảng trên một ngàn vụ những chức sắc tôn giáo sách nhiễu tình dục trẻ em (đại đa số là trẻ em trai) trong một giáo hội lớn chủ trương theo luật truyền thống phải sống độc thân để phục vụ Chúa?
5. Bạn nghĩ thế nào về vấn đề “tình dục nung đốt”.
Một số người quan niệm rằng một người dù không có ân tứ sống độc thân nhưng cứ theo luật truyền thống sống độc thân để phục vụ Chúa thánh thiện và hữu hiệu hơn; rồi người đó có thể giải quyết vấn đề tình dục nung đốt bằng cách thủ dâm hay ăn ngủ với đĩ điếm miễn là đừng để bị phát hiện.
6. Phao-lô có lời khuyên gì cho những người tín hữu goá bụa?

**Bài 17

Ăn Đồ Cúng
1 Côr 8:1-13**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Văn hóa Cô-rinh-tô thời bấy giờ là một nền văn hóa đa thần. Những người Cô-rinh-tô sống và lớn lên giữa những đền đài, hình tượng chung quanh. Vì thế đối với những người này cũng như đa số nhân loại thời cổ có quan niệm vạn vật hữu linh, sự hiện hữu của các thần thánh linh thiêng vô hình là một điều tự nhiên.

Tri thức và tình yêu thương
Tri thức, nhất là kiến thức lý thuyết là điều cần nhưng chưa đủ để sống một đời sống tốt đẹp, đem lại kết qủa và làm vinh hiển Danh Chúa. Kiến thức phải đi kèm với tình yêu thương mới giúp con người tín hữu trưởng thành và một đời sống có nhiều kết quả vinh hiển Danh Chúa. Có người đã nói, tri thức làm cho đầu người ta to ra, mặt sưng lên; tri thức cần có tình yêu thương mới làm con người lớn lên và trưởng thành.

Những người Cô-rinh-tô tin Chúa Giê-su và trở thành tín hữu đều  biết rằng chỉ có một Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa của vũ trụ vạn vật và chỉ có một Chúa Giê-su, Chúa Cứu Thế và Chúa Tể của thế giới. (Vua của các vua và Chúa của các chúa, Khải 19:16). Tất cả những hình tượng  đều là vật chất, vô tri, không phải thần thật;  đa số đều do Sa-tan và ma quỉ đứng phía sau, gỉa dạng để lừa gạt, kiểm soát người ta. Những hình tượng bằng gỗ, đá hay kim loại đều là những vật vô tri bị người ta lạm dụng, tôn lên làm thần để thờ tự. Phao-lô cho thấy: “Điều này không lạ gì! Chính quỷ Sa-tan cũng thường ngụy trang thành thiên sứ sáng láng.” (2 Côr 11:14) Sa-tan và đồ đệ của nó tức là ma quỉ có thể nhận làm thần này, thần nọ để người ta thuận phục, thờ cúng chúng.

Nan đề ở đây có thể là những người Cô-rinh-tô tin Chúa và biết rõ rằng các hình tượng dân chúng thờ chỉ là sự tưởng tượng trong đầu óc đen tối của người ngoại đạo; vì thế họ vẫn dự những bữa tiệc liên hoan tại các lễ hội vì cho rằng các hình tượng kia chỉ là gỗ đá vô tri và họ không  thờ phượng chúng. Tuy nhiên thịt trong bữa tiệc sau các lễ hội đều là thịt đã dâng cúng cho các thần.
Vì nghĩ rằng hình tượng là hư không nên một số tín hữu Cô-rinh-tô cho rằng vào dự các lễ hội và ăn tiệc trong các đền miếu cũng chẳng hại gì? Nhất là họ không muốn bị tách rời ra khỏi xã hội, văn hóa thời đó; vì khi không tham dự các lễ hội, họ sẽ bị tách rời ra khỏi xã hội và nền văn hóa đương thời vì trong hầu hết các lễ hội đều có cúng tế các thần.

Điều kế tiếp là thịt bán ngoài chợ thường đến từ hai nguồn cung cấp. Thịt bán trực tiếp từ các lò thịt thường đắt hơn là thịt đã được cúng tế từ các đền đài. Những người dân Cô-rinh-tô nghèo thường mua loại thịt đã được cúng tế tại các đền vì rẽ hơn.

Phao-lô trả lời cho người Cô-rinh-tô và đồng ý với họ về sự hiểu biết đúng của một số người tín hữu tại đây. Tuy nhiên có một số điểm người Cô-rinh-tô chưa hiểu đúng và nhất là chưa hành động đúng.

Thứ nhất, người Cô-rinh-tô không biết rằng có nhiều người dù tin Chúa nhưng chưa có sự hiểu biết đúng đắn và mạnh mẽ về vấn đề thần thánh, hình tượng, ma qủy v.v.
Nhiều người ngoại vì mới tin Chúa nên chưa có sự hiểu biết đúng đắn và chưa gạt bỏ được những quan niệm, mê tín sai lầm. Một số người tín hữu không có dịp tiện hay không có thầy giáo hiểu biết dạy dỗ, hướng dẫn họ, nên họ thiếu hiểu biết. Một số người tín hữu không hiểu biết đúng vì không chịu học hỏi Lời Chúa. Một số người mới hiểu biết đôi chút về một vấn đề nào đó, nhưng cho rằng mình biết hết rồi.

Thứ nhì , người Cô-rinh-tô hiểu biết đúng một vấn đề hình tượng nhưng hiểu biết chưa đầy đủ. Phao-lô giải thích thêm về vấn đề Sa-tan và ma quỷ đứng sau các thần tượng ở đoạn 10.

Thứ ba, hành vi của tín hữu của Chúa Giê-su không hoàn toàn dựa vào sự hiểu biết mà dựa vào tình yêu thương. Sự hiểu biết suông, dù là hiểu biết Kinh Thánh hay thuộc linh thường đưa đến sự kiêu ngạo. Kinh Thánh cho biết kiêu ngạo là một trọng tội và Đức Chúa Trời ghét kiêu ngạo. (Châm Ngôn 8:13) Người kiêu ngạo cho rằng mình biết hết rồi; người khôn ngoan nghĩ rằng mình cần phải học hỏi thêm vì biết chưa đủ.

Thứ tư, mối liên hệ giữa một tín hữu với Chúa và với những anh chị em tín hữu khác là quan trọng trước mặt Chúa.

Một Đức Chúa Trời duy nhất.
Phao-lô nhắc đến  giáo lý “một Đức Chúa Trời”. Đây là điều người Do Thái tin tưởng và tín đồ của Chúa Cứu Thế cũng tin như thế. Trong khi đó Phao-lô cũng nói đến thần tính của Chúa Giê-su. Mọi vật đều do Đức Chúa Cha sáng tạo; mọi vật và cả sự sống vật chất lẫn tâm linh (sự cứu rỗi) đều nhờ Chúa Giê-su Ky-tôn hay Đức Chúa Con mà hiện hữu. (câu 6; xem thêm Giăng 1:1-5) Học gỉa Gordon Fee giải thích: “Mặc dù Phao-lô không gọi Đấng Thiên Nhiệm (Ky-tôn, Christ) là Đức Chúa Trời trong câu này (6), cái cấu trúc của công thức giáo điều được xây dựng rõ rệt đến nỗi chỉ có những người ngoan cố mới từ khước hàm ý Ba Ngôi Đức Chúa Trời ở đây.”

Hành động thiếu tình yêu thương gây vấp ngã.
Đa số những người Cô-rinh-tô là người tin đa thần nên khi tin Chúa Giê-su những người này phải mất một thời gian học hỏi mới hiểu rõ thực trạng về thế giới tâm linh và từ bỏ những quan niệm sai lầm về thần tượng và mê tín dị đoan. Những tín đồ mới có thể vẫn tin rằng các thần tượng là thần thật và vì sự hiểu biết của họ còn giới hạn, lương tâm họ còn yếu kém nên việc ăn đồ cúng tế các thần có thể dẫn họ đến chỗ chấp nhận quan niệm đa thần và trở lại thờ cúng thần tượng. (Trường hợp của người Á Châu, đạo nào cũng tốt, cũng giống nhau cả; tam giáo hay vạn giáo đồng nguyên.)

Vấn đề vào dự các tiệc tùng, lễ hội  trong các đền miếu cũng thế. Một số người cho rằng các hình tượng trong các đền miếu chỉ là vật chất vô tri và hư không cho nên họ cứ tham dự các lễ hội cúng tế và ăn uống những đồ cúng tế trong đó. Hành động này cũng sẽ dẫn một số tín hữu mới, có đức tin và sự hiểu biết yếu kém đến chỗ lầm tưởng rằng “vạn giáo đồng nguyên”; hay người ta có thể tin và thờ Đức Chúa Trời cùng với việc thờ cúng các thần khác hay hình tượng.

Một số người Cô-rinh-tô biết rằng các tượng thần trong các đền, miếu chỉ là gỗ, đá hay kim loại vô tri, không phải thần sống và thật. Điều này đúng nhưng họ chưa biết rằng Sa-tan và ma quỷ đứng phía sau và nhận các hình tượng đó làm thần thánh thật để lôi cuốn người ta tin tưởng và thờ lạy nó. Phao-lô giải thích điều này ở chương 10.

Tự do và trách nhiệm trong tình yêu thương.
Tín hữu của Chúa Giê-su là người được giải thoát khỏi mọi sự chế ngự, kiểm soát của tội lỗi, ma qủy, tà thần. Con dân của Chúa là những người tự do đối với những gông cùm, chế ngự của qủy vương, của thế gian tối tăm, của điều ác. Nhưng con dân Chúa cũng đang sống trong Nước Đức Chúa Trời tại thế và nguyên tắc quan trọng nhất trong Vương Quốc Đức Chúa Trời là tình yêu thương. Trách nhiệm của con dân Chúa tại thế là xây dựng lẫn nhau để trở nên trưởng thành như Chúa Cứu Thế.

Người ta sống không phải là sống đơn độc và hoàn toàn cô lập, nhưng sống trong mối liên hệ với Chúa và với người khác. Tín hữu của Chúa là một thành viên trong cộng đồng con dân, gia đình Chúa. Vì thế bất cứ hành động nào gây vấp phạm cho những người anh em mình đều là hành động không tốt nếu vô tình và là hành động phạm tội nếu cố tình. Tình yêu thương và trách nhiệm xây dựng lẫn nhau khiến cho tín hữu của Chúa Giê-su sống theo một nguyên tắc và tiêu chuẩn cao hơn cả quan niệm tự do cá nhân vị kỷ. Người tín hữu trưởng thành gìn giữ không làm một số điều không phải vì bị bắt buộc, vì câu nệ luật lệ hay để chứng tỏ mình thánh thiện nhưng để làm gương và không gây vấp phạm cho những anh chị em khác.

II. Câu Hỏi Thảo Luận

1. Bạn hiểu biết thế nào về các thần thánh, hình tượng người ta thờ trong các đền, chùa, am miếu?
a/ Các thần thánh kia có thật không?
b/ Bạn có sợ những hình tượng người ta thờ lạy không? Tại sao?
2. Tại sao Phao-lô khuyên những tín hữu Cô-rinh-tô không nên ăn đồ cúng?
3. Nếu bạn là một người tín hữu xuất thân từ một gia đình thờ cúng,
a/ Bạn vẫn giữ tục lệ cúng giỗ không? Giải thích lý do tại sao?
b/ Nếu được mời ăn giỗ, bạn sẽ đáp ứng như thế nào?
4. Hãy thảo luận và đưa ra một giải pháp thỏa đáng, thích hợp, không trái với Lời Chúa cho vấn đề thờ cúng ông bà, tổ tiên?
5. Đối với tín hữu của Chúa Giê-su, những nguyên tắc căn bản nào là quan trọng và cao cả mà chúng ta nên dựa vào đó để hành xử  trong đơì sống?

**Bài 18

Sứ Đồ của Chúa
1 Côr 9:1-27**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Vì nhiều người Cô-rinh-tô cho rằng họ có đủ khôn ngoan và vì nạn bè phái trong hội thánh Cô-rinh-tô, Phao-lô có thể bị phê bình, chỉ trích và có thể một số người cho rằng ông không phải là Sứ Đồ như Phê-rơ. Vì thế Phao-lô biện hộ cho chức Sứ Đồ của mình.

Những điều kiện của một Sứ Đồ của Chúa Giê-su.
Từ ngữ “sứ đồ” mang ý nghĩa “Một người được sai phái để thi hành một chức vụ”. Từ này thường được dùng để chỉ 12 người môn đệ được Chúa Giê-su chọn và sai phái đi truyền bá Phúc Âm.
Sau khi ChúaGiê-su đã thăng thiên, mười một Sứ Đồ còn lại đã đề nghị chọn một người trong vòng các môn đồ của Chúa để bổ sung cho Giu-đa, người phản Chúa đã chết. Những điều kiện để được chọn làm sứ đồ (Công Vụ 1:21-22):
1/ Một người tin và đi theo Chúa Giê-su ngay từ đầu, “từ khi Giăng làm phép Báp-tem cho đến ngày Đức Giê-su được tiếp lên trời khỏi chúng ta.”
2/ Một người chứng kiến sự sống lại của Chúa Giê-su.
3/ Một người được Chúa Giê-su chọn.

Phao-lô là Sứ Đồ cho người ngoại vì Chúa Giê-su phục sinh đã hiện ra và gặp ông trên đường đi Đa-mách. (Công Vụ 9:1-9; 1 Côr 15:1-11) Phao-lô coi biến cố này là sự gặp gỡ Chúa Giê-su phục sinh chứ không phải chỉ là một khải tượng. Và dĩ nhiên Chúa Giê-su đã chọn và kêu gọi Phao-lô làm Sứ Đồ cho người ngoại quốc.

Phao-lô cũng cho thấy dấu hiệu của Sứ Đồ là những dấu lạ, phép mầu ông đã thực hiện giữa vòng người Cô-rinh-tô khi truyền giảng Phúc Âm (2Côr 12:12).
Ngoài ra Phao-lô cũng nhắc nhở cho hội thánh Cô-rinh-tô biết rằng chính hội thánh Cô-rinh-tô là do Phao-lô thiết lập, là kết quả, là dấu ấn chứng thực chức sứ đồ của ông. Lý luận tiềm ẩn ở đây thật là mạnh mẽ và hùng hồn. Nếu những tín hữu Cô-rinh-tô tin rằng họ là hội thánh thật củaChúa Giê-su, và không có lý do gì để nghi ngờ điều này, thế thì chức Sứ Đồ của Phao-lô cũng phải thật, vì chính Chúa đã chọn, sai phái và giúp Phao-lô thành lập hội thánh Cô-rinh-tô.

Kết qủa thuộc linh là bằng chứng hùng hồn nhất của một người được Chúa chọn và sai phái phục vụ Ngài.

Quyền lợi của tôi tớ Chúa và trách nhiệm của hội thánh Chúa đối với tôi tớ Chúa.
Phao-lô mong rằng những tín hữu Cô-rinh-tô hiểu rõ trách nhiệm của họ là hỗ trợ những tôi tớ Chúa để trọn thì giờ phục vụ, dạy dỗ họ. Dù chính bản thân Phao-lô là người sáng lập hội thánh Cô-rinh-tô; ông đã làm việc để sinh sống trong khi phục vụ hội thánh mà không nhận thù lao. Điều này khiến cho một số người Cô-rinh-tô nghĩ rằng họ không có trách nhiệm chu cấp cho tôi tớ Chúa phục vụ hội thánh, hoặc gỉa Phao-lô và những người đồng lao với ông không có quyền nhận phụ cấp của hội thánh.

Phao-lô liệt kê một số những quyền lợi mà ông và những đồng lao của ông đáng lý phải được hội thánh chu cấp khi họ để trọn thì giờ để giảng dạy Lời Chúa.
1/ Phao-lô và đồng lao củaông có quyền được hội thánh chu cấp để sinh sống khi để trọn thì giờ giảng dạy, phục vụ hội thánh Chúa.
2/ Họ có quyền lập gia đình và cả gia đình của tôi tớ Chúa cũng được chu cấp để sinh sống.

Phao-lô nêu lên sự kiện sứ đồ Phê-rơ, các Sứ Đồ khác và các em của Chúa Giê-su đều có vợ và gia đình họ đều được các hội thánh chu cấp để sinh sống trong khi hầu việc Chúa. Như thế Phao-lô và Ba-na-ba cũng phải có đầy đủ những quyền lợi đó.

Phao-lô cho hội thánh Cô-rinh-tô thấy quyền này là một nguyên tắc tự nhiên từ xưa trong thiên nhiên, trong đời sống hàng ngày và trong thời Cựu Ước.
a/ Người lính trong thời ấy nhận lương của hoàng đế hay vua bản xứ.
b/ Người nông dân trồng nho sẽ được ăn qủa.
c/ Người nuôi súc vật mong sẽ lấy sữa để uống.
Nguyên tắc này đã được Kinh Thánh dạy dỗ và xác nhận. Phao-lô cũng cho thấy nguyên tắc này đã được thi hành trong hệ thống tế lễ của Do Thái giáo.
d/ Thầy tế lễ và người Lê-vi phục vụ trong  đền thờ sẽ nhận được một phần các sinh tế (thịt) và các phần dâng hiến khác trong đền thờ Chúa để sinh sống.
e/ Phao-lô trích dẫn lời Chúa Giê-su dạy (Mat 10:10; Lu-ca:7-8) về việc người  giảng Phúc Âm  đáng được những người tiếp nhận Phúc Âm (hội thánh) hỗ trợ.

Phao-lô cho hội thánh Cô-rinh-tô biết rằng ông và Ba-na-ba có đầy đủ điều kiện và quyền lợi chính đáng để nhận lãnh sự chu cấp của hội thánh như những tôi tớ Chúa khác. Những người “gieo điều thiêng liêng”, tức là rao truyền Phúc Âm cứu rỗi, dạy dỗ Lời Chúa nhận lãnh thù lao vật chất là điều hoàn toàn chính đáng và hợp lẽ.

Dù vậy Phao-lô và Ba-na-ba đã không nhận sự chu cấp của hội thánh Cô-rinh-tô vì :
1/ Ông không muốn gây rở ngại cho việc truyền giảng Phúc Âm.
Phao-lô truyền giảng một Phúc Âm của ân huệ và miễn phí vì thế ông không muốn những người ngoại đạo ở Cô-rinh-tô nghi ngờ về những động lực không ngay thẳng của nhiều giáo sư tôn giáo thời ấy. Thật ra từ xưa đến nay không bao giờ thiếu những người lợi dụng tôn giáo để thủ lợi. Ngày nay vì có nhiều vụ lường gạt, gian dối, cò mồi  để thủ lợi, làm tiền của nhiều người giảng đạo trên TV tại Hoa Kỳ nên nhiều cuộc thăm dò đại chúng cho thấy đa số dân chúng đã đánh gía rất thấp những người giảng đạo, chữa bệnh trên TV.

Trong bối cảnh xã hội như thế, Phao-lô đã phải làm việc (nghề may trại) để tự túc sinh sống và không sử dụng quyền hưởng phụ cấp của mình khi ông thành lập hội thánh Cô-rinh-tô và phục vụ Chúa tại đó. Phao-lô cũng xác nhận với tín hữu hội thánh Cô-rinh-tô rằng ông không có ý định viết thơ này để nhắc nhở họ cái quyền trên,  nhưng ông muốn họ biết rằng ông và Ba-na-ba có quyền đó, và tín hữu Cô-rinh-tô nên nhận lấy trách nhiệm chu cấp cho tôi tớ Chúa đang phục vụ hội thánh nếu họ muốn chứng tỏ rằng họ khôn ngoan và trưởng thành.

2/ Phao-lô hy sinh sự tự do và quyền lợi của mình để tạo dịp tiẹân tốt cho nhiều người tin Chúa. Đây mới là dấu hiệu của tình yêu thương, sự trưởng thành trong Chúa và lòng tận hiến cho Chúa.
Lòng nhiệt thành và tận hiến của Phao-lô dẫn đến một nguyên tắc khác khá quan trọng trong ïchức vụ phục vụ Chúa và truyền bá Phúc Âm.

“Tôi trở nên mọi sự cho mọi người để bằng mọi cách cứu rỗi một vài người.”
Phao-lô là người Do Thái và ông khao khát thấy người Do Thái được cứu rỗi vì thế khi tiếp xúc và truyền giảng Phúc Âm cho người Do Thái ông phải hành xử như người Do Thái. Ông tuân giữ Kinh Luật và hành xử thích hợp với nền văn hóa của dân tộc mình. Phao-lô cũng là Sứ Đồ cho người ngoại quốc cho nên ông cũng hành xử thích hợp với nền văn hóa của dân tộc mà ông đang truyền bá Phúc Âm.

Đây là một điều khó khăn và rất tế nhị; nếu không nắm vững niềm tin và hiểu rõ vai trò cũng như mục đích của mình, người ta sẽ rơi vào tình trạng thỏa hiệp, sai lầm và có thể đi đến chỗ tà giáo nữa. Phao-lô không hề thay đổi hay thỏa hiệp niềm tin, giáo lý hay sứ điệp Phúc Âm nhưng ông sử dụng nhiều phương pháp khác nhau và hành xử thích ứng với mỗi nền văn hóa và dân tộc khác nhau.
Phao-lô đã thường vào hội đường của người Do Thái và dùng Cựu Ước để giảng cho người Do Thái. Phao-lô đã làm lễ cắt bì cho Ti-mô-thê khi đem cậu này về Giê-ru-sa-lem vì Ti-mô-thê có cha là người ngoại quốc. (Công Vụ 16:1-5) Phao-lô đã giới thiệu Đức Chúa Trời như là Đấng Tạo Hóa cho người Hy Lạp tại A-then. (Công Vụ 17:24)
Ông trích văn thơ của các nhà thơ, triết gia của họ để làm nhịp cầu dẫn đến chân lý cứu rỗi trong Chúa Cứu Thế duy nhất của nhân loại.

Đời sống kỷ luật để đạt mục đích thiên thượng vĩnh cửu
Hàng năm người Cô-rinh-tô có những lễ hội thể thao lớn. Nhiều người đã bỏ công, tập luyện khắc khổ để mong đạt được những vòng hoa chiến thắng vinh quang nhưng cũng chóng tàn. Phao-lô cho thấy tín hữu của Chúa có một giải thưởng vinh quang, vĩ đại và trường cửu trên trời dành cho họ; nhưng họ cũng phải siêng năng, tập luyện, sống một đời sống kỷ luật, hành động đúng theo nguyên tắc thiên thượng thì mới mong nhận được phần thưởng vinh quang vĩnh cửu đó.

II.Câu Hỏi Thảo Luận

1. Phao-lô nêu lên những lý do nào chứng tỏ ông là một sứ đồ của Chúa?
2. Điều gì chứng tõ rõ ràng nhất rằng một người đã được Chúa kêu gọi để phục vụ Chúa và hội thánh Ngài?
3. Một mục sư Trung Hoa tại Mỹ cho rằng một trong những lý do khiến cho rất ít người thuộc giới trẻ, trí thức Trung Hoa đi vào chức vụ mục sư  vì tín hữu Trung Hoa không dâng hiến đầy đủ tài chánh để trợ cấp cho người phục vụ Chúa và không đối xử tốt đôí với người hầu việc Chúa. Tín hữu và hội thánh Việt Nam thì thế nào?
4. Tại sao Phao-lô không nhận thù lao khi thành lập hội thánh Cô-rinh-tô?
5. Chúng ta phải làm gì để truyền giáo cho người Việt mà không thỏa hiệp?

**Bài 19

Cảnh Cáo về thần tượng
1Côr 10:1-33**

I.Bối Cảnh và Lược Giải
Trong đoạn này Phao-lô dùng những kinh nghiệm của người Do Thái trong thời Môi-se để cảnh cáo tín hữu tại Cô-rinh-tô. Phao-lô trở lại vấn đề đi dự các lễ hội tại các đền thờ tà thần, ăn đồ cúng thần tượng và giải thích rõ hơn sự quan trọng trong mối liên hệ thuộc linh giữa tín hữu với Chúa của mình.

Cảnh cáo về việc dự các lễ hội và ăn tiệc cúng trong các đền thờ tà thần.
Phao-lô nhắc lại bài học lịch sử của dân Chúa thời Môi-se. Tất cả đều được nhiều đặc ân, được giải cứu ra khỏi Ai-cập, được ở dưới sự che chở và hướng dẫn của Chúa, được đi ngang qua Biển Đỏ như đi trên đất khô, nhưng tất cả đã chết bỏ xác trong sa mạc ngoại trừ Ca-lép và Giô-suê được vào quê hương tại vùng Đất Hứa. Những người này đã không thành công, không đạt đến đích mà Chúa đã hứa cho họ, vào trong quê hương mới, vì họ đã không vâng lời và bội tín.

Phao-lô đã coi những biến cố và hành động của người Do Thái thời xưa như là những biểu tượng phản ảnh các nghi lễ Cơ Đốc giáo. Đi dưới đám mây và trong biển là biểu tượng của lễ báp-tem. Ăn ma-na và uống nước từ vầng đá trong sa mạc là dự tiệc thánh và vầng đá chính là ChúaCứu Thế.  Người Do Thái thời xưa đã thiết lập mối quan hệ thiêng liêng với Môi-se, một tiên tri của Chúa, tức là lập mối quan hệ với CHÚA; tín hữu ngày nay có mối quan hệ thiêng liêng với Chúa Giê-su, Con Một Đức Chúa Trời nhờ đức tin, nên có mối quan hệ với Đức Chúa Trời.

Những hành động ác người Do Thái thời xưa đã phạm bao gồm hành động thờ thần tượng, dự tiệc cúng các thần và tham gia những hành động tình dục trong các lễ hội  tại các đền đó. Dân chúng thơì cổ cũng than phiền Môi-se (Dân Số 21:4-7) và thách thức  Chúa làm phép lạ để cung cấo thịt cho họ ăn trong sa mạc. Dù hình thức có khác nhau nhưng các tội lại giống nhau đối với người Do Thái thời xưa hay tín hữu Cô-rinh-tô thời đại cuối cùng này.

Phao-lô trước đây đã đồng ý với người Cô-rinh-tô rằng hình tượng chỉ là vật vô tri  vô giác, nhưng trong thực tại ma quỷ (tức là những thiên sứ phản loạn với Chúa và theo Sa-tan; chứ không phải những linh hồn người chết) đã mạo nhận làm các thần kia cho nên lý do sâu xa hơn để cho tín hữu Cô-rinh-tô không nên thờ thần tượng lẫn tham dự, ăn uống những đồ đã dâng cúng cho các thần  tượng kia là vì Sa-tan hay ma quỷ đứng sau các hình tượng kia và những đồ đã dâng cúng thuộc về chúng nó. Như thế dù không thờ phượng các thần tượng tại các đền đài nhưng hiện diện trong các lễ hội, ăn uống những đồ cúng tế để kỷ niệm hay thờ phượng chúng là tham gia vào mối tương giao với các tà thần. Tín hữu của Chúa Giê-su nhờ đức tin nơi Ngài nên có mối tương giao thánh với Chúa. Nay tín hữu của Chúa lại tham dự những lễ hội để kỷ niệm, tôn thờ tà thần, ăn uống đồ đã dâng cúng cho các tà thần tức là chấp nhận mối tương giao với ma quỷ (mạo nhận làm các thần thánh). Như thế tín hữu của Chúa đã không vâng lời Chúa và bội giao ước thánh với Chúa vì chúng ta chỉ thờ phượng một mình Đức Chúa Trời và mối tương giao thiêng liêng của con dân Chúa với Ngài là mối tương giao thánh và hoàn toàn chung thủy, không thể chia sẻ cho một thần linh nào khác. Đức Chúa Trời của chúng ta là Đức Chúa Trời kỵ tà.

Cảnh cáo về kiêu ngạo thuộc linh.
Những tín hữu Cô-rinh-tô phê bình, chỉ trích Phao-lô vì cho rằng mình đã hiểu biết đầy đủ và vững mạnh. Nhưng Phao-lô cho thấy họ chỉ hiểu một phần,  chưa hiểu biết hết mọi khía cạnh trong vấn đề thờ thần tượng, ăn đồ cúng và tham gia các lễ hội của các thần ngoại đạo. Lời cảnh cáo tín hữu Cô-rinh-tô đã trở thành lời cảnh cáo cho tất cả tín hữu trong mọi thời đại: “Ai tưởng mình đứng vững, hãy cẩn thận kẻo ngã.”

Lời cảnh cáo này nói lên một vài điều quan trọng tín hữu cần phải biết:
1/ Con dân Chúa phải kiên trì học hỏi không ngừng. Không học hỏi hay thiếu hiểu biết và tự mãn về thuộc linh đều là cạm bẫy gây cho tín hữu bị sa ngã.
2/ Con dân Chúa cần luôn luôn cảnh tỉnh trước những cám dỗ, cạm bẫy của xác thịt (dục vọng ích kỷ, kiêu ngạo..), của thế gian (tiếng khen, hợp thời, lợi cho việc giao tế xã hội …) và của ma quỷ( những vấn đề tâm linh, thờ tự…).
3/ Cảnh tỉnh là thái độ, trách nhiệm của tín hữu.
Đức Chúa Trời đã dùng các tôi tớ Ngài để dạy dỗ, hướng dẫn, nhắc nhở nhưng cảnh tỉnh là thái độ tín hữu phải tự chọn lựa và chịu trách nhiệm cho bản thân.
4/ Chúa luôn luôn có thừa năng lực để giúp con dân Ngài chịu đựng mọi cám dỗ; Ngài cũng sẵn sàng mở lối thoát cho con dân Chúa vượt qua mọi cám dỗ.
Tín hữu của Chúa bị ngã là vì không chịu học hỏi; vì tự cao, tự mãn; vì không cảnh tỉnh và vì không nhờ Chúa  ban cho thêm năng lực và hướng dẫn mình.
5/ Bối cảnh và lịch sử hội thánh Cô-rinh-tô cho thấy con dân Chúa luôn luôn có thêm một ân huệ nữa: Cơ hội ăn năn, phục hồi, dù đã bị cám dỗ đánh ngã hay bị phạm tội.
Cảm tạ ơn Chúa, tín hữu hội thánh Cô-rinh-tô đã nghe lời dạy dỗ, khuyên bảo của Phao-lô cho nên lịch sử cho thấy họ đã ăn năn, thay đổi thái độ, nhờ cậy Chúa đứng vững, phát triển trên toàn thể nước Hy Lạp và tồn tại cho đến ngày nay.

Mục đích sống của tín hữu
Đức Chúa Trời sáng tạo nên loài người với mục đích cao quý. Để thực thi mục đích tối cao kia Chúa cũng ban cho con người nhiều quyền lợi và đặc ân. Quyền lợi lớn lao và cao quý nhất của con người là quyền tự do; con người có cả quyền tự do chống lại Đấng Tạo Hóa nữa. Nhưng khi thủy tổ của loài người là A-đam sa ngã, phạm tội, loài người đánh mất quyền tự do đó và trở nên nô lệ cho tội lỗi và Sa-tan. (Giăng 8:34) Tín hữu là người được Chúa Giê-su mua chuộc khỏi vòng nô lệ của tội lỗi và được tự do trong Chúa Cứu Thế. (Giăng 8:32)

Tín hữu của Chúa Giê-su được tự do nhưng cũng có trách nhiệm trước mặt Chúa; ngoài ra người tín hữu cũng có các mục đích mới để sống. Người tín hữu trưởng thành luôn luôn hành xử trong sự tự do nhưng với trách nhiệm và theo những mục đích tốt đẹp, cao quý mà Chúa đã đặt ra cho chúng ta.
Phao-lô cho tín hữu thấy:
1/ Tín hữu có tự do để làm mọi sự.
\* Tín hữu hiểu biết và trưởng thành chỉ sử dụng quyền tự do để làm điều hữu ích; không làm điều vô ích và phí phạm.
\* Tín hữu hiểu biết và trưởng thành chỉ sử dụng quyền tự do để xây dựng; không phải để phá hoại, gây thương tổn cho người khác.
\* Tín hữu hiểu biết và trưởng thành chỉ sử dụng quyền tự do để làm lợi cho mình lẫn người khác; không phải chỉ lợi cho mình mà thôi.
2/ Tín hữu được tự do ăn tất cả thực phẩm Chúa ban cho trên qủa đất. (c. 26)
3/ Tín hữu có trách nhiệm sống công chính, thánh thiện và đẹp lòng Chúa cũng như tốt đẹp đối với tha nhân.
4/ Mục đích tối cao và trọng đại nhất của con người là sống vì vinh quang của Đức Chúa Trời.
\* Để đạt được mục đích tối cao kia, tín hữu nên hết sức tránh gây xúc phạm đến anh em cùng niềm tin trong đại gia đình của Chúa, cho người ngoại đạo và hết sức tránh gây xúc phạm đến hội thánh Đức Chúa Trời. Vì Phao-lô cũng cảnh cáo kẻ nào phá hoại hội thánh, Chúa sẽ phá hủy kẻ đó.
5/ Tín hữu cố gắng sống hài hòa với tất cả mọi người, tìm lợi ích cho nhiều người để mong có dịp tiện, cơ hội cứu vớt nhiều người. Phao-lô diễn tả một cách khác nguyên tắc đã được nêu lên trước đây: (9:22)
“Tôi trở nên mọi sự cho mọi người để bằng mọi cách cứu rỗi một vài người.”
Chúng ta nên nói, làm đẹp lòng người khác (hợp với KT) để mong có dịp cứu rỗi họ.
Phao-lô khuyên chúng ta nên làm đẹp lòng người khác, thích nghi với những nền văn hóa khác nhau, chủng tộc khác nhau trong khi truyền bá Đạo Chúa chứ không phải thỏa hiệp về niềm tin, đạo đức để chiêu dụ nhiều người vào giáo hội của mình.

Có một vài chi tiết trong nguyên tắc này cần được minh giải.
a.         Phao-lô không hề có ý khuyên chúng ta nên “thỏa hiệp” về niềm tin, giáo lý. Kinh Thánh mạnh mẽ lên án những tà thuyết, tà giáo.
(Ga-la-ti 1:6-9; 2Phê-rơ 2:1-9; 3:16)
b.         Kinh Thánh không bao giờ dạy chúng ta sống theo triết lý “cứu cánh biện  minh cho phương tiện.”, sống đạo đức gỉa, nói láo, làm ác, hành xử gian dối miễn là đạt được “kết qủa cho Chúa!”
c.         Chúng ta nên hòa đồng, thích nghi  tối đa (trong phạm vi Kinh Thánh cho phép) về văn hóa, phong tục tập quán, ngôn ngữ v.v. để truyền Đạo Chúa.

II.Câu Hỏi Thảo Luận.

1. Tại sao tín hữu của Chúa Giê-su không nên tham dự các lễ hội của các thần thánh tại các đền, miếu, chùa và không ăn đồ cúng?
2. Bạn sẽ giải quyết bằng cách nào nếu được mời dự một đám giỗ?
3. Theo những nguyên tắc Phao-lô dạy, bạn có giải pháp nào (hợp với Kinh Thánh) để tránh xúc phạm đến vấn đề “thờ cúng ông bà, tổ tiên” và đem người ta về với Chúa?

**Bài 20

Phong Tục Tập Quán và Thẩm Quyền, Trật Tự
1Côr 11:1-16**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Phao-lô khen ngợi tín hữu Cô-rinh-tô đã gìn giữ những truyền thống ông dạy họ. Từ đó ông chuyển sang vấn đề thờ phượng. Vào lúc này đa số các buổi thờ phượng được tổ chức tại nhà và nam nữ đều tụ họp chung trong một nhà, tham gia trong những buổi thờ phượng Chúa. Phao-lô nghe về một vài nan đề trong khi thờ phượng nên ông đề nghị cách giải quyết và nêu lên những lý do tại sao ngườ đàn bà nên hành động như thế.

Y phục thích đáng trong khi thờ phượng.
Phụ nữ khi cầu nguyện và nói tiên tri trong buổi thờ phượng phải che đầu (hay che mặt như phụ nữ ở nhiều nơi tại Trung Đông ngày nay vẫn còn làm). Trong các hội thánh đầu tiên nói tiên tri chỉ về người nhận được sự dạy dỗ hay khải tượng của Chúa trong khi thờ phượng Chúa và chia sẻ ngay trong buổi thờ phượng để khích lệ, xây dựng và an ủi những người khác. (1 Côr 14: 3)
Nan đề Phao-lô nói đến ở đây có thể hiểu theo hai cách:
1.         Người đàn bà khi cầu nguyện và nói tiên tri trong buổi thờ phượng phải trùm khăn che đầu (hay che cả mặt).
2.         Người đàn bà khi cầu nguyện và nói tiên tri trong buổi thờ phượng phải cuộn tóc ngắn; không được xả tóc dài.

Theo cách dùng từ và lý luận rất có thể Phao-lô muốn nói đến vấn đề “khăn che đầu” ở đây. Trong những buổi thờ phượng công cộng, phụ nữ không có khăn che đầu khi cầu nguyện hay nói tiên tri sẽ làm cho những người nam hay chồng họ trong buổi thờ phượng đó hổ thẹn vì những phụ nữ này đã không phục sức như phụ nữ; nghĩa là không có dấu hiệu gì để phân biệt nam nữ.

Một số học giả cho rằng phụ nữ không che đầu nơi công cộng bày tỏ sự bất phục tùng thẩm quyền của chồng và như thế làm nhục chồng. Tuy nhiên học giả Gordon Fee đã giải thích rất thuyết phục rằng lý luận về “đầu” Phao-lô dùng để chỉ nguồn gốc (source) chứ không phải thẩm quyền cao hơn. Từ thời sáng thế đàn bà được tạo nên từ A-đam, người đàn ông đầu tiên.
Một số người cho rằng vào thời cổ, đàn bà để tóc trần và buông thỏng là một hình ảnh khiêu dâm.

Dù hiểu theo cách nào đi nữa người phụ nữ khi cầu nguyện và nói tiên tri trong buổi thờ phượng mà không che đầu là một điều xấu hổ cho chính người đó cũng như cho chồng họ, cho những người nam trong hội thánh và ngay cả cho thiên sứ hiện diện trong buổi thờ phượng.(Êph 3:10; 1Phê-rơ 1:12)
Một vài nguyên tắc về thờ phượng chúng ta có thể rút ra từ  trường hợp này:
1/ Động lực tối cao trong sự thờ phượng Chúa là làm vinh hiển hay tôn vinh Chúa. Vì thế những hành vi, y phục không đem lại sự vinh hiển Chúa chúng ta không nên làm.
2/ Hội thánh Chúa nên chấp nhận và thực hành những phong tục tập quán tốt đẹp, làm vinh hiển Chúa từ nền văn hóa của mình. Vấn đề phụ nữ trùm khăn hay che mặt trong khi cầu nguyện và nói tiên tri trong buổi thờ phượng là một tập tục tốt mà các hội thánh đầu tiên đã thực hành.(c. 16) Như thế các hội thánh đầu tiên đã chấp nhận và thực hành các tập tục địa phương tốt, làm vinh hiển danh Chúa từ địa phương, văn hóa của họ.
3/ Những phong tục tập quán (trùm đầu, che mặt) hội thánh Cô-rinh-tô áp dụng có thể làm vinh hiển Chúa trong xã hội đó thời bấy giờ nhưng không nhất thiết sẽ làm vinh hiển Chúa đối với các dân tộc khác trong thời đại khác.

Thẩm quyền, trật tự trong gia đình và hội thánh
Gia đình và hội thánh là những đơn vị cộng đồng xã hội vì thế cần phải có trật tự và thẩm quyền rõ ràng để hoạt động hữu hiệu. Chúng ta nên nhớ rằng đây là thẩm quyền và thứ tự trong gia đình con dân Chúa và hội thánh, không phải ngoài xã hội thế tục.

Phao-lô cho thấy Đức Chúa Trời đã định thẩm quyền và trật tự của người nam trong gia đình cũng như thẩm quyền của Chúa Giê-su trên hội thánh.  Thẩm quyền của người nam trong gia đình, trong hội thánh không có nghĩa là người nam có nhân phẩm tốt hơn và cao hơn phụ nữ.  Nam nữ đều bình đẳng trên phương diện nhân phẩm và nhân quyền nhưng có những phận sự và vai trò khác nhau trong gia đình và hội thánh  và vì thế cần có thẩm quyền khác nhau để thi hành những phận sự của mình. Nền tảng của thẩm quyền trong gia đình cũng như hội thánh Chúa là tình yêu thương, sự hy sinh và tận hiến. Chúa Giê-su đã yêu thương và hy sinh, tận hiến mạng sống mình cho hội thánh vì thế Ngài cũng muốn người chồng cũng yêu thương vợ con như thế. (Êph 5:21-25) Khi người chồng yêu thương, tận hiến đời sống mình cho vợ con thì sẽ không có vấn đề lạm dụng thẩm quyền để đàn áp, khống chế vợ con.

Phao-lô đã dùng các lý luận từ mối liên hệ giữa ba ngôi Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời là đầu của Chúa Cứu Thế; từ cuộc sáng tạo con người, người đàn bà được tạo dựng từ đàn ông; và từ thiên nhiên, đàn bà để tóc dài là đẹp, để nói lên điều này.

II.Câu Hỏi Thảo Luận

1. Tại sao Phao-lô khuyến khích phụ nữ Cô-rinh-tô nên giữ phong tục che đầu khi cầu nguyện hay nói tiên tri khi thờ phượng Chúa?
2. Phụ nữ tín hữu Việt Nam ngày nay có nên trùm khăn che đầu hay che mặt khi thờ phượng Chúa không? Tại sao?
3. Hãy nêu lên một vài phong tục tập quán tốt của người Việt Nam tín hữu nên gìn giữ để làm vinh hiển Chúa?
4. Hãy so sánh và phê bình quan niệm của Kinh Thánh về vai trò và thẩm quyền của người chồng trong gia đình với quan niệm “chồng chúa, vợ tôi” của Á châu.
5. Tại sao hội thánh vui lòng thuận phục Chúa Giê-su ? Người chồng tín hữu phải làm gì để vợ con vui lòng thuận phục mình?

**Bài 21

Lễ Tiệc Thánh
1Côr 11:17-34**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Vào thời các hội thánh đầu tiên tại Palestine (Do Thái) lễ tiệc thánh là một phần của bữa tiệc Lễ Vượt Qua của người Do Thái. (xem Ma-thi-ơ 26:17-30) Theo Kinh Thánh Cựu Ước bữa ăn lễ Vượt Qua gồm có thịt chiên con, bánh không men và rau đắng. Sau đó theo thời gian truyền thống Do Thái thêm vào một số biểu tượng khác trong bữa ăn lễ Vượt Qua như cái trứng nướng, cái ly Ê-li, rượu nho đỏ, hát Thánh Thi 115-118 để kết thúc…

Tín hữu tại Cô-rinh-tô trong thời gian khởi đầu có thể cũng theo phong tục Hy-La, tụ họp thờ phượng Chúa trong nhà một người khá gỉa. Theo phong tục của người Hy Lạp hay La Mã thời bấy giờ khách quí thuộc giới thượng lưu thường được ngồi trên phòng khách và được tiếp đãi chu đáo với những thức ăn ngon; những người khách khác ngồi ở nhà dưới và thức ăn cũng kém hơn. Những khách bị ngồi ở nhà dưới thường than phiền chủ nhà. Nan đề phân biệt giai cấp này có thể cũng xảy ra trong hội thánh Cô-rinh-tô thời ấy.

Nan đề phân chia giai cấp
Tín hữu Cô-rinh-tô trong giai đoạn đầu có thể nhóm họp tại tư gia để thờ phượng Chúa và dùng bữa ăn yêu thương (Công Vụ 2:42,46) mô phỏng theo bữa ăn lễ Vượt Qua. Có lẽ vào cuối bữa ăn người ta sẽ cử hành lễ Tiệc Thánh.

Mỗi tín hữu khi đi thờ phượng đem theo thức ăn của mình hay gia đình mình nhưng sẽ để chung với nhau và tất cả cùng ăn chung. Khi theo đúng nguyên tắc này như những tín hữu đầu tiên ( Công Vụ 2: 42-47)  đã làm, hội thánh bày tỏ một tinh thần hiệp nhất, thông công, yêu thương lớn lao như Chúa Giê-su đã dạy. Nhưng tín hữu tại Cô-rinh-tô vẫn còn bị ảnh hưởng của xã hội ngoại đạo Hy-La; khi đến nhà một người (thường là giàu có, thượng lưu) để thờ phượng Chúa; người giàu, thượng lưu đem nhiều đồ ăn và ngồi chung với người giàu có thượng lưu trong phòng khách; những người nô lệ thường không có gì nhiều để đem theo và có lẽ phải ngồi ở nhà dưới. Hội thánh Cô-rinh-tô lúc bấy giờ có thể gồm đủ mọi giai cấp trong xã hôïi như  công dân La Mã, người buôn bán, thợ thuyền, nô lệ, tự do nhưng không phải công dân La Mã…

Phao-lô trách tín hữu hội thánh Cô-rinh-tô vì họ đã làm hại tinh thần thông công, hiệp nhất và yêu thương khi nhóm họp thờ phượng Chúa. Tín hữu Cô-rinh-tô đã phân biệt giai cấp, phân biệt giàu nghèo, chia rẽ, ích kỷ, không có tinh thần chia sẻ, tương thông với nhau. Chúa Giê-su dạy tín hữu phải yêu thương nhau (Giăng 15:12). Phao-lô cho chúng ta biết chúng ta là anh chị em trong một gia đình của Chúa(Êph 2:19). Hành vi phân biệt giai cấp, ích kỷ, không hiệp nhất, không có tinh thần chia sẻ, tương thông với nhau trong khi dự bữa ăn yêu thương và dự lễ Tiệc Thánh trong hội thánh Chúa đều bị Phao-lô cho rằng “anh chị em khinh bỉ Hội Thánh của Đức Chúa Trời”.

Thờ phượng Chúa là hành động nhằm mục đích tôn vinh, ca ngợi và cảm tạ Chúa nhưng đồng thời cũng giúp cho đời sống đức tin, yêu thương, tinh thần thông công, tương trợ, hiệp nhất và yêu thương nhau tăng trưởng, lớn mạnh trong Chúa.

Dự lễ Tiệc Thánh một cách xứng đáng.
Lễ Tiệc Thánh do chính Chúa Giê-su thiết lập (Math 26:26-30) nên Phao-lô cho rằng mình đã nhận từ Chúa và truyền lại thánh lễ này cho tín hữu Cô-rinh-tô. Lễ tiệc thánh là một lễ cần được cử hành thường xuyên trong hội thánh. Lễ tiệc thánh chỉ dành cho tín hữu tham dự; người ngoại đạo hay chưa tin nhận Chúa không được tham dự.

Về ý nghĩa lễ tiệc thánh ngưòi ta thấy có vài quan niệm khác nhau trong vòng các nhánh của Đạo Chúa:
1/ Quan điểm Công Giáo:
Linh mục giáo sư Ludwig Ott viết “Phép Thánh Thể là một Bí Tích mà Đức Ky-tô, dưới dạng bánh và rượu nho, thực sự hiện diện với thân thể và máu của Ngài để dâng hiến chính mình Ngài bằng một cách không có máu cho Đức Chúa Cha thiên thượng, và ban chính mình Ngài làm thức ăn cho linh hồn tín hữu.”

Ba điểm quan trọng trong giáo lý Thánh Thể của Công giáo, thứ nhất, bản chất của bánh và rượu nho biến thành thân thể và máu của Chúa Giê-su dù bề ngoài hình thức của bánh và rượu nho không có gì thay đổi. Thứ hai, mỗi lần cử hành Bí tích Thánh Thể là mỗi lần thân thể và máu của Chúa lại được hy sinh cho tín hữu. Thứ ba, Bí tích Thánh Thể phải được linh mục chính thống cử hành mới có hiệu qủa; nếu không bánh và rượu nho vẫn chỉ là bánh và rượu nho.

Về điểm thứ nhất chúng ta thấy rằng Công giáo đã hiểu sai lời nói của ChúaGiê-su. Chúa đã nhiều lần tuyên bố về Ngài với ý nghĩa biểu tượng hay ýnghĩa thiêng liêng như, “Ta là cây nho thật.” (Giăng 15:1) ; “Chính Ta là cửa ra vào, ai qua Ta mà vào sẽ được cứu.” (Giăng 10:9) Ngoài ra khi tuyên bố điều này Chúa Giê-su chưa bị hy sinh trên thập tự gía; thân và huyết của Chúa đang hiện diện riêng rẽ với bánh và rượu nho Ngài cầm trên tay; không lẽ thịt và huyết của Ngài biến hóa thành bánh và rượu nho ngay lúc ấy; rõ ràng Chúa muốn nói đến ý nghĩa biểu tượng. Thứ hai Phao-lô trong Kinh Thánh Tân Ước nói rõ Chúa Giê-su chỉ chịu chết hy sinh mạng sống của mình một lần đầy đủ cả cho đến vĩnh cửu: “Bởi vì Ngài chết là chết cho tội lỗi một lần đầy đủ cả.” (Rô 6:10) Trước gỉa Hê-bơ-rơ cũng ghi: “Bên kia, một Đấng dâng chỉ một sinh tế chuộc tội cho đến đời đời, rồi ngự trị bên phải Đức Chúa Trời…Vì dâng một tế lễ duy nhất, Ngài làm hoàn hảo, vĩnh viễn những người được thánh hóa”. (Hê 10:12,14)

Về điểm thứ ba, lễ Tiệc Thánh được Chúa truyền cho các Sứ Đồ và cho hội thánh (1Côr 11:23-26), nên những người lãnh đạo trong hội thánh cử hành là hợp lẽ và không ai có thể có khả năng hay đủ điều kiện để biến bánh và rượu nho thành thân và huyết của Chúa.

2/ Quan điểm của Lu-tơ.
Quan điểm của nhà cải chánh Lu-tơ khác hơn quan điểm của Công giáo ở một vài điểm. Lu-tơ cho rằng thân thể và máu của Chúa Giê-su hiện diện “trong, với và dưới” bánh và rượu nho nhưng bánh và rượu nho không trở thành thân thể và máu của Chúa.

Lễ Tiệc Thánh không phải là một sự hy sinh mới Chúa dâng lên Chúa Cha vì Ngài chỉ dâng một lần đầy đủ tất cả. Lu-tơ chủ trương rằng lễ Tiệc Thánh nên được cử hành bởi một người được thụ phong thích đáng nhưng thân và máu của Chúa hiện diện là do quyền năng của Ngài chứ không do hành động của một ai hay bất cứ một điều gì khác.
Quan điểm này gặp sự khó khăn để giải thích sự hiện diện của bản chất thể chất của Chúa Giê-su. Chính Chúa Giê-su nói với các môn đệ rằng “Con không ở trong thế gian nữa, nhưng họ vẫn ở lại trong trần gian.” (Giăng 17:11) Quan niệm cho rằng Tiệc Thánh là biểu tượng thiêng liêng củasự hy sinh của Chúa là hợp lý nhất.

3/ Quan điểm của Calvin hay Cãi Chánh và của đa số người Tin Lành.
Calvin cho rằng sự hiện diện của Đức Ky-tôn trong Tiệc thánh là thuộc linh: “Để đạt đến mục đích đó, vì thế Chúa đã nhờ cánh tay của Con Một Ngài, ban cho hội thánh Ngài một thánh lễ khác, đó là một bữa tiệc thuộc linh, qua đó Đấng Ky-tôn tự mình trở thành bánh ban sự sống để linh hồn chúng ta được nuôi sống và được phước bất tử…Thứ nhất, những dấu hiệu là bánh và rượu nho đại diện cho thức ăn vô hình mà chúng ta nhận từ thân và máu của Đức Ky-tôn…Này, Đức Ky-tôn là thức ăn duy nhất cho linh hồn chúng ta.”   Tiệc Thánh đóng ấn tình yêu thương của Chúa trong lòng người dự và xác chứng sự phong phú của Phúc Âm và tất cả những lời hứa của giao ước mới trong đời sống tín hữu.

Zwingli quan niệm rằng lễ Tiệc Thánh là một lễ kỷ niệm sự chết của Chúa Giê-su.
Đa số những người Tin Lành khác thuộc Phúc Âm Thuần Túy (Evangelical) tin rằng lễ Tiệc Thánh là một biểu tượng và có ý nghĩa thuộc linh. Chúa Giê-su hứa rằng : “Vì ở đâu có hai hay ba người nhân danh Ta họp nhau lại, Ta sẽ ở giữa họ.” (Math 18:20) vì thế Chúa Giê-su hiện diện một cách thuộc linh trong lễ Tiệc Thánh và trong lòng những người tin.

Phao-lô trách tín hữu Cô-rinh-tô vì họ đã dự Tiệc Thánh với thái độ và cung cách không thích hiệp cho nên một số người trong vòng họ đã bị Chúa phạt đau yếu, bệnh tật và ngay cả chết nữa. Đây là hình phạt về thể xác để khỏi phải bị đoán phạt đời đời chung với thế gian (câu 32).

Thứ nhất tín hữu Cô-rinh-tô đã dự Tiệïc Thánh trong tinh thần chia rẽ, kỳ thị. Một trong những ý nghĩa của lễ Tiệc Thánh là sự hiệp nhất trong Thân Thể (Hội Thánh) Chúa Cứu Thế. Tín hữu Cô-rinh-tô chia rẽ tức là phản lại tinh thần hiệp nhất trong thân thể của Chúa.

Thứ hai, một số tín hữu Cô-rinh-tô đã ăn uống no say, hoàn toàn thiếu ý thức đến sự hy sinh đền tội của Chúa cho họ và sự hiện diện thuộc linh của Chúa Cứu Thế giữa vòng họ.
Chúa dạy chúng ta dự Tiệc Thánh để nhớ đến sự hy sinh đền tội của Chúa cho chúng ta và chúng ta nhận được sự tha thứ tội lỗi cùng sự sống vĩnh phúc là nhờ đức tin nơi Ngài chứ không phải do công đức của chúng ta. Dự Tiệc Thánh là dịp để tín hữu xét mình, ăn năn, xưng tội cùng Chúa để được tha thứ, thánh hóa.

Chúa Cứu Thế là thực phẩm thiêng liêng cho linh hồn chúng ta, vì thế dự Tiệc Thánh là dịp xác chứng sự cứu rỗi, tình yêu thương và giao ước mới và đồng thời cũng nhắc nhở chúng ta tiếp tục nhận thực phẩm thuộc linh từ Chúa Cứu Thế qua sự tương giao với Ngài.

Dự Tiệc Thánh để tái xác nhận sự hiệp nhất của tín hữu vào Thân Thể Chúa Cứu Thế và sự hiệp nhất của Thân Thể Chúa giữa vòng tín hữu với nhau.
Dự Tiệc Thánh là hành động biểu tượng để ghi nhớ và rao truyền sự hy sinh của Chúa cho mọi người cho đến khi Chúa tái lâm.

II. Câu Hỏi Thảo Luận.

1. Theo bạn quan niệm nào về lễ Tiệc Thánh là hợp với Kinh Thánh nhất? Hãy nêu bằng chứng hỗ trợ cho lý luận của bạn.
2. Tại sao dự Tiệc Thánh với tinh thần phân chia giai cấp và chia rẽ là một tội trọng?
3. Một số người vì có những hành động tội lỗi, không đẹp lòng Chúa trong đời sống hàng ngày nên không dám dự tiệc thánh vào Chúa Nhật.
Bạn nên khuyên những người này như thế nào?
4. Hội thánh nào có buổi ăn thông công cho mọi người trong hội thánh mỗi tuần là một thành công lớn (giống các hội thánh đầu tiên).
Theo bạn, tại sao nhiều hội thánh ngày nay không có được buổi ăn thông công hàng tuần cho mọi người trong hội thánh?
5. Dự Tiệc Thánh cũng để nhắc nhở tín hữu nhớ đến trách nhiệm gì?
6. Tại sao chúng ta không cần phải lập lại sự hy sinh của Chúa Cứu Thế?
7. Điều gì trong Tiệïc Thánh nhắc nhở tín hữu rằng Chúa Cứu Thế đã sống lại và đang ngồi bên hữu Đức Chúa Cha?

**Bài 22

Thân Thể Chúa
1Côr 12:1-11**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Chương 12 Phao-lô nhấn mạnh đến sự hiệp nhất, hỗ tương giữa các bộ phận khác biệt của thân thể Chúa, đặc biệt là các ân tứ khác nhau cho cùng một mục đích.

Tuyên xưng Chúa Giê-su.
Phao-lô nhắc lại cho các tín hữu Cô-rinh-tô biết rằng họ đang sống trong một nền văn hóa ngoại giáo mà trước đây họ cũng đã là một thành phần. Vào thời này tại các đền thần hùng biện Hy Lạp người ta cũng nói tiên tri khi được thần nhập (tương tự như lên đồng tại các đền miếu đồng cốt tại các nước Á Phi ngày nay ). Như thế không phải tất cả người nói tiên tri hay nói tiếng lạ đều là do Đức Thánh Linh.

Những người tuyên bố rằng họ nói tiên tri hay tiếng lạ hay làm những phép lạ khác phải được thử bằng nội dung lời tiên tri (giáo lý) và bằng đức tin tận hiến cho Chúa Giê-su. Trong đời sống vào thời ấy một người phải thật sự tin Chúa và được Đức Thánh Linh ngự vào lòng và kiểm soát mới dám tuyên xưng Đức Giê-su là Đấng Cứu Thế và Chúa Tể của họ. Vì người Do Thái không tin Chúa Giê-su thường trưng dẫn “Đáng rủa thay cho kẻ bị treo trên cây gỗ”( Phục 21:23) để bài bác Chúa Giê-su. Và rất có thể họ cũng dùng lời rủa tên Chúa Giê-su để chứng minh sự trung thành của mình với Do Thái giáo và để khỏi bị trục xuất khỏi hội đường Do Thái.

Về sau này, trong thời gian bắt bớ Đạo Chúa, chính quyền La Mã đã bắt những người tình nghi theo Đạo Chúa phải công khai rủa sả tên Chúa. Người nào không chịu rủa tên Chúa chứng tỏ rằng họ là tín hữu của Chúa và sẽ bị hành hình.

Trên một phương diện khác khi một người tin Chúa Giê-su làm Chúa Cứu Thế người đó cũng nhận Chúa Giê-su là vua, là Hoàng Đế, Chúa Tể của đời sống mình trên cả hoàng đế La Mã vì thời đó người ta thường tuyên xưng “Sê-sa là Chúa”. Hội thánh cũng đã dùng câu tuyên xưng “Đức Giê-su là Chúa Tể” để bày tỏ lòng tin tuyệt đối và tối cao nơi Chúa Giê su.

Sự hiệp nhất trong thân thể (hội thánh) của Chúa.
Phao-lô cho tín hữu Cô-rinh-tô thấy đặc tính “hiệp nhất trong đa dạng” cũng là đặc tính của Đức Chúa Trời Ba Ngôi hiệp nhất. Chúng ta thấy chỉ có một Đức Thánh Linh ban cho và sử dụng nhiều ân tứ khác nhau trong hội thánh. Chúa Giê-su cũng dùng nhiều phương cách phục vụ khác nhau giữa vòng các tín hữu trong hội thánh. Đức Chúa Trời hành động trong hội thánh bằng nhiều hoạt động khác nhau.

Mỗi tín hữu trong hội thánh đều được Đức Thánh Linh ban cho ân tứ riêng. Điều này nói đến năm vấn đề:
-Mỗi tín hữu đều có ít nhất là một ân tứ của Đức Thánh Linh. Mỗi tín hữu cần tìm kiếm xem mình có ân tứ nào để sử dụng cho chính mình và cho lợi ích chung của hội thánh và của Chúa.
- Chúng ta cũng cần lưu ý rằng cách Phao-lô liệt kê các ân tứ và chức vụ trong đoạn này cũng như trong Rô-ma 12 và Ê-phê-sô 4 cho thấy đây không phải là tất cả ân tứ mà chỉ là một số ân tứ phổ thông trong hội thánh Cô-rinh-tô lúc ấy mà thôi.
- Đức Thánh Linh thể hiện mỗi ân tứ bằng nhiều cách khác nhau như việc phục  vụ, hoạt động khác nhau trong hội thánh.
-Mỗi tín hữu đều có một ân tứ khác nhau. Không phải tất cả tín hữu đều có cùng một ân tứ giống nhau và phải hành động giống nhau. Chúng ta thấy hội thánh có sự hiệp nhất trong Chúa Cứu Thế, trong đức tin, trong một mục đích nhưng không bắt buộc mọi người phải sống và hành động giống nhau .(Đa dạng không phải “đồng dạng”; unity in diversity not uniformity)
-Các ân tứ được ban cho tín hữu để sử dụng cho “lợi ích chung” của hội thánh, tức là cho cộng đồng con dân Chúa chứ không phải cho lợi ích cá nhân.

Các ân tứ:
1/ Lời nói khôn ngoan.
Đức Thánh Linh ban cho một số người ân tứ biết áp dụng những tri thức thuộc linh và siêu nhiên hoặc có những quyết định khôn ngoan về một số sự kiện để giải quyết một vấn đề.
2/ Lời nói tri thức.
Phao-lô có thể muốn nói đến tri thức thuộc linh và siêu nhiên. Một số cho rằng Phao-lô nói về tri thức huyền bí liên quan đến mạc khải và triên tri.
Một số học giả ân tứ ( Dennis & Rita Bennett ) giải thích lời khôn ngoan là “sự mạc khải siêu nhiên về các sự kiện trong quá khứ, hiện tại, tương lai  không do sự học hỏi của trí óc tự nhiên.”
3/ Đức tin.
Đức tin ở đây không nói đến đức tin nơi Chúa Giê-su để được cứu rỗi nhưng đức tin nơi Chúa để thực hiện những điều khó khăn, lớn lao.
4/ Ân tứ chữa bệnh. Từ này ở số nhiều nên có thể nói đến các loại bệnh khác nhau.
5/ Ân tứ phép lạ. Làm những việc siêu nhiên.
6/ Tiên tri. Nói lời của Chúa khải thị cho họ để truyền lại cho con dân Chúa. Tiên tri có thể bao gồm cả tiên đoán tương lai nhưng không nhất thiết lúc nào cũng chỉ tiên đoán tương lai; trái lại tiên tri nhằm mục đích xây dựng, khuyến khích, an uỉ. (1 Cor 14:3)
7/ Phân biệt các thần linh.
Ân tứ này giúp tín hữu phân biệt giữa Đức Thánh Linh và các tà thần có thể đang ám một người.
8/ Nói tiếng lạ.
Một số người cho rằng “tiếng lạ” chỉ về ngôn ngữ ngoại quốc như ở lễ Ngũ Tuần (Công Vụ 2). Tuy nhiên ở đây Phao-lô nói rõ rằng không ai hiểu “tiếng lạ” và người nói tiếng lạ nói với Đức Chúa Trời (1Côr 14:2)

  Leon Morris viết:  “Lời nói xuất thần bằng ngôn ngữ không ai hiểu do  ảnh hưởng của Chúa Thánh Linh có vẻ như là điều Phao-lô muốn nói đến ở đây.”
9/ Thông dịch tiếng lạ.
Chính người nói tiếng lạ hay người khác có ân tứ thông dịch tiếng lạ chuyển ra ngôn ngữ người ta hiểu được.

Ngày nay giữa vòng những tín hữu Phúc Âm Thuần Túy (Evangelical Christians) có hai quan niệm về các ân tứ thuộc linh:
1/Một số các ân tứ siêu nhiên như nói tiếng lạ, chữa bệnh, phép lạ, tiên tri đã ngưng, không còn hoạt động nữa. Những người này cho rằng các ân tứ phép lạ là những dấu hiệu của Chúa Cứu Thế và các Sứ Đồ để thiết lập và xây dựng hội thánh lúc ban đầu. Sau thời các Sứ Đồ, hội thánh đã được thiết lập nên các ân tứ này cũng chấm dứt. (1Côr 13:8)
2/ Các tín hữu Phúc Âm Thuần Túy theo ân tứ cho rằng các ân tứ trên được ban cho để xây dựng hội thánh và hội thánh lúc nào cũng cần được xây dựng cho đến khi Chúa Giê-su tái lâm cho nên các ân tứ này vẫn còn và đang thịnh hành.

Phao-lô nói đến các ân tứ nói tiếng lạ, tiên tri, tri thức sẽ chấm dứt vào thời tận thế và vào ngày phán xét chứ không phải khi hội thánh đã dược thiết lập vững vàng.
Xét về bối cảnh, văn mạch thư  Cô-rinh-tô người ta thấy rằng Phao-lô không có ý cấm đoán việc nói tiếng lạ: “ đừng ngăn cấm việc nói tiếng lạ”. (1Côr 14:39) Và cũng không có dấu hiệu gì cho thấy rằng các ân tứ này sẽ chấm dứt khi hội thánh được thành lập vững vàng.
Tuy nhiên Phao-lô cho thấy rõ các ân tứ nói tiếng lạ, phép lạ có vai trò kém quan trọng và kém hữu ích hơn trong  việc xây dựng đức tin, đời sống đạo đức tín hữu và truyền giáo cho người ngoại đạo.

Nan đề chúng ta thấy ngày nay:
1/ Một số tín hữu theo khuynh hướng ân tứ đã quá chú trọng đến các ân tứ nói tiếng lạ, chữa bệnh, tiên tri… và một số rơi vào tình trạng lạm dụng các ân tứ này để tìm lợi ích cá nhân và thủ lợi làm cho nhiều người ngoại đạo bất mãn, vi phạm đến Danh Chúa.
2/ Đức Thánh Linh phân phối các ân tứ cho mỗi người tùy ý Ngài. (1Côr 12:11) Không phải tất cả tín hữu đều có ân tứ nói tiếng lạ. Cho nên đòi hỏi tất cả tín hữu đều nói tiếng lạ hay tổ chức huấn luyện tín hữu nói tiếng lạ là một áp dụng sai lầm.
3/ Lễ Ngũ Tuần là một biến cố tiên khởi, xảy ra chỉ một lần khi Đức Thánh Linh giáng lâm, khai trương thời đại mới cho nên tất cả những người tín hữu hiện diện đều đầy dẫy Đức Thánh Linh và nói tiếng lạ.
Sách Công Vụ cho thấy các Sứ Đồ và tín hữu sau đó cũng được đầy dẫy Thánh Linh nhiều lần khác nhau và trong những lần này người tín hữu được đầy sự vui mừng, đầy đức tin, đầy can đảm rao giảng Lời Chúa, hết lòng ca ngợi Chúa… chứ không nhất thiết là nói tiếng lạ. Vì thế ngày nay việc  đòi hỏi mọi người phải nói tiếng lạ là một áp dụng lầm lẫn.
4/ “Vì người nói tiếng lạ không phải nói với người nhưng nói với Đức Chúa Trời.” 1Côr 14:2
Như thế một tín hữu có ân tứ nói tiếng lạ nên nói với Chúa riêng tư hay trong lúc cầu nguyện riêng tư.
Cấm nói tiếng lạ là một hành động cực đoan, sai lầm vì Phao-lô nói rõ: “Đừng ngăn cấm việc nói tiếng lạ.” (1Côr 14:39)
Nhưng khuyến khích nói tiếng lạ ồn ào, náo nhiệt trong khi thờ phượng cũng là một áp dụng cực đoan, lầm lẫn.

II.Câu Hỏi Thảo Luận

1. Bạn đã thấy người lên đồng cốt, xiêng (đâm xuyên qua tay, mặt) mà không bị thương hay chảy máu; người cho bùa, tàn nhang, nước thải chữa bệnh chưa? Những người này nhờ ai để làm những việc đó?
2. Nói tiếng lạ, làm phép lạ, chữa bệnh có phải là một bằng chứng chắc chắn rằng người này có Đức Thánh Linh không? Tại sao?
3. Phao-lô khuyên tín hữu phải dùng những điều gì để thử và xét xem một người có thật có các ân tứ của Chúa Thánh Linh không?
4. Lời tuyên xưng “Đức Giê-su là Chúa” có nghĩa là gì?
5. Vào thời hội thánh đầu tiên, một người có thể phải trả gía bằng gì nếu họ công khai tuyên xưng: “Chúa Giê-su là CHÚA của tôi”.
6. Hãy xét xem Chúa Giê-su có phải là Chủ Tể, là Vua tối cao của bạn không?
-      Về vấn đề tình cảm: Bạn chọn người bạn đời theo lời Chúa dạy (tin  Chúa)     hay theo con tim của mình?
-           Về vấn đề “huyết mạch” (tài chánh) của đời sống: Bạn có dâng phần mười cho Chúa như một công dân trong một vương quốc phải dâng cho vua của họ không? (Không phải dâng một phần mười mơí được cứu rỗi.)
-           Về vấn đề làm ăn: Bạn có làm ăn theo Lời (luật đạo đức) của Chúa không?
7. Chúng ta phải có thái độ nào và hành động gì  trong hội thánh theo nguyên tắc:
“Hiệp Nhất Trong Đa Dạng”

để xây dựng hội thánh Chúa và làm vinh hiển Danh Chúa

**Bài 23

Một Thân Thể
1Côr 12:12-31**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Phao-lô nhắc lại chủ đề hiệp nhất của tất cả tín hữu  trong một Thân Thể của Chúa Cứu Thế dù mỗi tín hữu có thể có một ân tứ khác nhau như một thân thể gồm có nhiều chi thể (tay, chân, mắt, muĩ...). Lễ Báp-tem cũng nói lên chân lý hiệp nhất này.

Nguyên tắc hiệp nhất trong lễ báp-tem.
Điều làm cho tín hữu Cô-rinh-tô hiệp nhất  là họ có cùng một kinh nghiệm trong Chúa Thánh Linh. Tất cả tín hữu không phân biệt màu da, chủng tộc, giai cấp đều nhận cùng một Thánh Linh khi họ tin nhận Chúa Giê-su làm Chúa Cứu Thế và trở thành tín hữu của Chúa.

Một số người theo khuynh hướng ân tứ cho rằng Phao-lô muốn nói đến một kinh nghiệm mới sau khi tin Chúa, “phép Báp-tem bằng Đức Thánh Linh”. Tuy nhiên cú pháp và văn mạch của câu này lẫn chương này không nói đến một phép Báp-tem khác hay một phép “Báp-tem bằng Đức Thánh Linh” mà là nhận cùng một Thánh Linh. Nhà giải kinh Gordon Fee cho rằng từ “Linh” ở thể chỉ định cách (Dative)  chỉ về chất liệu (element) chứ không phải tác nhân (agent). “Không có nơi nào từ này đi với động từ báp-tem chỉ về “tác nhân” (nghĩa là Đức Thánh Linh là Đấng làm phép báp tem cho tín hữu một lần nữa), nhưng nó luôn luôn chỉ về yếu tố mà một người được làm lễ báp-tem ở trong đó.”

Phao-lô cũng giải thích thêm về mục đích của phép báp-tem (tức là kinh nghiệm tiếp nhận Đức Thánh Linh) là để tín hữu dù khác màu da, chủng tộc hay giai cấp đều được sát nhập vào cùng một thân thể của Chúa.

Mệnh đề “uống cùng một Thánh Linh” được dùng như mệnh đề đối ( Semitic paralellism) với mệnh đề trên, cho nên cả hai mệnh đề đều nói đến cùng một điểm, tức là sự tiếp nhận Đức Thánh Linh. Như thế những câu này không nói đến một kinh nghiệm mới sau khi được cứu rỗi, hay không nói đến  “ phép báp-tem bằng Đức Thánh Linh”.

Nguyên tắc hiệp nhất trong một thân thể (hội thánh).
Thân thể có nhiều chi thể và mỗi chi thể đều là cần yếu cho thân thể. Mỗi tín hữu là một phần của hội thánh và là một phần cần yếu của hội thánh. Mỗi chi thể làm một việc khác nhau nhưng đều làm cho thân thể chung; không phải vì công việc và phận sự khác nhau mà không làm cho thân thể và không thuộc về cùng một thân thể. Thân thể cũng không đòi hỏi tất cả các chi thể đều cùng làm một việc giống nhau, nhưng phải làm những việc và có những phận sự khác nhau trong thân thể.

Đức Chúa Trời đã định cho  mỗi chi thể một phận sự theo ý Ngài. Minh họa này xác nhận lại nguyên tắc đã nói đến ở phần trên, mỗi người có một ân tứ riêng tùy theo Đức Thánh Linh ban cho.
Người tín hữu trong hội thánh phải tôn trọng mọi người và tôn trọng lẫn nhau. Các tín hữu tại Cô-rinh-tô cũng như ngày nay thường tìm kiếm và ngưỡng mộ một số ân tứ siêu nhiên nổi bật. Phao-lô khuyên tín hữu trong hội thánh phải chú ý đến những chi thể hay tín hữu có các ân tứ âm thầm, thường hoạt động phía sau hậu trường và cũng có thể bị coi là kém quan trọng.
Khi các chi thể hay tín hữu trong một thân thể đều quan tâm, đồng chăm sóc cho nhau, hội thánh đó sẽ không bị chia rẽ. Phao-lô nói đến tinh thần chia sẻ sự đau khổ và vui mừng của nhau trong hội thánh.

Mỗi tín hữu có một ân tứ riêng và là một phần của hội thánh. Đức Chúa Trời đã đặt mỗi người với vai trò và phận sự của họ trong hội thánh tùy theo ân tứ Ngài đã ban cho họ; không phải mọi người đều có cùng một vai trò hay phận sự. Phao-lô đặt câu hỏi, “có phải tất cả là Sứ Đồ sao? Có phải tất cả đều là tiên tri sao?...” và không cần trả lời vì cấu trúc của câu hỏi cho biết câu trả lời là “không”.

Phao-lô nêu lên một số chức vụ trong hội thánh:
Sứ Đồ: Chức vụ này thường chỉ về mười hai người do Chúa Giê-su chọn và ban cho họ chức vụ này. (Mat 10:1-4) Phao-lô cũng được gọi là Sứ Đồ của Chúa Giê-su dù ông gặp Chúa Giê-su sau khi Ngài sống lại. Ngoài ra một số người khác cũng được gọi là sứ đồ có thể với ý nghĩa “người được sai đi” hay giáo sĩ ngày nay. (Ga-la-ti 1:15 Gia-cơ ; Ba-na-ba Công Vụ 14 v.v.)
Giáo sư: Người dạy Kinh Thánh và các giáo lý của các Sứ Đồ (Công Vụ 2:42).

Phao-lô cũng nói đến chức vụ mục sư-giáo sư (Ê-phê-sô 4:11) tức là không phải chỉ dạy dỗ nhưng cũng chăn giữ, nuôi nấng như người chăn bầy chiên.
Người giúp đỡ: Người có tâm tình và khả năng sẵn sàng giúp đỡ về vật chất lẫn tâm linh cho những người có nhu cầu, thiếu thốn.
Người quản trị: Người co ùkhả năng hướng dẫn, chỉ huy cộng đồng.

Như thế Đức Chúa Trời là Đấng thiết lập hội thánh của Ngài và Ngài đã thiết kế theo những nguyên tắc nhất định:
1.  Hội thánh là một cộng đồng có trật tự, không phải hổn độn. (1Côr 14:33)
2.  Chúa đặt những chức vụ khác nhau trong hội thánh.
3.  Chúa ban cho mỗi tín hữu một ân tứ khác nhau, không phải tất cả mọi người đều có cùng một ân tứ giống nhau.
Ngày nay có nhiều hội thánh chủ trương mọi người phải “nói tiếng lạ” là một áp dụng sai lầm. Một số hội thánh lại đi đến chỗ cực đoan sai lầm khác là cấm nói tiếng lạ. Phao-lô dạy rõ:
“đừng ngăn cấm việc nói tiếng lạ.”  (1 Côr 14:39)
4. Các ân tứ là do Đức Thánh Linh ban cho mỗi người tùy theo ý Ngài.

(1 Côr 12:11) như thế tín hữu nên cầu xin Chúa ban cho mình ân tứ Ngài đã định sẵn là tốt nhất cho mình và cho lợi ích chung của hội thánh chứ không phải những ân tứ mình thích. Ngoài ra chúng ta cũng không nên dự các buổi “huấn luyện ân tứ” để được huấn luyện  và nhận các ân tứ mình muốn.

II. Câu Hỏi Thảo Luận:

1. Tất cả tín hữu khi tin Chúa đều có chung một kinh nghiệm, kinh nghiệm đó là gì?
2. “Chúng ta chịu phép báp-tem trong cùng một Thánh Linh” nói đến điều gì?
3. Hãy nêu lên những lý do cho thấy câu 1 Cor 12:13 không có ý nói đến một kinh nghiệm mới sau khi tin Chúa mà một số người thường gọi là “phép báp-tem bằng Đức Thánh Linh”.
4. Khi nào thì một người được sát nhập vào thân thể (hội thánh) của Chúa Cứu Thế?
5. Hãy nêu lên một vài ý kiến để áp dụng nguyên tắc “Hiệp nhất trong đa dạng” hay “Một thân nhiều chi thể” trong hội thánh chúng ta.
6. Bạn sẽ giải quyết thế nào nếu có người đòi hỏi tất cả tín hữu trong hội thánh phải “nói tiếng lạ”.
7. Bạn sẽ giải thích thế nào cho những người mời bạn tham gia những khóa huấn luyện “nói tiếng lạ” hay “chữa bệnh”?
8. Mọi tín hữu trong hội thánh nên hành xử với nhau như thế nào để khỏi xảy ra tình trạng chia rẽ?

**Bài 24

Tình Yêu Thương
1 Côr 13:1-13**

I. Bối Cảnh và Luợc Giải
Chương mười hai nói về các ân tứ khác nhau hoạt động trong một thân thể (hội thánh). Để chuyển qua chương mười ba, tình yêu thương là nền tảng đạo đức cần yếu của tín hữu trong hội thánh và của Cơ Đốc giáo.

Sự cần thiết  của tình yêu thương.
Các tín hữu ở Cô-rinh-tô nhấn mạnh đến các ân tứ và một số người trở nên kiêu hảnh vì các ân tứ đó. Phao-lô không phủ nhận những ân tứ trong hội thánh nhưng nhắc nhở họ về mục đích hiệp nhất trong thân thể (hội thánh) Chúa và cách sử dụng thích đáng và hữu hiệu các ân tứ là vì tình yêu thương.

Dù một người có ân tứ nói tiếng lạ, tiếng thiên sứ nhưng cư xử thiếu tình yêu thương thì cũng sẽ không ích lợi cho hội thánh Chúa và cũng không có giá trị gì trước mặt  Đức Chúa Trời.
Người Do Thái tin rằng thiên sứ có thể nói tiếng người nhưng cũng có ngôn ngữ riêng của thiên sứ.

Tiếng cồng và chập chỏa tự nó chỉ là những tiếng kêu trống rỗng, ồn ào. Người Cô-rinh-tô cho rằng nói tiếng lạ là dấu hiệu của con người thiêng liêng. Phao-lô cho thấy cư xử và hành động trong tình yêu thương mới là dấu hiệu của trưởng thành thiêng liêng. Người ngoại trong một vài đạo giáo thời ấy cũng nói tiếng lạ, tiên tri và dùng chập chỏa trong khi thờ cúng các thần khác.
Ngày nay tại các nước Á Phi người ta cũng có các buổi cúng tế, lên đồng, nói tiên tri, nói tiếng ngoại quốc..

Mênh đề “dù” thứ hai bao gồm các ân tứ quan trọng, nói tiên tri, hiểu biết hay tri thức về những huyền nhiệm của Chúa và đức tin để làm những việc vĩ đại, những phép lạ nhưng không có tình yêu thương của Chúa thì người đó cũng kể như con số không trước mặt Đức Chúa Trời.

Mệnh đề thứ ba nói đến công đức từ thiện lớn lao và sự hy sinh bị thiêu đốt như một số người Do Thái thà chịu chết chứ không để bị ô uế đều là những hành động tốt và cao cả. Nhưng nếu làm vì công đức riêng, không phải vì tình yêu thương người khác như Chúa dạy thì những điều đó cũng không giúp ích gì cho người đó để được cứu rỗi.

Phao-lô không so sánh và đối chiếu các ân tứ với tình yêu thương nhưng nói đến điều kiện tiên quyết và tuyệt đối cần thiết của tình yêu thương trong đời sống một tín hữu của Chúa Cứu Thế. Không có tình yêu thương của Chúa trong lòng thì chưa phải là một tín hữu thật và trưởng thành thuộc linh; dù người đó có bao nhiêu ân tứ khác đi nữa cũng vô ích đối với cộng đồng con dân Chúa (hội thánh) và trước mặt Chúa.

Bản chất  của tình yêu thương thiêng thượng
Đây là tình yêu thương của Đức Chúa Trời được thể hiện qua đời sống và hành động của Chúa Giê-su. Tình yêu này cũng được đổ vào đơì sống của những người được tái sinh làm con dân Chúa Cứu Thế. Tín hữu có tình yêu thương thiên thượng sẽ xây dựng đời sống những người khác và hội thánh. Tri thức suông sẽ trở nên kiêu ngạo; có các ân tứ mà không có tình yêu thương cũng không ích lợi gì cho hội thánh Chúa.

Tình yêu thương luôn luôn kiên nhẫn (nhẫn nhục) đối với người khác, (không phải kiên trì chịu đựng trong nghịch cảnh) chờ đợi cho tội nhân có dịp ăn năn; không trừng phạt ngay những kẻ tội lỗi, phản loạn như Phê-rơ đã mô tả (2 Phê-rơ 3:9).

Tình yêu thương là nhân từ. Chúa cư xử bằng ân huệ và với lòng thương xót đối với những kẻ đáng phải bị hình phạt.
Năm đức tính tiêu cực phản ánh hành vi của người không có Chúa mà những tín hữu Cô-rinh-tô vẫn còn.

Tình yêu thương thiên thượng không ghen ghét; nghĩa là không có tinh thần tranh cạnh, không vui vì người khác được phúc lợi hay may mắn hơn mình.
Tình yêu thương không khoe khoang; không phô trương để gây chú ý đến cái tôi. Một số tín hữu và giới lãnh đạo hội thánh Cô-rinh-tô khoe khoang về các ân tứ tri thức, khôn ngoan và thiêng liêng để lôi cuốn tín hữu ngưỡng mộ, theo họ chống lại Phao-lô.

Tình yêu thương không kiêu ngạo; không tự coi mình là rất quan trọng và đòi hỏi mọi người phải tôn trọng mình. Thật ra Kinh Thánh cho thấy kiêu ngạo là một tội trọng trước mặt Đức Chúa Trời. Sa-tan vì kiêu ngạo mà sa ngã (Ê-xê-chi-ên 28:12-17); thủy tổ loài người vì muốn khôn ngoan như Đức Chúa Trời mà sa ngã (Sáng 3:5).

Tình yêu thương không khiếm nhã; không đối xử xẵng xớm, không nhẹ nhàng, không lịch sự với người dưới quyền hay kém hơn mình. Những người tín hữu Cô-rinh-tô giàu có đã hành động khiếm nhã đối với những tín hữu nghèo, nô lệ trong bữa ăn yêu thương tại hội thánh.

Tình yêu thương không tìm tư lợi; không luôn luôn đòi hỏi cho được đầy đủ quyền lợi của mình nhưng nghĩ đến quyền lợi của người khác. Những người không có tình yêu thương thiên thượng chỉ nghĩ đến quyền lợi của mình và đòi quyền lợi của mình như Chúa và thế giới mắc nợ họ. Người có tình yêu thương thật hài lòng với ân huệ Chúa ban cho mình và nghĩ đến trách nhiệm của mình trước mặt Chúa đôí với người khác.

Tình yêu thương thiên thượng không dễ nóng giận. Người có qúa nhiều tự ái, dễ tức giận là người chưa có tình yêu thương thiên thượng trong lòng; chưa kinh nghiệm được tình yêu thương vô đối của Chúa Giê-su ban cho mình dù mình cũng có vô số tội lỗi, khiếm khuyết trong đời sống, để bỏ qua những thương tổn người khác xúc phạm.

Tình yêu thương không ghi nhớ việc ác. Tình yêu của Chúa trong lòng tín hữu giúp họ tha thứ những việc ác người khác làm cho mình vì mình đã được Chúa tha thứ cho hết  tất cả những điều ác mình đã làm.

Tình yêu thương thật thích giúp đỡ, làm lợi ích cho người khác nên không thể vui về những việc bất chính, gian ác. Về phương diện tích cực, tình yêu thương sẽ chia vui với sự thật, tức là Phúc Âm cứu rỗi trong Chúa Cứu Thế. Người có tình yêu thương của Chúa trong lòng sẽ vui mừng khi thấy một linh hồn được giải thoát khỏi tội lỗi và điều ác.

Tình yêu thương dung thứ mọi sự. Tình yêu thương thiên thượng có thể đối diện với tất cả mọi sự, mọi hoàn cảnh.
Tình yêu thương tin tưởng mọi sự. Tình yêu thương tin vào điều thiện và tốt lành trong mọi sự và mọi hoàn cảnh. Tình yêu thương cũng hy vọng vào ân huệ và quyền năng của Chúa trong việc phục hồi điều thiện, điều tốt nơi con người qua Con Ngài là Chúa Cứu Thế. Nhờ tình yêu thương của Chúa trong lòng người tín hữu có thể chịu đựng moị sự, mọi hoàn cảnh cho đến thời vinh quang của Chúa khi Ngài quang lâm.

Bản chất vĩnh cửu và vĩ đại của tình yêu thương.
Phao-lô so sánh các ân tứ tiên tri, nói tiếng lạ và tri thức mà người Cô-rinh-tô kiêu hãnh nhất với tình yêu thương thật. Các ân tứ quan trọng theo người Cô-rinh-tô nhưng thiếu tình yêu thương không những không xây dựng thân thể Chúa (hội thánh) và cũng chỉ là những ân tứ tạm thời; tình yêu thương thật mới tồn tại vĩnh cửu. Bản chất của tình yêu thương thật mới đáng là tiêu chuẩn để đo lường mức độ  trưởng thành thuộc linh.

Tín đồ Cô-rinh-tô đã chú trọng đến những ân tứ tạm thời của đời này nhưng xao lãng hay không chú trọng đến  ân tứ vĩnh cửu, tình yêu thương, là điều lợi ích cho cá nhân và hội thánh trong cả đời này lẫn đời đời.

Tín đồ Cô-rinh-tô đã nhấn mạnh đến những điều bất toàn như xem hình mình trong gương bằng đồng thau đánh bóng. Người Cô-rinh-tô nổi tiếng về những tấm gương soi bằng đồng đánh bóng vì thời đó chưa có gương bằng kính như ngày nay. Tuy nhiên những tấm đồng đánh bóng chỉ có thể phản ảnh mập mờ hình người soi, không rõ ràng như mặt giáp mặt.

Tri thức của chúng ta ngày nay, nhất là tri thức về Chúa và chương trình của Ngài chỉ là một phần nhỏ trong toàn bộ tri thức về Chúa và vũ trụ. Trí óc của con người là hữu hạn so với Đức Chúa Trời vô hạn.

Để kết luận về sự trưởng thành thuộc linh thật sự và vĩnh cửu Phao-lô so sánh tình yêu thương với đức tin và hy vọng. Đức tin và hy vọng là hai mỹ đức lớn nhưng tình yêu thương vẫn là mỹ đức lớn lao nhất và vĩnh cửu.

Đời sống tín hữu mẫu mực và trưởng thành là đời sống đầy tình yêu thương của Chúa. Đời sống yêu thương sẽ không bao giờ thất bại và sẽ không chấm dứt.

II. Câu hỏi thảo luận.

1. Nói tiếng lạ có phải là dấu hiệu của một tín hữu trưởng thành không? Tại sao?
2. Những người qúa nhấn mạnh đến các ân tứ nói tiếng lạ, tiên tri và tri thức sẽ gây nên những hậu qủa gì trong hội thánh?
3. Tại sao Phao-lô cho rằng tín hữu Cô-rinh-tô là ấu trĩ , trẻ con?
4. Hãy nêu lên một vài rường hợp của những người có ân tứ nói tiếng lạ, chữa bệnh, tiên tri… nhưng bị ngã nặng làm hổ danh Chúa trong thơì hiện đại ?
5. Chúng ta nên dùng điều gì để làm tiêu chuẩn, mẫu mực cho sự trưởng thành của một tín hữu?
6. Lấy bản chất của tình yêu thương thiên thượng (câu 4-7) làm tiêu chuẩn và mẫu mực, hãy tự lượng giá chính mình bạn là người tín hữu loại nào: (không nên so sánh với ai khác)
---- trẻ sơ sinh
---- con trẻ
---- thanh niên
---- trưởng thành
7. Đặc tính của các ân tứ như nói tiếng lạ, tiên tri, tri thức…là tạm thời; chúng sẽ chấm dứt vào khi nào?
8. Tại sao tín hữu nên chú tâm xây dựng tình yêu thương trong đơì sống mình?

**Bài 25

Sự Thờ Phượng Thích Đáng và Hữu Ích
1 Côr 14:1-40**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Sau khi trình bày sự ưu việt và cần yếu của tình yêu thương trong đời sống của tín hữu cũng như của hội thánh, Phao-lô nói đến cách sử dụng các ân tứ và tình yêu thương trong buổi hội họp thờ phượng Chúa.

Tín hữu trong hội thánh cần được xây dựng.
Phao-lô cho thấy mục đích cao cả và tối cần của tín hữu là theo đuổi tình yêu thương chứ không phải theo đuổi các ân tứ siêu nhiên như nói tiếng lạ. Nếu tín hữu Cô-rinh-tô khao khát các ân tứ thì nên tìm kiếm ân tứ nói tiên tri để xây dựng đời sống đức tin của người khác và của hội thánh.

Ân tứ nói tiếng lạ là nói với Chúa, không phải nói với người vì không ai hiểu người nói tiếng lạ muốn nói gì. Người nói tiếng lạ chỉ xây dựng chính cá nhân mình mà thôi nhưng không xây dựng hội thánh.
Ân tứ nói tiên tri là nói ra lời mạc khải của Chúa để xây dựng, khích lệ và an uỉ tín hữu trong hội thánh.

Phao-lô dùng ba ví dụ để minh họa cho sự cần yếu và ích lợi của việc hiểu nghĩa các lời nói hay âm thanh. Nhạc cụ phải chơi theo điệu nhạc người nghe mới hiểu; kèn thổi phải đúng tiếng mới báo tin cho quân đội chuẩn bị ra trận; người nói, phải nói đúng ngôn ngữ người nghe hiểu được, nếu nói ngôn ngữ hay âm thanh mà không ai hiểu, người ta sẽ cho rằng người nói là man rợ. Vì vào thời đó người Hy Lạp cho rằng ngôn ngữ của họ là ngôn ngữ của người văn minh; ai nói, hiểu đươc tiếng Hy Lạp là người văn minh, hiểu biết. Những người nói các ngôn ngữ khác đều là những người dã man, mọi rợ.

Tín hữu trong hội thánh cần hiểu rõ Lời Chúa để được xây dựng.
Trong buổi thờ phượng một  tín hữu sẽ cầu nguyện, ca ngợi và cảm tạ Chúa và cả hội chúng sẽ đồng thanh, hợp ý với người đó để cầu nguyện, ca ngợi và cảm tạ Chúa bằng lời nói “a men” ( a men có nghĩa là “thật đúng như vậy”). Như thế hội thánh sẽ chung vui với người đó và được xây dựng. Còn người nói tiếng lạ không ai hiểu được thì làm sao mà đồng ý, chung vui với anh chị em tín hữu đó được. Nói tiếng lạ chỉ ích lợi cho cá nhân riêng tư của người nói  mà thôi nên chưa phải là trình độ trưởng thành và ích lợi chung.

Phao-lô trích dẫn lời tiên tri trong Cựu Ước để nói lên trường hợp Đức Chúa Trời phải dùng những người ngoại quốc và biến cố nói tiếng lạ hay tiếng ngoại quốc khi Đức Thánh Linh giáng xuống trong dịp lễ Ngũ Tuần như là một dấu hiệu khai trương thời đại ân huệ mới giữa những người Do Thái không tin các lời tiên tri.

Những tín hữu là những người đã tin nhận Chúa Giê-su làm Đấng Mê-si-a, Chúa Cứu Thế đúng như lời tiên tri trong Cựu Ước tuyên bố, như thế họ không cần tiếng lạ để thức tỉnh họ nhưng họ cần lời tiên tri của Chúa để học hỏi, xây dựng đời sống đức tin. Còn những người ngoại đạo khác khi dự những buổi thờ phượng và nghe nói tiếng lạ sẽ sợ hãi và cho rằng các tín hữu là những người điên cuồng. Ngày nay một vài người ngoại đạo đã phát biểu như thế khi họ dự các buổi thờ phượng có nói tiếng lạ, nhảy múa ồn ào, náo nhiệt của những tín hữu theo ân tứ.

Tín hữu trong hội thánh cần thờ phượng trong trật tự.
Một trong những mục đích của sự hội họp thờ phượng Chúa là xây dựng đơì sống các tín hữu trong hội thánh. Muốn xây dựng đời sống của tất cả mọi người trong hội chúng, hội thánh phải thờ phượng Chúa trong trật tự thích nghi.

Trong đoạn này Phao-lô cũng mô tả một số hoạt động trong buổi thờ phượng của hội thánh đầu tiên. Trong buổi thờ phượng người ta thấy có ca hát, có dạy dỗ, có truyền đạt lời tiên tri (mạc khải) của Chúa cho hội chúng, có nói tiếng lạ và thông dịch tiếng lạ.

Trong buổi thờ phượng Chúa, người nói tiếng lạ phải được thông dịch, nếu không có ai thông dịch thì người đó phải im lặng.
Người nói tiên tri, tức là nói lên lời mạc khải của Chúa, cũng chỉ hai hay ba người trong mỗi buổi họp. Và người nói tiên tri phải được những người khác trong hội thánh xem xét và lượng gía. Vì người ta có thể nói lên những điều mình tưởng tượng, những cảm xúc riêng tư và ngay cả bị Sa-tan ảnh hưởng nói lên những tà giáo. Lúc bấy giờ hội thánh sẽ dùng Kinh Thánh Cựu Ước, sự dạy dỗ của các Sứ Đồ và Đức Thánh Linh trong lòng tín hữu soi sáng để xác nhận hay phủ nhận các lời tiên tri.

Ngày nay nhiều nan đề đã xảy ra vì qúa tin tưởng và không xem xét , lượng gía những lời tiên tri được tuyên bố nhưng không ứng nghiệm. Một số người đã nói tiên tri về ngày Chúa tái lâm và kéo theo một số người theo mình. Một số hôn nhân đã tan vở vì được kết hợp do những lời tiên tri sai lầm.

Tín hữu cũng cần phải tra xét Kinh Thánh và nhờ cậy Đức Thánh Linh soi sáng để phân biệt chính, tà khi nghe giảng Lời Chúa vì ngày nay gần một nửa số mục sư  tại Hoa Kỳ và đa số mục sư thuộc các giáo phái Tin Lành lớn và chính tại Âu Châu không còn tin Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời. Người ta sẽ giảng dạy nhiều lý thuyết tân tiến và một số các nguyên tắc tâm lý thời đại để làm hài lòng người nghe.

Trong bối cảnh hội họp chung của thời hội thánh đầu tiên, mọi người, kể cả phụ nữ đều được tham gia ca hát, ca ngợi, cảm tạ, nói tiếng lạ, thông dịch tiếng lạ và nói tiên tri (Công vụ 2:17; 21:9; 1 Cor 11:5). Một số phụ nữ hay hỏi, hay nói năng, cải cọ trong buổi thờ phượng nên Phao-lô phải nhắc nhở  họ về sự thuận phục chồng trong gia đình và giữ im lặng trong chỗ công cộng. Trong bối cảnh của hội thánh Cô-rinh-tô phụ nữ có thể cầu nguyện và nói tiên tri (1 Cor 11:5) nên vấn đề “không được nói” ở đây có thể đề cập đến vấn đề hỏi han, cải cọ ồn ào trong buổi thờ phượng chứ không phải phụ nữ không được nói tiên tri hay giảng trong hội thánh.

Phao-lô kết luận rằng đây là những nguyên tắc chung, là mạng lệnh của Chúa cho tất cả các hội thánh Chúa thời bấy giờ.
Ngày nay đa số các buổi thờ phượng của hội thánh Chúa cũng rơi vào hai thái cực, hoặc là qúa nghiêm trang, cứng cỏi, lạnh lùng như đám ma hay qúa ồn ào, náo nhiệt, hổn độn không thể hiện được đặc tính uy nghi, hài hòa, trật tự của Đức Chúa Trời.

Theo tinh thần của Phao-lô gởi cho hội thánh Cô-rinh-tô buổi thờ phượng Chúa nên bao gồm tất cả con dân Chúa tham dự và giữ tính chất sinh động, vui vẻ nhưng cũng uy nghiêm, hài hòa, trật tự thích đáng với bản chất của Đức Chúa Trời oai nghiêm, thánh khiết và toàn năng.

II.Câu Hỏi Thảo Luận.

1. Một trong những mục đích của buổi thờ phượng Chúa là gì?
2. Tại sao người được ơn nói tiếng lạ nhưng nếu không có người thông giải thì phải im lặng trong lễ thờ phượng?
3. Tại sao Phao-lô khuyến khích tín hữu nên tìm kiếm và sử dụng ân tứ nói tiên tri trong buổi thờ phượng Chúa?
4. Trách nhiệm của tín hữu đối với những người nói tiên tri trong các buổi thờ phượng là gì? Tại sao?
5. Buổi thờ phượng của hội thánh bạn rơi vào tình trạng nào? Ồn ào, hổn độn, mất trật tự? Khô khan, buồn thảm, lạnh lùng, thiếu sinh động, vui vẻ?
6. Bạn có đề nghị nào giúp cho hội thánh bạn cóbuổi thờ phượng Chúa hợp với những nguyên tắc Phao-lô đã đề ra?
7. Một số hội thánh và giáo phái Tin Lành (không theo ân tứ ) cấm tín hữu  nói tiếng lạ. Điều này đúng với Kinh Thánh hay không? Tại sao?
8. Một số hội thánh và giáo phái Tin Lành không cho phép phụ nữ  làm mục sư quản nhiệm và giảng trong hội thánh chung.

Hãy nêu lên những lý do theo Kinh Thánh để ủng hộ hay phủ quyết điều lệ này

**Bài 26

Sự Phục Sinh của Chúa Giê-su
1Cor 15:1-11**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Một vài người trong hội thánh Cô-rinh-tô tin như người Hy Lạp rằng chết là giải thoát khỏi thân thể và không có sự sống lại (1 Cor 15:12). Họ cũng  dạy rằng tín hữu sẽ không sống lại vào ngày tận thế cho nên Phao-lô phải xác định lại với hội thánh về giáo lý phục sinh.

Trước hết sự hiện hữu, sự chết đền tội cho nhân loại và sự sống lại của Chúa Giê-su chính là Phúc Âm cứu rỗi mà tín hữu Cô-rinh-tô đã nghe Phao-lô truyền giảng và tin tưởng. Sự phục sinh của Chúa Giê-su cũng là giáo lý căn bản mà hội thánh đầu tiên đã tin tưởng và truyền bá. Tin tưởng lệch lạc về sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-su  có thể ảnh hưởng đến sự cứu rỗi của tín hữu (nếu không anh chị em dù đã tin cũng vô ích). Đây cũng chính là điều đang xảy ra tại nhiều hội thánh Tây Phương. Nhiều học gỉa cũng như giáo hội Tin Lành theo khuynh hướng thần học tự do cấp tiến, không còn tin tưởng vào sự chết và sống lại của Chúa Giê-su nhưng cho rằng đây chỉ là những huyền thoại các tín hữu và sứ đồ đầu tiên xây dựng lên. Một số khác không tin vào sự chết và sống lại bằng thể xác của Chúa Giê-su, nhưng cho rằng các sứ đồ và tín hữu đầu tiên tin vào đặc tính siêu việt của thần linh của Chúa Giê-su sau khi chết.

Đối với tín hhữu Cô-rinh-tô thời ấy cũng như nhân loại ngày nay, Phao-lô minh xác qủa quyết rằng Chúa Giê-su đã chết và sống lại bằng xương bằng thịt là một sự kiện lịch sử khách quan có bằng chứng đáng tin cậy hỗ trợ.

Phao-lô đưa ra những bằng chứng về sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-su như sau:
1.Truyền thuyết của các hội thánh đầu tiên mà Phao-lô đã nhận và truyền lại cho tín hữu Cô-rinh-tô.
2. Kinh Thánh Cựu Ước tiên báo về chức vụ, sự thống khổ, sự chết và sự sống lại của Đấng Mê-si-a (Đấng Cứu Thế) đã hoàn toàn ứng nghiệm nơi Chúa Giê-su.
3. Các nhân chứng về sự sống lại của Chúa Giê-su:
a. Mười hai sứ đồ.
b. Năm trăm tín hữu và nhiều người vẫn còn sống khi Phao-lô viết thư này cho tín hữu Cô-rinh-tô.
c. Gia-cơ, em cùng mẹ với Chúa Giê-su. Các sách Phúc Âm cho thấy các em Chúa không tin Ngài cho đến khi Chúa Giê-su sống lại.
d. Sau cùng Chúa Giê-su phục sinh cũng hiện ra cho Phao-lô và kêu gọi ông làm sứ đồ cho người ngoại quốc. Sự kiện Chúa Giê-su hiện ra với Phao-lô là một sự kiện lạ vì Phao-lô là người không tin và bắt bớ các tín hữu của Chúa.

Niềm tin vào sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-su là nền tảng căn bản của Phúc Âm cứu rỗi. Nếu một người không tin vào điều này thì sẽ không được cứu rỗi vì Phao-lô cho rằng niềm tin lệch lạc đó chỉ là vô ích (c. 2).

Trong hai mươi thế kỷ qua, nhất là vào thời đại duy lý, vô thần và khoa học thực nghiệm thịnh hành những người không tin vào sự chết và sống lại của Chúa Cứu Thế đã đưa ra nhiều giả thuyết về sự chết và sống lại của Chúa Giê-su để bài bác và phủ nhận niềm tin căn bản này của Cơ-Đốc giáo.

Thuyết cho rằng Chúa Giê-su chỉ chết gỉa, hay bất tỉnh và sau đó hồi tỉnh chứ không phải chết thật sự.

Luật sư và ký giả Lee Strobel đã điều tra về sự kiện này và được bác sĩ  y khoa kiêm tiến sĩ khoa học Alexander Metherell, M.D., Ph. D. xác nhận rằng một người bị lính La Mã tra tấn dã man như trường hợp của Chúa Giê-su và bị đóng đinh trên cây thập tự như thế “Hoàn toàn không thể nghi ngờ rằng Chúa Giê-su đã chết.” Ngoài ra những bằng chứng văn bản, khảo cổ, lịch sử đều xác chứng rằng các sách Phúc Âm mô tả về sự tra tấn và cái chết của Chúa Giê-su trên cây thập tự là chính xác, không phải là những chuyện gỉa tưởng hay thêu dệt thêm.

Một số người hoài nghi khác cho rằng thi thể của Chúa Giê-su bị đánh cắp hay các môn đệ của Ngài giấu đi nên ngôi mộ trở nên trống không.
Luật sư Strobel trích dẫn một cuộc tranh luận giữa tiến sĩ  William Lane Craig và một triết gia vô thần đại diện cho hiệp hội vô thần Hoa Kỳ trước tám ngàn khán giả và truyền thanh trên hàng trăm đài phát thanh ở Hoa Kỳ. 82 % khán giả sau cuộc tranh luận đã công nhận rằng bằng chứng về ngôi mộ trống và sự sống lại của Chúa Giê-su là có lý và đáng tin cậy.

Michael Grant, một giáo sư lịch sử có khuynh hướng hoài nghi tại viện đại học Edingburg kết luận: “Thật vậy, những khám phá về ngôi mộ trống được các Phúc Âm mô tả khác nhau, nhưng nếu chúng ta áp dụng cùng một tiêu chuẩn cho những nguồn sử liệu cổ khác thì những bằng chứng của ngôi mộ trống là xác đáng và đáng tin cậy đủ để kết luận rằng, ngôi mộ thật sự là trống.”

II.Câu Hỏi Thảo Luận.

1. Nội dung của Phúc Âm mà Phao-lô truyền giảng cho người Cô-rinh-tô là gì?
2. Nếu một người không kiên trì tin tưởng Phúc Âm mà Phao-lô đã truyền giảng thì sẽ nhận hậu qủa gì?
3. Ba nguồn nhân chứng về Phúc Âm cứu rỗi trong Chúa Giê-su mà Phao-lô trích dẫn là gì?
4. Bạn sẽ giải thích thế nào cho một người hoài nghi cho rằng Chúa Giê-su chỉ bất tỉnh và hồi tỉnh chứ không phải chết thật.
5. Bạn sẽ giải thích thế nào nếu một người cho rằng xác Chúa Giê-su bị đánh cắp và giấu đi nên chỉ còn ngôi mộ trống, chứ không phải Chúa sống lại và ra khỏi mộ.
6. Phúc Âm mà bạn tin ngày nay có giống như Phúc Âm mà Phao-lô và các Sứ Đồ truyền giảng cho người Cô-rinh-tô không?
Nếu Phúc Âm mà giáo hội hay mục sư của bạn truyền dạy khác với Phúc Âm của Phao-lô dạy, bạn có nên tin không? Tại sao?
7. Lý do và yếu tố nào khiến cho bạn tin rằng Phúc Âm mà bạn tin là đáng tin cậy nhất?

**Bài 27

Hy Vọng Phục Sinh của Tín Hữu
1Cor 15:12-34**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Một số tín hữu tại Cô-rinh-tô dù tin Phúc Âm của Chúa Giê-su nhưng tin không đầy đủ và chính xác nên họ nghĩ rằng con người chết là hết và không có sự sống lại vào thời tận thế. Phao-lô cho thấy đó là một loại đức tin sai lầm và nếu họ cứ duy trì đức tin vô ích ấy, họ sẽ không được cứu rỗi. Ngoài ra sự sống lại của Chúa Giê-su không những là nền tảng của sự cứu rỗi nhưng cũng là trái đầu mùa cho  sự sống lại hay phục sinh của tín hữu trong ngày phán xét.

Phao-lô dùng chính tiền đề của những người chủ trương người chết không thể sống lại để lý luận.
Nếu những điều họ tin là đúng, tức là người chết sẽ không sống lại thì Chúa Giê-su không thể sống lại. Nhưng sự thật lịch sử mà ba nguồn nhân chứng đã xác nhận (c. 1-11) rằng Chúa Giê-su, một người như loài người chúng ta, đã chết và sống lại. Như thế tiền đề cho rằng loài người không thể phục sinh là không đúng. Và những người tin tưởng vào điều đó là đức tin sai lầm và vô ích; đức tin đó sẽ không cứu rỗi được ai.

Nếu Chúa Giê-su đã không sống lại thì tất cả nhân loại sẽ phải sống trong tội lỗi của mình; điều thứ hai là mọi người vẫn phải bị sự chết chế ngự. Nhưng vì Chúa Giê-su đã chết và sống lại nên
niềm tin vào sự phục sinh của Chúa Giê-su và của tín hữu là sự tha thứ tội lỗi trong đơì sống hiện tại và niềm hy vọng vinh quang, vĩnh cửu của chúng ta. Phao-lô cho rằng nếu đức tin của chúng ta chỉ cho cuộc đơì ngắn ngủi, tạm bợ này thôi thì chúng ta cũng lâm vào tình trạng khốn nạn, đáng thuơng như bao nhiêu người không có hy vọng vĩnh cửu của thế gian này.

Một số học giả cũng như giáo phái Tin Lành theo khuynh hướng tự do cấp tiến vì muốn đạo Chúa hợp với thơì đại khoa học thực nghiệm ngày nay nên cũng cho rằng Chúa Giê-su không sống lại thực sự, nhưng chỉ phục sinh trong đức tin của tín hữu. Nhưng cũng như các tín hữu thơì Cô-rinh-tô, nếu một người không tin vào sự sống lại bằng thân thể thực của Chúa Giê-su thì đức tin sai lầm ấy cũng sẽ vô ích và đạo mà họ theo không phải là Đạo chính thống của Chúa Giê-su.

Niềm tin và bằng chứng phục sinh của Chúa Giê-su cũng chứng minh rằng thuyết đầu thai luân hồi của một vài tôn giáo Á Châu là không đúng với sự thật lịch sử. Đạo của Chúa Cứu Thế căn cứ trên sự thật lịch sử, có bằng chứng xác đáng, cụ thể và hoàn toàn đáng tin cậy. Vì thế hy vọng phục sinh và đời sống vĩnh cửu của tín hữu cũng là hy vọng xác đáng và hoàn toàn đáng tin cậy.
Một thực tại khác trên thế giới mà mọi người trên thế gian đều phải khuất phục, sự chết. Chúa Cứu Thế sau khi trả án phạt đền tội cho nhân loại đã sống lại; Ngài đã chiến thắng kẻ thù tối hậu của nhân loại là sự chết và ban nguồn hy vọng chiến thắng đó cho tất cả những ai ở trong Chúa.

Sự phục sinh và lời hứa ban sự sống lại cho tất cả con dân Ngài trong ngày Ngài tái lâm là một bằng chứng khác nữa để chứng tỏ rằng Đức Chúa Trời thật sự là Đấng Chủ Tể, cai trị cả vũ trụ này.
Phao-lô dùng một lý luận hơi khó hiểu “người chịu phép báp-tem cho kẻ chết thì sao?” Kinh Thánh Tân Ước không bao giờ đề cập đến vấn đề này. Vào thế kỷ thứ hai một số người thi hành báp tem thay cho người chết, nhưng điều này bị coi là tà giáo.

Ngày nay người Mormon tại Hoa Kỳ cũng thực hành điều này; nhưng đây là một tà giáo. Phao-lô nêu lên điều này có lẽ để chứng tỏ rằng người ta vẫn tin vào đời sống sau cái chết. Như thế tin vào sự phục sinh của tín hữu vào ngày Chúa tái lâm là một điều hợp lý và tự nhiên.

Phao-lô cũng nêu lên lý do ông và nhiều tín hữu khác sẵn sàng chịu khổ, ngay cả chịu chết nữa vì tương lai phục sinh vinh hiển với Chúa. Đây là niềm tin chắc chắn của tín hữu, nếu không chúng ta nên sống cho đời này mà thôi như bao nhiêu người ngoại đạo khác không có hy vọng phục sinh.

Những người không tin vào sự phục sinh của Chúa Giê-su và của tín hữu sau này là những người không hiểu biết Đức Chúa Trời đúng và đang phạm tội vô tín.
Ngày nay đa số những giáo hội Tin Lành theo khuynh hướng thần học tự do cấp tiến đều phủ nhận sự phục sinh bằng thân thể của Chúa Giê-su. Người ta dùng nhiều từ ngữ hoa mỹ khác như siêu việt, tin trong tinh thần,  để tránh nói đến sự phục sinh thật sự bằng xương bằng thịt của Chúa Giê-su.

Nhưng Phao-lô cho thấy đây là một niềm tin thiếu xót, không đầy đủ và đúng đắn về Đức Chúa Trời.

II. Câu Hỏi Thảo Luận.

1. Tại sao những người không tin vào sự sống lại của con người vào ngày phán xét nói chung là sai lầm?
2. Tại sao bạn tin rằng mình sẽ được sống lại và vào nước vinh hiển với Chúa Giê-su?
3. Chúng ta có bằng chứng xác thực nào để phủ nhận thuyết đầu thai luân hồi của một số tôn giáo khác tại Á Châu?
4. Nếu Chúa Giê-su không sống lại, đời sống của nhân loại sẽ như thế nào về phương diện tội lỗi?
5. Tại sao tín hữu của Chúa Cứu Thế phục sinh không chỉ sống cho đơì sống hiện tại mà cho cả tương lai vĩnh cửu nữa?
6. Tại sao Phao-lô và một số môn đệ của Chúa có thể chịu khổ và ngay cả chịu chết nữa vì danh Chúa?
7. Người không tin vào sự phục sinh của Chúa Giê-su và của tín hữu vào ngày Chúa quang lâm phạm vào điều gì?

**Bài 28

Thân Thể  Phục Sinh
1Cor 15:35-49**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Trong đoạn này Phao-lô giải thích cho người Cô-rinh-tô biết thân thể sẽ sống lại bằng cách nào? Trong khi giải thích điều này Phao-lô cũng bác bỏ quan niệm cho rằng vật chất sẽ hư nát và hủy hoại, không thể phục hồi sự sống được. Phao-lô cũng nói đến bản chất bất diệt của thân thể thuộc linh khi sống lại.

Thân thể sẽ phục sinh bằng cách nào?
Phao-lô dùng ví dụ của hạt giống để minh chứng cho tiến trình chết đi, sống lại bằng một hình thức khác với một bản chất khác. Và dù cây ra từ hạt giống nhưng có hình thức lẫn bản chất vinh quang tốt đẹp hơn hạt giống. Như thế thân thể con người với bản chất phàm tục sẽ bị hủy hoại cũng có thể sống lại với bản chất vinh quang và bất diệt. Sự sống lại của thân thể và bản chất thiêng liêng của thân thể phục sinh không phải là một điều huyền hoặc, vô lý.

Ngày nay một số những người vô thần và chỉ tin vào khoa học thực nghiệm cũng cho rằng chết là hết; thế giới vật chất này là thực tại duy nhất loài người biết. Phao-lô giải thích cho tín hữu Cô-rinh-tô nhưng cũng giải thích cho chúng ta ngày nay thấy rằng tín hữu của Chúa tin rằng sự sống thể chất là đời sống sẽ bị hủy diệt, sự sống phục sinh có bản chất thiêng liêng, vĩnh cửu, bất diệt, vinh quang và quyền năng hơn sự sống thể chất.

Sở dĩ chúng ta tin có sự sống thiêng liêng, bất diệt vì chúng ta tin vào một Đức Chúa Trời thiêng liêng, bất diệt; Ngài là đấng sáng tạo nên vật chất và Ngài cũng là đấng tạo nên sự sống thiêng liêng.
Phao-lô dùng ví dụ thứ hai về A-đam và Chúa Cứu Thế. A-đam được Đức Chúa Trời tạo nên từ bụi đất và trở về với bụi đất. Người nào chỉ có bản tính A-đam sẽ chết như A-đam. Nhưng Chúa Cứu Thế là Con Đức Chúa Trời, Đấng đến từ trời và mang bản tính thiêng liêng, vinh quang, quyền năng và vĩnh cửu. Chúa Giê-su đã sống lại và mang bản tính thiêng liêng, vinh quang, quyền năng vĩnh cửu nên Ngài cũng ban cho những người tin Ngài bản chất thiêng liêng mới đó.

Những người vô thần, chỉ tin  khoa học thực nghiệm cho rằng vì không ai có thể thử nghiệm sự phục sinh và sự sống thiêng liêng nên họ không thể tin. Nhưng tín hữu của Chúa có thể tin được vì chúng ta có sự sống lại của Chúa Giê-su làm bằng chứng và điều chúng ta tin là hợp lý, hợp với sự kiện lịch sử. Trong đời sống hàng ngày nhiều biến cố trong lịch sử không thể là biến cố có thể lập đi lập lại, hay thử nghiệm trong phòng thí nghiệm nhưng người ta tin và chấp nhận chúng vì chúng được nhiều nhân chứng đáng tin cậy xác nhận cùng với những bằng chứng xác đáng.

Phao-lô cho chúng ta biết thân thể phục sinh có những đặc tính sau đây:
1/ Thân thể phục sinh là thân thể thiêng liêng, không hư nát.
2/ Thân thể thiêng liêng sẽ vinh quang hơn thân thể vật chất.
3/ Thân thể thiêng liêng sẽ có nhiều quyền năng hơn thân thể phàm tục.
4/ Thân thể thiêng liêng là thân thể bất tử và vĩnh cửu.

II. Câu Hỏi Thảo Luận

1. Tại sao Phao-lô mắng những người không tin vào sự phục sinh của tín hữu là “khờ dại”.
2. Ví dụ về hạt giống cho thấy điều gì về phục sinh?
3. Ví dụ về Ađam và Chúa Cứu Thế nói lên điều gì về sự phục sinh của tín hữu?
4. Lý luận cho rằng chết là hết có hợp lý không? Tại sao?
5. Hãy nêu lên những lý do nào khiến chúng ta tin rằng tín hữu sẽ được phục sinh trong vinh quang với Chúa?
6. Có phải ai cũng sẽ được phục sinh vinh quang không? Điều kiện để được sống lại trong vinh quang với Chúa là gì?
7. Hãy nêu lên những đặc tính quý giá của sự sống phục sinh?

**Bài 29

Chiến Thắng Cuối Cùng Trên Sự Chết
1Cor 15:50-58**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Để trả lời cho những người không tin rằng con người sẽ sống lại vì không thể nào phục hồi thân thể đã hư nát, Phao-lô cho thấy người chết phục sinh là một điều có thể xảy ra và hợp lý. Chúa Giê-su đã chết và phục sinh là một bằng chứng cụ thể và là trái đầu mùa cho tất cả tín hữu sẽ được phục sinh khi Chúa đến. Thân thể sẽ phục sinh bằng cách nào; bản chất của thân thể phục sinh sẽ là thiêng liêng, quyền năng, vĩnh cửu và vinh quang hơn thân thể phàm tục. Lý do con người cần thân thể phục sinh vì chỉ có thân thể thiêng liêng, không bị hủy hoại và bất tử mới có thể sống trong thiên đàng thiêng liêng vĩnh cửu.

Huyền nhiệm về sự Chúa tái lâm.
Phao-lô cũng cho tín hữu biết một huyền nhiệm về ngày Chúa Giê-su tái lâm. (1Tê-sa 4:13-18) Vào ngày Chúa Giê-su trở lại thế gian này, những người tín hữu đã chết sẽ được sống lại với thân thể phục sinh như thân thể phục sinh của Chúa. Những tín hữu khác còn sống vào lúc đó sẽ không nếm sự chết về thể xác nhưng thân thể của họ sẽ được biến đổi thành thân thể phục sinh vinh quang như của Chúa Giê-su. Như vậy khi Chúa Cứu Thế tái lâm, tất cả tín hữu của Ngài, những người đã chết hay vẫn còn sống, sẽ được biến hóa thành con nguời mới với bản chất mới, không hư nát và bất tử.

Khi Chúa Giê-su sống lại từ kẻ chết, Ngài đã đánh bại sự chết nhưng khi Chúa Cứu Thế phục sinh tái lâm thì sự chết bị tiêu diệt hoàn toàn và tận cùng.
Một số học gỉa cho rằng huyền nhiệm Phao-lô nói đến ở đây cùng với đoạn Kinh Thánh 1 Tê-sa 4:13-18 nói đến sự Chúa đến và cất (rapture) hội thánh  lên trời trước cơn đại nạn. Tuy nhiên Phao-lô không đề cập đến sự cất tín hữu lên trời nhưng chỉ nói đến sự biến đổi thân thể. Ngoài ra những yếu tố khác như sự phục sinh, tiếng kèn chót, sự chết bị tiêu diệt đều là những yếu tố tổng quát của sự tái lâm. Điều chúng ta có thể khẳng định ở đây là Phao-lô nói đến sự tái lâm và sự phục sinh hay biến đổi của tất cả tín hữu khi Chúa đến. Phao-lô không bàn đến vấn đề Chúa Giê-su sẽ đến trước, giữa hay sau cơn đại nạn trong đoạn này.

Chúa Giê-su đã chiến thắng sự chết khi Ngài phục sinh, nhưng khi Chúa trở lại thế gian Ngài sẽ hoàn tất sự chiến thắng toàn diện và tối hậu  trên sự chết.
Vì Phao-lô dùng danh từ chung “chúng ta” để chỉ những tín hữu còn đang sống, trong đó có ông,  sẽ được biến hóa khi Chúa tái lâm, nên một số học gỉa tự do cấp tiến cho rằng Phao-lô đã lầm lẫn  mong đợi Chúa đến trong thời của ông. Tuy nhiên Phao-lô dùng từ “chúng ta” để nói đến tín hữu chung bao gồm cả chính ông nếu ông ta còn sống khi Chúa đến.

Tín hữu của Chúa Cứu Thế phải sống thế nào để thể hiện sự chiến thắng sự chết ngay trong đời này cho đến ngày Chúa tái lâm, là ngày chiến thắng cuối cùng.
Nọc độc hay nguyên nhân của sự chết chính là tội lỗi. Vì khi con người đầu tiên sa ngã, phạm tội thì cái chết cũng đến và tể trị nhân loại. (Sáng 3:1-19)
Khi nói đến  “Sức mạnh của tội lỗi là Kinh Luật”, Phao-lô muốn nói đến sự kiện dù Kinh Luật là tốt đẹp và thánh khiết nhưng nó chỉ có khả năng chỉ rõ bản chất tội lỗi nơi con người, chứ không có khả năng làm sạch tội lỗi; cho nên vô hình chung Kinh Luật chỉ nêu rõ sự bất lực của loài người và sức mạnh của tội lỗi trên con người.

Chúa Giê-su đã chiến thắng sự chết cho nên những tín hữu của Chúa có sự phục sinh của Chúa cũng  chiến thắng sự chết. Sự chiến thắng này sẽ thành hoàn toàn hiện thực khi Chúa Giê-su tái lâm và tất cả tín hữu dù đã chết hay còn sống đều sẽ được biến hóa thành thân thể phục sinh giống Chúa. Như thế tín hữu của Chúa nên vững lòng, không sợ hãi nhưng hãy hết sức phục vụ chúa vì chúng ta sẽ không chết luôn và bị đoán phạt, nhưng sẽ phục sinh hay biến hóa và nhận phần thưởng cho những công việc mình đã làm. “Này, Ta sắp đến, đem giải thưởngtheo với Ta để báo trả cho mỗi người tùy theo công việc họ làm.” Khải 22:12

II. Câu Hỏi Thảo Luận

1. Sự huyền nhiệm Phao-lô nói đến ở đây là gì?
2. Khi Chúa Giê-su tái lâm tất cả tín hữu đã chết sẽ được gì?
3. Nếu một tín hữu còn sống khi Chúa đến, điều gì sẽ xảy ra cho người đó?
4. Tại sao tín hữu phải được phục sinh hay biến hóa để vào Nước Thiên Đàng với Chúa?
5. Điều gì hay bằng chứng nào khiến cho bạn tin chắc rằng bạn sẽ được phục sinh hay biến hóa thành một người thiêng liêng, vinh quang, bất tử chứ không phải đầu thai thành một con thú hay người khác?
6. Theo Kinh Thánh, nguyên nhân của sự đau khổ nhất của con người, tức là nguyên nhân của sự chết là gì?
7. Tại sao loài người không thể làm theo Kinh Luật (luật pháp) để được cứu rỗi?
8. Tại sao đức tin trong Chúa Giê-su mới có thể cứu rỗi con người ?
9. Tại sao đa số những tín hữu thật của Chúa Giê-su không còn sợ chết nữa?
10. Tại sao tín hữu của Chúa nên sốt sắng, nhiệt thành phục vụ Chúa trong đời sống hiện tại?

**Bài 30

Vấn Đề Quản Trị Tiền Bạc, Cơ Hội, Nhân Sự
1Cor 16:1-24**

I. Bối Cảnh và Lược Giải.
Trong cuộc gặp mặt các Sứ Đồ và Gia-cơ tại Giê-ru-sa-lem (Công Vụ 15:1-35 ; Ga-la-ti 2:1-10)  Phao-lô được công nhận là Sứ Đồ cho người ngoại quốc và được nhắc nhở nên quyên góp tiền bạc giúp các tín hữu nghèo ở Giê-ru-sa-lem và Giu-đê. Điều này Phao-lô đã làm khi ông lập các hội thánh ở ngoại quốc (Cô-rinh-tô Hy Lạp, Ga-la-ti Tiểu Á, Thổ Nhỉ Kỳ ngày nay).

Dâng hiến để tương trợ.
Phao-lô đã dùng nhiều từ ngữ để chỉ số tiền dâng cho Chúa dùng vào nhiều mục đích khác nhau:
-“Cứu trợ hay thông công” 2Côr 8:4
-“Việc ân phúc” 2Côr 8:6
-“Phục vụ” 2Côr 8:4; 9:1
-“Việc từ thiện, Phúc lành” 2Côr 9:5
-“Dịch vụ thiêng liêng” 2Côr 9:12

Thật ra Phao-lô quan niệm viêïc dâng hiến tiền bạc cho Chúa là sự đáp ứng lại những ân phúc Chúa ban cho con dân Ngài (2Côr 8:1). Trong trường hợp của hội thánh Cô-rinh-tô và Ga-la-ti, các tín hữu người ngoại dâng hiến tiền bạc cho Chúa để dùng giúp đỡ những tín hữu tại các hội thánh nghèo ở Giê-ru-sa-lem. Đây là sự tương trợ, tương thông giữa tín hữu người Do Thái và tín hữu người ngoại quốc. Ngoài ra qua việc cứu trợ và giúp đỡ vật chất này nhiều người sẽ ca ngợi và cảm tạ Đức Chúa Trời.(2Côr 9:11) Vì thế vấn đề dâng hiến tiền bạc cho Chúa là một “việc phụng vụ thiêng liêng” của tín hữu.

Tiền dâng của hội thánh Phi-líp giúp Phao-lô truyền giáo được coi như hương thơm, như lễ vật dâng hiến đẹp lòng Chúa. (Phi-líp 4:15-18).

Qua lời dặn dò này chúng ta thấy một điểm khác nữa, dâng hiến là một phần của thờ phượng trong hội thánh đầu tiên.
Tín hữu tại hội thánh Cô-rinh-tô tụ họp thờ phượng vào ngày thứ nhất trong tuần lễ, tức là ngày Chúa Nhật. (Xem thêm Công Vụ 20:7 và Khải 1:10). Đây là một trong số những bằng chứng cho thấy tín hữu người ngoại quốc đã bắt đầu dùng ngày thứ nhất trong tuần lễ, ngày Chúa Nhật, ngày Chúa Giê-su phục sinh, để thờ phượng Chúa từ  thời các hội thánh đầu tiên.

Phao-lô cũng nhắc nhở tín hữu dâng hiến “tùy khả năng”. Trong hoàn cảnh thời bấy giờ có rất nhiều nô lệ là tín hữu; có lẽ họ không có gì nhiều, nhưng Phao-lô khuyên tất cả tín hữu dâng hiến tùy theo khả năng của họ; nghĩa là mỗi tín hữu dâng hiến tùy theo nguồn lợi mình kiếm được. Nhiều người cho rằng Phao-lô muốn nói đến việc dâng hiến tùy theo tỷ lệ lợi tức hay tiền lời một người kiếm được. Vì tín hữu Cô-rinh-tô đa số có lẽ là nguời ngoại quốc nên Phao-lô không nói đến “phần mười” nhưng chỉ nói đến tùy khả năng.

Vấn đề tiền bạc là vấn đề quan trọng và dễ bị hiểu lầm cũng như vì sử dụng không minh bạch. Phao-lô đề nghị mỗi hội thánh nên có đại diện để đem tiền bạc và giao tận tay hội thánh Giê-ru-sa-lem. Hội thánh và các cơ quan truyền giáo hay từ thiện cần ủy ban tài chánh gồm có nhiều người khác nhau để quản trị tiền bạc một cách minh bạch, ngay thẳng. Vấn đề tiền bạc không minh bạch có thể gây chia rẽ trong hội thánh và làm hổ danh Chúa.

Đồng công tận dụng cơ hội để truyền giáo.
Phao-lô cho hội thánh Cô-rinh-tô biết chương trình ông dự định ghé thăm họ và đi truyền giáo. Khi Phao-lô nói: “để anh chị em đưa tôi đi đến nơi tôi muốn đi.” Có nghĩa là ông muốn tín hữu hội thánh Cô-rinh-tô hỗ trợ tài chính và vật chất cho ông đi truyền giáo. Trước đây khi thành lập và xây dựng hội thánh Cô-rinh-tô, Phao-lô không nhận thù lao hay tài trợ của họ; nay là lúc họ nên tài trợ ông để đem Phúc Âm đến cho người khác; như thế họ sẽ đồng công cộng tác với Phao-lô trong việc phục vụ Chúa.

Phao-lô muốn ở lại Ê-phê-sô lâu hơn vì cơ hội truyền giảng Phúc Âm đang mở rộng taiï đó nhưng đồng thời cũng có sự chống đối. (Êph 19:1-41) Điều này cho thấy ngay từ thời đại đầu tiên, trong cuộc đời truyền giáo của Phao-lô cơ hội truyền bá Phúc Âm luôn luôn đi kèm với sự chống đối của ma qủy. Nhưng không phải vì có chống đối mà ông không tận dụng cơ hội hay không bước vào cánh cửa đang mở rộng.

Những người cộng sự
Phao-lô nhắn nhủ hội thánh Cô-rinh-tô nên tiếp đãi Ti-mô-thê, một mục sư trẻ phụ tá cho ông, cũng như chính ông vậy. Phao-lô quan niệm người phục vụ Chúa là người cũng làm việc Chúa như chính ông vậy. Hội thánh nên khuyến khích những người trẻ tuổi phục vụ Chúa và nên cho họ cơ hội để phát triển tiềm năng trong chức vụ. Hội thánh không nên mong mỏi mục sư trẻ Ti-mô-thy sẽ có đủ mọi ân tứ, kinh nghiệm như Sứ Đồ Phao-lô.

A-bô-lô là một người có tài hùng biện và đã phục vụ Chúa tại Cô-rinh-tô. Một số người tại Cô-rinh-tô theo người chống lại Phao-lô, nhưng rõ ràng Phao-lô và A-bô-lô không có ý tưởng phân biệt hay kéo bè, kéo đảng cho mình. Phao-lô gọi A-bô-lô “anh em chúng ta” và khuyên A-bô-lô về thăm Cô-rinh-tô dù lúc đó người chưa muốn đi. Người lãnh đạo trưởng thành và kính sợ Chúa không nên kéo bè, kéo đảng chia rẽ, chống đối nhau. Những người làm như thế sẽ phá hủy hội thánh thay vì xây dựng hội thánh. Nhờ sự trưởng thành và hiệp nhất của Phao-lô và A-bô-lô, hội thánh Cô-rinh-tô vượt qua được nạn chia rẽ trong hội thánh và trường tồn cho đến ngày nay.

Phao-lô đã ca ngợi gia đình Sê-pha-na, gia đình tin Chúa đầu tiên tại A-chai; họ tận tâm phục vụ Chúa và đáng được kính trọng. Thật là phước hạnh khi cả gia đình cùng tận tâm phục vụ Chúa. Kính trọng, hỗ trợ những người tận tâm phục vụ Chúa là một điều tốt, xây dựng hội thánh và làm vinh hiển Chúa.

Hội thánh Cô-rinh-tô có những gia đình trung kiên, kính sợ Chúa và tận tâm phục vụ Chúa và hỗ trợ tôi tớ Chúa (Phao-lô hoặc những người đến sau ông) như gia đình Sê-pha-na nên Phao-lô được an ủi, khích lệ nhiều. Ngày nay số người đi vào chức vụ trọn thì giờ đã ít và số người từ bỏ chức vụ lại cao vì nhiều tôi tớ Chúa qúa cô đơn, không được tín hữu trong hội thánh an uỉ, khuyến khích trong chức vụ.

Hai vợ chồng A-qui-la và Bê-rit-sin cùng hội thánh họp trong nhà họ tại Ê-phê-sô (Ở Tiểu Á, Thổ Nhỉ Kỳ ngày nay) gởi lời thăm hội thánh Cô-rinh-tô. Đây là hai tín hữu tại Cô-rinh-tô đã phục vụ Chúa với Phao-lô. Thật là phước hạnh khi thấy những người trung tín dù đi đâu cũng trung tín dùng nhà của mình phục vụ Chúa và hỗ trợ tôi tớ Chúa. Hai vợ chồng này khi đến Rô-ma (Rô 16:5) cũng dùng nhà mình làm hội thánh. Một điều đáng chú ý là bà Bê-rit-sin có lẽ là một phụ nữ rất xuất sắc trong công tác nhà Chúa cho nên hai vợ cồng đã được nhắc đến sáu lần trong Tân Ước và trong bốn lần tên bà Bê-rit-sin được nhắc đến trước. Điều này cũng cho thấy phụ nữ đóng một vai trò rất quan trọng và năng động trong công việïc nhà Chúa ngay từ thời các hội thánh đầu tiên.

Hội thánh phát triển, trường tồn
Hội thánh Cô-rinh-tô cũng như hầu hết những hội thánh khắp nơi khi mới được thành lập cũng như đã thành lập lâu đời đều đã có rất nhiều nan đề khó khăn và trầm trọng. Điều chúng ta đáng học từ hội thánh Cô-rinh-tô là họ đã ý thức được những nan đề, lầm lỗi của mình và thay đổi theo lời Chúa dùng Phao-lô dạy dỗ để đắc thắng, phát triển và trường tồn cho đến ngày nay.

Trong lời kết thúc Phao-lô đã khuyên hội thánh Cô-rinh-tô:
1/ Hãy tỉnh thức hay cảnh tĩnh trước mọi âm mưu, hoạt động của kẻ thù, tức là ma qủy và thế gian.
Hội thánh Cô-rinh-tô đã phải cảnh tỉnh trước những nan đề chia rẽ, đạo đức, kiêu ngạo thuộc linh (các ân tứ), tà giáo, thần học về sự phục sinh và ngày tậïn thế.
Hội thánh Cô-rinh-tô đã nghe lời khuyên dạy của Phao-lô để điều chỉnh, sửa sai những nan đề và sai lầm của mình.
2/ Vững vàng trong đức tin.
Khi đã hiểu rõ những tín lý, những giá trị đạo đức và thái độ, hành vi trong Chúa, tín hữu và giới lãnh đạo Cô-rinh-tô đã điều chỉnh và tin tưởng với lòng thuyết phục.
3/ Hãy can đảm.
Công nhận mình sai, mình có lỗi cần sự can đảm. Người có qúa nhiều tự ái thường không đủ can đảm nhận lỗi. Ngoài ra tín hữu Cô-rinh-tô cũng cần can đảm đôí diện với những khó khăn, thách thức từ thế giới ngoại đạo thù nghịch.
4/ Mạnh mẽ.
Tín hữu Cô-rinh-tô đã mạnh mẽ hành động và sống cho Chúa nên họ được Chúa thêm sức để hoàn thành sứ mệnh.
5/ Động lực tối cao của mọi hành động là “tình yêu thương” mà Phao-lô đã mô tả ở chương 1Côr 13. Yêu kính Chúa, yêu thương nhau và yêu thương người khác như mình.
a/ Yêu kính Chúa. Đây là điều răn trọng đại mà chính Chúa Giê-su cũng đã tóm tắt và nhắc nhở con dân Chúa. Phao-lô nhấn mạnh rằng người tin Chúa tức là yêu mến Chúa, “ai không yêu mến Chúa, người ấy đáng bị nguyền rủa.” Người không yêu mến Chúa là người không tin Chúa và là người vẫn còn bị đoán phạt như người ngoại đạo.
b/ Tín hữu cùng chung đức tin, chung dòng huyết của Chúa Giê-su hãy yêu thương nhau. Tình yêu thương sẽ xoá bỏ vô số tội lỗi và đoàn kết gia đình Chúa. Phao-lô xác nhận một lần nữa rằng ông yêu mến họ trong Chúa Cứu Thế Giê-su.
c/ Yêu thương người khác hay nhân loại vì Chúa Giê-su đã chết để cứu rỗi mọi người. Chúa đã yêu chúng ta, con dân Ngài, để chúng ta đem tình thương của Ngài đến cho nhân loại.

II.Câu Hỏi Thảo Luận

1. Tại sao Phao-lô cho rằng dâng hiến là một phần của thờ phượng?
2. Mục đích của việc quyên góp tại hội thánh Cô-rinh-tô (Hy Lạp) để giúp hội thánh Giê-ru-sa-lem là gì?
3. Hội thánh của bạn (tại hải ngoại) có một phần nào để giúp các hội thánh nghèo tại quê nhà không? Tại sao?
4. Ai là người nên dâng hiến trong hội thánh? Và dâng hiến theo cách nào? Theo bạn tại sao Phao-lô không bắt buộc tín hữu Cô-rinh-tô phải dâng phần mười? Ngày nay hội thánh có nên đòi hỏi tín hữu phải dâng một phần mười cho Chúa không? Tại sao có; tại sao không?
5. Hãy nêu lên những bằng chứng cho thấy hội thánh người ngoại quốc từ ban đầu đã thờ phượng Chúa vào ngày thứ nhất, tức là ngày Chúa Nhật.
6. Phao-lô đã quản trị và chuyển tiền dâng hiến như thế nào để khỏi bị mang tiếng?
7. Phao-lô truyền cho hội thánh Cô-rinh-tô (hội thánh do ông lập) hỗ trợ tài chánh và vật chất cho cuộc truyền giáo của ông?
Hội thánh bạn có ngân sách để hỗ trợ việc truyền giáo không? Tại sao có, tại sao không?
8. Đối với Phao-lô, thế nào là “cơ hội tốt” để truyền giáo và lập hội thánh? (xem thêm Công Vụ 19)
9. Phao-lô coi mục sư trẻ và mong hội thánh cũng đối xử với mục sư trẻ như thế nào?
Tại sao ngày nay chúng ta thiếu qúa nhiều người trẻ đi vào chức vụ phục vụ Chúa trọn thì giờ?
10. Tại sao Phao-lô được an uỉ, tươi tĩnh và vui vẻ trở lại sau những căng thẳng, tranh luận với tín hữu hội thánh Cô-rinh-tô?
11. Hội thánh Cô-rinh-tô đã theo những nguyên tắc nào để khắc phục các nan đề, lầm lẫn và tà giáo và phát triển, trường tồn?

**Bài Giải Đáp

Bài 1
1Côr 1:1-3**

1.Phao-lô là người Do Thái chống đối Đạo Chúa và bách hại tín hữu của Chúa Giê-su cho đến khi ông gặp Chúa Giê-su phục sinh hiện ra với ông trên đường đến Đa-mách; sau cuộc gặp gỡ đó Phao-lô tin Chúa và phục vụ Chúa Giê-su.
2. Phao-lô được Chúa Giê-su kêu gọi và cử làm Sứ Đồ cho người ngoại đạo. Một trong những điều kiện của Sứ Đồ là người chứng kiến Chúa Giê-su sống lại; Phao-lô đã gặp Chúa Giê-su phục sinh (Công 9).
3. Phao-lô là người truyền giảng và sáng lập hội thánh Cô-rinh-tô (Công 18).
4. Theo thư Cô-rinh-tô, hội thánh là cộng đồng của những người đã tin nhận Chúa Giê-su, được thánh hóa trong Chúa Giê-su Ky-tôn; nhận Ngài làm Chúa Tể đời sống mình và Đức Chúa Trời là Cha. Hội thánh cũng là cộng đồng của tất cả những người tin nhận Chúa Giê-su( kêu cầu Danh Ngài) ở khắp mọi nơi, trong mọi thời đại.
Hội thánh là một cộng đồng thiêng liêng của những tín hữu của Chúa Giê-su, có Chúa Giê-su là đầu của hội thánh, Đức Chúa Trời là Cha, mỗi tín hữu hội viên đều là anh chị em. Hội thánh chủ yếu là những con người cùng đức tin nơi Chúa Giê-su Ky-tôn, không phải tổ chức thương mại, xã hội, hành chánh hay chính trị; mối liên hệ là tình yêu thương và mục đích là để thờ phượng, tôn vinh và phục vụ Chúa và tha nhân.
5.Mối liên hệ của tín hữu trong hội thánh là tình yêu thương anh chị em trong Chúa.
6. Phao-lô dù là người sáng lập hội thánh Cô-rinh-tô nhưng ông gọi hội thánh này là hội thánh của Đức Chúa Trời.
7. Vì hội thánh là hội thánh của Đức Chúa Trời, không phải của một ai hay củamột tổ chức giáo phái nào; mỗi hội viên phải chịu trách nhiệm trước mặt Đức Chúa Trời. Hãy tìm những hội thánh tin và làm theo Lời Chúa (Kinh Thánh). Bổn phận của tín hữu là tham gia, xây dựng hội thánh của Chúa, chu toàn bổn phận của mình đối với Chúa qua hội thánh; không làm điều gì gây chia rẽ, tổn hại đến hội thánh hay làm hội thánh Đức Chúa Trời bị mang tiếng hay tổn thương.
8. Thánh hóa là tiến trình biến đổi con người để trở nên ít phạm tội hơn và ngày càng giống Chúa Giê-su hơn trong đời sống. Tiến trình biến đổi được thực hiện nhờ  ân sủng và quyền năng của Đức Chúa Trời phối hợp với đức tin và nổ lực vâng lời của tín hữu.
Tu hành là ý niệm tự mình cố gắng để thay đổi và giải thoát chính mình. Kinh Thánh cho biết con người không đủ khả năng hay công đức để tự thay đổi và giải thoát chính mình ra khỏi tội lỗi và sự chết. (Rôm 3: 9-12,23)
9. Phao-lô gọi các tín hữu tại Cô-rinh-tô là “các thánh” vì họ nhờ đức tin nơi Chúa Giê-su Ky-tôn đã được biệt riêng ra, thuộc riêng về Đức Chúa Trời. Vì tín hữu của Chúa là con dân Nước Trời, thuộc riêng về Ngài nên chúng ta phải sống xứng đáng với địa vị cao quí mà Chúa đã ban cho chúng ta.
10. Những tín hữu của Chúa Giê-su tại một địa phương họp nhau lại để thờ phượng , tương giao và phục vụ Chúa là hội thánh địa phương; cộng đồng tín hữu của Chúa Giê-su ở khắp mọi nơi và trong mọi thời đại là hội thánh phổ quát của Chúa. Hội thánh địa phương thật đương nhiên là hội thánh phổ quát, không cần phải hiệp nhất tổ chức.

**Bài 2
Các Ân Phúc của Tín Hữu (1 Côr 1:4-9)**

1/ Ngoài sự cứu rỗi, Chúa cũng đã ban cho con dân Chúa sự bình an, vui mừng, hy vọng. Chúa cũng đã ban cho một số con dân Chúa tự do, thịnh vượng.
2/ Trong phạm vi các ân tứ về lời nói: Tiên tri, dạy dỗ, hiểu biết, khôn ngoan, khuyên bảo, an ủi, chứng đạo…
Trong phạm vi các ân tứ phục vụ: Quản trị, việc từ thiện, dâng hiến, giúp đỡ…
Những tài năng thiên phú nhưng sử dụng cho sự vinhhiển Chúa: Âm nhạc, thể thao, nghề nghiệp chuyên môn...
3/ Tín hữu của Chúa có thể sử dụng ân tứ và tài năng của mình để xây dựng hội thánh Chúa qua các công tác:
a/ Xây dựng đời sống tín hữu mạnh mẽ, tốt đẹp jơn.
b/ Truyền bá Phúc Âm cho người ngoại.
c/ Thi hành những dịch vụ tình thương, bác ái, xã hội…
4/ Tín hữu có đầy những ân sủng, ân tứ của Chúa; hội thánh Cô-rinh-tô đã lớn mạnh và cùng với những hội thánh khác trong vùng đem cả nước Hy Lạp về với Chúa.
Ngày nay Hy Lạp có trên 90 % dân số là tín hữu theo Chính Thống Hy Lạp.
5/ Người tín hữu được thiết lập vững vàng khi người đó thích thờ phượng Chúa, cầu nguyện thường xuyên và tham gia phục vụ Chúa trong khả năng của mình.
6/ Chúa Giê-su sẽ trở lại thế gian là đều chắc chắn, nhiều câu Kinh Thánh đã xác định rõ điều này.
Tín hữu cũng được xét để được thưởng, chứ không bị xét xử để hình phạt như người ngoại đạo; nhưng có một số sẽ mất tất cả phần thưởng và bị khiển trách.
7/ Vì Chúa là thành tín, Ngài không bao giờ thất hứa.
8/ Một số sẽ được cứu nhưng “dường như qua lửa” ; sẽ bị mất hết phần thưởng và bị khiển trách.
9/ Không. Vì người đó chưa thực sự tin nhận Chúa làm Chúa Cứu Thế và Chủ đời mình. Người đó chưa có mối tương giao cá nhân với Chúa Cứu Thế; chỉ theo đạo và theo một số ngi thức tôn giáo mà thôi.
Một số người nêu lên minh họa: Một con ngựa dù có ở trong garage xe hơi suốt đời nó cũng không thể thành chiếc xe hơi. Nó phải được chế tạo như một chiếc xe hơi.
10/ Người có mối tương giao thân thiết với Chúa Giê-su sẽ thích thờ phượng Ngài, cầu nguyện cùng Ngài, học hỏi Lời Ngài và thích làm theo ý Chúa.

**Bài 3
Nan Đề Chia Rẽ (1Côr 1:10-17)**

1/ Tín hữu của Chúa trong hội thánh đều là anh chị em trong Chúa, trong gia đình của Chúa. Đây là một động lực lớn và mạnh để đoàn kết.
2/ Khi chúng ta tin nhận Chúa Giê-su là Đấng Cứu Rỗi, chúng ta cũng công nhận Ngài là Chủ Tể trên đời sống mình và hội thánh Ngài. Tức là chúng ta phải tuân phục những chỉ thị của Chúa và sống theo ý chỉ và mạng lệnh của Chúa chứ không nên theo chương trình và ý định của một người nào.
3/ Khi mọi người tín hữu đều vâng phục và làm theo một vị lãnh đạo là Chúa Cứu Thế và theo lời dạy cũng như mạng lệnh của Ngài thì nạn chia rẽ sẽ biến mất .
4/ Phao-lô khuyên tín hữu nên có cùng một lời nói, nghĩa là cùng bàn về một vấn đề, cùng một quan niệm và không nên xé rách, chia rẽ Chúa Giê-su thành nhiều phần khác nhau.
5/ Những nan đề căn bản tại hội thánh Cô-rinh-tô gồm có:
a/ Coi tri thức khôn ngoan thế tục cũng như  Phúc Âm của Chúa Giê-su.
b/ Nâng những người lãnh đạo trong hội thánh lên ngang hàng với Chúa Giê-su.
c/ Theo những người lãnh đạo trong hội thánh thay vì theo Chúa Giê-su.
6/ Xem Rô 6:1-14. Lễ Báp-tem là hành động công khai  đồng hóa mình với sự chết và sự sống lại với Chúa Giê-su và để đượckết hiệp vào thân thể của Ngài.
7/ Một tôi tớ thật của Chúa Giê-su sẽ trung tín truyền bá Phúc âm của Chúa Cứu Thế và đem người về với Chúa và với hội thánh của Chúa, không hải đem người theo về với cá nhân mình.
8/ Hội thánh thật của Chúa Giê-su sẽ bác bỏ giáo lý “Đồng Cứu Rỗi” và “Đồng Trung Bảo” vì Lời Chúa dạy chỉ có một Đấng Cứu Rỗi trên thế gian là Chúa Giê-su (Công Vụ 4:12); một Đấng Trung Bảo giữa loài người và Đức Chúa Trời (1Tim 2:5).
9/ Vì những người này dùng trí thức phàm tục để thay thế cho đức tin, sự sống và năng lực siêu nhiên, thay cho Lời Hằng Sống của Đức Chúa Trời và tình yêu thương của Chúa Giê-su để điều hành và phát triển hội thánh như là một công ty thương mại, nên sẽ thất bại.
10/ Mọi tín hữu  nên tìm kiếm Chúa thay vì cái tôi, danh vọng, tiền tài, quyền thế.
Mọi tín hữu nên tìm kiếm, học hỏi Lời Chúa để biết Chúa, ý Chúa và mục đích của Chúa cho mình, cho hội thánh Chúa trên đất.
Mọi người nên tìm kiếm Nước Đức Chúa Trời và sự vinh hiển củaNgài.

**Bài 4
Chúa là Quyền Năng và Sự Khôn Ngoan (1Côr 1:18-25)**

1/ Sứ điệp của thập tự giá là sự hy sinh chết thế tội nhân của Chúa Giê-su trên cây thập tự và sự sống lại của Ngài để cứu những người tin. Năm chân lý của Phúc Âm cứu khổ như sau: 1. Chúa Giê-su chính là Ông Trời đã giáng thế làm người để cứu rỗi loài người ra khỏi cuộc đời đau khổ và sự chết đời đời nơi hỏa ngục. Giăng 1:1, 14
2. Đời sống con người đầy đau khổ.( Gióp 14:1-2)  3. Tội lỗi là nguyên nhân gây ra đau khổ trên trần thế. (Gia-cơ 1:14-15) 4. Chúa Giê-su đã đến thế gian để chịu khổ, chịu chết để giải cứu nhân loại thoát khỏi đau khổ và sự chết đời đời.( Rô 5:8) 5. Tin Chúa Giê-su làm Đấng cứu rỗi và Chủ Tể đời sống mình là giải pháp cứu khổ và giải thoát khỏi sự chết đời đời nơi hỏa ngục. Giăng 3:16
2/ Người Do Thái khó tin Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a của họ vì Ngài đã chết như một tử tội nhục nhả, yếu đuối. Người Do Thái hy vọng Đấng Cứu Thế của họ sẽ đến với quyền năng và trong vinh quang. Kinh Thánh (I-sa 53 và Thi 22) đã nói rõ Đấng Mê-si-a sẽ phải chịu khổ hình, chết rồi mới đến giai đoạn đắc thắng vinh quang nhưng đa số những giáo sư Do Thái giáo đã không thấy và không hiểu nổi điều này.
3/ Đức Chúa Trời là Đấng toàn năng và Chủ Tể của vũ trụ này; Ngài là Đấng ban ân huệ cứu rỗi và chữa bệnh; Ngài không phải là một người cần một tội nhân đáng bị hình phạt và đáng bị bỏ vào hỏa ngục; cho nên không ai có thể đòi hỏi hay đặt điều kiện cho Ngài để cứu rỗi hay chữa bệnh cho họ. Đức Chúa Trời có thể bày tỏ ân phúc của Ngài để chữa bệnh cho một người và Ngài cũng đã bày tỏ ân huệ và tình thương của Ngài trong Chúa Cứu Thế để cứu rỗi những người tin. Thách thức Chúa là một hành động kiêu ngạo ngu xuẩn và phạm thượng; người làm như thế sẽ phải nhận những hậu qủa đáng tiếc mà thôi.
4/ Người tin Chúa vì thấy phép lạ (Xem Giăng 2:23-24) sẽ thất vọng khi Chúa không làm phép lạ cho cá nhân hay gia đình họ và cũng có thể thất vọng vì Chúa không chứng tỏ là Đấng quyền năng trong chương trình cứu rỗi của Ngài (Ngài chết ). Khi Chúa Giê-su hóa bánh, làm phép lạ, có đến mười ngàn người (kể cả đàn bà, trẻ em)  theo Ngài (Lu-ca 9:10-17) Nhưng khi Chúa chết và sống lại chỉ còn 120 người theo Ngài cầu nguyện (Công Vụ 1:15).
5/ Người chuộng triết học cao siêu sẽ khó chấp nhận sứ điệp đơn sơ và đau khổ của thập tự giá, một hình phạt đau đớn, nhục hình dành cho những tử tội thấp kém. Một người không được kêu gọi, không được mở mắt tâm linh sẽ không thấy được sự hy sinh cao cả, thấy tình yêu thương vô điều kiện của Đức Chúa Trời qua cái chết của Con Một yêu dấu của Ngài.
6/ Sự cứu rỗi là do đức tin nơi Chúa Giê-su, tức là mối liên hệ cá nhân và trực tiếp với Chúa Cứu Thế chứ không phải qua kiến thức về Ngài, kiến thức về Kinh Thánh hay về Cơ Đốc giáo.
7/ Ngoài đức tin người tín hữu cần Lời Chúa (Mat 4:4), cần thờ phượng Chúa, cầu nguyện và vâng lời, thực hành và truyền bá danh Ngài cho nhân loại (Thi 100).

**Bài 5
Hãy Tự Hào Trong Chúa**

1/ Không, tôi được cứu rỗi là nhờ ân huệ của Đức Chúa Trời.
2/ Do tình yêu thương và ân huệ của Đức Chúa Trời mà Ngài kêu gọi và chọn chúng ta để nhận ân cứu rỗi của Ngài trong Chúa Cứu Thế.
3/ Một số người ngoại đạo cho rằng những tín hữu cố sống theo tiêu chuẩn đạo đức của Chúa Giê-su và Kinh Thánh là dại vì không chịu gian dối để thủ lợi, không chời bời lêu lỏng…như mọi người khác.
4/ Nhờ ơn Chúa và sức Chúa tôi sống thánh thiện nên khỏe mạnh và bình an, vui vẻ trong tâm hồn.
5/ Chúa đã kêu gọi tôi để được cứu rỗi và Ngài cũng muốn tôi dùng đời sống tôi để làm vinh hiển danh Ngài trong nghề nghiệp tôi đang làm (Kỷ sư, thương mại, công nhân, công chức, giáo sư…)
6/ Vì tất cả những người khôn ngoan, giàu sang, quyền thế hay danh gia vọng tộc trên thế giới đều không thể nhờ những điều đó để cứu rỗi mình khỏi tội lỗi và sự chết đời đời nơi hỏa ngục nên họ không có điều gì để khoe khoan trước mặt Chúa được.
7/ Chúa Giê-su là sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời vì Ngài là Đấng duy nhất có thể giải quyết nan đề tội lỗi của nhân loại bằng cái chết của Ngài trên cây thập tự. Ngoài ra Chúa Giê-su là Đấng duy nhất có thể ban cho loài người một sự sống sung mãn và vĩnh phúc.
8/ Phải, tôi là người tin Chúa Giê-su làm Cứu Chúa của tôi, nên được tuyên xưng công chính trước mặt Đức Chúa Trời.
9/ Nhờ ân phúc và quyền năng của Chúa ban cho tôi khi tôi tin cậy Ngài nên tôi đã được giải thoát khỏi con người cũ, nhưng thỉnh thoảng, khi yếu đuối, xa cách Chúa tôi cũng bị cám dỗ và vấp ngã trong một vài phương diện.
10/ Tôi tin cậy Chúa và nhờ Lời Ngài qua sự tỉnh nguyện (Đọc Kinh Thánh và cầu nguyện mỗi ngày) nên được gỉai thoát khỏi khuynh hướng tội lỗi cũ nhưng trong cuộc sống thỉnh thoảng cũng bị cám dỗ, yếu đuối nên vấp ngã. Tuy nhiên mỗi khi vấp ngã, tôi ăn năn và quay trở lại với Chúa để xin Ngài tha thứ và thêm sức để chiến thắng.

**Bài 6
Sự Khôn Ngoan Huyền Bí của Đức Chúa Trời (1Côr 2:1-16)**

1/Sự khôn ngoan huyền bí của Đức Chúa Trời là Phúc Âm cứu rỗi, là sự chết của Chúa Giê-su trên thập tự giá để cứu chuộc nhân loại.
2/ Những triết thuyết và khoa học thực nghiệm trên thế gian không thể cứu rỗi con người thoát khỏi tội lỗi và sự chết đời đời vì thế chúng ta không nên thay đổi Phúc Âm cứu rỗi  thành những điều không thể cứu rỗi và thành điều ngu dại, vô ích trước mặt Chúa.
3/ Hai hậu quả nguy hại: a/ Giảng dạy một nhân vật phàm tục, khác hơn là Chúa Giê-su, Con Đức Chúa Trời, một thần nhân , Chúa Cứu Thế duy nhất của Kinh Thánh.
b/ Biến mạc khải siêu nhiên và sống của Đức Chúa Trời thành một số tri thức chết.
Bằng chứng là những hội thánh tin và giảng dạy những kiến thức chết này không phát triển và tăng trưởng nhưng đang đi vào sự suy tàn.
4/ Phao-lô không có ý nói chúng ta chỉ nên biết Phúc Âm và Kinh Thánh mà thôi. Phúc Âm và Kinh Thánh là chân lý duy nhất để cứu rỗi con người. Đời sống cũng cần những kiến thức và kỷ năng khác; Phao-lô đã học và biết triết học, văn chương  Hy Lạp và ông đã trích dẫn trong khi giảng dạy Phúc Âm. (Công Vụ 17:16-34) Sứ đồ Giăng dùng từ “Logos” một từ triết học thời bấy giờ để chỉ Chúa Cứu Thế.
5/ Sự thể hiện Đức Thánh Linh: Đức Thánh Linh soi dẫn và hướng dẫn Phao-lô để trình bày bằng chứng về sự chết và sống lại của Chúa Cứu Thế. “Quyền năng” ở đây nói về quyền năng cứu rỗi và thay đồi đời sống người tin Chúa.
6/ Những người lãnh đạo trên thế gian  không biết Chúa Cứu Thế và không hiểu Phúc Âm cứu rỗi của Đức Chúa Trời nên họ mới giết Chúa Cứu Thế vinh quang.
7/ Tín hữu mới có thể thấy và hiểu Phúc Âm vì họ có Đức Thánh Linh trong lòng.
8/ Đức Thánh Linh biết tất cả mọi sự, tức là Đấng toàn tri. Đức Thánh Linh biết tư tưởng sâu xa của Đức Chúa Trời nên Ngài phải là Đức Chúa Trời.
9/ Người thiên nhiên không có khả năng, dù là qua trực giác hay thiền định,  để tiếp nhận ân phúc cứu rỗi của Chúa và biết  đầy đủ Đức Chúa Trời để được cứu rỗi.
10/ Người tín hữu trưởng thành là người có Đức Thánh Linh trong lòng, có thế giới quan và giá trị của Chúa; biết và tích cực tham gia vào chương trình và mục đích  của Chúa cho cá nhân mình và cho thế giới.

**Bài 7
Tín Hữu Trưởng Thành và Ấu Nhi (1Côr 3:1-4)**

1/ Phao-lô đề cập đến tín hữu trưởng thành, ấu nhi và xác thịt hay thế gian.
2/ Tín hữu ấu nhi là người mới tin Chúa Giê-su làm Cứu Chúa và Chủ Tể đời sống của mình chưa quá ba năm nên chưa trưởng thành về sự hiểu biết Chúa, Đạo Chúa và về hành động, tư cách đẹp lòng Chúa.
3/ Một tín hữu như tín hữu Cô-rinh-tô, xuất thân từ một nền văn hóa ngoại giáo cũng chỉ cần ba năm để trưởng thành.
4/ Một tín hữu xác thịt là người đã tin Chúa lâu năm nhưng sự hiểu biết về Chúa và hành vi tư cách vẫn còn như một ấu nhi. Tín hữu xác thịt lười biếng học hỏi Lời Chúa và không thích học hỏi về Chúa và những điều thuộc về Chúa và Vương Quốc Đức Chúa Trời.

5/ Hai hậu quả tai hại nghiêm trọng cho một tín hữu xác thịt :
a/ Tình trạng đạo đức thấp kém, không khác gì thế gian tội lỗi.
b/ Không tham gia, phục vụ Chúa và không đóng góp xây dựng hội thánh Chúa và Nước Đức Chúa Trời.
6/ Tín hữu Cô-rinh-tô vì còn xác thịt nên đã bày tỏ các dấu hiệu sau:
a/ Ganh tị lẫn nhau.
b/ Xung đột lẫn nhau.
c/ Chia rẽ, bè phái trong hội thánh.
7/ Phao-lô trách tín hữu trong hội thánh Cô-rinh-tô là “thế gian” vì họ muốn có những người lãnh đạo thuộclinh đầy sự khôn ngoan, hùng biện như các triết gia trong xã hội thời bấy giờ. Người tín hữu Cô-rinh-tô bị gọi là “thế gian” vì họ muốn thỏahiệp với thế gian, thích được thế gian chấp nhận và khen ngợi hơn là được Chúa chấp nhận và khen ngợi.
8/ Con dân Chúa phải học hỏi Lời Chúa để biết ý chỉ, chương trình, mục đích của Chúa mà làm theo. Phải tin tưởng và nhờ quyền năng của Phúc Âm để sống và phục vụ chứ không phải tìm kiếm và nhờ cậy sự khôn ngoan và quyền thế của thế gian hư mất này.
9/ Phao-lô và A-bô-lô đã không ngã theo ý phàm của tín hữu Cô-rinh-tô nhưng tiếp tục đoàn kết, hợp tác phục vụ Chúa vì hai ông đều biết rõ vai trò của mình và có cùng mục đích chung trong Chúa.
10/ Hội thánh Cô-rinh-tô ý thức được điều ấu trĩ, sai lầm của mình. Khiêm nhường chấp nhận và thay đổi. Họ làm theo lời khuyên của Sứ Đồ Phao-lô nên tiến bộ và thành công mỹ mãn cho đến ngày nay.

**Bài 8
Sửa Chữa Quan Niệm Sai Lầm về Hội thánh và Mục Vụ (1Côr 3:5-23)**

1/ Phao lô dùng hình ảnh đồng ruộng và đền thờ Đức Chúa Trời để chỉ về hội thánh.
2/ Phao-lô là giáo sĩ thành lập hội thánh và A-bô-lô là mục sư giảng dạy hội thánh .
3/ Công tác đem người về cùng Chúa và xây dựng đời sống của họ trong Chúa đòi hỏi nhiều người khác nhau, nhiều ân tứ khác nhau và nhiều công việc khác nhau để cùng xây dựng tín hữu và hội thánh Chúa.
4/ Tín hữu Cô-rinh-tô muốn những người lãnh đạo của họ cũng giống như những người thông thái thế tục; họ muốn dùng triết học thế tục để xây dựng hội thánh. Họ chạy theo những người lãnh đạo hội thánh (nhưng thật ra những người này chỉ là tôi tớ của hội thánh) thay vì chú tâm vào Chúa và mục đích của Chúa.
5/ Phao-lô và A-bô-lô là những người lãnh đạo trưởng thành, biết rõ vai trò của mình trong hội thánh Chúa, chỉ chú tâm vào việc xây dựng nhà Chúa, không chạy theo những nhóm người ủng hộ mình.
6/ Tín hữu Cô-rinh-tô nghe lời Phao-lô, biết rõ thái độ chia rẽ, bè phái là sai và bằng lòng đoàn kết xây dựng nhà Chúa, chú tâm vào công việc nhà Chúa, nương cậy vào Phúc Âm cứu rỗi của Chúa Giê-su và các giáo lý chân chính của Lời Chúa.
7/ Nền tảng bất biến của hội thánh Chúa là Phúc Âm cứu rỗi trong Chúa Cứu Thế, Đấng đã chết trên cây thập tự và sống lại.
8/ Các triết lý thế tục và kiến thức khoa học thực nghiệm có thể giúp một người có đời sống vật chất tốt và nghề nghiệp vững vàng nhưng không có sự sống và quyền năng thiêng liêng để cứu rỗi tội nhân và xây dựng đời sống đạo đức , tâm linh của một con dân Chúa.
9/ Khi những giáo hội Tin Lành Âu Châu và Hoa Kỳ bác bỏ thần tính của Chúa Giê-su; Phúc Âm của Chúa Giê-su không phải là con đường duy nhất để được cứu rỗi, và từ bỏ nhiều giáo lý căn bản của Kinh Thánh như Kinh Thánh không phải là Lời Đức Chúa Trời; đồng tính luyến ái là bản tính tự nhiên v.v. giáo hội bị suy đồi, số người tín hữu sút giảm thê thảm; nhiều đại giáo đường bị bán cho các tôn giáo khác. Số người Âu Châu đi thờ phượng Chúa mỗi tuần chỉ còn vài phần trăm dân số.
10/ Chúng ta phải sắp xếp thứ tự ưu tiên trong đời sống, dùng thì giờ, tài năng, tài chánh để truyền giảng Phúc Âm cứu rỗi của Chúa Cứu Thế cho mọi người và dạy dỗ những chân lý Kinh Thánh hầu có thể xây dựng đời sống của con dân Chúa thành những con người hữu dụng cho nhà Chúa và mở mang Nước Đức Chúa Trời nơi mình sinh sống và khắp thế giới. Chỉ có những con người được cứu rỗi mới còn lại trong ngày phán xét cuối cùng.

**Bài 9
Tín Hữu và Tôi Tớ Chúa (1Côr 4:1-7)**

1/ Tín hữu và những người lãnh đạo (như Phao-lô, A-bô-lô ) của Chúa đều là tôi tớ của Chúa vì thế họ không có quyền đoán xét những tôi tớ khác của Chúa. Chính họ và những tôi tớ kia của Chúa sẽ được Chúa xét.
2/ Tất cả con dân và tôi tớ Chúa đều sẽ chịu trách nhiệm trước mặt Chúa.
3/ Người quản gia là người đầy tớ hay làm công được trao quyền quản trị tài sản, công việc của nhà chủ nhưng không phải là người sở hữu tài sản hay nhà cửa của chủ.
4/Điều cần yếu của một người quản gia là trung tín đối với tài sản và với chủ của mình. Như thế người quản gia nên chú trọng đến việc làm đẹp lòng chủ, được chủ khen thưởng, điều hành công việc để đem lại kết quả tốt cho chủ; chứ không phải làm đẹp lòng những người tôi tớ khác hay được những tôi tớ khác trong nhà khen ngợi.
5/ Con dân Chúa không nên đoán xét người khác vì tất cả chúng ta đều là tôi tớ của Chúa, không phải chủ nên không có quyền đoán xét. Người phàm đoán xét sẽ sai lầm vì không thể biết hết hoàn cảnh cùng mưu mô, động lực trong lòng người ta. Ngoài ra chúng ta cũng không nên đoán xét trước ngày phán xét của Chúa.
6/ Tiêu chuẩn duy nhất chúng ta cần dựa vào để xem xét đời sống, tư cách và công việc của một con dân, tôi tớ Chúa là Lời Chúa hay Kinh Thánh. Tín hữu Cô-rinh-tô đã sai lầm vì họ dùng sự khôn ngoan thế tục để làm tiêu chuẩn và xét người khác.
7/ Một tín hữu thật và trưởng thành biết rõ tất cả sự cứu rỗi cũng như các tài năng, ân tứ, tiền bạc, địa vị của họ đều là ân huệ và quà tặng của Chúa cho họ chứ không phải do họ tự tạo cho nên họ sẽ khiêm nhường, biết ơn và trung tín với Chúa.
8/ Chúa chắc chắn sẽ xét và tưởng thưởng con dân và tôi tớ Ngài trong ngày đoán xét vì thế họ trung tín phục vụ Chúa dù được thế gian biết hay không biết.
9/ Tất cả đều do Chúa chúngta ban cho như chủ giao cho quản gia để quản trị và làm lợi cho Ngài; như thế con dânChúa nên khiêm nhường, biết ơn và hăng hái trung tín phục vụ chúa.
10/ Tôi tin chắc rằng Chúa Giê-su sẽ tái lâm trong vinh quang vì Chúa và các Sứ Đồ đã nói nhiều lần trong Kinh Thánh. Ngoài ra nhiều điều tiên tri về ngày Chúa tái lâm và tận thế đã ứng nghiệm cho nên chúng ta đang sống trong thời đại cuối cùng.

**Bài 10
Vua Chúa hay Cha Thuộc Linh (1Cor 4:8-21)**

1/ Người Cô-rinh-tô nghĩ rằng họ đã no đủ, giàu có và là những người lãnh đạo như vua chuá trên đời này. Nhưng đây không phải là điều để xây dựng đời sống tín hữu và xây dựng, phát triển hội thánh (thân thể) Chúa và Nước Đức Chúa Trời.
Tình yêu thương, quyền năng của Chúa Thánh Linh và sự dạy dỗ, kiến thức về Lời Chúa mới là những điều xây dựng đơì sống tín hữu và hội thánh cũng như Vương Quốc Đức Chúa Trời.
2/ Trí thức, giàu có, khôn ngoan, quyềnthế tự nó không có gì sai nếu sử dụng để xây dựng và phát triển Nước Chúa. Điều sailầm là người ta chỉ ỷ lại vào những điều này mà không nhờ cậy quyền năng của Đức Thánh Linh, những nguyên lý trong Lời Chúa và nguyêntắc đạo đức theoLời Chúa.
Tín hữu Cô-rinh-tô khi trở nên giàu có , quyềnthế đã trở nên kiêu ngạo vì họ tưởng rằng họ không cần Phao-lô và những quyền năng thuộc linh và kién thức sống của Chúa nữa. Phao-lô thấy trước rằng nếu họ theo con đường này , hội thánh Chúa sẽ đi đến chổ chết và hủy diệt.
3/ Những hội thánh theo thần học tự do cấp tiến không có sự sống thiêng liêng và quyền năng thiêng liêng để cứu rỗi người hư mất vì thế họ đang đi đến chỗ chết.
4/ Người tín hữu được Chúa ban phước, có nhiều tài năng, ân tứ nhưng không sử dụng cho Chúa và cho hội thánh, cho Nước Đức Chúa Trời sẽ trở nên kiêu ngạo, thiếu quyền năng thuộclinh và sẽ đi đến chỗ diệt vong như thế gian phàm tục.
5/ Phao-lô chấp nhận như thế vì ông muốn sống cho Chúa Giê-su và làm đầy tớ của Đức Chúa Trời, xây dựng Nước Đức Chúa Trời chứ không phải làm hài lòng con người và phục vụ thế gian phàm tục.
6/ Người tín hữu Cô-rinh-tô dù đã được Chúa ban phước giàu có, trí thức nhưng họ vẫn không ý thức được sự quan trọng của việc rao truyền, dạy dỗ Đạo Chúa và không cung cấp, hỗ trợ đầy đủ tài chính cho những tôi tớ của Chúa đang rao truyền, dạy dỗ Phúc Âm. Phao-lô vẫn phải làm việc để sinh sống và giảng đạo; ngay cả giảng dạy cho tín hữu giàu có ở Cô-rinh-tô.
7/ Ngườidạy đạo lý của Chúa để đem người ta về cùng Chúa, vào trong Nước Thiên Đàng, để xây dựng đơì sống tínhữu trở nên trưởng thành và hữu hiệu cho Nước Chúa.
8/ Thái độ của tín hữu Cô-rinh-tô cóvẻ như họ đã đạt được vinh quang, phúc lành trong Nước Chúa nên họ lo thụ hưởng. Trong khi đó thái độ đúng phải là Nước Chúa đã đến với Chúa Cứu Thế nhưng Ngài cũng đã truyền mệnh cho con dân Ngài thi hành cho đến khi Ngài trở lại để hoàn tất vào thời tận thế. (Mat 28:18-20)
9/ Tín hữu Cô-rinh-tô nên theo gương Phao-lô vì ông theo gương Chúa Giê-su.
10/ Phao-lô đã yêu thương nhưng cũng sẵnsàng dùng kỷ luật đối với tín hữu Cô-rinh-tô như cha thương con.

**Bài 11
Vua Chúa hay Cha Thuộc Linh (1Côr 4:8-21)**

1/ Ba hình ảnh đó là no đủ, giàu có và cai trị như vua chúa.
Khi những người tín hữu cho mình đầy đủ mọi ân tứ nên không cần học hỏi và sử dụng các ân tứ đó cho Chúa; khi họ nghĩ rằng họ cũng giàu có và khôn ngoan theo trần tục để cai trị hội thánh mà không cần Sứ Dồ và sự dạy dỗ của Chúa là một sai lầm nguy hại vì những điều này: giàu có, quyền thế. Khôn ngoan thế tục không cứu rỗi được ai và không xây dựng đời sống tín hữu trưởng thành.
2/ Trí thức, giàu có, quyền thế, khôn ngoan không có gì sai lầm trong việc xây dựng đời sống vật chất, kinh tế nhưng những điều này không có quyền năng để cứu rỗi tội nhân và xây dựng đời sống tín hữu.
3/ Những người lãnh đạo các giáo hội này vì không tin Phúc Âm của Con Đức Chúa Trời và Lời Đức Chúa Trời nên không có quyền năng thiêng liêng để đem người về cùng Chúa và xây dựng đời sống thuộc linh của tín hữu.
4/ Những người có nhiều tài năng, ân tứ nhưng không sử dụng đúng mục đích sẽ trở nên kiêu ngạo, khoe khoang và có thể đưa đến việc phạm tội, thỏa hiệp về giáo lý, đạo đức và phá hoại hội thánh thay vì xây dựng.
5/ Phao-lô chịu tất cả những điều đó vì ông là một tôi tớ của Chúa Cứu Thế và muốn rao truyền Phúc Âm của Chúa Cứu Thế, phục vụ hội thánh của Ngài.
6/ Dù hội thánh Cô-rinh-tô đã khoe là giàu có, mạnh mẽ nhưng họ vẫn không thấy rằng việc cấp dưỡng cho Phao-lô khi ông hầu việc Ngài giữa họ là một điều đúng và cần phải làm như Chúa dạy trong khi đó Phao-lô vẫn phải tự túc làm việc để sinh sống khi ông phục vụ Chúa tại Cô-rinh-tô.
7/ Người dạy đạo Chúa không những chỉ truyền bá kiến thức mà thôi nhưng phải sống đạo và làm gương cho người khác.
8/ Người Cô-rinh-tô có thái độ thụ hưởng vì họ đã vào Nước Đức Chúa Trời. Phao-lô có quan niệm rằng Nước Đức Chúa Trời đã đến với Chúa Cứu Thế nhưng chưa hoàn tất. Tín hữu của Chúa Cứu Thế phải tiếp tục và hoàn tất  sứ mệnh của Chúa cho đến khi Chúa Giê-su tái lâm.
9/ Phao-lô mạnh dạn khuyên tín hữu theo gương mình vì chính ông đã theo gương Chúa Giê-su.
10/ Phao-lô đã yêu thương , chăm sóc hội thánh như một người cha thuộc linh nhưng ông cũng sẵn sàng dùng kỷ luật khi họ không ăn năn hối cãi.

**Bài 12
Đạo Đức Cơ Đốc (1Côr 5:1-5)**

1/ Một người tin theo Chúa Giê-su phải sống theo giá trị đạo đức của Chúa Cứu Thế  vì đó là một phần của đức tin nơi Chúa Cứu Thế.
2/ Hôn nhân theo lời Chúa dạy là sự phối hợp để thành một gia đình giữa một người tín hữu nam và một người tín hữu nữ. Hai người phải sống thánh khiết và gìn giữtrinh tiết cho đến ngày kết hôn; không được có quan hệ tình dục với nhau trước ngày hôn lễ.
Hôn nhân trong Chúa là chung sống suốt đời.
3/ Khi một tín hữu phạm tội công khai và không ăn năn; hội thánh phải tthi hành biện pháp kỷ lậut để sữa sai và phục hồi tín hữu đó; không để tội lỗi lan rộng và đồng thời cũng thanh tẩy tiếng xấu và giữ hội thánh Chúa không bị ô nhiểm.
4/ Một vài nguyên tắc khi thi hành hình phạt:
a/ tội nhân không ăn năn.
b/ mục đích của hình phạt là để phục hồi không phải để hủy diệt.
c/ Nhân danh Chúa hình phạt, tức là bởi thẩm quyền của Chúa và theo sự dạy dỗ, giá trị đạo đức của chúa chứ không phải ý kiến hay tình cảm cá nhân hay hội thánh.
5/ Hình phạt là loại bỏ người có tọi ra khỏi cộng đồng dân Chúa.
6/ “Giao phó cho quỷ Sa-tan “ có nghĩa là loại ra khỏi sự tương thông và bảo vệ của Chúa. Người đó phải bị ở trong sự tể trị của quỷ Sa-tan trong thế gian và không được Chúa bảo vệ gìn giữ.
7/ “Hủy hoại phần xác” thường chỉ vè sự đau ốm, bệnh tật hay sự chết về thể xác.
8/ Người bị giao phó cho Sa-tan không bị mất sự cứu rỗi vì hội thánh không có quyền ban sự cứu rỗi cho ai, chỉ có Chúa mới có quyền đó.
9/ Những hội thánh này hoặïc thỏa hiệp với thế gian hoặc không còn tin tưởng theo những giá trị đạo đức của Chúa Giê-su và Kinh Thánh.
10/ Chúa là Đấng thánh khiết; Ngài không thể chấp nhận và ban phước cho tội lỗi và ô uế.

**Bài 13
Thanh Tẩy Men Tội Lỗi (1Côr 5:6-13)**

1/ Vì họ cho rằng mình khôn ngoan và thiêng liêng vượt lên trên đạo đức Kinh Thánh và họ nghĩ rằng họ có đầu óc phóng khoáng, cỡi mở, chấp nhận mọi lối sống và hành vi đạo đức khác nhau.
2/ Phao-lô sẽ nói như trong thư Rô-ma 1:24-27.
3/ Men tượng trưng cho tội lỗi. Men có tính chất làm hư hoại (lên men) và lan tràn ra những phần khác . Ngoài ra men cũ dùng lại lâu ngày có khuynh hhướng làm cho dễ nhiễm trùng.
4/ Nếu một cá nhân trong hội thánh phạm tội công khai nhưng không thanh tẩy thì chính người đó sẽ mất phước và hội thánh cũng mất phước. Ngoài ra tội lỗi nếu không ngăn chận hay thanh tẩy sẽ lan tràn đến những người khác trong hội thánh Chúa. Hội thánh dung dưỡng tội lỗi hay hãnh diện về điều mà Kinh Thánh dạy là tội lỗi sẽ mất quyền năng của Chúa Thánh Linh và làm cho danh Chúa bị tiếng xấu.
5/ Không, Phao-lô không chủ trương tín hữu của Chúa phài xuất thế hay tránh xa thế gian nhưng phải sống theo tiêu chuẩn đạo đức của Chúa và ở ngay trong thế gian; đi vào thế gian để truyền bá Phúc Âm cho họ.
6/ Kinh Thánh dạy rõ đa thê là tội. Hội thánh phải đối ử với người phạm tội đa thê theo như lời Chúa Giê-su dạy trong Ma-thi-ơ 18:15-17.
7/ Bản chất của Chúa là Đấng thánh khiết vì thế con dân Chúa cũng phải thánh và hội thánh Chúa cũng phải thánh (1Phê-rơ 1:16). Nhờ đức tin nơi Chúa Giê-su, chúng ta được huyết của Ngài thánh hoá và nhờ Chúa Thánh Linh thánh hoá trên tiến trình theo Chúa.
8/ Loài người không có quyền phán xét. Đức Chúa Trời sẽ đoán xét người ngoại đạo vô tín và thế gian vào ngày tận thế. (Khải 20:11-15)
9/ Khi con dân Chúa sống tội lỗi như thế gian thì sẽ không còn là ánh sáng cho thế gian. Tội lỗi nếu không được thanh tẩy sẽ lan tràn làm hư hại những cuộc đơì khác trong hội thánh và chính hội thánh cũng mất phước, mất quyền năng của Chúa cũng như làm danh Chúa bị ô uế và tiếng xấu.

**Bài 14
Hành Vi Cao Quí của Tín Hữu (1Côr 6:1-11)**

1/ Tín hữu của Chúa là những người đã được tái sinh, đổi mới (2Côr 5:17) nên có thể sống theo tiêu chuẩn đạo đức tốt đẹp và cao quí của Chúa.
2/ Tín hữu của Chúa sẽ được đồng trị và cùng tham gia xét xử nhân loại vô tín, tội lỗi trong ngày tận thế. (Khải 20:4-6)
3/ Tín hữu cũng sẽ được cùng Chúa xét xử các thiên sứ ác, sa ngã. (2Phê-rơ 2:4; Giu-đe 6)
4/ Không, Phao-lô cho rằng hội thánh Cô-rinh-tô có thể vẫn có nan đề vì tín hữu của Chúa không phải là những người toàn hảo. Tín hữu chỉ là những người đã được đổi mới và trên tiến trình thánh hóa, trở nên giống Chúa  hơn, chứ chưa phải toàn hảo.
5/ Vì dù tín hữu của Chúa chưa phải là ngưòi toàn hảo nhưng là những người đã được đổi mới và có khả năng đạo đức, khôn ngoan cũng như tình yêu thương để giải quyết mọi xích mích với nhau.
Đem  những xung đột, tranh tụng giữa tín hữu ra toà án của những người vô tín, xấu xa hơn tín hữu để nhờ giải quyết là điều xấu và đáng hổ thẹn vì điều đó chứng tỏ tín hữu Cô-rinh-tô chưa được đổi mới, không có tình yêu thương và không có người khôn ngoan đủ để giải quyết nan đề của mình.
6/ Tín hữu củaChúa đáng lý phải có bản tính mới, đạo đức, tốt đẹp hơn con người tội lỗi cũ; có tình yêu thương của Chúa và sự khôn ngoan của Chúa Thánh Linh trong lòng để giải quyết mọi sự trong đức tin và tình yêu thương.
7/ Người tin nhận Chúa Giê-su làm Cứu Chúa của mình sẽ được: Tẩy sạch khỏi mọi tội lỗi; được thánh h1a và được tuyên xưng công chính.
8/ Tín hữu của Chúa được tha thứ tội lỗi, ân xá và được tuyên xưng công chính nhưng vì còn mang bản tính cũ nên vẫn còn phạm tội và cần ăn năn, xưng tội để được tha thứ (1Giăng 1:9). Tiến trình thánh hóa sẽ giúp tín hữu ngày càng tốt đẹp và ít phạm tội hơn.
9/ Tín hữu của Chúa có sự sống vĩnh cửu và có bản chất mới nên sẽ cãi tiến đơì sống mỗi ngày. Tín hữu của Chúa có thể ăn năn, xưng tội đễ được tha thứ khi phạm tội. Khi một người đã được sinh ra làm con Đức Chúa Trời nếu người đó lỡ phạm tội, có thể người đó sẽ bị phạt  nhưng không mất quyền làm con Chúa.
Chúa không thể bội tín (Xem Giăng 6:38-40; Giăng 10:27-29)  và Ngài có quyền giữ lời hứa của Ngài.

**Bài 15
Thân Thể Để Tôn Vinh Chúa (1Côr 6:12-20)**

1/ Con người thọ tạo không thể có tự do tuyệt đối, chỉ có Đức Chúa Trời là Đấng tự do tuyệt đối. Tín hữu là những người đã được giải thoát khỏi vòng nô lệ cho tội lỗi và ma quỉ, tức là được tự do đối với tội lỗi và ma quỉ  nhưng là con dân của Đức Chúa Trời,  thuộc về Ngài và sống cho Ngài.
2/ Ngiện tức là nô lệ; vì thế con dân của Chúa không nên để bị nghiện bất cứ một thứ gì . Chúng ta thuộc về Đức Chúa Trời vinh quang và cao quí , hãy vâng phục và phục vụ Ngài.
3/ Sự cứu rỗi trong Chúa Giê-su bao gồm cả thể xác lẫn linh hồn. Dù thân xác vẫn phải chết nhưng nó đã được thánh hóa và sẽ được sống lại để sống đời đời với Chúa.
4/ Tín hữu là một phần của “thân thể của Chúa” (hội thánh Chúa) nên thân thể phạm tội tức là vi phạm đến thân thể của Chúa Cứu Thế.
5/ Thân thể của con dân Chúa là đền thờ của Đức Thánh Linh vì thế chúng ta nên giøn giữ cho khoẻ mạnh, thánh khiết. Bất cứ điều gì làm cho thân thể bệnh hoạn, đau yếu hay kiệt quệ là trái ý Chúa và vi phạm đến đền thờ thiêng liêng của Chúa.
6/ Chúa Thánh Linh là Đấng thánh; Ngài muốn ngự trong đền thánh, không thể là đền ô uế. Vì thế chúng ta nên giữ thân thể mình thánh khiết.
7/ Những người theo khuynh hướng thần học tự do cấp tiến (Liberal) không còn tin Kinh Thánh là chân lý và là Lời hằng sống, vô ngộ của Đức Chúa Trời nên họ không theo những điều Kinh Thánh dạy và theo tiêu chuẩn đạo đức Kinh Thánh.
8/ Đức Chúa Trời muốn dùng thân thể tín hữu để phục vụ và tôn vinh Chúa.

**Bài 16
Những Vấn Đề Hôn Nhân (1Côr 7:1-16)**

1/ Trong tình trạng hiện tại, nếu không có ân tứ ở độc thân thì lập gia đình là điều tốt hơn. Vì nếu gia đình hạnh phúc sẽ giúp tránh được vấn đề tội lỗi vì tình dục.
2/ Kinh Thánh dạy rằng tình dục là một phần của sự sáng tạo nên là điều bình thường, tự nhiên. Tình dục là điều tốt, tự  nhiên và bình thường khi nó được sử dụng đúng mục đích, tức là trong hôn nhân. Tình dục trước hôn nhân,  ngoài hôn nhân là tà dâm, tội lỗi.
3/ Kinh Thánh dạy gia đình là một đời sống tự nhiên và bình thường ngoại trừ một số ít người có ân tứ ở độc thân.
4/ Một trong những nguyên tắc giữ gia đình hạnh phúc là cố gắng đáp ứng đầy đủ cho nhau về phương diện tình dục. Tôn trọng thân xác và nhu cầu thể xác của nhau.
5/ Quan niệm của Kinh Thánh rất bình đẳng về nam nữ và quyền lợi cũng như trách nhiệm của mỗi người trong hôn nhân. Kinh Thánh không đồng ý với những quan niệm:
a.         Chồng chúa, vợ tôi.
b.         Trai năm thê bảy thiếp; gái chín chuyên chỉ có một chồng.
6/ Khi đời sống tình dục không được thỏa mãn, người ta dễ bị Sa-tan cám dỗ, phạm tội.
7/ Tín hữu không nên ly dị dù cho vợ hay chồng không tin Chúa. Trường hợp duy nhất Chúa cho phép ly dị là ngoại tình; tuy nhiên Kinh Thánh dạy chúng ta luôn luôn phải để cơ hội cho người phạm tội ăn năn, hối cãi và giải hòa.
8/ Người tín hữu không nên ly dị dù người phối ngẫu chưa tin Chúa vì trong hôn nhân và nhờ đức tin người tín hữu có dịp tiện đem chồng hay vợ mình về với Chúa.
9/ Người phối ngẫu và con cái của gia đình có người không tin Chúa được “thánh hóa” nghĩa là được cơ hội thuận tiện và ảnh hưởng tốt để có thể đến với Chúa sau này.

**Bài 17
Sống Như Chúa Kêu Gọi (1Cor 7:17-40)**

1/ Chính bản thân Phao-lô là người sống độc thân nhưng ông không theo  quan niệm khắc kỷ cho rằng sống độc thân là thánh thiện và thiêng liêng hơn đơì sống gia đình.
Kinh Thánh Cựu Ước, Chúa Giê-su đều dạy lập gia đình là một điều tự nhiên và bình thường. Sống độc thân là một ân tứ của một số người (Ma-thi-ơ 19:11-12); không phải ai cũng sống như thế được. Người cố gắng sống độc thân và tìm cách đè nén “tình dục nung đốt” sẽ dễ bị sa ngã, phạm tội về tình dục và điều này sẽ tệ hại hơn cho chính cá nhân người đó và thiệt hại đến danh Chúa.
2/ Tín hữu Cô-rinh-tô hỏi Phao-lô về trường hợp của họ. Phao-lô trả lời cho tín hữu  Cô-rinh-tô rằng vì tình hình khó khăn tại Cô-rinh-tô thời bấy giờ những người độc thân sẽ sống và phục vụ Chúa dễ dàng và hữu hiệu hơn là người có gia đình nhưng nếu những tín hữu tại Cô-rinh-tô muốn lập gia đình thì không mắc tội gì cả. Đây chỉ là lời khuyên thực tế và có tính cách giai đoạn nhất thời, không hải là một nguyên tắc chung.
3/ Kinh Thánh từ Sáng Thế đều dạy rằng đời sống hôn nhân là một đời sống bình thường, thánh thiện. Sống độc thân là một ân tứ cho một số người và độc thân không phải là lối sống thánh thiện hay thiêng liêng hơn lôí sống gia đình.
Quan niệm cho rằng đời sống độc thân thánh thiện và thiêng liêng hơn là quan niệm ngoại giáo.
4/ Người Công Giáo cho rằng tu sĩ ở độc thân để phục vụ Chúa là một truyền thống cổ cả ngàn năm của giáo hội. Nhưng truyền thống này cũng như nhiều truyền thống khác của giáo hội Công Giáo La Mã đã đi trái ngược với Kinh Thánh:
“CHÚA, Đức Chúa Trời lại nói, con người ở một mình không tốt!”  Sáng Thế 2: 18
Phao-lô trong Kinh Thánh Tân Ước: “Nhưng nếu anh chị em không thể kiềm chế mình, thì hãy cưới gả vì lập gia đình vẫn tốt hơn là để tình dục nung đốt.”  1 Côr 7:9
Ngoài ra trong những thập niên cuối thế kỷ 20, vì thiếu người tu học để làm linh mục một số đại chủng viện Công Giáo đã thu nhận những người muốn sống độc thân dù họ là những người đồng tính luyến ái miễn là họ không công khai thực hành lối sống này.
Những người này không có ân tứ sống độc thân và cũng không thể kiềm chế tình dục của mình theo luật truyền thống độc thân nên họ đã phạm tội.
5/ Vì người ta đi theo những truyền thống, luật lệ của người phàm nên trái với bản chất tự nhiên do Chúa sinh ra.
Đức Chúa Trời sáng tạo nên người nam, người nữ với tình dục và thiết lập hôn nhân để con người có thể dùng tình dục để thể hiện tình thương một cách thích đáng.
Những quan niệm ngoại giáo về lối sống độc thân không những trái với bản chất tự nhiên nhưng nó cũng tạo ra những hành vi tội lỗi và đạo đức giả.
6/ Người tín hữu có vợ hay chồng qua đời đều được tự do và có quyền lấy vợ hay chồng khác miễn là người tin Chúa. Tuy nhiên vì tính chất tạm bợ của thế gian, vì thì giờ trong đơì sống của họ cũng không còn nhiều và vì tình trạng khó khăn người góa đó nếu có thể được thì nên sống độc thân là hơn. Nhưng đây chỉ là lời khuyên thực tế, không phải là luật lệ hay nguyên tắc chung cho mọi người.

**Bài 18
Ăn  Đồ Cúng (1 Côr 8:1-13)**

1/ Kinh Thánh dạy rõ chỉ có một Ông Trời, Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa sáng tạo ra vũ trụ vạn vật; bao gồm cả loài người và thiên sứ (thiên thần). Một trong các thiên sứ trưởng là Sa-tan phản nghịch lại Chúa và kéo theo một số thiên sứ khác tức là ma qủy theo nó. ( Ma quỷ không phải là linh hồn của những người chết. Linh hồn của tất cả những người không tin Chúa sẽ phải về một nơi (Âm Phủ) để chờ ngày phán xét cuối cùng. Linh hồn tín hữu của Chúa sẽ về nước Thiên Đàng với Chúa khi qua đời).
Như thế không có một Trời nào khác và tất cả những vị thần thánh người ta thờ đều không có thật. Những hình tượng người ta thờ chỉ là những sản phẩm bằng vàng, bạc, gỗ, đávô tri, là sản phẩm của con người tạo ra và tôn lên để thờ.  Tuy nhiên Sa-tan và ma quỷ thường mạo nhận là thần thánh này nọ để người ta tôn thờ chúng. Đây là lý do nhiều thần tượng, đền đài, am miếu rất linh thiêng vì Sa-tan hay ma quỷ đang hiện diện ở đó.
2/ Phao-lô khuyên tín hữu Cô-rinh-tô không nên ăn đồ cúng và không nên dự những bữa tiệc cúng tế trong các đền đài thờ các thần khác vì sẽ gây vấp phạm cho những tín hữu mới, đức tin còn yếu kém.
Người tín hữu ăn đồ cúng hay dự các buổi tiệc cúng tế thần thánh khác sẽ gây cho những người khác ấn tượng rằng, Đạo nào cũng vậy, thần nào cũng là chân thần cả và như thế những nguời này có thể trở lại thờ đa thần.
3/ Tín hữu không nên cúng giỗ người thân đã qua đời vì nếu họ là người không tin Chúa thì sẽ ở một nơi riêng, chờ ngày phán xét cuối cùng. Nếu họ là tín hữu của Chúa Giê-su thì họ sẽ về cùng Chúa trên thiên đàng. Như thế cúng giỗ là điều vô ích.
Tuy nhiên Kinh Thánh không cấm chúng ta kỷ niệm, ghi nhớ người thân; cho nên tín hữu có thể tổ chức một bữa ăn để kỷ niệm, tưởng nhớ người thân của mình.
Vấn đề được mời ăn giỗ.
Đây là một vấn đề tế nhị cần hết sức cẩn thận trong cách đáp ứng.
Vấn đề thờ cúng người qúa cố.
Chúng ta biết rằng tổ tiên, ông bà chúng ta nếu đã qua đời không thể trở về hiện diện với con cháu. Ma quỷ có thể dùng nhiều hình thức để mạo nhận người qúa cố. Như thế những đồ dâng cúng là cúng cho kẻ mạo nhận, tức là ma quỷ chứ không phải ông bà, tổ tiên chúng ta và vì thế những đồ đã dâng cúng này thuộc về ma qủy và trở thành ô uế trước mặt Đức Chúa Trời. Tín hữu của Chúa là con dân đã được thánh hóa, không nên đụng đến những đồ ô uế. Đây là lý do tín hữu không nên ăn đồ cúng.
Vấn đề giải thích lý do.
Nhiều người tín hữu vì không hiểu rõ vấn đề và không giải thích rõ khi từ chối ăn đồ cúng đã gây ra không ít sự hiểu lầm, bất mãn và đôi khi xung đột nữa. Một số tín hữu tuyên bố rằng mình không ăn đồ cúng vì những đồ ăn đó đã dâng cúng cho ma quỷ. Nếu chúng ta không giải thích rõ ràng và khéo léo, người ta sẽ hiểu rằng quý vị đã cho rằng tổ tiên, ông bà của họ là ma quỷ!  Kinh Thánh không dạy như thế.

Hãy giải thích rõ điều chúng ta tin, người qúa cố đang ở một nơi riêng biệt và không thể trở về nhân thế. Ma qủy là những kẻ mạo nhận và chúng ta không muốn bị gạt hay ép buộc phải tham dự vào những gì thuộc về chúng.
Tín hữu rất mong muốn được kỷ niệm, ghi công và nhớ ơn ông bà, tổ tiên cho nên tín hữu sẽ tổ chức lễ kỷ niệm với bữa tiệc ghi ơn nhưng không cúng tế.
Hoặc tín hữu sẽ tham dự lễ kỷ niệm và dự tiệc ghi ơn nhưng xin dùng những đồ chưa dâng cúng.
Tín hữu cũng có thể tình nguyện đến nhà người tổ chức giỗ tiệc, nấu một vài món cho bữa tiệc chung, nhưng không để dâng cúng và tín hữu  chỉ ăn những đồ không dân cúng.
4/ Vấn đề thờ cúng ông bà, tổ tiên.
Chúng ta nên nhấn mạnh đến vấn đề Kinh Thánh dạy rõ con người phải hiếu kính cha mẹ, ông bà và nhớ ơn tổ tiên. Đây là một trong mười Điều Răn trong Kinh Thánh.
Kinh Thánh khuyến khích con dân Chúa tổ chức lễ kỷ niệm, nhớ ơn và tỏ lòng hiếu kính chứ không cúng tế, thờ tự. Như thế tín hữu của Chúa bày tỏ lòng hiếu kính bằng một cách khác chứ không phải không hiếu kính, nhớ ơn hoặc tôn kính ông bà, tổ tiên.
Ngoài ra thờ cúng ông bà, tổ tiên chỉ là một cách bày tỏ lòng hiếu kính, ghi ơn của người Trung Hoa thời cổ, không phải là cách duy nhất cho toàn thể nhân loại phải làm theo cùng một cách đó thì mới có hiếu.
Tuy nhiên nếu quý vị là người tín hữu trong đại gia đình không tin Chúa thì nên có một lễ tiệc kỷ niệm để thay thế cho  cúng giỗ. Vì nhiều tín hữu không làm gì cả trong những ngày giỗ tết nên bị coi là bất hiếu, “bỏ ông, bỏ bà”.
5/ Đối với tín hữu của Chúa, tri thức về Chúa, về sự việc là quan trọng nhưng tình yêu thương và tinh thần xây dựng anh chị em mình trong Chúa cũng không kém phần quan trọng trong đơì sống.

**Bài 19
Sứ Đồ của Chúa (1Cor 9:1-27)**

1/ Phao-lô đã được Chúa kêu gọi, đã gặp Chúa Giê-su phục sinh, đã thi hành nhiều phép mầu, dấu lạ khi truyền bá Phúc Âm và ông đã thành lập hội thánh Cô-rinh-tô cũng như nhiều hội thánh khác khắp vùng Trung Đông và Âu Châu.
2/ Những kết quả thuộc linh như đời sống đạo đức thay đổi, đem được nhiều người về cùng Chúa hay giúp xây dựng, đào tạo được nhiều người trưởng thành trong đức tin và trong công trường phục vụ Chúa là những dấu hiệu cho thấy một người được chúa kêu gọi và sử dụng.
3/ Đây cũng là một trong những lý do khiến cho nhiều người tín hữu trẻ, có nhiều khả năng không dám bước chân vào chức vụ mục sư  vì:
a/ Trợ cấp của hội thánh không đủ sống.
Chính họ có thể hy sinh chịu đựng, nhưng phần lớn vợ con họ sẽ bất mãn, cay đắng và nhiều người đi đến chỗ bỏ cuộc.
b/ Nếu tình trạng tài chính đã thiếu thốn nhưng tinh thần cũng không được an uỉ khích lệ nhiều; trái lại thường bị phê bình, chỉ trích và hạch sách nhiều điều.
Lý do khiến nhiều bạn trẻ không muốn đi vào chức vụ mục sư vì họ nghĩ rằng họ cũng có thể phục vụ Chúa trong công việc chuyên môn của mình và tránh được những nan đề tài chánh và tinh thần như kể trên.
4/ Phao-lô đã tự túc để truyền bá phúc Âm và thành lập hội thánh Cô-rinh-tô vì ông
a/ không muốn những người ngoại đạo chưa hiểu biết về trách nhiệm dâng hiến của tín hữu hiểu lầm, gây trở ngại cho Phúc Âm.
b/ Ông muốn hy sinh tự do và quyền lợi củamình để tạo dịp tiện tối đa và tốt nhất cho người ta tin Chúa.
5/ Chúng ta phải biết rõ niềm tin, giáo lý căn bản và mục đích của Chúa. Chúng ta phải giữ vững niềm tin, giáo lý căn bản; không thể thay đổi sứ điệp Phúc Âm cứu rỗi. (Chúa Giê-su là Ông Trời giáng thế làm người; Ngài đã chết và sống lại; Ngài sẽ trở lại thế gian; Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời, không sai lầm; Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế duy nhất của nhân loại…) Nhưng chúng ta cần sự khôn ngoan và tình yêu thương cao độ để linh động trong cách trình bày Phúc Âm của Chúa và cách hành xử trong đời sống hàng ngày.

**Bài 20
Cảnh Cáo về Thần Tượng**

1/ Phao-lô khuyên tín hữu của Chúa không nên tham gia thờ tự hay lễ hội ăn uống tiệc tùng tại các đền thờ các thần khác vì nhiều lý do:
a.         Dù những hình tượng kia là vật vô tri giác, không phải là các thần linh thật nhưng Sa-tan và ma quỷ đã mạo nhận làm các thần đó. Sa-tan và ma qủy là các thiên sứ phản loạn với Đức Chúa Trời và đang hiện diện khắp thế gian.
b.         Cho nên những hành động thờ cúng, dâng tế đồ vật không còn là dâng tế, thờ cúng các vật vô tri nữa mà là thờ cúng dâng tế ma qủy. Những đồ dâng cúng trở thành vật thuộc về ma qủy.
c.         Tín hữu là những người có mối tương giao thiêng liêng mới với Đức Chúa Trời nhờ đức tin nơi Chúa Giê-su, Con Một Đức Chúa Trời. Mối liên hệ giữa con dân Chúa với Ngài là mối liên hệ thiêng liêng, thánh khiết và chung thủy như một.
d.         Khi một tín hữu tham gia, thờ cúng hay ăn uống đồ cúng cho ma quỷ là thông công với ma qủy. Đây là hành vi không vâng lời Chúa và bội tín, vi phạm vào mối thông công thánh khiết của tín hữu và Chúa.
e.         Trong hội thánh bao giờ cũng có những tín hữu mới, chưa hiểu biết về Chúa và Đạo Chúa nhiều, chưa trưởng thành nên họ còn tin tưởng, sợ sệt nhiều thần thánh, tà linh. Những người này khi thấy tín hữu trưởng thành hay lâu năm ăn uống đồ cúng hay tham gia những lễ hội trong đền thờ các thần có thể hiểu lầm rằng đạo nào cũng vậy và trở lại tin tưởng, thờ cúng đa thần.
Đây là điều gây vấp phạm nghiêm trọng, nặng nề nhất mà tín hữu trưởng thành và có trách nhiệm trước mặt Chúa nên cố gắng tránh. Chúng ta muốn xây dựng, cứu vớt tội nhân chứ không bao giờ muốn phá hủy đức tin người khác dù là vô tình hay dù chúng ta có quyền tự do sống theo điều mình tin.
2/ Nguyên tắc căn bản là tín hữu phải tìm mọi cách giải thích cho người mời chúng ta hiểu rõ rằng tín hữu của Chúa không bị cấm tưởng niệm, kỷ niệm người qúa cố. Vì thế hãy tìm mọi cách bày tỏ lòng ngưỡng mộ, kính trọng và mong muốn tưởng niệm người qúa cố với thân chủ.
Nguyên tắc thứ hai là tín hữu không nên tham dự lễ tế và ăn uống đồ cúng tế. (xin xem phần lược giải). Hãy hết sức cẩn thận trong khi trả lời hay giải thích lý do.
Đây là điều khó hiểu đối với đa số người ngoại đạo và vì thế nhiều người đã trả lời vắn tắt, không đầy đủ và thiếu khéo léo: “chúng tôi không ăn đồ cúng cho ma qủy.” Trả lời như thế sẽ làm cho thân chủ hiểu lầm rằng chúng ta ám chỉ cha mẹ, tổ tiên họ là ma qủy.
Bạn có thể có những giải pháp đáp ứng được cả hai nguyên tắc trên. Sau đây là một giải pháp (không phải giải pháp duy nhất và bắt buộc cho mọi trường hợp):
Để tỏ lòng tưởng niệm, bạn có thể đến dự tiệc kỷ niệm chứ không dự buổi lễ tế tự, cúng kiến.
Nên xin phép gia chủ để riêng đồ không cúng hay chỉ ăn những đồ không dâng cúng.
Nên đem theo qùa (thực phẩm, bánh trái, nước ngọt v.v.) để tham gia, đóng góp vào phần gia chủ phải dành riêng cho bạn.
Nếu bạn là con trưởng hay trưởng gia tộc hãy tổ chức một lễ tưởng niệm  và tiệc tưởng niệm nhưng không cúng.
Hãy mời tất cả gia đình đến dự và đề nghị những gia đình chưa tin Chúa có thể cúng riêng tại nhà riêng, nếu họ muốn.

3/ Người tin Chúa không nên tổ chức giỗ, nhưng nên tổ chức lễ tưởng niệm cha mẹ, ông bà qúa cố.
a.Trong buổi lễ tưởng niệm chúng ta nên nhấn mạnh đến công ơn, những công trình, thành qủa, đời sống tốt đẹp của người qúa cố.
b.Chúng ta nên có phần cầu nguyện cho gia đình, con cháu còn sống. Cha me, ông bà chúng ta dù đang ở đâu cũng đều mong Chúa ban phúc lành cho con cháu.
c. Tiệc kỷ niệm.

**Bài 21
Phong Tục, Thẩm Quyền (1Cor 11:1-16)**

1/ Phao-lô khuyến khích phụ nữ Cô-rinh-tô nên che đầu khi cầu nguyện và nói tiên tri trong buổi thờ phượng vì đây là những phong tục tốt đẹp hợp với Kinh Thánh trong việc tôn vinh Chúa.
Phong tục tập quán trong một nền văn hóa thường xuất phát từ những biến cố , hành động được giải nghĩa theo một số vũ trụ quan phổ quát. Vì thế chúng ta cần xét định những phong tục tập quán theo sự dạy dỗ của Kinh Thánh. Điều cần quan tâm và hiểu rõ rằng chúng ta không phải làm theo phong tục tập quán của những tín hữu trong Kinh Thánh. Chúng ta cần xem xét mọi phong tục tập quán của mọi nền văn hoá theo những nguyên tắc đạo lý của Kinh Thánh, không phải theo phong tục tập quán của những dân tộc theo Cơ Đốc giáo.
2/ Phụ nữ VN không cần phải trùm khăn che đầu hay che mặt khi thờ phượng Chúa vì chúng ta không có phong tục này và phong tục này cũng không làm vinh hiển Chúa giữa người Việt Nam.
3/ Những phong tục hiếu kính ông bà, cha mẹ (không phải thờ). Tín hữu có thể tổchức tưởng niệm ông bà cha mẹ thay vì làm đám giỗ.
Những phong tục chúc tết đầu năm. Những truyền thống từ thiện, bác ái…
Giữ các lễ phép đối với người lớn tuổi.
4/ Kinh Thánh phân định thẩm quyền cho người chồng làm đầu gia đình nhưng cũng đòi hỏi trách nhiệm lớn lao và khó khăn: yêu thương, hy sinh và tận hiến đờisống mình cho vợ con. Vì thế người chồng hành xử thẩm quyền của mình trên căn bản tình yêu thương, hy sinh và  cho quyền lợi, phúc lành của vợ con không phải hành động vì quyền lợi hay sở thích vị kỷ của cá nhân mình.
Quan niệm chồng chúa vợ tôi là một quan niệm độc đoán, vị kỷ cho nên thường vi phạm đến quyền bình đẳng nam nữ.
4/ Hội thánh vui lòng thuận phục Chúa Giê-su vì Chúa Giê-su đã hy sinh, tận hiến mạng sống Ngài cho hội thánh rồi. Nếu người chồng hy sinh, tận hiến đời sống mình cho vợ con thì vợ con cũng sẽ vui lòng thuận phục chồng, cha mình.

**Bài 22
Lễ Tiệc Thánh (1Côr 11:27-34)**

1/ Quan điểm cho rằng Tiệc Thánh là một hành động biểu tượng và mang ý nghĩa thuộc linh là hợp với cách giải nghĩa Kinh Thánh bình thường nhất. Ngoài ra khi Chúa Giê-su thiết lập lễ này Ngài còn hiện diện trong thân xác và chưa chịu đóng đinh trên cây thập tự, cho nên Ngài muốn nói về ý biểu tượng và thuộc linh là hợp lý hơn cả.
2/ Chúa dạy mỗi tín hữu là một phần của Thân Thể (Hội Thánh) Chúa; dự Tiệc Thánh một phần là để nhớ đến sự hiệp nhất thiêng liêng này; vì thế nếu chúng ta dự Tiệc Thánh mà chia rẽ, phân chia giai cấp tức là chúng ta công khai chống lại sự dạy dỗ của Chúa hay ít ra là coi thường sự hiệp nhất trong Thân Thể Chúa.
3/ Tiệc Thánh không phải lập ra cho những người thánh thiện dự nhưng Tiệc Thánh là biểu tượng nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta không ai xứng đáng cả nhưng vì tình thương Chúa Cứu Thế hy sinh cứu rỗi chúng ta, những tội nhân. Vì thế Tiệc Thánh là dịp tiện nhắc nở chúng ta rằng chúng ta được tha tội là vì lòng ăn năn và đức tin nơi Chúa Cứu thế chứ không phải vì công đức thánh thiện của mình. Như thế đây là dịp tiện để chúng ta xét lại mình xem mình đã sống theo Lời Chúa chưa, nếu chưa , thì đây là thì giờ cho chúng ta ăn năn, xưng tội cùng Chúa và xin huyết  Chúa thanh tẩy tội lỗi chúng ta để con dân Chúa không phải sống trong mặc cảm tội lỗi.
4/ Đa số những hội thánh không có được buổi ăn thông công thường xuyên vì nhiều lý do; có thể là lýdo thiếu phương tiện phòng ốc.
Nhưng lý do chính là thiếu tinh thần thông công, hiệp nhất; tính ích kỷ, ganh đua, tị hiềm vẫn còn khá nặng nên sinh ra mích lòng, giận hờn nhau:
-Người đem nhiều, kẻ đem ít.
-Người nấu món đắt tiền, kẻ đem món ăn rẽ tiền.
-Kẻ nấu ngon, người nấu dở…
5/ Dự Tiệc Thánh cũng là dịp nhắc nhở con dân Chúa phải rao truey62n sự hy sinh đền tội của Chúa cho đến khi Ngài trở lại.
6/ Chúa Cứu Thế đã hy sinh thân báu và đổ huyết vô tội của Ngài một lần đầy đủ đến đời đời; Kinh Thánh xác định như thế, Chúa không truyền cho chúng ta phải lập lại hành động kia; chúng ta chỉ cần nhớ và nhận lấy ân phúc thiêng liêng của sự hy sinh trên; đồng thời tiếp tục rao truyền sự hy sinh của Chúa cho đến khi Ngài đến.
7/ Chúa truyền cho tín hữu phải rao truyền sự hy sinh của chúa cho đến khi Ngài trở lại nhắc nhở chúng ta rằng Ngài đã sống lại và đang sống.

**Bài 23
Thân Thể Chúa (1Côr 12:1-11)**

1/ Tại Việt Nam, và nhiều nước Aù Châu vấn đề lên đồng, cầu tiên rồi nói tiếng ngoại quốc hay những điêù tiên tri,  huyền bí nhờ các vị thần kia nhập vào con đồng là vịệc phổ thông tại nhiêù đền miếu.
2/ Nói tiếng lạ, làm phép lạ, chữa bệnh chưa chắc là một bằng chứng của sự đầy dẫy Đức Thánh Linh vì từ thời hội thánh đầu tiên cho đến ngày nay nhiều đạo sĩ của nhiều tôn giáo và thần linh khác cũng làm những điều này.
3/ Tín hữu của Chúa phải xét nội dung lời tuyên bố, dạy dỗ (giáo lý), đời sống đức tin của một người để xem người đó có thật sự được đầy dẫy ân tứ của Chúa Thánh Linh không.
-Lời tuyên bố, dạy dỗ sai lầm, trái với Kinh Thánh.
-Đời sống đạo đức không hợp với Lời Chúa.
-Tìm lợi ích, danh tiếng cho cá nhân mình, không làm vinh hiển Danh Chúa.
4/ Lời tuyên xưng “Chúa Giê-su là Chúa” có nghĩa là tin và đặt Chúa Giê-su làm Vua , làm Chúa Tể tối cao cai trị đời mình hơn bất cứ một vị vua, tổng thống và bất cứ một người chủ nào của trần thế này.
5/ Tín hữu của thế kỷ đầu tiên có thể phải trả bằng mạng sống của họ khi họ dám công khai tuyên xưng “Chúa Giê-su là CHÚA” của họ.
6/ Một người thật sự tin Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế và Chúa của mình:
-Tình cảm dâng cho Chúa: Lập gia đình với người trong Chúa như Chúa dạy.
-Tiền bạc: Dâng cho Chúa ít nhất cũng bằng với một người ngoại đạo phải nộp cho vua hay lãnh chúa chủ đất của họ. (Dân chúng thời cổ phải nộp một phần mười hoa màu của mình cho vua hay lãnh chúa chủ đất)
Chúng ta được cứu rỗi không phải vì dâng một phần mười (theo luật người Do Thái) nhưng nhờ đức tin nơi Chúa Giê-su.
-Tín hữu của Chúa sống và làm ăn ngay thẳng, thành thật hợp với đạo đức Kinh Thánh và Chúa sẽ ban phước cho họ thành công.
7/ Chúng ta phải có tình yêu thương, tôn trọng mọi người dù họ có ân tứ khác nhau và làm nhiều việc khác nhau bằng nhiều cách khác nhau để xây dựng hội thánh.
-Chúng ta cần sự hiệp nhất trong Chúa Giê-su, trong đức tin và trong mục đích xây dựng hội thánh, làm vinh hiển Danh Chúa.
Để thực hiện và hoàn thành mục đích trên chúng ta không cần phải buộc mọi người:
-có cùng một ân tứ, khả năng (nói tiếng lạ, chứng đạo, chữa bệnh..)
-hành động cùng một cách.
-có cùng một dạng , làm cùng một việc..
Hiệp Nhất Bằng Đa Dạng.

**Bài 24
Một Thân Thể (1Cor 12:12-31)**

1.Tất cả mọi tín hữu khi tin Chúa đều có Đức Thánh Linh ngự vào lòng. Ai không có Đức Thánh Linh thì không phải là con dân Chúa.
2. “Chúng ta chịu phép báp-tem trong cùng một Thánh Linh” nói đến kinh nghiệm tiếp nhận Chúa Thánh Linh khi tin nhận Chúa Giê-su là Cứu Chúa của mình.
3. Cấu trúc lẫn văn mạch của câu  1Cor 12:13 không nói đến một phép báp tem hay một kinh nghiệm mới khác. Câu này nói đến tất cả chúng ta cùng nhận một Thánh Linh chứ không phải nói đến ĐứcThánh Linh là Đấng làm phép báp-tem cho một tín hữu.
4. Khi một người tin nhận Chúa Giê-su làm Cứu Chúa của mình và phép báp-tem là biểu tượng bên ngoài của đức tin và kinh nghiệm tiếp nhận Chúa Thánh Linh đó, lúc ấy người đó được sát nhập vào thân thể thiêng liêng (Hội thánh) của chúa.
5. Tất cả mọi người đều ý thức rõ rằng mình làm những việc hay chức vụ khác nhau trong hội thánh nhưng đều cho một mục đích chung, xây dựng thân thể Chúa và phát triển hội thánh Chúa đem vinh hiển đến cho Chúa.
Giới lãnh đạo trong hội thánh nên quan tâm và khích lệ nhiều hơn những người làm những việc âm thầm, phía sau hậu trường và những việc mà nhiều người cho rằng không quan trọng.
6. Phao-lô nói rõ ràng trong 1 Cor 12:30 rằng không phải tất cả đều có ân tứ nói tiếng lạ; vậy chúng ta không nên ép buộc mọi người đều phải nói tiếng lạ.
Ngày lễ Ngũ Tuần là biến cố tiên khởi chỉ xảy ra một lần trong lịch sử mở màn cho Đức Thánh Linh giáng lâm. Sách Công Vụ cho thấy những tín hữu đầu tiên được nhiều kinh nghiệm khác nhau như năng lựcmới, vui mừng, can đảm, khôn ngoan để đôí đáp với chính quyền, đầy quyền năng để giảng Phúc Âm khi họ đầy dẫy Đức Thánh Linh.
7. Ân tứ Đức Thánh Linh là những khả năng siêu nhiên để phục vụ Chúa do Đức Thánh Linh ban cho mỗi người theo ý Ngài, không phải do chúng ta ưa thích hay mong muốn. Vì thế một người không thể có ân tứ Đức Thánh Linh nhờ học hỏi, huấn luyện.
8. Khi mỗi tín hữu trong hội thánh đều quan tâm, chămsóc và  tôn trọng lẫn nhau thì hội thánh đó sẽtránh được nhiều nan đề chia rẽ.

**Bài 25
Tình Yêu Thương (1 Côr 13:1-13)**

1. Một tín hữu có ân tứ nói tiếng lạ không nhất thiết là người trưởng thành trong Chúa vì ân tứ nói tiếng lạ không xây dựng người khác và không xây dựng hội thánh Chúa nếu không được thông giải và hành động trong tình yêu thương. Vì tất cả các ân tứ Đức Thánh Linh được ban cho tín hữu là để làm lợi ích chung (1 Côr 12:7). Thật ra Phao-lô ám chỉ người Cô-rinh-tô còn ấu trĩ , thiếu tình yêu thương (1 Côr13:11) và còn vị kỷ chỉ tìm ân tứ vì lợi ích cá nhân và khoe khoan.
2. Những người qúa nhấn mạnh đến các ân tứ nói tiếng lạ, tiên tri và tri thức nhưng không hành động theo tình yêu thương thường gây ra tinh thần ghen ghét, ganh tị, chia rẽ và bè phái trong hội thánh. Hội thánh Cô-rinh-tô đang ở trong tình trạng bè phái và chia rẽ đó vì một số người chú tâm và kiêu hãnh về các ân tứ họ có.
3. Phao-lô ám chỉ tín hữu Cô-rinh-tô là trẻ con vì ho ïchỉ chú tâm đến những ân tứ tạm thời, chưa hoàn hảo và thiếu tình yêu thương thiên thượng là ân huệ vĩnh cửu và có quyền năng xây dựng người khác và hội thánh Chúa.
4. Trong thời đại hiện tại một số những người phô trương ân tứ nói tiếng lạ, chữa bệnh công cộng đã dùng phương tiện truyền thông đại chúng để trở nên rất nổi tiếng, giàu có và lớn lao nhưng vì thiếu tình yêu thương thật và bông trái Đức Thánh Linh nên đã sa ngã vì tiền bạc, tình dục bỉ ổi khiến cho danh Chúa Giê-su bị phạm thượng, biếm nhẻ giữa vòng người ngoại đạo trên thế giới.
5. Tình yêu thương (1 Cor 13:4-7) và bông trái Đức Thánh Linh (Ga-la-ti 5:22-26) là tiêu chuẩn và mẫu mực để mỗi tín hữu của Chúa Giê-su noi theo và lượng giá đời sống đức tin của mình.
6. Tôi hy vọng tín hữu của Chúa đều là những người thanh thiếu niên hay tráng niên thuộc linh. Hội thánh sẽ tăng trưởng và phát triển tốt đẹp.
Một hội thánh mà có qúa nhiều những tín hữu lâu năm nhưng trình độ thuộc linh chỉ là sơ sinh hay trẻ con sẽ có nhiều nan đề về ghen tị, ganh ghét, bè phái, chia rẽ v.v..
7. Các ân tứ như nói tiếng lạ, tiên tri và tri thức thường là những ân tứ tạm thời cho đời sống hiện tại. Những ân tứ này sẽ chấm dứt khi Đấng Toàn Hảo, Chúa Giê-su, tái lâm vào thơì tận thế. Chỉ có tình yêu thương mới trường tồn trong đời này lẫn nước đơì đời.
8. Chúng ta nên chú tâm vào việc xây dựng tình yêu thương
trong đời sống đức tin vì chỉ có tình yêu thương mới xây dựng người khác và xây dựng hội thánh Chúa và chỉ có tình yêu thương mới trường tồn trong Nước Thiên Đàng vĩnh cửu.

**Bài 26
Sự Thờ Phượng Thích Đáng (1 Cor 14:1-40)**

1. Một trong những mục đích của thờ phượng Chúa là xây dựng đời sống tín hữu trong hội thánh để mọingười đều trở nên trưởng thành giống Chúa Cứu Thế.
2. Khi một người có ơn nói tiếng lạ nhưng không cóngười thông giải cho hội thánh hiểu thì không nên nói vì không xây dựng đời sống tín hữu khác trong hội thánh.
3. Phao-lô khuyến khích tín hữu tìm kiếm ân tứ tiên tri vì nói tiên tri là truyền đạt các sứ điệp của Chúa cho tín hữu trong hội thánh hiểu và tăng trưởng. Mục đích của ân tứ tiên tri là xây dựng, khuyến khích, an ủi tín hữu, tức là làm lợi ich cho người khác, cho hội thánh.
4. Trách nhiệm của mỗi tín hữu trong buổi thờ phượng và nghe lời tiên tri (ngày nay lời giảng dạy) là xem xét, lượng giá xem có đúng là Lời của Chúa không vì nhiều người có thể nói lên lời cảm hứng cá nhân, lời dạy dỗ sai lầm, tà vậy và có thể là lời của Sa-tan, ma qủy ảnh hưởng, đầu độc.
Từ thời các Sứ Đồ cho đến ngày nay, hội thánh luôn luôn có Kinh Thánh là lời Chúa vô ngộ (không sai lầm) và chỉ có Kinh Thánh mới có thẩm quyền tuyệt đối trên đức tin và đời sống tín hữu.
5.Những hội thánh có buổi thờ phượng theo truyền thống hơi khô khan, lạnh lùng cần cải tiến để buổi thờ phượng sinhđộng, vui vẻ nhưng cũng không thiếu phần trang nghiêm.
Những hội thánh theo ân tứ cũng có thể đi qúa trớn, nhảy múa, la hét ồn ào, náo nhiệt, mất đi tinh thần trang nghiêm, trật tự như Phao-lô đã khuyến cáo hội thánh Cô-rinh-tô.
6. Hội thánh nên có những người có ân tứ về âm nhạc và thúc đẩy mọi người tham gia ca ngợi, tôn vinh, cảm tạ Chúa.
7. Phao-lô khuyên tín hữu hội thánh Cô-rinh-tô tìm kiếm và sữ dụng ân tứ tiên tri nhưng ông cũng truyền lệnh “đừng ngăn cấm việc nói tiếng lạ” (1Cor 14:39). Nếu những người có ân tứ nói tiếng lạ nên sử dụng riêng tư trong khi cầu nguyện cá nhân ở nhà.
8. Một số hội thánh và giáo phái Tin Lành chủ trương phụ nữ không được làm mục sư quản nhiệm và giảng dạy trong hội thánh. ( 1Cor 14:34-35)
Tuy nhiên đoạn kinh Thánh trên cũng có thể nói đến vấn đề hỏi han, tranh luận ồn ào trong buổi thờ phượng chứ không phải nói đến chức vụ quản nhiệm hay giảng dạy.
Ngoài ra từ thời Cựu Ước phụ nữ đã là tiên tri và thẩm phán (Thẩm phán 4:4 nữ tiên tri và thẩm phán Đê-bô-ra) trên cả nước. Lu-ca cho biết các con gái của chấp sự Phi-líp là những nữ tiên tri (Công Vụ 21:9). Phao-lô cũng đề cập đến phụ nữ cầu nguyện và nói tiên tri trong buổi thờ phượng tại hội thánh Cô-rinh-tô (1Cor 11:5); như thế  Phao-lô không có ý cấm phụ nữ nói tiên tri nhưng chỉ hành xử thích đáng trong khi thờ phượng để bày tỏ đức tính nhu mì, thuận phục của phụ nữ tín hữu trái với hành vi hổn độn, ồn ào của các phụ nữ ngoại đạo tại các buổi cúng tế của các đạo giáo và đền thờ ngoại giáo thời bấy giờ.

**Bài 27
Sự Phục Sinh của Chúa Giê-su (1Cor 15:1-11)**

1/Nội dung Phúc Âm Phao-lô truyền giảng bao gồm sự chết đền tội cho nhân loại của Chúa Giê-su theo như lời Kinh Thánh; Ngài được chôn trong mộ và đến ngày thứ ba Ngài sống lại như lời Kinh Thánh đã tiên báo.
2/ Nếu một người không kiên trì tin tưởng Phúc Âm của Chúa cho đến cuối cùng, người đó sẽ không được cứu rỗi.
3/ Ba nguồn nhân chứng của Phúc Âm là truyền thống của các hội thánh đầu tiên, sự chứng kiến Chúa sống lại của mười hai Sứ Đồ và trên 500 môn đệ của Chúa; sau cùng Chúa Giê-su phục sinh đã hiện ra cho Phao-lô, một kẻ chống đạo Chúa.
4/ Một bác sĩ  y khoa kiêm khoa học gia đã nghiên cứu sự tra tấn của lính La Mã và hình phạt đóng đinh trên cây thập tự cho biết rằng một người đã bị tra tấn và đóng đinh như Chúa Giê-su không thể nào sống nỗi. Chúa Giê-su thật sự đã chết.
5/ Nếu các môn đệ của Chúa ăn cắp xác thì khi họ truyền giảng Chúa Giê-su sống lại tức là họ đã truyền giảng một điều láo khoét; đây chính là tội lỗi họ dạy không nên làm. Các môn đệ Chúa đã chứng tỏ một đời sống đạo đức cao, không thể làm điều dối trá đó. Nếu những người chính quyền ăn cắp xác Chúa thì khi môn đệ Chúa giảng dạy Chúa Giê-su đã sống lại ; họ chỉ cần đem xác Chúa ra để bác bỏ Phúc Âm, cần gì phải cấm đoán hay giết hại họ.
6/ Phúc Âm mà tôi nghe và tin ngày nay tại hội thánh tôi đúng y như Phúc Âm của Phao-lô giảng dạy cho tín hữu Cô-rinh-tô.
Nếu Phúc Âm mà giáo hội hay hội thánh tôi giảng không đúng y như Phúc Âm của Phao-lô truyền giảng, tôi sẽ không tin và không theo vì nó sẽ khôngcứu rỗi và không ích lợi gì cho tôi.
7/ Điều đáng tin cậy của Phúc Âm là vì nó là một sự kiện lịch sử có thật và được nhiều nhân chứng đáng tin cậy truyền lại. Và một yếu tố  quan trọng khác là chính tôi chứng nghiệm được tất cả những sự thật mà Phúc Âm tuyên bố.

**Bài 28
Hy Vọng Phục Sinh của Tín Hữu (1Cor 15:12-34)**

1/ Những người không tin vào sự sống lại của con người vào ngày phán xét là sai lầm vì Chúa Giê-su, một con người bằng xương bằng thịt như chúng ta, đã chết và sống lại với đầy đủ bằng chứng xác thực.
2/ Tôi tin rằng tôi sẽ được sống lại và vào nước vinh hiển với Chúa Giê-su vì Chúa Giê-su đã sống lại và Ngài hứa sẽ ban cho ai tin cậy Ngài sẽ được sống lại như Ngài và vào Nước vĩnh hằng với Ngài.
3/ Chúa Giê-su là một người hoàn toàn như loài người nhưng Ngài đã chết và sống lại; Ngài không đầu thai thành một người khác hay trở thành này nọ như thuyết luân hồi đã dạy. Nếu sự phục sinh của Chúa Giê-su là một sự thật lịch sử thì thuyết luân hồi không thể đúng.
4/ Nếu Chúa Giê-su không sống lại và tuyên xưng công chính cho người tin Ngài thì tất cả nhân loại phải sống trong tội lỗi và sẽ chết trong tội lỗi của họ.
5/ Chúng ta khôngsống cho đời sống tạm bợ này mà thôi vì chúng ta hy vọng vào đời sống vĩnh cửu vinh hiển trong tương lai với Chúa.
6/ Hy vọng, phước hạnh và vinh hiển trong nước vĩnh hằng là tolớn vĩ đại vô cùng vì thế một số con dân của Chúa có thể hy sinh đời sống tạm bợ này để hưởng đời sống vĩnh phúc trong tương lai. Phao-lô cho rằng những tai họa, khổ nạn của đời này chỉ là nhẹ và tạm so với sự sống vĩnh phúc với Chúa.
7/ Người không tin vào sự phục sinh của Chúa Giê-su và của tín hữu vào ngày tận thế  sẽ phạm hai tội, thứ nhất là vô tín và thứ hai là thiếu hiểu biết Đức Chúa Trời.

**Bài 29
Thân Thể Phục Sinh (1Cor 15:35-49)**

1/ Phao-lô mắng tín hữu Cô-rinh-tô là khờ dại vì những bằng chứng ngoài thiên nhiên như hạt giống và chính Chúa Giê-su đã sống lại vẫn chưa mở mắt họ để họ hiểu biết giáo lý quan trọng này.
2/ Ví dụ về hạt giống cho thấy vật chất khi chết đi vẫn có thể phục hồi bằng một hình thức khác tốt đẹp và vinh quang hơn vì Đức Chúa Trời có quyền làm như thế. Như vậy con người cũng có thể sống lại bằng một thân thể mới thiêng liêng.
3/ Ví dụ về A-đam cho thấy người chỉ mang bản chất A-đamsẽ chết như A-đam nhưng ai mang bản chất của Con Đức Chúa Trời, là bản chất thiêng liêng, vĩnh cửu sẽ được Chúa ban cho bản chất thiêng liêng mới đó.
4/ Lý luận cho rằng chết là hết hoàn toàn không hợp lý vì chính Chúa Giê-su đã chết và sống lại. Sự phục sinh của Chúa Giê-su là một bằng chứng lịch sử cụ thể được nhiều người chứng kiến. Vì thế tin cậy sự phục sinh là một điều hợp lý vì có bằng chứng và nhân chứng đáng tin cậy.
5/ Chúng ta tin rằng tín hữu sẽ được sống lại vinh quang vì Chúa Giê-su đã sống lại và Ngài hứa ban cho con dân Ngài sự sống mới đó.
6/ Chỉ có tínhữu của Chúa Giê-su mới được phục sinh vinh quang vì đã được Ngài ban cho sự sống phục sinh vinh quang đó khi họ tin nhận Ngài. Những người khác, không tin Chúa sẽ phải bị đoán phạt trong ngày tận thế.
7/ Sự sống phục sinh có nhiều đặc tính qúy gía như:
-thiêng liêng
-vĩnh cửu
-bất tử
-quyền năng
-không hư hoại
-vinh quang

**Bài 30
Chiến Thắng Sự Chết (1Cor 15:50-58)**

1/Sự huyền nhiệm Phao-lô nói đến ở đây là sự phục sinh và biến hóa của tín hữu khi Chúa Giê-su tái lâm.
2/ Khi Chúa Giê-su tái lâm tất cả tín hữu đã chết sẽ được phục sinh với một thân thể thiêng liêng như Chúa.
3/ Nếu một tín hữu còn sống khi Chúa đến, tín hữu đó sẽ được biến hóa thành thân thể thiêng liêng để sống trong nước thiên đàng với Chúa.
4/ Tín hữu phải được phục sinh hay biến hóa thành thân thể thiêng liêng mới có thể sống trong nước thiên đàng thiêng liêng vĩnh cửu. Thân thể phàm tục không thể sống trong nước thiên đàng vinh quang, vĩnh cửu.
5/ Tôi tin chắc rằng tôi sẽ được phục sinh hay biến hóa thành con người thiêng liêng để sống trong thiên đàng vì Lời Chúa xác nhận như thế và vì Chúa Giê-su đã sống lại và sẽ trở lại để đem chúng tôi vào Nước Thiên Đàng với Ngài. Chúa Giê-su phục sinh là một bằng chứng lịch sử xác thực; tất cả những lời phán của Chúa đều đúng vì thế lời hứa của Ngài cũng sẽ đúng.
6/ Theo Kinh Thánh nguyên nhân của sự đau khổ, chết là sự đau khổ nhất, là tội lỗi.
7/ Loài người không thể làm theo Kinh Luật(luật pháp) để được cứu rỗi vì Kinh Luật chỉ có thể chỉ rõ bản chất tội lỗi của con người nhưng không có quyền năng để tẩy sạch tội lỗi cho con người.
8/ Đức tin trong Chúa Giê-su mới có thể cứu rỗi con người vì Chúa Giê-su đã chết thay cho loài người và Ngài đã sống lại, chiến thắng sự chết nên Ngài mới có thể ban cho con người sự sống mới bất tử, vinh quang.
9/ Đa số những tín hữu thật của Chúa không còn sợ chết vì họ có sự sống phục sinh của Chúa, sự chiến thắng cái chết, trong lòng và chờ đợi sự phục sinh hay sự biến hóa thành người thiêng liêng khi Chúa tái lâm.
10/ Tín hữu của Chúa nên hăng hái, vững lòng phục vụ Chúa vì biết rằng mình sẽ được phục sinh hay biến hóa thành người mới, thiêng liêng và nhận phần thưởng cho những gì mình đã làm cho Chúa trong đời sống hiện tại khi Chúa Cứu Thế trở lại.

**Bài 31
Quản Trị Tiền bạc, Cơ Hội và Nhân Sự**

1/ Vì dâng hiến tiền bạc là sự đáp ứng lại những ân sủng lớn lao Chúa đã ban cho tín hữu. (2Côr 8:1,5) Trước hết tín hữu dâng hiến đời sống mình cho Chúa và dâng những gì mình nhận được để phục vụ Chúa.
2/ Phao-lô khuyến khích tín hữu Hy Lạp (Cô-rinh-tô) dâng hiến giúp đỡ tín hữu hội thánh Giê-ru-sa-lem là để giữ mối tương thông giữa hai dân tộc trong hai hội thánh địa phương khac nhau nhưng trong một hội thánh phổ quát của Đức Chúa Trời. Sự cứu rỗi đến từ người Do Thái (Chúa Giê-su là người Do Thái), Phao-lô cũng là người Do Thái cho nên đây cũng là một cách để đền ơn thuộc linh bằng phương tiện vật chất.
3/ Nếu có; đây là một điều tốt và phải lẽ vì chúng ta cùng ở trong một thân thể của Chúa Cứu Thế.
Nếu không, đây là một điều thiếu xót vì đa số những tín hữu của hội thánh hải ngoại đều có một đời sống khá cao so với những anh chị em của chúng ta trong Chúa tại quê nhà.
4/ Đa số những tín hữu tại Cô-rinh-tô có lẽ là những nô lệ không có tài sản hay lợi tức gì nhiều; dù vậy Phao-lô khuyên mọi người đều nên dâng hiến tùy khả năng của mình. Phao-lô không khuyên hội thánh Cô-rinh-tô dâng phần mười vì đa số họ không phải là người Do Thái.
Chúng ta đa số là những người ngoại quốc được cứu nhờ ân sủng, bởi đức tin, không phải người Do Thái để phải theo luật pháp. Tuy nhiên chính Chúa Giê-su đã khuyên những người Do Thái hãy sống theo tình yêu thương nhưng cũng đừng bỏ việc dâng phần mười (Math 23:23).
Ngoài ra việc dâng một phần mười lợi tức của mình cho Chúa là một truyền thống đã có trước thời luật pháp Môi-se. Áp-ra-ham đã dâng một phần mười chiến lợi phẩm của mình cho thầy tế lễ của Đức Chúa Trời Chí Cao (Sáng 14:20). Vào thời đó dân của một nước phải dâng một phần mười hoa lợi của mình cho vua. Ngày nay nếu một người thật sự tin nhận Chúa Cứu Thế làm Đấng cứu rỗi và Chúa Tể (vua) đời sống mình, người đó đã nhận được đời sống vĩnh phúc ngay trong đời này lẫn đời đời, thì việc người đó dâng hiến lại một phần mười lợi tức vật chất cho Vua thiên thượng của mình để lo phát triển Thiên Quốc là một điều tự nhiên và bình thường như những công dân thời cổ vậy thôi. Một phần mười có thể được coi như một tiêu chuẩn để tín hữu dâng hiến nhưng không phải là một luật chúng ta phải theo.
5/ Phao-lô dùng cụm từ “ngày đầu tuần lễ” là nhóm từ đặc biệt để chỉ ngày Chúa Nhật các tin hữu nhóm họp thờ phượng Chúa. Công Vụ 20:7 và Khải 1:10 cũng nói đến những buổi thờ phượng Chúa. Ngoài ra lịch sử ngoài Kinh Thánh cũng đề cập đến buổi thờ phượng của tín hữu vào ngày thứ nhất trong tuần lễ. Tín hữu ngoại quốc chọn ngày thứ nhất để thờ phượng Chúa vì đó là ngày Chúa sống lại từ cõi chết.
6/ Phao-lô truyền cho hội thánh phải cử một ủy ban lo việc quản trị và chuyển tiền đến hội thánh Giê-ru-sa-lem.
7/ Phao-lô đã giảng và lập hội thánh Cô-rinh-tô mà không nhận thù lao; vì thế bây giờ họ nên hỗ trợ ông để truyền giảng cho những dân tộc khác; đây chỉ là một việc trả ơn.
Ngoài ra một tín hữu hay một hội thánh mà không gieo ra thì cũng sẽ không có gì để gặt.
8/ Khi Phao-lô thấy người Ê-phê-sô mở lòng tin nhận Chúa và ông vẫn còn tự do để truyền giảng Phúc Âm; đó chính là cơ hội, cánh cửu đang mở rộng, dù cũng có những ngườ chống đối. Thật ra hầu hết những cánh đồng Phao-lô đến truyền giảng đều có sự chống đối.
9/ Phao-lô muốn hội thánh cũng khuyến khích, nâng đở những người trẻ phục vụ Chúa như họ đã hỗ trợ ông.
Ngày nay chúng ta thiếu rất nhiều người trẻ phục vụ Chúa trọn thì giờ vì thiếu sự nâng đỡ, khuyến khích và hỗ trợ của hội thánh.
10/ Dù có một số người chống đối Phao-lô nhưng cũng có những người như gia đình Sê-pha-na trung thành, hỗ trợ Phao-lô vì thế Phao-lô được an uỉ, tươi tĩnh trở lại.
11/ Hội thánh Cô-rinh-tô dù có nhiều nan đề nhưng họ đã làm theo những nguyên tắc sau nên họ vượt qua khó khăn, chiến thắng mọi nan đề , phát triển và trường tồn cho đến ngày nay:
a/ Tĩnh thức trước những âm mưu, hoạt động của kẻ thù. Họ nhận thức được sự sai lầm, tội lỗi để ăn năn, điều chỉnh.
b/ Họ vững vàng trong đức tin đúng đắn và thực hành đức tin với lòng tin quyết.
c/ Họ can đảm nhận sự sai lầm, tội lỗi và tà giáo và can đảm đối diện với kẻ thù chống đối.
d/ Tín hữu Cô-rinh-tô mạnh mẽ sống theo đức tin nên Chúa thêm sức cho họ hoàn thành sứ mệnh.
e/ Mọi sự người Cô-rinh-tô đã thực hành trong tình yêu thương. Phao-lô đã nói đến tình yêu thương ở chương 13. Trong phần kết thúc ông đã nhấn mạnh: “Ai không yêu mến Chúa, người ấy đáng bị nguyền rủa”. Đối với Phao-lô người không yêu mến Chúa là người không tin Chúa vì thế họ vẫn là người bị đoán xét như người ngoại đạo.

Người yêu mến Chúa cũng sẽ yêu mến người hư mất vì đó chính là lý do Chúa Cứu Thế hy sinh chết thế cho họ